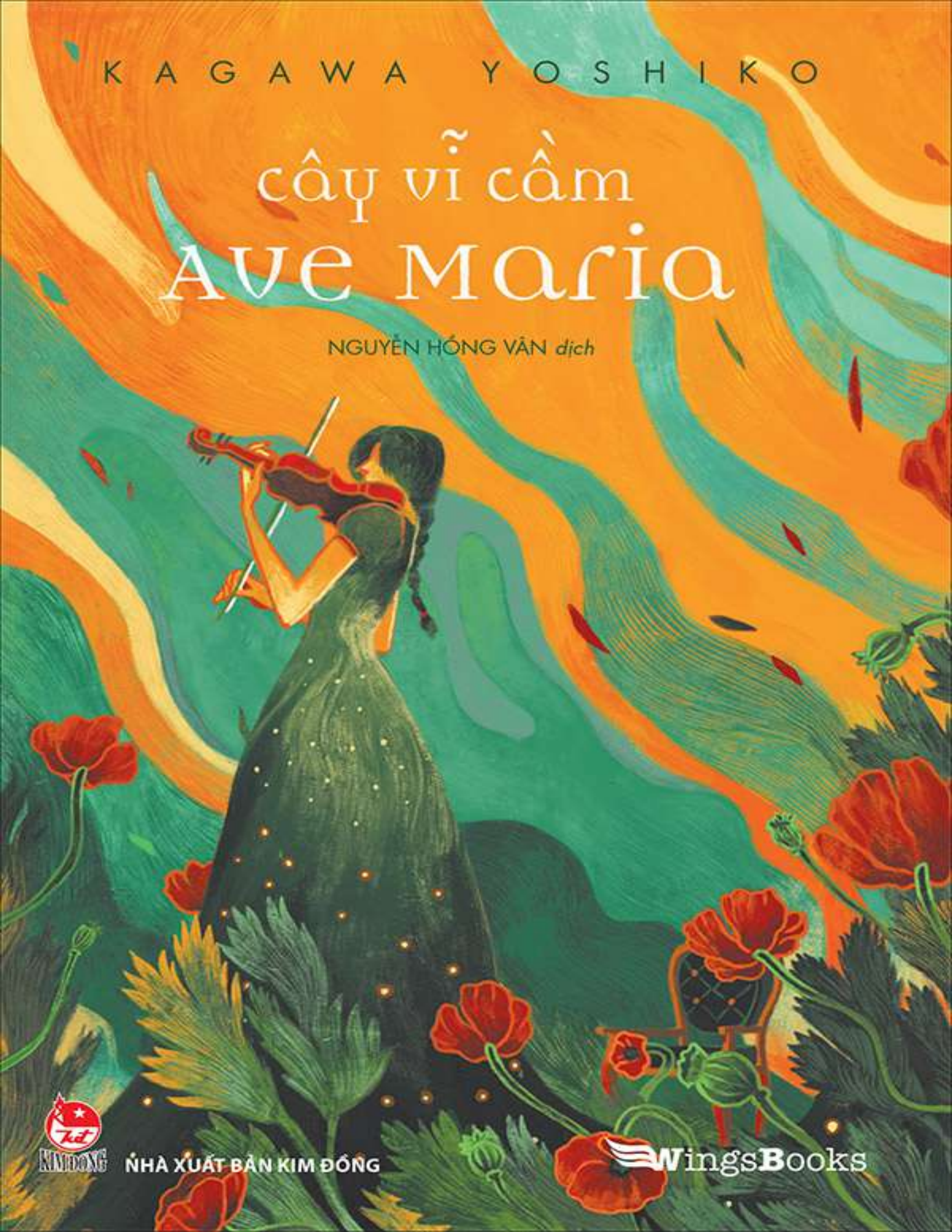


K A G A W A Y O S H I K O

cây vĩ cầm  
Ave Maria

NGUYỄN HỒNG VĂN dịch



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

 WingsBooks

KAGAWA YOSHIKO

**CÂY VĨ CẦM AVE MARIA**  
**• Ave Maria no Violin •**

Nguyễn Hồng **Vân** dịch

Phát hành: WingsBooks  
Nhà xuất bản Kim Đồng

ebook©vctvegroup

## ***Giới thiệu nhân vật***

**Asuka:** Nữ sinh trung học mười bốn tuổi, sống tại Tokushima, học đàn violin từ khi còn nhỏ.

**Kiyohara:** Người bán nhạc cụ trong thành phố và là người đã giới thiệu “Cây vĩ cầm Ave Maria” cho Asuka.

**Kalzas:** Nhạc công sống tại Ba Lan, người kể cho Asuka nghe về nguồn gốc của “Cây vĩ cầm Ave Maria”.

**Hannah:** chủ nhân của “Cây vĩ cầm Ave Maria”, một thiếu nữ mười bốn tuổi người Do Thái.

**Klaus:** Nhạc công người Đức, theo chân gia đình Hannah tới Trại tập trung.

**Arles:** Nhạc công người Do Thái, cũng là người chỉ huy dàn nhạc của các tù nhân nữ trong Trại tập trung.

**Leo:** Nhạc công cello người Ba Lan trong dàn nhạc tù nhân của Klaus ở Trại tập trung.

**David:** Tù binh người Đức ở Trại tập trung Bando. Người làm bánh trong trại.

**Paul:** Tù binh người Đức ở Trại tập trung Bando. Người đã tạo ra “Cây vĩ cầm Ave Maria” trong Trại tập trung.

# Khúc dạo đầu

## TÔI

Từ trước đến giờ, tôi vẫn sống ngày qua ngày trong hờ hững. Tôi đến trường vì tất cả mọi người đều tới đó, rồi bằng cách này hay cách khác, tôi cũng kết bạn được với lũ trẻ ở quanh mình.

Tôi học vì không muốn bị mẹ rầy la và tôi giả vờ làm người tốt vì không muốn bị tách biệt với chúng bạn.

Chẳng có một động lực, một sự khuấy động nào sục sôi trong lòng khiến tôi ao ước được làm một điều gì đó. Thế nên, tôi cứ mãi sống trong thế giới hiện tại, giữa môi trường được ấn định cho mình với tầm nhìn hạn hẹp của một cô bé con mười bốn tuổi.

Tôi không cho rằng đi đâu đó là kì cục, và tôi nghĩ ai cũng vậy cả thôi. Thậm chí tôi còn có cảm giác sau này mình sẽ tiếp tục sống như vậy mãi.

Phải, chuyện là thế cho đến khi vận mệnh giúp tôi gặp được cây đàn violin đó...

# **Chương I**

## ASUKA

# 1.

Có khoảng năm phút nghỉ giữa giờ tính từ lúc kết thúc tiết sinh hoạt chung buổi sáng của giáo viên chủ nhiệm cho tới khi bắt đầu tiết một. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi lớp học trở nên xôn xao đó, Ayumi ngẩng bàn trên quay hẳn người xuống rồi hỏi tôi.

“Asuka, cậu đã quyết định sau này sẽ học tiếp gì chưa?”

Ayumi là bạn đồng thời là hàng xóm của tôi từ thuở lọt lòng, và ngay cả bây giờ, khi chúng tôi đã lên lớp tám, cậu ấy vẫn là người bạn thân nhất trong lớp.

Chúng tôi khá bận bịu với mấy vụ như “tám” về những bộ truyện tranh cả hai cùng mê mẩn, cho nhau mượn các quyển tạp chí tuổi *Teen*. Gần đây, khi Ayumi thích một anh chàng, cả hai còn cùng nhau đi cổ vũ trận đấu bóng đá của cậu ta nữa.

Tay cầm bản điếu tra nguyện vọng được phát trong giờ sinh hoạt chung sáng nay, Ayumi đầy bối rối nhìn sang tôi.

“Học tiếp à... Ờ...”

Tôi cũng đang bối rối lắm chứ.

Tôi cũng có mong muốn của mình, nhưng bản thân tôi hiểu rất rõ, chẳng có điều gì dễ dàng tới mức chỉ cần muốn là được. Hơn nữa, việc khó khăn nhất chính là thuyết phục được mẹ tôi. Thậm chí ngay lúc này tôi cũng chẳng biết rõ, liệu đây có phải điều tôi muốn làm tới mức cãi lời mẹ hay không.

“Giá như được tiếp tục chơi violin thì tốt quá...”

“Vậy cậu không theo nghiệp bố à?”

Bố tôi là bác sĩ. Từ khi còn nhỏ, cứ hễ nhắc tới việc bố tôi làm bác sĩ, mọi người xung quanh đều nhìn tôi với ánh mắt chắc mẫm rằng tôi sẽ nối nghiệp bố mình. Nhưng nghề bác sĩ đâu giống các bộ môn nghệ thuật truyền thống, đó chẳng phải nghề cha truyền con nối.

“Ừ, tớ không theo đâu. Tớ định kết hôn năm hai mươi tư tuổi mà. Sau đó tớ sẽ ở nhà làm nội trợ.”

“Khoan, chờ chút, cậu chỉ được chọn một thôi. Hoặc là nghệ sĩ violin, hoặc là bà nội trợ.”

“Không chọn có được không?”

Nghe tôi hỏi vậy, Ayumi tỏ ra ngỡ ngàng.

“Đời này làm gì có chuyện cậu có thể vừa làm nghệ sĩ violin vừa làm bà nội trợ chứ. Ngay như chị họ tớ đây này, chị ấy mới sinh con, vừa chăm em bé, vừa đi làm vất vả lắm đó.”

“Vậy à...”

Tôi vốn không nghĩ công việc của các bà nội trợ lại vất vả tới vậy và tôi cũng chưa hề xác định mình muốn có mối liên hệ đến mức nào với đàn violin trong tương lai.

Nói thật lòng, tôi chưa từng suy nghĩ kĩ càng về tương lai đến mức ấy.

“Nhưng chẳng phải mẹ cậu mong cậu sẽ trở thành bác sĩ hay sao, Asuka? Mẹ tớ từng nói như thế đấy. À, mà nhắc tới mẹ cậu...”

Nói đến đó, Ayumi phì cười.

“Hôm qua đúng là đại loạn nhì. Biết Asuka trốn tập một cái là bác ấy nổi giận đùng đùng.”

Chắc đang nhớ lại chuyện hôm qua, Ayumi vừa nói vừa cười sảng sặc.

Hôm qua, tan học một cái là tôi đến thẳng nhà Ayumi chơi, nên trì hoãn buổi tập violin hằng ngày. Ngay khi biết chuyện, mẹ tôi chẳng thèm làm những việc buồn tẻ kiểu như đến nhà Ayumi để đón tôi về, mà đứng nguyên trong nhà hướng mặt ra ngoài hét gọi tên tôi vang vọng cả khu phố.

Tiếng gọi giận dữ “ASUKA!” như cất lên từ địa ngục làm tôi sợ bủn rủn cả người, vội vội vàng vàng ba chân bốn cẳng chạy về nhà ngay lập tức.

“Mẹ muốn tớ thành bác sĩ nhưng cứ mỗi lần tớ trốn tập đàn là lại làm ồn ã cả lên... Người muốn thành nghệ sĩ violin là mẹ chứ có phải tớ đâu.”

“Mẹ cậu biết chơi đàn violin à?”

“Không biết, nhưng hồi mẹ tớ còn nhỏ, ở gần nhà có một chị chơi đàn violin rất giỏi và mẹ tớ cực kì ngưỡng mộ người đó. Hình như mẹ từng nói



rằng muốn học đàn violin nhưng bị gia đình phản đối nên ước mơ không thành hiện thực.”

“VẬY Ờ? NGHĨA LÀ MẸ CẬU VỐN RẤT MÊ ĐÀN VIOLIN NHỈ.”

“Ừ, VẬY ĐẤY. NHƯNG MÀ, Ờ THÌ... BÂY GIỜ TỚ CŨNG MUỐN TRỞ THÀNH NGƯỜI LÀM VIỆC GÌ ĐÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐÀN VIOLIN Ờ. TỚ MÀ NÓI MUỐN TRỞ THÀNH GIÁO VIÊN DẠY ĐÀN KIỂU GÌ CŨNG BỊ PHẢN ĐỐI NGAY CHO MÀ XEM.”

Tôi học piano từ năm hai tuổi, năm ba tuổi bắt đầu học violin, đến giờ cũng được hơn mười năm. Hiện nay tôi đã có thể chơi được “Chaconne”\* của Vitali\* mà không cần nhìn bản nhạc, trình độ ở mức trên trung cấp. Trong số những đứa trẻ có định hướng chơi nhạc chuyên nghiệp, tiến bộ như tôi không phải nhanh chóng hay chậm chạp gì, chỉ ở mức trung bình thôi.

Nếu thật sự đặt mục tiêu trở thành một nghệ sĩ chơi violin, tôi cần tập luyện nhiều hơn mới phải. Thực tế, trên cả nước Nhật, số lượng những cô cậu đồng trang lứa tập đàn với cường độ gấp mấy lần tôi nhiều không đếm xuể.

“NHƯNG ASUKA, CẬU ĐƯỢC GỌI LÀ THIÊN TÀI CÒN GÌ? CÁI NÀY CŨNG LÀ TỚ NGHE MẸ TỚ BẢO VẬY, CÓ ĐIỀU CẬU TỪNG ĐƯỢC THẦY GIÁO DẠY VIOLIN GIỚI THIỆU ĐẾN HỌC ĐÀN Ở TOKYO, ĐÚNG CHỨ?”

“ỪM... TỚ GỌI LÀ CÓ NĂNG KHIẾU SO VỚI NHỮNG BẠN KHÔNG BIẾT CHƠI ĐÀN VIOLIN, NHƯNG CÓ ĐẦY NGƯỜI TRÌNH ĐỘ NHƯ TỚ.”

H Ồ TÔI HỌC LỚP BA, THẦY DẠY ĐÀN VIOLIN TỪNG ĐỀ NGHỊ “KHOẢNG MỘT THÁNG MỘT LẦN LÊN TOKYO TẬP ĐÀN THÌ EM THẤY THẾ NÀO?”

Đối với đứa trẻ sống ở Tokushima vùng Shikoku như tôi, Tokyo như một thành phố trong mơ. Lúc đó tôi chỉ đơn thuần cảm thấy hạnh phúc vì được tới Tokyo. Tôi đến lớp mà thầy giới thiệu để học violin đúng một lần. Tôi vẫn còn nhớ mình đã trở về nhà với những giọt nước mắt vì bị áp đảo bởi những người bạn học cùng hôm đó có trình độ quá cao.

Tôi từng lấy làm tự tin vì được mọi người ở một thành phố bé nhỏ vùng Shikoku gọi là “thiên tài” nên khi đứng trước những thiên tài thật sự, tôi đã phải nhận một cú sốc nặng nề, cảm tưởng như đầu mình vừa bị đánh một đòn đau điếng. Đó là thời khắc tôi nhận ra mình chẳng phải thiên tài gì cho cam, mà chỉ khéo léo hơn bình thường một chút.

Tôi bỗng thấy xấu hổ khi từ trước tới nay vẫn tự phụ vì được khen là thiên tài và nếm trải cảm giác mình thật đáng thương. Và lại, đi đâu khiến tôi sợ hãi hơn cả là mẹ tôi biết được tôi không phải là một thiên tài.

Tháng sau đó, mẹ vẫn định dẫn tôi đi Tokyo, nhưng tôi làm ầm ĩ lên, nói rằng dù có chuyện gì cũng nhất quyết không đi và ở lì trong phòng. Dù mẹ hỏi lí do, tôi vẫn cương quyết không chịu nói. Có lẽ mẹ cũng cảm nhận được đi đâu gì đó qua cách hành xử của tôi, vì thế không bắt ép tôi nữa.

Mọi chuyện tiếp diễn như vậy được mấy tháng, mẹ cuối cùng cũng bỏ cuộc, và từ đó về sau chúng tôi không còn nhắc lại chuyện lên Tokyo học đàn.

Tôi không hề ghét bỏ đàn violin, tôi chỉ không muốn đặt mục tiêu trở thành nghệ sĩ chuyên nghiệp mà đơn thuần mong rằng mình có thể tự do chơi violin thật vui thêm một thời gian nữa.

Vậy nên khi được hỏi về nguyện vọng trong tương lai, tôi chỉ có thể trả lời rằng mình muốn làm công việc nào đó có thể chơi đàn violin, chứ không phải là một nhạc công. Cũng từng có lúc tôi nghĩ có lẽ mình nên trở thành bác sĩ giống như những gì mẹ nói, biết đâu như vậy mới tốt.

“Giờ mà tôi viết vào ‘Phiếu đi đâu tra nguyện vọng’ là muốn vào khoa Âm Nhạc chắc mẹ sẽ nổi giận đùng đùng mất...”

Trước đây, khi tôi còn được gọi là thiên tài, hình như mẹ cũng áp ủ nguyện vọng con gái trở thành một nghệ sĩ chơi nhạc. Nhưng kể từ thời điểm tôi quyết định không theo học lớp đàn của thầy giáo danh tiếng tại Tokyo, đồng nghĩa với việc tôi đã từ bỏ ước mong trở thành nhạc công chuyên nghiệp.

Dù vậy, lí do mẹ vẫn cho phép tôi tiếp tục học đàn là bởi mẹ không muốn tôi trở thành một con người lệch lạc chỉ biết đến học hành.

Nói đến mẹ tôi lúc này, dù vẫn còn hơn một năm nữa mới đến lúc tôi dự thi trung học phổ thông, nhưng mẹ đã bắt đầu thu thập hết mọi thông tin tuyển sinh của các trường trung học danh tiếng và những trường dạy thêm chất lượng cao, mẹ còn đưa tôi đi tham gia các buổi tham quan trường. Mẹ dường như hoàn toàn tin tưởng tương lai tôi sẽ theo học ngành Y, không mảy may nghi ngờ gì cả.

Đâu phải tôi hoàn toàn không có ý muốn trở thành bác sĩ, nhưng giữa lúc bản thân tôi còn chưa xác định rõ những cảm xúc của mình, nếu mẹ cứ chạy trước đón đầu và dõn mọi quyết định cho tôi, tôi sẽ cực kì khổ sở để tiếp nhận chúng.

Tôi biết nói ra tất cả những đi đầu này chắc chắn sẽ khiến mẹ nổi giận nên tôi chọn cách giữ im lặng. Dù vậy, tôi vẫn nhận thấy rõ khoảng cách giữa tôi và mẹ về việc tôi muốn làm hay người tôi muốn trở thành.

“Dù gì thì cũng đừng chạy sang nhà tớ trốn nếu hai mẹ con cậu cãi nhau nhé. Cậu mà làm thế e là mẹ Asuka sẽ giận lây tớ mất.”

Là người hiểu rõ tình hình hai mẹ con tôi ngày ngày lục đục quanh chuyện tập đàn violin, Ayumi nói với vẻ chọc gheo kèm theo một nụ cười toe toét.

## 2.

Ngày hôm đó cửa hàng bán nhạc cụ quen thân liên lạc với tôi báo tin có một cây violin tốt ở cửa hàng.

Dù người ta vẫn nói rằng với đàn violin phải cần có duyên gặp gỡ, khi mua cây đàn hiện nay hồi năm cuối tiểu học, nói thật tôi không được vừa lòng cho lắm.

Những chiếc đàn do người ở cửa hàng giới thiệu đều phát ra âm sắc tốt, nhưng nếu để đi thi thì âm thanh ấy vẫn có gì đó chưa đủ. Tôi thực không sao thích nổi thứ âm thanh dày đục và vô vị nghe như những chiếc đàn violin đờ chơi đang dần phổ biến gần đây.

Ngược lại, người mẹ không hiểu rõ lắm về đàn violin của tôi thì có vẻ ái ngại bằng giá lên đến triệu yên của nó hơn là âm sắc. Trong đám trẻ đạt thứ hạng cao ở cuộc thi đàn, không ít đưa sở hữu những chiếc đàn trên mười triệu yên và hình như chúng một mực tin rằng phải dùng những chiếc đàn đắt tiền thì mới có thể biểu diễn tốt.

Tôi đã mua chiếc đàn hiện tại với điều kiện, sẽ đổi sang cái khác khi cửa hàng nhập về được chiếc đàn tốt hơn.

Đúng là âm thanh của một chiếc đàn đắt tiền rất hay, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng, việc âm thanh tương xứng với giá trị đó hay không lại phụ thuộc vào tài nghệ của người biểu diễn.

Không phải vì đàn violin tốt lên mà tôi có thể chơi hay vượt bậc. Vậy nên, chẳng thể có chuyện tôi vừa đổi đàn một cái là vào được nhóm dẫn đầu trong các cuộc thi giống như mẹ tôi mừng tượng. Tôi phấn khởi vui mừng chỉ vì sắp được gặp một cây đàn violin mới.

Với đứa trẻ sống nơi làng quê nhàm chán như tôi, cuộc gặp gỡ với một cây đàn mới đã là một tin tuyệt vời.

“Cháu nghe nói cửa hàng có nhập đàn violin cỡ vừa.”

Tôi vừa bước vào cửa hàng nhạc cụ, một người đàn ông xưng tên Kiyohara liền đi ra.

Tên cửa hàng là “Tiệm nhạc khí Kiyohara” nên có lẽ người này là chủ tiệm.

Lần cuối tôi tới cửa hàng là ba năm về trước, nên tôi đã quên hẳn gương mặt người nhân viên tiếp đón lúc bấy giờ. Nhưng theo tôi cảm nhận thì người đàn ông khoảng bốn năm này có vẻ ngoài vẫn còn trẻ trung, trông như một người anh đáng tin cậy.

“Chúng tôi đang đợi quý khách. Hai vị đây là Murakami Asuka và mẹ cháu phải không ạ? Xin mời vào bên trong.”

Bên trong cửa hàng không chỉ có violin mà còn bày rất nhiều đàn viola, cello, contrabass. Đây hẳn là một cửa hàng có tiếng mà bất cứ người chơi đàn dây nào ở Tokushima đều từng phải ghé qua ít nhất một lần. Vào sâu trong cửa hàng, chúng tôi thấy trên bộ bàn ghế tiếp khách được sắp xếp như phòng họp đã bày sẵn bốn chiếc đàn violin.

Đàn violin cổ không chỉ mang ý nghĩa đơn giản là những chiếc đàn cũ. Vì đàn cổ là những chiếc đàn được làm ra cách đây hàng trăm năm, từng qua tay rất nhiều người chơi đàn, nên âm thanh phát ra rất tuyệt. Trải qua thời gian dài, gỗ của thân đàn khô đi, khiến cho âm thanh cũng đậm hơn. Và đương nhiên, so với những chiếc đàn mới, đàn cổ chỉ còn lại rất ít nên giá trị của chúng lại càng lớn.

“Ôi...”

Khi tôi định vươn tay về phía một cây violin xếp trước mặt, mẹ liền đe tôi bằng giọng nghiêm khắc.

“Này, đừng có đụng vào vội!”

“Không được chạm vào ạ?”

Tôi biết chắc mẹ sẽ cấm đoán bèn quay đầu lại hỏi chú Kiyohara.

“Được chứ. Asuka, cháu cứ chơi thử chiếc nào cháu thích đi.”

“Tuyệt quá. Chơi gì bây giờ. ‘Twinkle Twinkle Little Star’\* được không nhỉ.”

Tôi nhắc chiếc violin gần mình nhất lên, kiểm tra xem dây đàn đã được chỉnh chưa.

“‘Twinkle Twinkle Little Star’ nghe trẻ con quá, sao con không chơi bản dạo này con đang luyện ấy?”

“VẬY CON CHƠI ‘Chaconne’ NHÉ.”

Sau khi kéo đàn một hồi, tôi lại tiếp tục chơi bản nhạc đó với cây đàn tiếp theo.

Tôi cứ chơi liên tục hết ba cây đàn, trước khi cầm đến chiếc đàn cuối cùng thì chú Kiyohara lên tiếng hỏi.

“Cháu thấy thế nào?”

“Ừm... Chiếc đầu tiên âm thanh tròn trịa, cháu rất thích. Nhưng dây Rê hơi cứng và khó phát ra âm. Chiếc thứ hai không có âm nào khó chơi nhưng âm thanh không thanh thoát nên cháu không thích. Chiếc thứ ba thì hoàn toàn không được. Âm thanh đanh quá, lại khó kéo.”

“Thế á? Mẹ lại nghĩ chiếc thứ ba được đấy. Phần nối kim loại vàng trông đẹp đấy chứ.”

Có vẻ mẹ ưng nhất cây đàn violin thứ ba, cái mà tôi vừa mới nói dứt lời là không ổn. Tôi thấy hơi bực với ý kiến của người thích chạy theo một như mẹ.

“Mẹ, giá trị của đàn violin không nằm ở bề ngoài. Phần nối kim loại vàng nếu thích có thể thay được, còn âm thanh cây đàn phát ra thì không thay đổi được đâu.”

Có lẽ vì hiếm có cơ hội chơi thử và so sánh nhiều đàn cổ như vậy, tôi bỗng cảm thấy mình đang mang một sứ mệnh lớn lao là phải truyền đạt tận kẽ tất cả vốn kinh nghiệm và trải nghiệm của bản thân.

“Quả nhiên là Asuka đã chơi violin mười năm liền nên có đôi tai nghe rất chuẩn. Nếu đã vậy, cháu thử chơi nốt chiếc đàn cuối cùng này xem.”

“Ồi, trông nó cũ quá.”

Khác với ba cây đàn kia, cây đàn cuối cùng có những vết màu đậm nhạt khác nhau khắp thân đàn, ở đầu chốt chỉnh âm còn có những vết xước nhỏ.

À không, tuy tưởng là vết xước, nhưng khi nhìn kĩ hơn, tôi phát hiện ra đó là ba chữ cái “D. B. L.” được chạm khắc.

Tôi lật mặt sau đàn, màu sắc từ chỗ thân đàn phình to ở chính giữa đến miếng tựa vai đã chuyển hẳn sang màu vàng.

Nếu nhìn kĩ, những vết hình sọc ấy sẽ tạo cảm giác từng có một thứ giống như nước chảy mòn qua vị trí đó. Nó khiến người ta tưởng tượng ra cảnh người chủ trước đây vừa kéo đàn vừa rơi nước mắt.

“Đúng vậy, trông nó cũ kĩ quá.”

“Người ta cố tình tạo ra nó trông cũ kĩ như vậy đấy, chính vì vậy bề ngoài nó trông như đồ vật từ thế kỉ mười bảy. Chiếc đàn violin này là của Đức, thật ra nó ra đời từ những năm đầu thế kỉ hai mươi nên không cổ lắm đâu. Những vết xước lốm đốm này và màu sắc không đồng đều được tạo ra có chủ đích, làm cho cây đàn nhìn cũ hơn thực tế. Giá trị của chiếc đàn nằm ở chỗ nó được tạo tác khéo léo đến mức nào mà.”

“Ôi, đến vậy cơ à?”

Mẹ tôi thốt lên và cũng chăm chú ngắm nghía chiếc đàn.

Cảm giác như đang cầm trên tay một thứ không rõ nguồn gốc khiến tôi thấy lo lo. Tôi bèn rút rờ kéo cùng lúc dây Mi và dây La.

“Ơ...”

Trong một thoáng tôi tưởng tai mình có vấn đề.

Một âm thanh lơ mơ, dịu dàng vang lên, gần như âm sắc của cây đàn quyện lấp lẩy nhau. Âm thanh trong trẻo, nhưng sự hoà trộn hai bậc âm khiến tiếng đàn nhuốm màu buồn thương.

Thông thường, hiện tượng cộng hưởng nhiều bậc âm phần lớn xảy ra ở những cây đàn có trụ đàn không tốt hoặc lớp vec-ni bên ngoài đánh không đều, hay mặt đàn có vết nứt. Nhưng nghe âm thanh của chiếc đàn, tôi không thể cho rằng đây là một sản phẩm bị lỗi được.

“Sao thế?”

Mẹ ngạc nhiên hỏi khi thấy tôi đang nhòm lom lom vào khe chữ S trên thân đàn.

“Hình như có cái gì đó lạ lắm à...”

“Vậy sao? Mẹ lại thấy âm thanh hay đấy chứ. Asuka, con kéo thêm nữa xem nào.”

Bị mẹ giục, tôi lại bắt đầu chơi bản “Chaconne” giống như với ba cây đàn trước. Chỉ mới chơi một đoạn nhưng tôi ngay lập tức nhận ra thứ này khác biệt hoàn toàn so với bất cứ cây đàn violin nào tôi từng chơi từ trước tới nay.

“Cây đàn này tuyệt quá! Tuyệt vời! Âm thanh quá tuyệt vời.”

“Đúng là vậy. Dù thân đàn chưa đủ độ khô để có thể gọi là dễ chơi, nhưng nếu so với những chiếc đàn có tuổi thọ trăm năm ở Nhật thì cây đàn

này đã được bảo quản ở vùng khí hậu khô nên có thể phát ra âm thanh rất dễ dàng.”

“À, vâng, cũng có thể là như vậy, nhưng cháu thấy còn có gì đó hơn thế...”

“Các âm thường cộng hưởng với nhau khiến cho âm thanh phát ra dễ hơn?”

“Chính xác ạ!”

Khi được chơi cây đàn đặc biệt này dù chỉ một lần thì trong mắt tôi, những chiếc đàn khác đều bị lu mờ. Tôi giờ đây hiểu hơn bao giờ hết câu nói “gặp gỡ đàn violin là do duyên số”.

“Mẹ ơi, con muốn cây đàn này.”

“Con nói muốn thì dễ lắm, nhưng cây đàn tốt thế này, chắc hẳn đắt lắm đây.”

“À vâng thật ra, tôi không có ý định bán chiếc đàn...”

Chú Kiyohara suy nghĩ một lúc rồi mới nói tiếp.

“Nếu cháu thật sự muốn chơi cây đàn, cửa hàng sẽ cho mượn. Mong chị với cháu hiểu cho, chúng tôi không muốn định giá cho cây đàn này.”

“Ôi, một vật quý giá đến vậy thì chúng tôi sao dám cằn cỗi chứ.”

Dù mẹ đã vội vàng từ chối, nhưng lòng tôi vẫn vương vấn cây đàn lạ kì này.

“Đã chơi chiếc đàn này rồi thì con không thể chơi cây đàn nào khác nữa.”

“Đừng đòi hỏi như thế. Con xem, chiếc đàn này tuyệt vời như đàn của nghệ sĩ chuyên nghiệp, cho một đứa lười tập như con mượn thì thật có lỗi với cây đàn.”

“Nhưng thưa chị... Tôi không dám đảm bảo sau này ta còn cơ hội gặp được chiếc đàn violin nào tuyệt vời hơn nữa đâu. Gặp được nhạc cụ của mình là nhờ vào duyên số, nên kể cả khi cháu phải tìm một chiếc đàn để tham gia các cuộc thi thì cũng chưa chắc sẽ gặp được đúng cây mà mình mong muốn.”

Những lời chú Kiyohara nói khiến tôi lại càng muốn có cây đàn hơn. Có thể chú ấy chỉ nói vậy để thuyết phục mẹ tôi vì chú đứng ở góc nhìn



của một người buôn bán nhạc cụ. Nhưng tôi mới là người bị ảnh hưởng khi nghe thấy câu “gặp được nhạc cụ của mình là nhờ vào duyên số”.

“Dù vậy chúng tôi cũng không thể cứ lợi dụng lòng tốt và sự nhiệt tình của anh. Ý tôi muốn nói một thứ đồ có giá trị cao đến thế là không cần thiết đối với một đứa trẻ lười biếng luyện tập.”

“Con sẽ tập đàn luôn từ hôm nay mà. Con năn nỉ đấy...”

“Con có nói thế thì...”

Mẹ đang bối rối, còn chú Kiyohara lại mỉm lòng chấp nhận lời năn nỉ của tôi thay cho mẹ.

“Có đi ầu, chị và cháu mua bảo hiểm cho việc sử dụng cây đàn này được không ạ? Nếu chị Murakami thanh toán phí bảo hiểm hàng tháng cho cây đàn thì cửa hàng chúng tôi cũng vô cùng cảm kích... Sau này, khi Asuka trưởng thành rồi cháu hãy tự mua lại cây đàn nhé.”

“Vâng, nhất định là thế ạ.”

Mẹ tôi hình như vẫn còn lo ngại, nhưng chú Kiyohara lại thay đổi thái độ hoàn toàn và mỉm cười tươi rói rồi.

“Nói thật lòng, tôi nghĩ ngoài Asuka vẫn còn người khác xứng đáng với cây đàn này. Nhưng con bé đã thích cây đàn đến vậy thì hẳn cũng là duyên số. Asuka này, đây là cây violin tuyệt vời nên cháu hãy cố gắng chơi chăm chỉ nhé. Chỉ như vậy, cây đàn mới phát ra những âm thanh hay hơn, cháu phải trân trọng nó.”

Chẳng biết có phải do áy náy khi mượn được cây đàn violin chẳng thể định nổi giá hay không mà tôi luyện tập nhiệt tình hơn hẳn. Trong lòng tôi, mong ước được tự do chơi đàn vẫn mạnh mẽ hơn hết thảy.

### 3.

“Asuka, con muốn lên Tokyo một chuyến không?”

Mẹ đem chuyện đó ra hỏi tôi nửa năm sau khi tôi gặp chiếc đàn violin mới, vừa đúng lúc tháng Mười Hai bắt đầu.

Tôi vừa nhấp miệng vào cốc cà phê sữa cho bữa sáng vừa nhìn thăm dò mẹ. Những chuyện mẹ đem ra nói trước giờ đi học thường không mấy vui vẻ.

“Tokyo ạ?”

Đương nhiên mẹ tôi không nói tới chuyện lên Tokyo để tham quan du lịch. Tôi hiểu rõ đi đâu đó.

“Asuka, con cũng biết mà, ở Tokyo có nhiều trường đại học tốt. Nếu thi vào ngành Y, mẹ nghĩ là tới tham quan trước các trường đại học ở đó từ bây giờ cũng chẳng có gì xấu cả.”

“Mẹ, con chưa bao giờ nói sẽ trở thành bác sĩ.”

Đang dùng bữa sáng mà lại bị ép phải nói những chuyện đau đầu, tôi chẳng còn lòng dạ nào ăn uống nữa.

Tôi đặt miếng bánh mì đang ăn dở vào đĩa rồi buông một tiếng thở dài.

“Con vẫn còn nghĩ đến chuyện kiếm sống bằng cây đàn violin sao? Nghe này, ở Nhật rất hiếm người thực sự trở thành nhạc công chuyên nghiệp. Thậm chí có người chỉ được mỗi cái danh mà không kiếm nổi thu nhập. Trong thế giới khắc nghiệt như vậy, một đứa tằm tằm, vẫn vơ vớ ý nghĩ ‘Hi vọng có thể làm đi đâu gì với cây violin yêu thích!’ như con làm sao có thể tằm tằm tại được?”

“Con biết chứ!”

Tôi có nhiều đi đâu muốn nói, nhưng không thể chuyển chúng thành lời, nên chỉ biết thốt ra một câu đầy vẻ chống đối.

Từ khi đổi sang cây đàn violin mới, cường độ luyện tập của tôi tăng lên đáng kể. Càng tập, càng đối diện với chiếc đàn, tôi càng thấy nhiều thử thách phải vượt qua và tôi cũng biết không phải lúc nào cũng khéo léo xoay sở được.

Càng mong muốn trở thành nhạc công chuyên nghiệp, tôi lại càng thấy mình sắp bị đè bẹp bởi cảm giác đầy bất an. Tôi tự hỏi một đũa với chút ít kĩ thuật như tôi làm sao có thể trở thành một nhạc công chuyên nghiệp. Vậy nên tôi đặt ra một mục tiêu hết sức mơ hồ. Việc tôi chỉ muốn làm công việc liên quan tới đàn violin thực ra là cái cớ để chạy trốn khỏi nỗi sợ của bản thân.

Chính tôi hiểu rõ hơn ai hết con đường trở thành một nghệ sĩ độc tấu violin không hề nhẹ nhàng, đúng như những gì mẹ nói.

“Ai mà biết được con có thể làm bác sĩ hay không cơ chứ?”

Thốt ra câu đó xong, tôi đứng lên, rời khỏi ghế.

“Asuka, vẫn chưa xong bữa mà.”

“Con không ăn nữa. Cảm ơn mẹ đã làm đờ ăn sáng!”

Tôi trở lại phòng mình, túm lấy cặp sách và bước ra chiều nghỉ. Tôi nghe thấy tiếng mẹ với theo sau lưng nhưng làm ngơ và cứ thế đến trường.

Mấy ngày gần đây, tôi cứ nghĩ mãi việc lẽ nào mình chẳng có năng khiếu chơi violin? Đúng là từ khi đổi cây đàn mới nửa năm trước, việc luyện tập của tôi có tiến triển thuận lợi hơn, nhân cơ hội đó tôi đã thêm vào danh sách luyện tập các bản nhạc mới.

Lần này tôi thêm hai bản nhạc vào chương trình luyện tập. Đầu tiên là “Khúc biến tấu theo chủ đề của Corelli”\* được Tartini\* sáng tác và Kreisler\* biên soạn, bản thứ hai là bản “Ave Maria”\* của Schubert\*. Ban đầu tôi nghĩ mình có thể chơi được ngay vì cả hai vốn trông có vẻ dễ và là hai bản nhạc tôi hay nghe, nhưng ngay từ “Khúc biến tấu theo chủ đề của Corelli”, tôi đã phải loay hoay mãi.

Những đoạn hợp âm ba liên tiếp buộc phải kéo đồng thời ba nốt một lúc, nhạc phổ đầy ắp những đoạn tiết tấu nhanh phải chơi ở tốc độ cao, rồi những dấu lẩy rải rác khắp nơi trên nhạc phổ, dù tôi hằng say luyện tập đến mấy cũng không chơi được cho ra hồn. Chính vì lẽ đó tôi không động gì tới bản “Ave Maria” đáng lẽ phải tập song song, cũng có nghĩa là gần đây tôi chẳng thể tiến thêm một bước nào cả. Đến giữa bản “Ave Maria” bắt đầu có những hợp âm quãng tám nhưng những ngón tay trái không tài nào chuyển động đúng như ý muốn của tôi.

Dù tôi vừa chơi chậm rãi vừa kiểm tra từng quãng âm nhưng tất cả những âm thanh phát ra chỉ tựa như ống sáo Nhật hoặc tiếng kèn túi của người Anh, đi đâu đó nhanh chóng làm tôi chán nản tập luyện.

Vậy là tôi tự cho rằng mình không thể chơi được bản “Ave Maria” và lần nào cũng tới lớp học của thầy trong tình trạng thiếu luyện tập trầm trọng.

Tôi tập mãi mà không có chút tiến bộ nào nên đến cả thầy giáo vốn rất kiên nhẫn cũng phải bịt tai vào và bảo “Dừng lại đi.”

Vai buông thõng, thầy nói với vẻ như đã đầu hàng.

“Thế là đủ rồi, Asuka. Em chỉ cần chơi hợp âm quãng tám một lần đầu thôi, còn sau đó cứ nhặt các nốt cao hơn mà kéo. Em làm được như vậy chứ?”

“Vâng, em sẽ chơi như vậy.”

Thế nhưng thậm chí cả những đơn âm đó tôi cũng không chơi hay được và càng ngày tôi càng đánh mất hứng thú với việc tập luyện.

Tôi hiểu rất rõ không thể cứ kéo dài mãi tình trạng này.

Tôi cũng từng nghĩ tới chuyện sau khi chơi được nhuần nhuyễn “Khúc biến tấu theo chủ đề của Corelli”, tôi sẽ có thể tập trung vào luyện tập “Ave Maria” nhưng tôi có dự cảm rằng, kể cả tôi tập xong Corelli thì tôi vẫn sẽ đặt dấu chấm hết mà không buồn tiếp tục.

Nếu đây là một bản nhạc trong sách giáo trình thì tôi đã bắt buộc mình phải chơi cho bằng được mới thôi, nhưng “Ave Maria” không phải bài học trong sách. Tuy tôi không ghét nó với tư cách một bản nhạc, nhưng đâu đó trong tôi đã gán cho nó cái mác phiền phức và khó nắm bắt.

Chính vì tinh thần tập luyện lên quá cao nên đến khi hiểu ra mình không đủ khả năng, tôi cảm thấy hoang mang, sợ hãi.

Có lẽ mẹ vẫn nghĩ đơn giản rằng chỉ cần tăng thời gian luyện tập thì tôi có thể trở thành chuyên nghiệp, nhưng không phải cứ tập đàn nhiều là đủ khiến người ta hiểu sâu sắc hơn về bản nhạc họ chơi, và cũng chẳng thể mặc định là tất cả mọi người đều sẽ tiến bộ.

Nếu mẹ biết được đưa con một thời được coi là thiên tài như tôi thực ra chỉ là một người thường, không biết mẹ sẽ thất vọng đến nhường nào. Tôi sợ mình sẽ phản bội lại những hi vọng lớn lao mẹ dành cho tôi.

“Asuka, đợi đã!”

Tôi nghe thấy tiếng gọi thân quen phía sau lưng và dừng chân lại.

Tôi ngoảnh lại đúng lúc Ayumi đang chạy vội về phía tôi, cậu ấy vẫn mặc chiếc váy đồng phục cắt ngắn, dù trời đã chuyển hẳn sang tiết đông.

“Chào buổi sáng, Asuka. Lạ thật nhỉ, hôm nay cậu đi sớm thế.”

Tôi chờ Ayumi chạy đến bên cạnh rồi mới bắt đầu cất bước.

“Ừm, sáng nay mẹ nói nhiều quá nên tớ ra khỏi nhà sớm hơn.”

“Sao, lại cãi nhau à?”

Ayumi nói với vẻ ngỡ ngàng.

“Tại mẹ cứ lải nhải suốt, chẳng cần biết người khác cảm thấy thế nào.”

Tôi kể lại những gì diễn ra trong bữa sáng, trong lúc tôi nói, Ayumi đi bên cạnh và gật gù thông cảm.

Nhờ cậu ấy không bình luận gì thừa thãi, chỉ im lặng lắng nghe mà tâm trạng bực bội trong tôi dần lắng xuống.

“Nhắc mới nhớ, gần đây Asuka không hay trốn sang nhà tớ nhỉ.”

“Ừ, tớ không có thời gian sang ấy chứ. Vì tớ phải luyện tập mà.”

“Trời đất, chính miệng cậu thốt ra hai chữ ‘luyện tập’ kìa!”

Ayumi vẻ như muốn chọc ghẹo tôi, nhưng trong lời nói có chút ngạc nhiên thật sự.

“Giờ tớ phải luyện đàn hoàng, bù cho cả những lúc trốn tập nữa. Thế mà khối lượng luyện tập vẫn hoàn toàn chưa đủ.”

“Nghĩa là, cậu thực sự nghiêm túc? Vậy còn con đường trở thành bác sĩ giống bố thì sao?”

“Tớ thấy làm bác sĩ cũng hay hay khi nghe những từ rất ngẫu nhiên trong chuyện của bố, như adrenalin này, dopamine này. Tớ từng mong hiểu được những từ đó và cùng bố trò chuyện về chúng. Nhưng nghĩ kỹ thì tớ cũng chẳng thích học, tớ thà tập đàn mười tiếng còn hơn ngẩng học mười tiếng...”

“Vậy nghĩa là cậu sẽ trở thành nghệ sĩ chơi violin độc tấu hả?”

“Chơi độc tấu thì khó đấy...”

Đối với một thứ không thể đạt được chỉ vì thích, cũng không thể đạt được sau khi đã cố gắng nhiều, thì tôi phải làm gì đây?

Tôi vẫn có những suy nghĩ riêng của bản thân, nhưng việc đó quả thật quá khó khăn với một đứa trẻ mười bốn tuổi.

## 4.

Tôi trở về nhà sau buổi học thì thấy chú Kiyohara đang ở đấy.

Hàng năm, tôi nhờ người ở cửa hàng tới hai lần vào mùa mưa và tháng Mười Hai để sửa sang bảo dưỡng lại cây đàn, có lẽ vì lí do đó mà hôm nay chú ghé nhà tôi.

Bình thường cửa hàng vẫn cử nhân viên sửa chữa khác, nhưng chú Kiyohara nói muốn tự mình làm vì rất quan tâm tới cây đàn tôi đã mượn.

“Hình như việc luyện tập của cháu không suôn sẻ lắm nhỉ.”

Chú Kiyohara quan sát ngắm nghía mọi góc cạnh của cây đàn.

“Úi? Sao chú biết tài thế?”

“Xem này, bột nhựa thông vẫn còn dính nhiều lên tận phím đàn nên chắc lúc kéo hợp âm ba cháu để vĩ lướt trên các dây phải không?”

“Trời đất, chú nói y như thầy cháu vậy. Lúc chơi đoạn hợp âm ba liên tiếp ở bài Corelli cháu thường cho vĩ trôi đi nên thầy toàn nhắc cháu phải kéo ngắn và nảy hơn, gần đây cháu chơi cũng tạm tạm rồi, nhưng...”

Nghe tôi kể chuyện, chú Kiyohara âm ừ gật gù.

“Chú Kiyohara ơi, cháu nghe thầy dạy đàn nói, hồi bằng tuổi cháu, chú từng được gọi là thiên tài đúng không ạ? Sao chú không trở thành nhạc công chuyên nghiệp ạ?”

“Vì sao à? Lí do thì không chỉ có một. Nhưng lí do lớn nhất có lẽ là vấn đề kinh tế. Asuka đến tầm tuổi này có lẽ cũng hiểu được, để lên chuyên nghiệp cần một khoản kinh phí tương xứng. Với gia đình buôn bán nhạc cụ ở một vùng quê nhỏ như nhà chú, cha mẹ chú đã không thể vượt qua được gánh nặng tiền bạc.”

“Cha mẹ...”

“Về mặt này thì điều kiện kinh tế của gia đình cháu đủ dư dả, mẹ cháu cũng rất tâm huyết, nên chú cho rằng nếu Asuka mong muốn trở thành nhạc công chuyên nghiệp thì cháu đang có một môi trường rất thuận lợi đấy.”

Tôi chưa bao giờ nghĩ tới việc có môi trường thuận lợi hay không. Mẹ tôi lúc nào cũng thúc tôi luyện tập và luyện tập, nhưng tất cả những bài tập

đó đều không hề miễn phí.

Lần đầu tiên tôi nhận ra rằng có cả những đứa trẻ dù muốn chơi violin đến mấy cũng không thể chơi được.

“Nhưng mà chú Kiyohara ơi, dù cho môi trường có đầy đủ điều kiện đi chăng nữa, nếu bản thân người đó không có tài năng thì cũng không thể lên chuyên nghiệp đúng không ạ? Bây giờ cháu đang luyện hai bản nhạc, nhưng vì cháu cứ loay hoay mãi với bản Corelli nên không có chút tiến triển nào với bản còn lại là ‘Ave Maria’ cả...”

“Sao? Cháu đang tập ‘Ave Maria’ à?”

“Vâng, nhưng sao thế ạ, chú Kiyohara?”

Trông chú Kiyohara quá bất ngờ nên tôi ngừng kể lễ chuyện của mình và nhìn chú.

“VẬY à, cháu chơi ‘Ave Maria’ à...”

Những lời lẩm bẩm đó như thể không hướng về tôi mà dành cho chính bản thân chú ấy.

“Người chủ nhân trước đây của cây đàn này là một cô bé bằng tuổi cháu, có tên Hannah Janssen. Cô bé ấy đã chăm chỉ chơi bản ‘Ave Maria’ của Schubert suốt cuộc đời mình nên người ta còn gọi cây đàn này với tên thân mật là ‘Cây vĩ cầm Ave Maria’ đấy.”

“Cùng tuổi với cháu ạ?”

“Chú vẫn chưa biết rõ cụ thể, nhưng nghe nói cô ấy là người sống sót từ Trại tập trung Auschwitz\* còn cây đàn này hình như đã được đặt ở đồng hoa anh túc trước Trại tập trung.”

“Chú Kiyohara, Auschwitz là gì vậy ạ?”

“Ồ Asuka, cháu không biết về Auschwitz à? Cháu chưa đọc ‘Nhật kí của Anne’\* lần nào sao?”

“À, ‘Nhật kí của Anne’ ạ...”

Hồi học tiểu học, tôi từng đọc bản đã được biên soạn lại cho dễ hiểu với lứa tuổi nhi đồng. Từ đó tới nay tôi chỉ nhận thức được cuốn sách là câu chuyện về những người sống trong phòng bí mật vì sợ hãi quân Phát xít.

Kết cục, Anne bị quân Phát xít tìm ra và gửi tới Trại tập trung. Cô bị bắt bởi lí do gia đình cô là người Do Thái, nhưng đến tận bây giờ tôi mới



đề ý và thắc mắc không rõ vì sao người Do Thái lại bị truy bắt rồi ngược đãi đến vậy.

Dù đó là sự việc xảy ra ở đất nước khác nhưng tôi vẫn thấy xấu hổ vì vốn kiến thức lịch sử nghèo nàn của mình.

“Có phải là cây đàn bị vứt đi không ạ? Vì sao Hannah lại từ bỏ cây đàn này?”

“Asuka, cháu có hứng thú à?”

“Vâng, có chứ ạ. Bởi vì đó là chuyện về người chủ trước đây của cây vĩ cầm này mà. Cháu đương nhiên rất muốn biết về cô gái yêu thích ‘Ave Maria’, lại bằng tuổi cháu.”

“Vậy à...”

Chỉ cần nghe nói người chủ nhân trước đây của cây đàn bằng tuổi tôi, là tôi đã cảm thấy cuộc gặp gỡ với cây đàn có đi đâu gì đó tựa như số phận.

“Thật ra, khi nhập cây đàn về, chú nghe người ta nói nó từng được trưng bày tại một bảo tàng tư nhân ở gần Auschwitz với tên gọi là ‘Cây vĩ cầm Ave Maria’. Ngay cả giám đốc bảo tàng hiện nay cũng không biết đi đâu gì đã đưa cây đàn đến với bảo tàng này, vì người tiền nhiệm đã qua đời trước khi ông kịp hỏi rõ ngọn ngành về nó.”

“Thế thì chịu thua không còn cách nào để biết nữa chú nhỉ?”

“Chuyện là vậy, nhưng chú cũng khá quan tâm tới nguồn gốc cây violin này nên đang tìm hiểu thêm và có khả năng tới đây chú sẽ được gặp một nghệ sĩ cello từng chơi đàn cùng với Hannah.”

“Thật à!?”

Chú Kiyohara rất quan tâm tới “Cây vĩ cầm Ave Maria” nên đã tìm hiểu trên trang web của Cục Quản lý du lịch Đức, gọi điện tới Đài phát thanh Ba Lan và xin phép được lên sóng qua điện thoại trong một chương trình của nhà đài, khi đó chú tranh thủ kể về cây đàn violin ở cánh đồng trước cửa Trại tập trung Auschwitz và nhắc tới cái tên Hannah Janssen. Sau đó, một người đàn ông tên Kalzas sống ở làng Crossways tại Ba Lan đã liên lạc với chú.

“Thực ra người đó sắp tới Nhật để chỉ huy dàn nhạc ‘*Daiku*’ nên ông ấy nói sẽ dành thời gian để tiếp chuyện chú.”

“Ôi, tuyệt quá! Tốt quá rồi ạ!”

“Nếu mẹ Asuka đồng ý, chú sẽ đưa cả cháu đi cùng. Như vậy có lẽ ông Kalzas cũng sẽ vui hơn.”

“Tuyệt quá!”

Tôi hạnh phúc vô cùng, chạy ngay ra khỏi phòng, đi tới nơi mẹ đang chuẩn bị bữa cơm tối rồi kể tuốt tuần tuột mọi chuyện vừa mới nghe.

Mẹ không giấu nổi vẻ ngạc nhiên, nhưng có lẽ, do cảm nhận được những gì tôi sẽ thu được qua việc lắng nghe chuyện cuộc đời của một người đã thoát khỏi vận mệnh đau thương và sống sót từ Trại tập trung Auschwitz còn quan trọng hơn gấp trăm lần học bài, nên mẹ dễ dàng đồng ý cho tôi đi cùng chú Kiyohara. Hoặc có thể chính mẹ tôi cũng rất tò mò về cô gái tên Hannah, chủ nhân trước đây của cây đàn violin này.

Vào thời điểm ấy, chính bản thân tôi cũng chẳng thể ngờ rằng, sự hứng thú tò mò đơn thuần với chủ nhân cũ của cây đàn lại trở thành nhân tố thay đổi to lớn cho cuộc đời của tôi.

## 5.

Một tuần sau, vào một ngày tuyết rơi, chúng tôi tới gặp ông Kalzas.

Cứ đến tháng Mười Hai hằng năm, từ những dàn nhạc nổi tiếng tới những dàn nhạc nhỏ ở địa phương đều biểu diễn “Bản giao hưởng số chín”\* của Beethoven\*. Bản giao hưởng này quen thuộc với cả người Nhật, được họ yêu mến và gọi tắt là *Daiku*\*. Ông Kalzas tới Nhật để chỉ huy dàn nhạc chơi bản *Daiku*, và chúng tôi đã sắp xếp tới Osaka sao cho khớp với lịch trình của ông.

Giữa màn tuyết rơi dày, chú Kiyohara, mẹ và tôi tới thăm Hội trường Osaka, nơi đang diễn ra buổi diễn tập tổng duyệt.

Trong hội trường, mọi người đi lại khẩn trương, sẵn sàng cho buổi diễn chính thức vào ngày mai. Tất cả bọn họ đều nhanh chân hối hả ngang qua, nhưng vẫn không quên liếc về phía chúng tôi một cái. Chẳng rõ có phải ba người chúng tôi nhìn quá kì lạ đối với một gia đình không mà lại thu hút ánh mắt xung quanh đến mức đó.

Trong số những người ở đó chỉ có một người đàn ông vừa nhìn thấy chúng tôi là đã vội chạy tới.

Người này đi đến chỗ chú Kiyohara, trao đổi đi đâu gì đó rồi dẫn chúng tôi vào phòng chuẩn bị cho nhân viên ở ngay bên phải.

“Xin mời vào.”

Anh ta chỉ cho chúng tôi một căn phòng rộng tới mười chiếu\*.

Khi chúng tôi im lặng bước vào phòng trong tâm trạng hồi hộp căng thẳng thì từ sâu bên trong, một ông lão tóc bạc phơ quay đầu về phía chúng tôi.

Ông ấy chắc hẳn là ông Kalzas.

Ông mặc một chiếc áo vét màu be sang trọng, trên cổ quàng chiếc khăn màu rượu vang thay cho một chiếc ca-ra-vát. Tôi nghe nói ông đã gần chín mươi, nhưng ông lão trước mặt chúng tôi trông vẫn giống một quý ông mạnh khoẻ.

Như thể muốn giúp chúng tôi thấy thoải mái hơn, ông đứng dậy, bước đến gần, lần lượt nhẹ nhàng ôm chú Kiyohara, mẹ tôi rồi đến tôi. Tiếp đó, ông cầm tay tôi bằng đôi bàn tay hơi run rẩy. Đôi bàn tay ấy thô cứng và gân guốc đến mức tưởng như không phải là tay của một người chơi nhạc, điều này khiến tôi hơi sợ hãi.

Trong khi tôi giấu cảm nhận vào lòng, ông bắt chuyện với tôi, không phải bằng tiếng Đức hay tiếng Ba Lan, mà bằng tiếng Anh.

“I am Paul Kalzas.”

Sau đó ông nói thêm vài câu nữa, có vẻ là để chào đón chúng tôi.

Chú Kiyohara nói được cả tiếng Đức lẫn tiếng Anh, tôi biết lúc đó chú đã dùng tiếng Anh giới thiệu bản thân và giúp chúng tôi chào hỏi ông Kalzas.

“Chúng cháu rất vui được gặp ông.”

Tôi nói vậy bằng tiếng Nhật, dường như ông ấy hiểu điều tôi muốn nói nên đã mỉm cười.

“Ông Kalzas, chúng cháu mang ‘Cây vĩ cầm Ave Maria’ đến đây ạ.”

Tôi hạ chiếc đàn đang đeo trên lưng xuống rồi mở nắp hộp đàn màu đỏ rượu vang mới tinh.

“Đúng là chiếc này chứ ạ?”

Chú Kiyohara từ tốn hỏi và trao chiếc đàn cho ông Kalzas.

Ông Kalzas đón lấy chiếc đàn, ngắm nghía cả hai mặt. Đôi lông mày trắng dài của ông nhíu lại, trong đôi mắt lấp lánh nước của ông ánh lên vẻ hoài niệm sâu xa.

“Hannah, cuối cùng ta cũng được gặp lại nhau...”

Ông Kalzas nói chuyện với cây đàn violin, giọng nói ồm ồm đặc trưng của người già run lên từng chập.

“Ta đã bán khoản không biết có chuyện gì khi chẳng còn thấy em ở bảo tàng nữa. Em hạnh phúc chứ? Một cô bé đáng yêu hết như em đang giữ chiếc đàn này.”

Tôi tưởng như nhìn thấy trong ánh mắt của ông Kalzas hình ảnh một thiếu nữ bằng tuổi mình. Ông Kalzas không nói chuyện với cây đàn. Ông đang thông qua cây đàn để nói chuyện với Hannah.

“Đây quả đúng là ‘Cây vĩ cầm Ave Maria’ mà Hannah từng giữ. Sau khi Hannah mất, với mong muốn mọi người không quên đi lịch sử, tôi đã mang cây đàn này tới Bảo tàng Auschwitz. Vậy mà chẳng hiểu từ bao giờ người ta đồn nhau rằng cây đàn đã bị bỏ mặc ở cánh đồng Auschwitz. Tại sao cây vĩ cầm này lại bị đối xử như vậy?”

“Nó đã được đưa ra đấu giá ở Anh thưa ông.”

Chú Kiyohara vừa giải thích ngắn gọn một câu như vậy, ông Kalzas liền gật đầu thật mạnh, vẻ như ông đã hiểu hết tất cả.

“Có lẽ có lí do nào đó khiến nó bị đem đi đấu giá, nhưng âu đây cũng là số phận của ‘Cây vĩ cầm Ave Maria’. Thật may mắn hơn khi cây đàn lại tới chỗ một cô bé Nhật Bản. Bởi vì người Nhật vốn rất biết trân trọng đồ vật mà. Asuka, cháu bao nhiêu tuổi rồi?”

Tôi biết ông đang hỏi tuổi tôi bằng tiếng Anh bèn trả lời lại ngay.

“Fourteen.”

Nghe vậy, ông Kalzas bật lên một tiếng “Ồ” đầy vẻ ngạc nhiên thích thú.

“Thật thần kì. Vậy là cháu cùng tuổi với Hannah. Hannah cũng hay đeo cây đàn trên vai như cháu đang làm vậy. Giống như cháu. Phải, giống hệt. Chúa Trời đã khéo léo đưa ‘Cây vĩ cầm Ave Maria’ này đến chỗ cháu. Thật tuyệt vời làm sao... Asuka, cháu có thể chơi một bản nhạc cho ta nghe chứ?”

“Vâng, vậy cháu sẽ chơi một đoạn ‘Ave Maria’ của Schubert...”

Khả năng kéo violin của tôi cũng không tăng lên đột ngột chỉ vì tôi ở trong hoàn cảnh hết sức đặc biệt này. Tôi đoán rằng có lẽ người ta sẽ muốn mình chơi duy nhất bản “Ave Maria” thôi nên đã luyện tập trước, thế nhưng sản phẩm âm nhạc của tôi vẫn chẳng có gì thay đổi, tôi càng thêm ngậm ngùi vì sự kém cỏi của bản thân. Tôi không muốn chơi một bản nhạc tệ đến mức khiến ông Kalzas thất vọng và bịt tai lại, vậy nên tôi quyết định chuyển tất cả những chỗ buộc phải chơi hợp âm thành đơn âm cho dễ kéo.

“Đúng là âm thanh này...”

Trong lúc tôi biểu diễn, ông Kalzas nhắm nghiền đôi mắt và chăm chú lắng nghe, đến khi bản nhạc kết thúc, ông chậm rãi mở mi mắt ra như để thưởng thức hết những âm sắc của giai điệu còn đọng lại. Tôi ngược nhìn ông Kalzas và nhận ra mắt ông đã đỏ hoe.

“Asuka, cháu chơi hay lắm. Cháu chơi hay như Hannah vậy. Asuka, cháu quả thật giống như là kiếp sau của Hannah.”

Tôi đương nhiên hiểu rằng ông Kalzas đang ca ngợi quá lời. Tuy vậy, chỉ riêng việc bản “Ave Maria” dở tệ của tôi được ông khen đã đủ làm tôi cảm thấy vô cùng ái ngại và có lỗi.

Người ta có câu “Sự đã rồi, hối hận cũng đã muộn”, ấy vậy mà trong lòng tôi vẫn thẫn thờ nghĩ, giá như ngày thường tôi luyện tập chăm chỉ hơn. Nếu biết màn biểu diễn vụng về của tôi có thể khiến ông vui đến vậy, ước gì tôi có thể chơi hay hơn nữa.

## 6.

Khi tôi đàn xong, một người nhân viên hậu trường mang đồ uống vào phòng, cà phê cho người lớn và ca cao cho tôi.

Ông Kalzas sửa lại tư thế ngồi, lún sâu mình trong lòng ghế, rồi chậm chậm nhấm nháp một ngụm cà phê.

“Chà... Ta nên bắt đầu kể từ đâu đây...”

Máy sưởi trong phòng vẫn bật công suất lớn, nhưng chẳng ai cảm nhận nổi hơi ấm giữa bầu không khí căng thẳng đang chiếm hữu căn phòng. Chú Kiyohara, mẹ tôi và tôi, cả ba người đều nín thở, chờ đợi từng lời của ông lão. Trong căn phòng yên lặng, chỉ còn nghe vọng lại tiếng từng mảng tuyết rơi lộp bộp trên nền đất, chẳng hiểu sao lòng tôi lại thấy bất an.

Nhấp một ngụm cà phê từ cái ly còn đang bốc lên làn hơi ấm, ông Kalzas bắt đầu câu chuyện với giọng điệu khe khẽ nhẹ nhàng.

“Thật khó mà tin nổi, chẳng ai còn thấy lạ khi ta có thể uống một ly cà phê nóng trong những ngày rét mướt như hôm nay... Cậu có bao giờ nghĩ rằng cuộc sống như vậy là một đi đầu đặc biệt không, cậu Kiyohara?”

Người chú Kiyohara cứng đờ ra, thậm chí chẳng thể gạt đầu.

“Asuka, chuyện ta sắp kể đây có lẽ sẽ vô cùng ám ảnh, thậm chí nó có thể vượt ngoài sức tưởng tượng của cháu.”

Ông Kalzas hướng về phía tôi với cái nhìn đầy nghiêm khắc, khác hẳn với ánh mắt hết mực trù mến ban nãy.

“Chắc hẳn từ khi sinh ra tới giờ, cháu luôn được sống cuộc đời tự do nên chẳng thể nhận ra bản thân mình lúc này hạnh phúc tới nhường nào. Sau khi trực tiếp nghe câu chuyện hôm nay từ ta, nhất định nhiều niềm hạnh phúc hơn sẽ tới với cuộc đời của cháu. Bởi vì ta tin rằng dù ít ỏi thì cháu vẫn sẽ phần nào hiểu được thế nào là hạnh phúc thật sự... Ở trường, cháu có học lịch sử chứ?”

Ông Kalzas lựa chọn từ ngữ thận trọng nên tôi có thể hiểu được hầu hết những đi đầu ông nói. Chỉ có đi đầu, tôi vẫn còn lúng túng không biết phải trả lời bằng tiếng Anh ra sao nên chỉ nói được mỗi một câu “Yes” cụt ngủn.

“Vậy à...”

Ông lão lặng ngắm tuyết rơi bên ngoài cửa sổ.

“Trẻ mà không học lịch sử là không được. Chỉ biết thôi cũng không ổn chút nào. Dù cho cháu có nhớ được hết niên biểu của các sự kiện, nhớ năm nào xảy ra cái gì, đi đâu đó cũng không thể coi là cháu đã hiểu biết về lịch sử. Học nghĩa là cháu phải dựa vào những sự thật lịch sử và tự bản thân suy nghĩ, cảm nhận thật nhiều đi đâu. Cháu hãy tự hỏi mình, rằng với tư cách là một con người, từ nay về sau phải sống thế nào cho xứng đáng, hạnh phúc là đi đâu gì trên đời, cháu hãy nhìn vào thế giới này và tìm ra chính kiến của bản thân. Đó mới là ý nghĩa của việc học lịch sử.”

Ông Kalzas đặt ly cà phê xuống bàn rồi quay ra nhìn tôi.

“... Đúng rồi... trước đây Hannah cũng luôn đeo ‘Cây vĩ cầm Ave Maria’ này trên lưng, giống như cháu.”

Ông nheo mắt lại như để nhìn tôi cho rõ, từ đầu tới chân. Rồi ông buông một tiếng thở dài, dường như rất nhiều nỗi suy tư chất chứa bên trong.

“Cháu có mái tóc đen đẹp tuyệt, còn Hannah có mái tóc vàng giống như búp bê phương Tây. Cô ấy có đôi mắt trong veo với màu xanh sâu thẳm, chính màu mắt đó cùng ‘Cây vĩ cầm Ave Maria’ đã cứu cô ấy khỏi địa ngục. Cả chị gái, em trai, cha mẹ, ông bà của cô bé ấy đều bị sát hại. Có lẽ các cháu vẫn luôn nghĩ rằng việc nhìn thấy địa ngục hay chết chóc chẳng hề liên quan tới mình. Thật khó cho ta... Ta không biết nên mô tả như thế nào về thời kì đó cho các cháu nữa...”

Ông Kalzas cất tiếng thở dài, rồi ông nhún vai và lắc đầu như thể đầu hàng.

“Asuka, ông cháu bao nhiêu tuổi rồi?”

“Bảy mươi... ạ.”

Tôi không thể an tâm với phát âm tiếng Anh của mình nên giờ bảy ngón tay lên ra hiệu, thấy vậy ông Kalzas liền gật đầu một cái.

“Vậy là câu chuyện này diễn ra khi ông cháu vừa mới chào đời đấy. Chuyện từ năm 1933. Cháu thử tưởng tượng lúc ông mình vừa mới chào đời xem nào. Hãy tưởng tượng ra cái thời ông cháu mới là một đứa bé sơ sinh, vẫn còn đang phải bú sữa mẹ.”

“Cháu không thích tưởng tượng cảnh đó đâu.”



Tôi bất giác bật cười khiến cả mẹ tôi và chú Kiyohara đang phiên dịch cũng cười theo.

“Ha ha. Đúng thế đấy. Nói thế này hơi tội ông cháu, nhưng việc đảm mình thử tưởng tượng thực sự rất quan trọng. Có thể cách này sẽ mất nhiều thời gian hơn học thuộc bảng niên biểu, nhưng nó sẽ giúp ích cho bản thân cháu, khiến cháu không bao giờ quên. Tất cả sẽ kiến tạo nên con người cháu.”

“Kiến tạo ạ? Vì sao lại phải kiến tạo bản thân mình ạ?”

Khi các từ tiếng Anh trở nên khó hơn, chú Kiyohara phiên dịch thay tôi để câu chuyện được diễn ra trôi chảy.

“Câu hỏi quan trọng đây. Ta chắc cháu đang có một cuộc sống hạnh phúc. Con người có quyền được sống hạnh phúc mà. Cả Asuka lẫn mẹ cháu, chú Kiyohara và đương nhiên là cả ta nữa. Tuy vậy, bất chấp việc ai cũng có quyền được sống hạnh phúc, thì trong thực tế, bên cạnh những người hạnh phúc vẫn luôn tồn tại những kẻ bất hạnh. Có người cảm thấy biết ơn khi thưởng thức một tách cà phê và hạnh phúc vì đi đâu đó thì cũng có người khác cho rằng được uống cà phê là chuyện quá đổi đương nhiên. Nếu ta hỏi cháu, giữa hai người đó ai mới hạnh phúc, cháu sẽ trả lời thế nào, Asuka?”

“Người thấy cảm kích trước một tách cà phê, phải không ạ?”

“Đúng là vậy đấy.”

Ông Kalzas nheo mắt lại, dường như hài lòng với câu trả lời của tôi.

“Những người nghĩ rằng uống cà phê là chuyện đương nhiên chắc hẳn luôn có một cuộc sống đủ đầy. Nhưng chính những người biết vui mừng và cảm nhận cái ngon của một ly cà phê mới là những người hạnh phúc dù cuộc sống không giàu sang sung túc. Kiến tạo bản thân chính là làm giàu có xúc cảm của mình và nuôi dưỡng một trái tim biết cảm nhận thế nào là hạnh phúc. Đi đâu đó nghĩa là cháu sẽ được hạnh phúc và còn trở thành người biết chia sẻ hạnh phúc ấy với mọi người xung quanh. Để như vậy cháu không được phép hời hợt. Cháu có nghĩa vụ phải học hỏi nhiều đi đâu, làm trái tim và khối óc của mình hoạt động.”

Cả ba người chúng tôi như quên đi bản thân và bị cuốn vào câu chuyện của ông lão từ lúc nào không hay.

## 7.

“Có chuyện gì xảy ra với Hannah thế ạ?”

“Phải rồi, vào mùa đông năm 1933, chuyện diễn ra cũng vào một ngày mùa đông lạnh giá như hôm nay. Đảng đứng đầu Nghị viện Đức lúc bấy giờ là Đảng Quốc Xã đã bổ nhiệm người lãnh đạo Đảng - Hitler - lên làm Thủ tướng Đức. Việc này cũng chính là cánh cửa mở ra địa ngục.”

“Chuyện đó giống với việc đại diện Đảng to nhất trong Quốc hội Nhật Bản được chọn làm Tổng Lý Đại Nhân\* ông nhỉ.”

Từ khi biết mình sắp được gặp ông Kalzas, tôi đã đọc lại cuốn “Nhật kí của Anne”. Không phải cuốn được biên soạn lại cho thiếu nhi mà là phiên bản đầy đủ dành cho người trưởng thành. Việc hiểu chính xác những câu chuyện lịch sử của nước ngoài khi bản thân mình không sống ở đó quả khó khăn. Nhưng giống như những gì ông Kalzas đã chỉ cho tôi, chỉ ít tôi có thể đặt mình vào vị trí của người ở đó rồi tưởng tượng, hoặc có thể hoá thân vào nhân vật để suy nghĩ cẩn trọng hơn.

“Đúng vậy đấy, Asuka. Chính trị luôn là thứ rất đáng sợ. Đảng phái nào sẽ lên lãnh đạo đất nước là chuyện không ai có thể làm ngơ.”

Ông Kalzas nhìn về phía xa xăm rồi kể lại vận mệnh mà Hannah đã gặp phải.

“Từ ngày đó, gần như ngay lập tức, Đức Quốc Xã bắt đầu truy sát người Do Thái. Không chỉ người Do Thái, mà cả người Ba Lan, người Liên Xô cũng đã phải trải qua một thời kì đau thương. Hannah đã lớn lên mà không được chạy chơi ở bên ngoài, không được ăn một bữa no bụng.”

“Họ nghèo lắm ạ?”

“Không đâu, nhà Hannah có một cửa hàng tạp hoá nhỏ bán vật dụng gia đình nên họ không hề nghèo đói. Ngược lại, cha mẹ cô bé rất chăm chỉ nên công việc cũng không gặp khó khăn gì. Mẹ cô bé là giáo viên nhưng đến khi bà nội cô bé yếu đi phải ngồi xe lăn, mẹ cô bỏ nghề giáo trở về nhà phụ giúp công việc của cửa hàng. Có lẽ vì từng là giáo viên lại biết đánh piano ít nhiều nên cứ tới Chủ Nhật bà lại dạy piano cho lũ trẻ hàng xóm. Hannah còn có một cậu em trai kém cô bé chín tuổi. Nhưng đáng thương thay cậu bé chẳng được ngắm nhìn ánh sáng nơi dương thế được bao lâu.”

Ông Kalzas tiếp tục kể rằng Hannah học chơi vĩ cầm từ nhỏ.

Ông tin chắc những người hàng xóm vẫn luôn trù mến nhìn theo bóng dáng của Hannah mỗi khi cô bé vừa kéo điệu Polka\* hay Valse\* đã học bằng cây đàn violin vừa nhảy múa tung tăng trên đường về nhà...

## **Chương II**

### **GIA ĐÌNH JANSSEN**

# 1.

“Hannah, hôm nay cháu học bài gì đấy?”

“Hôm nay sinh nhật ông nhà chú, sang chơi một bản nhé, Hannah!”

Luôn có nhiều giọng gọi với theo mỗi khi Hannah đi ngang qua.

Hannah chỉ là một đứa trẻ, vậy mà phong cách của em khiến người ta tưởng rằng em là một nghệ sĩ violin thực thụ, cứ có người đánh tiếng là em sẽ biểu diễn theo đúng những gì họ yêu cầu. Chẳng biết có phải những lần đi chơi nhạc theo yêu cầu đã trở thành vốn liếng kinh nghiệm của em không, nhưng số lượng bản nhạc em có thể chơi tăng lên rõ rệt, mọi người trong vùng đều hết lời ca ngợi tài năng của em.

Hannah có một người chị gái ốm yếu tên là Nina, chân phải của cô bé hơi có tật. Vậy nên Hannah rất yêu thương chị gái, luôn biết nghĩ cho chị và sẵn sàng đưa tay ra trợ giúp mọi lúc mọi nơi.

Về phần Nina, cô cũng là người chị dịu hiền hết mực thương yêu em gái mình. Mỗi khi trời trở lạnh, Nina thường tự tay đan găng và khăn quàng cổ cho em.

Đặc biệt hơn, Hannah có tiếng cười giòn tan vô tư, không khi nào dớt, nên rất được hàng xóm láng giềng yêu mến. Nina tuy nhút nhát nhưng luôn tự hào khi có cô em gái sôi nổi và giao thiệp tốt như Hannah.

Những tháng ngày êm đềm cứ thế trôi qua, mọi người đều tin rằng ngày mai mặt trời vẫn mọc từ hướng Đông, chẳng ai mảy may nghi ngờ đi đâu đó.

Cho tới ngày hôm ấy, một ngày của năm 1933.

Một ngày kia, địa ngục đó bỗng nhiên mở cửa. Người Do Thái bị cấm ra ngoài vào buổi tối, thậm chí có cả một sắc lệnh không cho phép họ sở hữu đài radio, do vậy, bắt đầu từ đó, Gestapo (cơ quan cảnh sát mật của chính phủ Đức Quốc Xã) thường bất thành linh xuất hiện trong giờ cơm tối, đập vỡ đài radio hay điếm danh số người trong nhà.

Dù chỉ một người trong gia đình vắng mặt thì cảnh sát vẫn tự tiện lục soát mọi nơi, từ nhà tắm cho đến phòng vệ sinh, kể cả người ta có đang

giải quyết nhu cầu cá nhân dở dang cũng sẽ bị lôi xềnh xệch ra ngoài và bắt đứng nghiêm bất động cho tới khi chúng đếm đủ số người.

Luật sư và bác sĩ người Do Thái đều bị tước bằng, không còn công việc, nhiều người đã phải nhanh chóng thoát li khỏi đất nước.

Khi đi ra ngoài vào ban ngày, để dễ bề phân biệt, người Do Thái buộc phải đeo hình ngôi sao trên ngực áo. Trong số dân thường người Đức cũng có nhiều kẻ chẳng còn nhân tính, chúng ném đá hoặc nhổ nước bọt vào những người Do Thái. Dần dần, người Do Thái không còn yên tâm mỗi khi ra khỏi nhà.

Dù luôn sống trong nơm nớp lo sợ nhưng gia đình Hannah vẫn trang trải được cuộc sống hằng ngày nhờ có cửa hàng.

Nhưng rồi biến cố ập đến khi Hannah lên mười một tuổi.

Ngay thời khắc quân Gestapo tiến vào cửa hàng nhà Hannah và nhà thờ gần đó, kính cửa sổ trưng bày của cửa hàng cùng những tấm kính màu của nhà thờ đã lập tức vỡ vụn thành từng mảnh. Cha Hannah kêu mẹ cô bé chạy trốn ngay nhưng cô con gái cả Nina lúc đó đang ở cùng với mẹ lại muốn cố mang theo chút hàng hoá của cửa hàng bất chấp cơ thể tàn tật. Khoảnh khắc Nina túm vào đồng hồ đặc bằng cả hai tay, cô bị quân Gestapo bắt được.

Bọn Gestapo chẳng mấy may thương xót, chúng thần nhiên dí họng súng vào trán Nina.

Người mẹ hoảng hốt chạy tới bám vào cơ thể cô con gái rồi cầu xin lũ cảnh sát tha mạng cho con nhưng chính bà cũng bị chúng dùng bột đập thật lực vào người và ngã dúi dụi ra đằng sau. Phần gót những đôi ủng được dùng khi cưỡi ngựa tua tủa những đốt tròn trông như hàng loạt bánh ròn rọc tí hon, vì thế nên chẳng mấy chốc mà quần áo người mẹ rách toạc, thấm đẫm máu.

Nina bị quân Gestapo xốc dậy và chúng lệnh cho cô phải bước ra khỏi cửa hàng. Nhưng trong trạng thái sợ hãi tột độ, cái chân bị tật của cô càng nặng nề tê liệt. Cô chỉ biết gắng gượng kéo lê chiếc chân phải ra phía bên ngoài cửa hàng. Quân Gestapo vừa nhìn cảnh tượng ấy vừa cười phá lên.

“Đúng là quân vô dụng.”

Một tên lính Gestapo nói vậy rồi cời dây xích cho hai con chó lớn mà chúng dẫn theo.

Nina dĩ nhiên không có đường trốn. Chẳng bao lâu lũ chó đã cắn nát cái chân phải lê lết của Nina suốt từ bắp đùi trở xuống, tiếng thét thảm thương của cô bé vang vọng khắp khu phố.

Sức lực của người cha chẳng thể bảo vệ nổi con gái, ông Janssen ngã thụp dưới quây, tay bịt chặt đôi tai và cầu nguyện thánh thần. Cho dù ông giân sự yếu đuối bất lực của bản thân, không biết làm gì ngoài cầu nguyện, nhưng giờ đây đó là việc duy nhất ông có thể làm.

Bà Janssen trước cảnh tượng quá đỗi tàn khốc đã ngất lịm đi, thậm chí còn chẳng cầu nguyện nổi.

Lúc này, Nina chỉ còn thở thoi thóp, nhưng cô bé vẫn sống.

“Ồ, thật đáng thương. Để tao giúp mày nốt nhé, rồi mày sẽ chẳng thấy đau đớn gì nữa đâu.”

Tên Gestapo thò tay vào túi áo măng tô đen, rút súng ra bắn thẳng vào ngực Nina. Âm thanh lạnh lùng tàn nhẫn vang vọng khắp vùng trong ánh chìu tà, tất cả mọi người đều không thốt nên lời.

Tiếng súng bắn vào người cô gái bé nhỏ chỉ trong chốc lát đã làm tê liệt trái tim của toàn thể người dân trong vùng.

Khi mọi người vẫn còn run rẩy trong sợ hãi, mặt đất đã nhuộm màu đỏ lòm bởi máu tứa ra từ thân thể của Nina. Hoà trong sắc đỏ rực của vầng dương đang lặn, thị trấn xưa kia vốn bình yên thoáng chốc bị che phủ bởi thứ màu tang thương chết chóc.

Vậy là Nina trở thành nạn nhân đầu tiên của thị trấn nhỏ.

Sau khi quân Gestapo rời khỏi, cha mẹ Nina chạy tới ôm rịt lấy thân xác không còn sinh khí của con gái, cất lên những tiếng khóc đau đớn vật vã đến xé lòng, than trách bản thân bất lực không thể cứu đứa con bé bỏng. Nhưng tất cả đều đã muộn màng, cô bé Nina hiên lành chẳng bao giờ có thể mở mắt ra được nữa.

Sau đó, những hành vi bạo ngược của bọn Gestapo lặp đi lặp lại, gần như biến thành chuyện thường ngày, người ta có thể nhìn thấy xác người nằm rải rác ở bất kì nơi đâu trong thị trấn.

Thậm chí không thể đếm hết có bao nhiêu gia đình chỉ vì thiếu mất một thành viên mà cả nhà bị sát hại. Họ bị vớt bỏ bừa bãi bên vệ đường, thi thể lúc nhúc giòi bọ, thịt bị chuột gặm nhấm và toả ra thứ mùi khó chịu xông thẳng vào mũi người đi đường.

Chỉ trong vòng một tuần đến mười ngày, thị trấn này chẳng còn là nơi người ta có thể sống như một con người được nữa.

Từ lúc đó, những người Do Thái và người Ba Lan chưa bị giết hại lần lượt bị dẫn đi. Họ bị đưa tới các Trại tập trung.

Vào một đêm nọ, mười ngày sau vụ việc của cô con gái lớn, gia đình Janssen quyết định âm thầm rời đi để di chuyển sang thị trấn kế bên.

Họ chỉ mang theo lượng hành lý có thể xách được bằng tay, cứ hai người một rời khỏi nhà để tránh bị chú ý. Đến cuối, khi ông Janssen chuẩn bị đẩy chiếc xe lăn có bà cụ ngồi bên trên ra khỏi nhà thì nghe vọng lại tiếng giày của Gestapo dồn dập vang lên giữa thị trấn đang im ắng.

Có kẻ nào đó đã bí mật báo lại cho cảnh sát chăng? Bà của Hannah biết rằng mình không thể trốn thoát.

“Mẹ sẽ chỉ làm vương chân vương tay mọi người, con là người bảo vệ cả gia đình mình, cả nhà không thể để mất con. Mẹ đã chuẩn bị sẵn tinh thần rồi. Con hãy mau ra phía cửa sau mà trốn đi.”

Đối với ông Janssen, người mà kí ức về cô con gái Nina bị sát hại vẫn còn đọng lại sắc nét, việc phải quyết định một lần nữa giương mắt chứng kiến mẹ bị giết đủ khiến ông cảm thấy muốn phát điên.

Nhưng để bảo vệ gia đình, ông không thể chần chừ. Ông Janssen hôn mẹ, như một lời giã biệt của kiếp này, rồi rút từ trong hành lý ra cuốn Kinh Cựu Ước, ấn chặt nó vào đôi bàn tay nhăn nheo của bà.

“Làm cái gì thế! Không phải lúc để khóc lóc uỷ mị đâu, đưa con bất hiếu này!”

Bà cụ quở trách con trai bằng giọng khản đặc, cố gắng không để bên ngoài nghe thấy.

Ông Janssen đương nhiên hiểu rõ mẹ nói lời khó nghe là để ông dễ dàng rời khỏi nơi này. Ông cũng biết rằng nếu mình bị Gestapo bắt được thì những người trong gia đình đã chạy trốn trước đều sẽ trở thành vật hi sinh.

Như thế gạt bỏ tất cả mọi thứ, ông Janssen lao ra khỏi đó.



Chỉ còn bà của Hannah ở lại, lặng lẽ nhắm nghiền đôi mắt, lẩm nhẩm cầu nguyện Chúa Trời. Đúng lúc đó, hai tên Gestapo phá sập cửa ra vào của cửa hàng và bắt đầu leo lên các bậc thang.

“Cả nhà đi đâu cả rồi!?”

Bà cụ vẫn nhắm nghiền mắt, không hề nhúc nhích. Cụ vẫn tiếp tục cầu nguyện đức Chúa Trời, bằng cách đó cụ giữ cho tâm mình thanh thản.

Một tên nói với đồng bọn.

“Hồng cả mắt lẫn tai luôn à?”

Tên kia liền hất hàm như thể muốn ra hiệu cho hắn “nhìn cái đó đi”.

Cuốn Thánh kinh bà nắm trong tay đang rung lên khe khẽ.

“Mụ già khốn kiếp! Mụ bị chúng bỏ lại phải không? A ha ha, thật đáng thương!”

Hắn vừa cười ha hả, vừa từ từ đẩy chiếc xe lăn từ đằng sau. Khi chiếc xe lăn dừng lại ở chiều nghỉ cầu thang, hắn lấy cái chân đi boots của mình đạp vào phần lưng ghế. Chiếc xe lăn cùng bà cụ ngã trên đó nảy lên nảy xuống dữ dội rồi lăn một mạch xuống cầu thang.

Bà cụ không thốt lên dù chỉ một lời cho tới giây phút cuối cùng.

Cụ chết đi không một tiếng gào thét khóc than, như một con dân Do Thái ngoan đạo.

Có lẽ cụ đã quyết với lòng mình, nhất định không được kìm chân người con trai vừa chạy thoát. Đó là giây phút cuối cùng khi cụ già đáng kính đã hoàn thành nghĩa vụ của bản thân, nhưng nhìn thấy cụ bị chôn vùi bên dưới chiếc xe lăn nặng nề, hai tên Gestapo lại ôm bụng cười ngặt nghẽo.

## 2.

Kể đến đây, ông Kalzas đưa ly cà phê đã nguội lên miệng rồi nhún vai.

Asuka từng nhiều lần xem người ta tái hiện lại tình cảnh những người Do Thái bị bức hại trên ti vi và qua phim ảnh, nhưng trong câu chuyện của một người đã thực sự sống qua thời kì đó vẫn có sức mạnh lớn lao vượt xa những cảnh quay.

“Chúng đùa giỡn với tính mạng con người chỉ như loài sâu bọ thôi sao?”

Chú Kiyohara kêu lên như nói thay cho cảm xúc của cả ba người.

“Còn tệ hơn cả loài sâu bọ.”

“Ông Kalzas, sao ở Đức lại có những người tàn bạo như vậy ạ?”

“Không phải cứ người Đức là xấu xa tởm tợu đâu, từng người từng người đâu là một cá thể tuyệt vời. Cháu biết đi đâu cốt yếu là gì không Asuka? Dẫu là người bình thường nhưng một khi bị kéo vào, trở thành một phần của tổ chức, họ có thể thân nhiên làm những đi đâu tàn nhẫn. Con người như vậy đấy. Đó chính là lí do con người không phải là thánh thần. Nhưng các cháu khác. Ta cũng khác, chúng ta nhất định không trở nên như vậy.”

“Sao ông có thể nói chắc chắn đi đâu đó ạ? Chúng ta không phải là thánh thần cơ mà.”

“Vì chúng ta có âm nhạc. Vì trong tim chúng ta luôn có Mozart và Schubert... Nào, hãy thử nhắm mắt lại mà xem. Cháu có nghe thấy ‘Lời từ biệt’\* của Chopin\* vang lên không? Đó...”

Asuka cảm thấy dường như mình hiểu được những gì ông Kalzas muốn nói.

Dù không có âm thanh nào cất lên, nhưng trong thâm tâm, ta vẫn nghe thấy tiếng nhạc. Cảm giác như thể đang trôi bồng bênh trong một thế giới siêu thực, lớn lao, ấm áp đủ đầy.

Đó cũng chính là cảm giác an tâm khi được vòng tay mẹ chở che, cả thân hình lọt thỏm trong lòng mẹ, đi đâu mà trước đây ta đã được trải nghiệm rất nhiều lần.

Asuka nhắm mắt lắng nghe câu chuyện của ông Kalzas qua lời phiên dịch của chú Kiyohara.

“Vì vậy mà chúng ta luyện tập chơi nhạc. Nếu ta chỉ chơi nhạc để ra vẻ cho người khác thấy mà chán ghét trong lòng, âm nhạc sẽ chẳng thể vọng tới tâm hồn ta. Nếu kiên trì luyện tập hằng ngày, dẫu trong hoàn cảnh không may, ta vẫn cảm nhận được tình yêu của Chúa Trời. Vậy là, những kẻ yêu âm nhạc như chúng ta sẽ không bao giờ có thể phản bội lại tình yêu của Chúa. Chẳng phải vậy sao?”

Chú Kiyohara gật đầu đồng tình.

Asuka thực sự cảm thấy biết ơn khi được chỉ dạy đúng đắn về ý nghĩa của việc sống cùng âm nhạc. Không phải nghe từ ai khác chung chung, mà chính từ một nạn nhân đã sống sót của Trại tập trung Auschwitz. Điều đó giúp Asuka hiểu ý nghĩa của âm nhạc sâu sắc hơn bao giờ hết.

“Người Đức rất yêu âm nhạc. Họ yêu âm nhạc tới mức không có âm nhạc thì chẳng thềm động tới thứ gì. Vậy nên Hannah mới có thể sống sót rời khỏi Auschwitz.”

“Chẳng phải nếu yêu âm nhạc thì sẽ không trở thành kẻ ác hay sao ạ?”

“Asuka, yêu âm nhạc và có âm nhạc trong tim là hai việc khác nhau. Có hàng vạn người yêu âm nhạc. Những người ấy chỉ phối âm nhạc. Còn chúng ta, chúng ta biết rằng trong từng thanh âm có sự sống. Người chơi đàn nôm nống thì nhạc cụ ngân lên thanh âm giận dữ. Nếu ta chơi nhạc với trái tim nhân hậu thì âm sắc sẽ dịu dàng đến vô biên. Người ta nói đôi mắt là cửa sổ tâm hồn, nhưng âm thanh cũng là cửa sổ tâm hồn đấy. Trái tim ngạo mạn, trái tim tham lam, hay trái tim đố kỵ, tất cả đều có thể bộc lộ qua các thanh âm. Chúng ta thường xuyên nhìn nhận lại trái tim mình bằng âm sắc. Đó là sự khác biệt to lớn giữa người chơi nhạc với những người chỉ nghe nhạc đơn thuần.”

Ông Kalzas nhìn về phía Asuka như thể muốn nói “Cháu hiểu chứ?”

Vì chính Asuka cũng đồng cảm với những lời ông cụ nói, nên cô bé khẽ mỉm cười thay cho câu trả lời. Nhận được phản ứng đó của cô, khoe miệng ông Kalzas cũng giãn ra thành một nụ cười.

“... Phải rồi. Khi đã lớn tuổi, ta mới quay lại Ba Lan. Trước đó thì ta sang Mỹ. Hồi đó, trong số năm gương mặt người nổi tiếng được đăng ảnh lớn trên tờ *New York Times* có một nhà giáo âm nhạc người Nhật khiến ta

không khỏi tò mò. Sau đó ta đã tới xem buổi hoà nhạc của những đứa trẻ được ông ấy dạy dỗ tại Carnegie Hall\*. Có đứa khoảng năm tuổi, cũng có những đứa đã tằm tuổi Asuka.”

Ông Kalzas kể tiếp.

Trong ấn tượng của ông, người Nhật rất dễ thương nên có lẽ thường trông trẻ hơn so với tuổi, nhưng tất cả những đứa bé chơi nhạc hôm đó đều rất lễ phép. Vốn bản khoán không biết lũ trẻ còn nhỏ xíu thì sẽ chơi gì cho buổi hoà nhạc, ông đã rất bất ngờ khi thấy chúng có thể chơi ngon lành những bản concerto\* hay sonata\* mà các nghệ sĩ chuyên nghiệp là người lớn vẫn thường biểu diễn.

Những thanh âm tuyệt vời ấy làm rung động trái tim ông Kalzas, khiến ông không thể kìm được nước mắt. Ông có cảm giác như mình đã nhìn thấy Chúa Trời thông qua lũ trẻ.

“Qua kĩ thuật điều luyện của những đứa trẻ ấy, ta biết rằng chúng hẳn được nuôi dưỡng trong những gia đình ấm no, ngập tràn hạnh phúc. Ta nghĩ nếu không có âm nhạc, những đứa trẻ đó sẽ lớn lên đầy kiêu ngạo, nhưng nhờ chơi nhạc mà chúng dường như trở thành những người có tâm hồn phong phú, giàu tình thương tựa như thiên sứ. Người thầy dẫn dắt những đứa trẻ ấy có vẻ đã nhiều tuổi, nhưng vẫn là một quý ông khoẻ mạnh với những bước chân vững chãi. Và ngạc nhiên thay, vợ ông ấy là một người Đức... Chuyện này đã tác động rất mạnh đến ta, nên đến giờ ta vẫn nhớ rõ, như thể mới xảy ra hôm qua.”

Câu chuyện xảy ra mười năm sau khi ông Kalzas thoát khỏi Trại tập trung.

Để quên đi tất cả những gì đã xảy ra, ông Kalzas tới Mỹ, trong khoảng thời gian ấy, cuộc sống của ông cuối cùng cũng ổn định trở lại, ông đã có được trong tay sự tự do. Địa ngục vẫn còn đeo bám ông ở nơi sâu thẳm tâm hồn, nhưng nhờ có buổi hoà nhạc ấy, ông cảm thấy mình như được tái sinh.

“Ta đã nghĩ phải chăng Nhật Bản là đất nước được Chúa Trời lựa chọn để phát đi thông điệp hoà bình. Vậy nên lần này khi biết sẽ được gặp người Nhật, ta chẳng thể ng ỡ yên. Với ta, nước Mỹ giống như người cha giành

chiến thắng bằng niềm tin vào hoà bình và tự do, còn nước Nhật như người mẹ dịu dàng ôm lấy ta và chữa lành mọi thương tổn.”

“Ông Kalzas, cháu đã đứng trên sân khấu đó!”

Nghe chú Kiyohara nói vậy, ông Kalzas đứng dậy khỏi ghế và kêu ò lên đầy cảm kích.

Sau đó, vẫn đứng nguyên tại chỗ, ông lại chùng vai xuống, rồi ông vừa chầm chậm bước đi giữa căn phòng, vừa bắt đầu kể tiếp câu chuyện.

### 3.

“Cả gia đình Hannah đã sống khoảng một năm dưới tầng hầm của một gia đình người Đức mà họ quen biết ở thị trấn bên cạnh.”

Căn nhà sơn màu trắng bên ngoài, xây hai tầng trên mặt đất và một tầng hầm.

Đi từ ngoài vào hành lang tầng một sẽ thấy một cầu thang bên tay phải, có thể dùng nó để lên tầng hai và xuống tầng hầm. Tuy nhiên, lối xuống hầm được che lại bằng một tấm ván và phủ thảm dày lên trên.

Căn phòng nằm sâu bên trái là phòng ăn, từ đó có thể đi thẳng ra mặt chính diện của hành lang. Phía trước phòng ăn có một bãi cỏ rộng, trong góc trồng cây việt quất.

Tầng hầm ở ngay phía dưới phòng ăn, kèm theo một cầu thang hẹp giúp người trong nhà ra vào tầng hầm từ bên dưới bàn ăn để lấy rượu vang và thực phẩm cất trong kho.

Có đi đâu, căn hầm cũng lắm chỗ rộng khoảng mười tám mét vuông, đương nhiên không có cửa sổ để lưu thông không khí, lại còn thoáng thoảng mùi ẩm mốc, nhưng nhờ có chiếc bàn ăn và tấm thảm dày che đi nên đây cũng là nơi trú thân an toàn nhất.

Năm người gồm cha mẹ Hannah, Hannah, em trai Hannah tên là Andrew và ông cô bé đã sống dưới đó. Andrew khi ấy chỉ mới ba tuổi đầu.

Ông Janssen không được ở bên mẹ tới giây phút cuối và sau đó cũng chẳng thể quay lại tìm bà. Tuy vậy, để làm yên lòng mọi người trong gia đình, ông nói vì chạy trốn hai người sẽ không thoát được nên đành gửi bà cụ lại nhà một người dân tốt bụng gần đó.

Ông Janssen là người duy nhất biết số phận của mẹ mình. Ông căm giận bản thân bất hiếu, trách cứ mình không thể bảo vệ con, ông ngày càng đắm chìm vào rượu như để chối bỏ những cảnh tượng dù muốn quên cũng chẳng thể nào quên được.

Cư dân thị trấn này đa phần là người Đức, vì vậy quản thúc ở vùng này không đến nỗi quá khắt khe. Tuy nhiên, khoảng hai lần một tháng, cảnh sát

vẫn ghé qua kiểm tra xem người dân có che giấu người Do Thái trong nhà không.

Ngay sau mỗi lần kiểm tra, Gestapo sẽ không ghé qua nhà trong một thời gian. Hiểu được chuyện đó, nên hai đứa trẻ nhà Janssen thường tranh thủ lúc ấy để lên tầng một, nơi có trở những ô cửa sổ. Tuy nhiên, khi có bất cứ ai tới thăm, chúng lại phải lập tức xuống hầm.

Ban ngày, chủ nhà thường kéo rèm che đi ô cửa sổ hướng ra phía ngoài đường nên trong nhà khá tối. Nhưng nếu lúc nào cũng kéo rèm sẽ dễ làm nảy sinh các mối nghi ngờ, vì vậy mỗi khi nghe tiếng ủng gõ lộp cộp của quân Gestapo, gia đình lại cố tình mở cửa sổ ra và hát mấy bài đồng dao Đức.

Tiếng mở cửa sổ và dậm chân hai nhịp là lời báo hiệu “Trốn ngay, tạm thời đừng lên tiếng!” cho những người ở dưới hầm.

Hannah lúc đó khá thích thú với trò chơi trốn tìm này.

Cậu em trai Andrew có lẽ vẫn còn cảm thấy trên mặt đất rất đáng sợ nên chẳng dám rời mẹ, cậu bé hầu như chỉ loanh quanh chơi ở dưới hầm, kể cả những lúc Hannah lên tầng một.

Người mẹ vẫn lẩn cấn lo lắng Andrew có thể bị bệnh còi xương. Nhưng hơn tất cả, bà sợ rằng nếu lỡ bị phát hiện thì bà sẽ đánh mất thiên sứ bé bỏng của mình, vậy nên bà không thể cho con lên trên mặt đất.

Ở dưới hầm, không được có một chút lửa nào để tránh bị ngạt khí CO\*, cho nên bữa tối của nhà Janssen đều do gia đình người Đức đang cho họ trú nhờ nấu giúp.

Bởi vậy, vào những ngày có khách khứa tới chơi buổi sáng, họ đương nhiên sẽ không có bữa ăn. Thỉnh thoảng khi chuyện đó xảy ra, lũ trẻ cứ lèo nhèo ăn vạ nên người mẹ thường chỉ ăn một phần ba chỗ bánh mì của mình, còn lại bà để làm đồ ăn dự phòng lúc cần. Bà cũng mở sẵn một chai rượu vang, chờ cho cần bay hết, sau đó sẽ rót vào chỗ bánh mì đã khô cứng rồi đưa bọn trẻ ăn.

Người Đức đã cư mang gia đình Janssen là bà vợ nhà Klaus, cũng là giáo viên dạy đàn violin của Hannah.

Do nhà của vợ chồng Klaus chỉ cách thị trấn Hannah ở hai ki-lô-mét nên thời bình Hannah vẫn thường đi bộ từ nhà tới chỗ bà Klaus để tập đàn. Với đôi chân của một đứa trẻ, đi một quãng đường như vậy cũng khá là

mất thời gian, nhưng trong những lúc đi đi về về, Hannah thường tranh thủ kéo những bản nhạc đã học và nhảy chân sáo về nhà.

Nhờ đó, Hannah chơi rất tiến bộ, em thuộc lòng hết bản nhạc này tới giai điệu khác.

Ông Klaus là chỉ huy một dàn nhạc nào đó ở Berlin, nghe đâu tại Đức, ông cũng khá nổi tiếng.

Bà Klaus là người hiền lành, tươi vui. Về sau, Hannah nghe bà Klaus kể lại rằng, bà đã gặp gỡ chồng mình khi còn đang chơi violin trong dàn nhạc ấy, thế rồi, sau khi kết hôn, bà rời khỏi dàn nhạc, về nhận học sinh tại nhà.

Ông Klaus hay phải ra nước ngoài công diễn nên thường xuyên vắng nhà, có lẽ vì thế mà hai vợ chồng vẫn chưa có một đứa con.

Hannah thường xuyên tới luyện tập nên em là một trong những học sinh được bà Klaus hết mực yêu thương.

Gia đình Hannah đến nương tựa nhà vợ chồng Klaus là do bà Klaus kiên quyết mời cả nhà tới, cũng bởi bà nghe trên phố người ta đồn thổi về cô chị gái đáng thương của Hannah sau ngày vụ việc ấy xảy ra.

Ông Janssen vì không muốn kéo gia đình Klaus vào rắc rối nên đã một lần từ chối. Nhưng ông cũng cảm nhận được giới hạn khi phải nuôi dạy con trong thị trấn đầy xác chết cùng nỗi sợ hãi, và tới lần thứ ba nhận được lời mời, ông quyết định đưa gia đình đến nhà Klaus trú thân.

Khi sắc lệnh cấm người Do Thái ra ngoài được ban bố, kể cả ban ngày, Gestapo cũng lượn lờ khắp nơi để kiểm soát gắt gao người Do Thái. Thậm chí lúc đó có cả những người dân cổ xúy cho hành động giết người của chúng. Để tránh gặp những người như vậy, ngoại trừ lúc đi mua nhu yếu phẩm ở mức tối thiểu, gia đình Hannah từ bỏ việc ra khỏi nhà.

Đương nhiên khi đó, Hannah không thể đi tập đàn suốt mấy tháng trời, nhưng lúc ở nhà, em vẫn thường kéo đàn violin hoà với tiếng piano của mẹ, nên em nắm rất vững những gì đã học qua.

Bà Klaus thỉnh thoảng vẫn nghe ngóng tình hình luyện tập của Hannah qua mẹ em. Bà còn chỉ cho bà Janssen chương trình học của Hannah nữa.



Hannah luyện đi luyện lại kĩ thuật lấy âm, rung âm, hợp âm\* và cả những giai điệu em đã được học tính đến thời điểm ấy, nhờ vậy, em có thể kéo đàn và nhấn nhá những nốt mạnh yếu trầm bổng sao cho giàu chất nhạc hơn. Không cần phải vội vàng ngó thử xem những bản nhạc tiếp theo là gì, bởi em nghĩ sẽ sớm tới ngày em được học đàn trở lại.

Trong khoảng thời gian này, ôn tập bài cũ quá nhiều khiến Hannah thấy chán, nhưng đây lại là yếu tố cơ bản mài giũa khả năng chơi đàn của Hannah. Thậm chí có thể nói, chính giai đoạn ấy đã thúc đẩy tài năng thiên phú của Hannah nở rộ.

Kể từ khi chuyển tới nhà Klaus, mỗi khi Gestapo đi khuất, Hannah lại dồn hết tâm sức vào việc tập đàn.

Thật may mắn bởi hằng ngày em luôn có bà Klaus làm giáo viên hướng dẫn tại nhà.

Bà Klaus luôn khen ngợi Hannah. Dù Hannah có lúc chơi lẫn lộn các quãng âm làm phát ra những âm thanh kì cục thì bà cũng tuyệt đối không bao giờ mắng mỏ. Tuy nhiên, những khi em cố tình giả vờ không nhận ra những nốt sai mà chơi tiếp qua đoạn khác, bà sẽ dùng bút chì gõ vào ngón tay trái của Hannah. Sau đó, bà nhất định sẽ quở mắng một câu duy nhất.

“Làm người, không được lừa dối chính mình. Tiếng của trái tim lương thiện là tiếng nói của Đức Chúa.”

Qua mấy lần bị nhắc nhở, Hannah đã ghi lòng tạc dạ câu nói này, nhưng em không biết đó là câu nói của Lev Tolstoy\*\*.

Bà Klaus cho Hannah luyện tập những bản nhạc ca tụng nước Đức có vẻ hợp sở thích của lính Đức, ví như “Tannhäuser”\* của Wagner\*. Hơn nữa, các buổi luyện thường diễn ra trong sự chỉ dạy nghiêm khắc, buộc Hannah phải học thuộc lòng và chơi được bất cứ chỗ nào trong bản nhạc. Đến một hôm, ông Janssen không thể kìm lòng đành phải hỏi thẳng bà Klaus.

“Sao cháu nó lại phải chơi những bản nhạc ca ngợi nước Đức thế ạ?”

“Nghe này, anh Janssen, chỉ cần còn chơi được những bản nhạc này là chúng ta sẽ không bị nghi ngờ gì cả. Về cơ bản, kể cả lính Đức có loanh quanh ngoài kia cũng không sao. Hơn nữa, bản nhạc này sẽ thành bùa hộ mệnh cho Hannah. Dù có bất cứ chuyện bất hạnh nào xảy đến, Hannah

nhất định vẫn sẽ tự bảo vệ được bản thân. Anh không nghĩ vậy sao, anh Janssen?”

Biết được tấm thịnh tình sâu sắc của bà Klaus, ông Janssen cảm thấy hổ thẹn.

“Xin anh đừng lo lắng gì. Đứng trước âm nhạc, người Đức cũng chỉ là những chú mèo nhỏ mà thôi. Nhất định cách này sẽ có tác dụng. Cả Andrew nữa, đợi chút nữa là thằng bé có thể học chơi một cây violin nho nhỏ, nhưng thằng bé nhỏ con quá... Tôi mong thằng bé chóng lớn, rồi tôi sẽ dạy cho cậu chơi được ít nhất là một bản nhạc phòng thân.”

“Thưa cô giáo, nhà chúng tôi cũng chẳng còn bao nhiêu tiền để trả tiền học hằng tháng, chẳng những cô miễn học phí cho Hannah mà còn lo cho chúng tôi đến cả chuyện ăn uống, quả thật tôi không dám làm phiền hơn nữa...”

“Anh Janssen, đừng có ngại mấy chuyện vặt vãnh ấy. Chẳng tôi là một chỉ huy có tiếng, anh ấy kiếm được lắm. Chúng tôi chẳng lo nghĩ chuyện tiền bạc đâu. Tôi nhận tiền học hằng tháng của các học trò khác là vì nếu không làm thế, lũ nhỏ sẽ chệnh mảng tập tành. À mà anh Janssen này, cuối tháng này chẳng tôi sẽ về Đợi đến tối hôm đó chúng ta làm một buổi biểu diễn nho nhỏ ở nhà cho Hannah được không? Tôi muốn mọi người nghe thử xem con bé đã giỏi đến thế nào. Thật lòng nhé, con bé là thiên tài đấy. Nếu không phải sống trong thời đại này, có khi con bé có thể ra mắt với tư cách nghệ sĩ biểu diễn. Chẳng tôi chắc chắn sẽ ngạc nhiên lắm. Tôi có thể nhờ chị nhà chuẩn bị một vài món đồ ăn nhẹ và đệm đàn piano cho cháu được không?”

Ông Janssen chẳng biết nói gì, trong lòng tràn ngập lòng biết ơn, ông nắm chặt tay bà Klaus.

## 4.

Buổi biểu diễn tại nhà của Hannah diễn ra sau khi Gestapo ghé qua kiểm tra ba ngày. Đó là một ngày bình yên êm ả từ sáng.

Rất nhiều tin đồn về thị trấn nơi Hannah từng sống đến tai bà Klaus, nhưng bà không nói một lời nào với gia đình Janssen cả. Ông Janssen có lẽ cũng đã ngẫm hiểu mọi chuyện nên chẳng bao giờ ông có ý định dò hỏi tin tức.

“Tôi cảm thấy hạnh phúc nhất là vào những lúc nấu nướng. Cảm ơn bà đã luôn cho phép tôi được phụ giúp.”

Bà Janssen vừa thái táo thành từng lát mỏng rồi rải lên đế bánh táo, vừa nói với bà Klaus.

“Tuyệt vời nhất là tinh thần chúng tôi được thoải mái. Bà còn để ông cụ nhà tôi được nhổ cỏ trong vườn, để chồng tôi phụ giúp dọn dẹp nhà cửa, đi đâu đó giúp chúng tôi thoát khỏi nỗi buồn chán. Tôi không biết phải nói cảm ơn bà thế nào cho đủ.”

“Không đâu, tôi lúc nào cũng chỉ có một mình nên luôn cảm thấy cô đơn. Vì vậy, thật lòng tôi cũng vui lắm. Xin chị đừng bận tâm.”

Khi hai người phụ nữ đang tâm tình với nhau thì ông Klaus trở về

“Chà, nhà mình có mùi gì mà thơm vậy nhỉ. Anh về rồi ư đây!”

Vừa nhìn thấy ông Klaus, bà Janssen đứng ngẩn ra một lúc.

Theo lời kể của bà vợ, bà Janssen cũng đã mừng tưng ra hình ảnh của ông Klaus ở một mức độ nhất định, nhưng theo mắt nhìn của phụ nữ thì ở ngoài trông ông còn tuyệt vời hơn những gì bà từng nghĩ.

Ông Klaus có đôi mắt xanh sâu thẳm, với mái tóc màu hạt dẻ nuôi hơi dài. Ông để râu từ mang tai nối xuống đến cằm, gương mặt lại có những đường nét ngọt ngào hao hao nhà soạn nhạc Schumann\* nữa chứ. Khoẻ miệng ông đang nở một nụ cười tươi tắn. Dáng vẻ ấy gây thiện cảm cho người khác và dễ được chấp nhận, ngay cả trong xã hội đề cao đàn ông của Hitler và quân đội Đức.

“A, mình về rồi ư đây à? Sao trông mình giống con gấu trước ngủ đông với cái bụng trống rỗng thế kia.”

Nhìn ông Klaus khịt khịt mũi ngửi mùi trong bếp, bà vợ đứng cười khúc khích.

Klaus nhìn vợ, định tặng bà một nụ hôn thay lời chào nhưng nhận ra tay vợ mình đang dính đầy bơ, ông chỉ lại gần và khẽ thơm lên má.

“Rất vui được gặp ông, ông Klaus. Như ông thấy đấy, nhờ ơn của ông bà mà gia đình chúng tôi được sống vui vẻ, tôi quả thật không biết phải cảm ơn ông bà thế nào cho phải.”

“Rất vui được gặp chị. Tôi mới phải cảm ơn anh chị đã tới bầu bạn với vợ tôi. Tay chị cũng đang dính đồ ăn rồi.”

Nói rồi Klaus cũng đặt một nụ hôn phớt lên má bà Janssen.

“Ôi, làm thế nào bây giờ nhỉ, được nhận một nụ hôn từ quý ông tuyệt vời khiến tôi thấy chùng mình bị lu mờ quá.”

“Mình đã được người ta khen đến vậy, thì phải làm sao với cái bụng khó coi đang bắt đầu xờra kia đi thôi.”

Nghe vậy, ông Klaus hít một hơi thật mạnh, cố làm bụng xẹp lại như muốn ngậm bảo vợ “thế này đã được chưa?”, rồi cả ba người trong bếp cùng cất tiếng cười giòn giã.

Bữa tối bắt đầu từ lúc năm giờ.

Chỉ riêng ngày hôm đó, vợ chồng Klaus cùng được ngồi quây quần với gia đình Janssen quanh bàn ăn.

Bữa tối hôm đó có cháo yến mạch, phô-mai, bia, xúc xích, sa-lát, bánh mì, khoai tây chiên kiểu Đức, chỉ một vài món giản dị như vậy thôi nhưng đối với gia đình Janssen, một bữa cơm ấm cúng và có thể xin thêm khi ăn hết đã là một niềm hạnh phúc quá đỗi lớn lao rồi.

Klaus đã biết việc của gia đình Janssen qua thư của vợ nên ông mua sẵn sô-cô-la về làm quà cho Hannah và Andrew. Andrew tưởng rằng sẽ có một ông bác đáng sợ trên tầng một, nhưng khi nhận được sô-cô-la từ tay Klaus, nỗi sợ hãi trong lòng cậu bé bay biến hết.

Kể từ khi chiến tranh bắt đầu, công việc của Klaus bận rộn hơn.

Không còn các buổi biểu diễn cho các nước đối địch như Mỹ nữa, thay vào đó số lần đi công tác gần - đến những doanh trại lính Đức - tăng lên,

cũng nhờ vậy mà trong quân đội Đức, Klaus được biết tới rộng rãi và thậm chí còn được đánh giá rất cao.

“Có một chuyện đã diễn ra trong buổi biểu diễn ở trụ sở Đảng Quốc Xã, một ngày sau khi Quốc trưởng Hitler thống nhất Áo. Ngồi chệch hướng về bên trái ngay hàng đầu tiên sát ghế khán giả là một nghệ sĩ biểu diễn violin được gọi là Bạc thầy biểu diễn. Nhưng hôm đó, ngay khi chơi đoạn đầu tiên của “Bản giao hưởng Định mệnh”\* của Beethoven thì dây đàn của ông bị đứt. Ngay lập tức, một chiếc đàn khác được đưa từ hàng ghế sau lên để thay thế, nhưng một lần nữa dây đàn của Bạc thầy biểu diễn lại bị đứt tại đoạn dạo “Ta Ta Ta Tăng...” thứ tư. Lần này lại thêm một chiếc violin thay thế từ hàng violin thứ hai phía sau được chuyển lên. Hitler chứng kiến đủ, ông ấy tiến tới chỗ Bạc thầy biểu diễn, ghé vào tai ông ta nói gì đó. Kể từ đó, dây đàn của ông này không bị đứt nữa... Nói thế chẳng sai, nhưng cũng có thể nói một cách khác rằng không cần phải lo dây đàn của ông ta đứt nữa. Cháu có hiểu vì sao không?”

“Vì cây đàn violin sợ Hitler ạ?”

Andrew đan hai bàn tay bé nhỏ vào nhau thành hình chữ thập và run rẩy.

Nhìn thấy Andrew có vẻ hoảng sợ, Klaus quệt mứt việt quất lên miếng bánh quy rồi đưa tới gần khuôn miệng nhỏ xinh của Andrew.

“Đúng rồi, đúng như Andrew nói. Sau đó, khi ta hỏi người nhạc công về những lời Hitler đã nói, ông ta thuật lại như sau: ‘Lần này còn đứt dây đàn nữa, ta sẽ chuyển người tới Trại tập trung.’ Vậy nên ông ta cố hết sức kéo đàn sao cho tuyệt đối không làm dây bị đứt. Ngày hôm đó trải qua hai lần sự cố như vậy nên cả dàn nhạc ai cũng chơi âm rung hay hơn hẳn. Ha ha ha.”

Phải đến hai năm rồi, cả gia đình Janssen mới được ngồi quanh bàn ăn ấm cúng mà không có chút muộn phiền nào. Người nhà Janssen sẽ lại phải xuống hầm, sống những ngày không tiếng cười, vậy nên lúc này tất cả mọi người đều cười cho thật thoải thích.

Andrew từ khi nhận thức được mọi thứ xung quanh đã được dạy dỗ phải luôn khẽ khàng lời ăn tiếng nói. Đây là lần đầu cậu bé thấy cả gia đình ngồi ăn mà cười rộn vang như vậy.

Ban đầu Andrew vẫn còn ngỡ ngàng, chỉ biết tròn mắt nhìn quanh, nhưng rồi em cũng ôm bụng cười ngặt nghẽo. Nhìn bộ dạng của cậu nhóc, hai vợ chồng Klaus cũng cất tiếng cười vang. Dẫu rằng cậu bé vẫn chưa hiểu chuyện gì, nhưng hình ảnh Andrew cố gắng cười khanh khách theo cả nhà thật đáng yêu, ngộ nghĩnh.

Đến khoảng tám giờ, bà Janssen cùng bà Klaus bày bánh táo, hõng trà cùng đĩa hoa quả ra bàn. Lâu lắm mới được ăn một bữa tráng miệng như vậy nên Andrew vui mừng trèo lên ghế sofa nháy tưng tưng, thế là cậu bé liền bị bố mắng.

“Nào, Hannah, giờ cháu hãy cho ta và gia đình được thấy tài năng thiên phú của cháu.”

Klaus ngả người, ngó lún sâu vào ghế sofa.

Hannah chơi Chương bốn của bản “Haffner Serenade”\*, khúc Rondo\* của Mozart\*, rồi đến bản “Largo Epressivo”\* của Pugnani\*, sau đó, cô bé cùng với phu nhân Klaus chơi bản “Canon”\* của Pachelbel\*. Bà Janssen vừa đệm đàn piano vừa cảm thấy hãnh diện trước sự trưởng thành đáng ngạc nhiên của con gái.

“Cuối cùng, cháu xin chơi bản ‘Ave Maria’ của Schubert để hướng tới ngày mai.”

Hannah khác với những học sinh khác của bà Klaus, dù phải chịu cảnh bị Đức Quốc Xã truy sát gắt gao, cô bé lại hợp với những bản nhạc du dương chậm rãi, tạo nhiều cảm xúc hơn là những tiết tấu nhanh của Rondo.

Mang theo thanh âm trong trẻo tựa như có khả năng thanh tẩy bất tận vô vàn những cảm xúc khác nhau mà con người ta nếm trải trong đời, bản “Ave Maria” của Hannah chậm rãi đi đến hồi kết.

“Ôi, Hannah, con chơi hay quá, chơi hay quá! Hãy cho ta nghe lại đi.”

Ông Janssen nước mắt đầm đìa ôm lấy Hannah.

Klaus tỏ vẻ rất hài lòng. Hoặc thực ra ông đang ngậm ngùi, không thể không cảm thấy đáng tiếc cho tài năng của Hannah. Hannah không chỉ có khả năng trở thành ngôi sao trẻ tuổi của dàn nhạc, năng lực của cô bé thậm chí sẽ còn nở rộ hơn thế, đủ để đưa em trở thành một trong những nghệ sĩ độc tấu hàng đầu thế giới, vậy mà tài năng hiếm có ấy lại bị chôn vùi bởi thời đại nhiễu loạn này.

“Hannah, cháu là một nghệ sĩ violin hết sức tài năng. Vẫn còn nhiều đi đâu cháu cần phải học hỏi thêm. Ví như khi cháu chơi “Ave Maria”, trong đoạn chuyển từ âm vực thấp dần dần lên cao, cháu hãy dùng toàn bộ vĩ để kéo nhằm cảm nhận sâu hơn, đối diện trực tiếp với những suy nghĩ trong lòng.”

Để làm mẫu cho Hannah, Klaus kéo từ đầu này sang đầu kia của cây vĩ.

Những người khéo léo thường có thể tạo ra âm thanh tương đối ổn chỉ bằng cử động phần phía trước của bàn tay nhưng có vẻ Klaus không muốn Hannah trở thành một nghệ sĩ giống như vậy. Hannah chú tâm vào những gì Klaus vừa nhắc và thử kéo lại từ ô nhip thứ mười chín cho tới ô nhip thứ hai mươi ba.

“Đúng rồi. Chú trọng những nốt luyện âm để không bị ngắt giữa chừng. Không để những âm rung bị cắt nhỏ quá. Nào, giờ cháu thử chơi lại từ đầu xem. À phải rồi, tuyệt đối không được quên trái tim mình đâu nhé. Cháu hãy gửi gắm hết những mong muốn của bản thân vào trong khúc nhạc này.”

Hannah nhắm mắt lại.

Tiếng đệm piano của mẹ khe khẽ vang lên.

Hannah mừng rỡ về một ngày bình yên và hạnh phúc đã qua. Ngày mà em cùng mẹ và chị nướng bánh quy. Buổi sáng ngày em trai em chào đời. “Con chẳng cần ngày gì đặc biệt, vậy nên cần xin Người hãy trao cho mọi người những tháng ngày bình yên...”

Hannah mãi mê kéo đàn, trái tim mang theo những ước nguyện vô cùng giản dị, và khi giai điệu chính lặp tới lần thứ ba, bản nhạc đi tới hồi kết thúc, tựa như các âm thanh đã dần dần tan biến.

Klaus không thể vỗ tay tán thưởng hay cất tiếng ngợi khen màn biểu diễn của Hannah. Ông vẫn nhắm nghiền đôi mắt. Hannah lo lắng cất tiếng gọi.

“Bác Klaus?”

Klaus chần chịt mở mắt, ông đứng dậy khỏi sô-pha và tiến tới gần Hannah, ôm lấy đôi vai vẫn còn quá nhỏ bé của em.

“Cháu là thiên tài. Cứ như có rất nhiều thiên thần vây quanh ta và ta đã được tới chốn thiên đàng vậy. Quá hoàn hảo! Ta không có gì để dạy cháu nữa. Hannah, cháu phải luôn nhớ, dù trong bất kì hoàn cảnh nào, khi chơi

nhạc, hãy gửi gắm tất cả trái tim mình vào âm thanh. Âm thanh là một thực thể sống biết làm lay động trái tim của con người. Ta vẫn thường nói với những thành viên trong dàn nhạc của mình rằng: ‘Thế giới của âm thanh không can hệ gì tới thời đại hay chiến tranh, thế giới đó chỉ tồn tại trên thiên đường, nơi thuộc về Chúa Trời và trong những trái tim lương thiện.’ Chính bởi vậy mà con người không thể ngừng yêu âm nhạc. Những ai đang sống lương thiện thì trái tim càng trở nên đẹp hơn, và những kẻ xấu xa thực chất cũng mong muốn được cứu rỗi tâm hồn, nhờ vào bản nhạc ‘Ave Maria’ mà cháu vừa chơi.”

Hannah vui mừng khôn xiết. Tuy nhiên, một niềm vui to lớn hơn thế vẫn đang chờ đợi em.

“Tiện đây, Hannah, cỡ đàn của cháu nhỏ quá rồi. Nếu không thay sang cỡ đàn chuẩn thì các ngón tay cháu sẽ bị dính vào nhau mất.”

Klaus nói rồi cúi xuống kéo từ trong gầm ghế sofa ra một chiếc hộp đựng đàn cỡ chuẩn.

“Cháu mở ra đi. Quà cho cháu đấy.”

Bà Janssen ngỡ ngàng, bà lịch sự từ chối vì không muốn làm phiền ông bà Klaus hơn nữa, nhưng ông Klaus xua xua bàn tay trái và bảo rằng chiếc đàn chẳng phải đồ cao cấp nên mong bà không ngại. Thấy Hannah vẫn dè dặt, Klaus bèn mở hộp đàn hộ cô bé.

“Ôi, tuyệt vời quá. Cái này là đàn cỡ ạ?”

Hannah cầm cây đàn lên ngắm nghía.

“Đây không phải là đàn cỡ. Đàn chỉ mới được làm gần đây thôi, nhưng một người nghệ nhân với tay nghề bậc nhất thiên hạ đã tốn hai năm để hoàn thành nó với hình dáng như một cây đàn cỡ. Cháu thấy đấy, nó giống hệt như một chiếc đàn Cremona\* Amati là họ của một gia đình nghệ nhân làm đàn nổi tiếng ở Cremona từ năm 1538 đến 1740, cũng được lấy làm tên gọi cho các cây đàn do họ tạo nên của thế kỷ mười bảy. Nhưng không chỉ có thế, mặt đàn cong nên cây đàn phát ra âm thanh ngọt ngào thanh thoát như đàn Amati\*, mà vẫn âm vang vượt trội. Ta thích điểm này nên mới mua cây đàn để dành. Đương nhiên, đi đâu này bí mật với vợ ta.”

Bà Klaus vừa cười vừa trách yêu chồng.

“Mình đúng thật là...”

Nói rồi bà cầm cây đàn từ tay Hannah và chỉnh dây giúp cô bé.



“Ôi, cái gì đây hở mình? Trên chốt chỉnh âm có khắc chữ D.B.L. này.”

“À, cái đó ấy à. Nghệ nhân tên Paul chế tạo cây đàn này và anh ấy đã khắc chúng. Mấy chữ ấy viết tắt cho cụm từ ‘Das Beste Leben’ - cuộc đời tuyệt vời.”

Phu nhân Klaus gạt gù ra vẻ tâm đắc, bà thử kéo đàn để bắt đầu chỉnh âm.

“Chà chà...”

“Thấy không?”

Klaus nói với vẻ hãnh diện trước sự ngạc nhiên của vợ.

“Hannah, con hãy thử chơi đoạn đầu bản ‘Largo Espressivo’ với cây đàn này xem.”

Bà Klaus đưa lại cây đàn cho Hannah.

Hannah làm theo lời bà Klaus, chơi đến ô nhịp thứ bảy. Âm thanh tuyệt vời trên mức tưởng tượng khiến Hannah thích mê cây vĩ cầm này.

“Hannah, con chơi thêm một chút nữa đi. Khi nào ta ra hiệu hãy dừng lại.”

Nhưng rồi bà Klaus đắm mình trong bản nhạc đến nỗi quên cả việc ra hiệu.

“A, xin lỗi con nhé, Hannah. Ta mãi nghe quá.”

“Bác Klaus, cháu xin cảm ơn bác. Cháu sẽ giữ gìn cây đàn cẩn thận.”

Hannah kẹp cây đàn dưới cánh tay, khẽ chùng gối cảm ơn vợ chồng Klaus.

Ông của Hannah đang lặng lẽ lắng nghe cuộc hội thoại của mọi người, và lần đầu tiên kể từ khi tới nhà Klaus, ông lên tiếng.

“Ông bà Klaus, thực sự cảm ơn ông bà đã lựa chọn một cây đàn tuyệt vời cho đứa cháu của tôi. Nhưng, tôi thấy nên thế này, thưa ông Klaus. Chúng tôi không thể xin ông bà cả bộ đàn. Tôi, vợ tôi, và cả bố mẹ Hannah nữa, vốn mong có thể cho cháu nó một cây đàn bằng chính sức mình. Ít nhất ông hãy để chúng tôi trả tiền cây đàn được chứ?”

“Thành thật mà nói thưa cụ, tôi nghĩ gia đình nên giữ lại một chút tiền cho bản thân. Thêm nữa, hiện nay đồng tiền của người Do Thái không thể sử dụng được nữa rồi.”

Klaus từ tốn nói.

“Nhà tôi vốn mở cửa hàng buôn bán, tiền cũng đã đổi sang Mác Đức cả rồi. Xin ông đừng ngại. Gia đình chúng tôi quả thật muốn thế. Coi như đây là kỉ vật của chúng tôi...”

Lần này tới lượt bố của Hannah cậy nhờ.

“Mọi người không cần lo lắng đến việc lưu lại kỉ vật làm gì. Gia đình cứ chờ thêm một thời gian nữa, chắc chắn cả nhà ta sẽ lại được quay về với cuộc sống trước kia thôi. Chúa Trời nhất định sẽ không để những chuyện này tiếp diễn mãi.”

Bà Klaus đáp lời.

“Cây đàn vốn đã đắt. Lại thêm cây vĩ và hộp đựng đàn bằng da này nữa. Ít nhất xin hãy để chúng tôi trả tiền cho cây đàn. Nếu không, bản thân chúng tôi cũng khó ở lại đây.”

Mẹ Hannah lên tiếng.

“Tôi hiểu. Hannah, cây đàn này chứa đựng ước mong và tình cảm của cả gia đình cháu. Sau này lớn lên, kể cả khi cháu sống một mình, thì chỉ cần có cây đàn này ở bên, cháu sẽ luôn có thể nhớ về gia đình mình.”

“Ông Klaus, tôi thật sự cảm ơn ông. Không biết bà ấy đang làm gì... Tôi thật muốn cho bà ấy thấy Hannah của ngày hôm nay...”

“Thôi, cũng đã muộn rồi, cho phép chúng tôi dọn dẹp rồi quay lại hần trú ẩn ạ.”

Ông Janssen nói vội, gần như cắt lời ông.

“Anh Janssen, ở dưới hần nếu có gì bất tiện, đừng ngại gì cả mà cứ nói với tôi. Cả Andrew nữa, khi nào con quen với chúng ta, hãy lên trên này cùng chị nhé. Vừa hay có một cây đàn cỡ 1/16 của một cậu bé để lại do không dùng được nữa, Andrew có muốn dùng nó để học chơi đàn violin không?”

“Được như vậy thì tốt quá, thưa bà. Xin nhờ cả vào bà. Còn cuộc sống dưới hần khiến chúng tôi rất an tâm, không có đi đâu gì bất tiện cả.”

Nghe bà Janssen nói vậy, bà Klaus mở nắp chiếc hộp nằm dưới chân đàn piano, lấy ra một cây violin và đặt lên vai trái của Andrew.

“Con hãy giữ cây đàn thật chắc, kẹp ở cổ nhé. Đúng rồi, giữ thật chắc như thế. Giờ con vươn tay trái ra nào, con có nắm được đến đâu xoắn xoắn kia không?”

Andrew vừa gắng hết sức dùng cằm và vai kẹp chặt cây đàn violin tưởng như sắp rơi tới nơi vừa vươn tay trái ra với vẻ nơm nớp lo sợ.

“Vừa đẹp. Vậy ngày mai chúng ta bắt đầu luôn. Andrew, con sẽ học cách nâng đàn bằng cằm và vai nhé.”

Andrew sung sướng nhảy chân sáo thoăn thoắt. Nhờ buổi hoà nhạc tại gia hôm đó mà cậu bé quên hẳn nỗi sợ hãi với từng một.

“Quả thật việc gì chúng tôi cũng mang ơn ông bà. Ôn này của ông bà, chúng tôi có trả cả đời cũng không hết. Cầu mong cho ông bà Klaus đây luôn được Chúa Trời chở che.”

Ông nội Hannah vừa nói vừa đưa tay gỡ chiếc mũ Kippah đặc trưng của người Do Thái khỏi đầu, áp nó vào ngực rồi cúi người kính cẩn.

## 5.

Từ hôm sau, Andrew bắt đầu luyện tập.

Cậu bé yên tâm lên tầng một trong mười ngày liền.

Có lẽ, nhờ từng quan sát dáng đứng của Hannah nên phong thái của Andrew tốt hơn hẳn so với buổi tập đầu tiên của chị gái. Chỉ sau bốn ngày, cậu bé đã giữ được đàn cố định, khi thử kéo một chút, đàn cũng không bị xô dịch, vậy là cậu có thể bắt đầu học chơi nhạc.

“Dây mảnh nhất ở đây là nốt Mi. Nào, con kéo đàn thử xem.” Andrew thử lướt cây vĩ từ trên xuống. Một tiếng rít vang lên.

“Đúng rồi, đúng là như vậy đó, Andrew. Nhưng, âm thanh của chị con lại khác. Hannah, con chơi thử nốt Mi đi. Không rung nhé.”

Hannah bắt đầu luyện tập với cây đàn kích thước tiêu chuẩn từ hôm nay. So với chiếc đàn kích cỡ 3/4 trước kia, âm thanh lớn hơn hẳn.

“Andrew, con thấy thế nào?”

“Không phải là tiếng rít mà là tiếng vi vu ạ, thưa cô.”

“Ha ha. Đúng rồi, con hiểu rõ sự khác nhau rồi đấy. Không biết là âm Andrew kéo hay là chị Hannah kéo hay hơn nhỉ.”

“Cái đó thì chị kéo hay hơn ạ.”

Andrew nhìn Hannah với vẻ đăm đăm ngưỡng mộ.

Hannah là chị, nhưng với Andrew từ trước tới nay chưa bao giờ cậu bé ngưỡng mộ hay coi chị trên mình một bậc, chẳng qua chị sinh ra trước cậu có mấy năm mà thôi. Hai chị em được nuôi dạy cùng nhau, đây là lần đầu tiên cậu bé thấy Hannah thật tuyệt vời.

“Vậy ta hãy tìm cách kéo được âm thanh giống như chị nhé. Vì Andrew để vĩ lên dây quá nhẹ nên chỉ kéo ra được tiếng rít thôi, ừm, ta phải giải thích thế nào đây nhỉ... Nào, Andrew, con tạm đặt cây đàn xuống chân đã nào.”

Không biết có phải do vừa đặt ra mục tiêu mới là kéo được âm thanh giống chị Hannah hay không mà mắt Andrew bắt đầu sáng lên hấp háy.

“Ta cùng tập thử dục cho vai nhé. Vươn vai lên, hạ xuống, vươn lên, hạ xuống. Rồi, giờ con thử kẹp đàn lên một lần nữa nào.”

Bà Klaus lấy chun vòng buộc vào đầu cây vĩ một chiếc xe ô-tô đồ chơi nhỏ xinh bằng thiếc.

“Ôi.”

“Thế này thì đầu vĩ của con nặng hơn r ồi đúng không? Giờ con kéo lại một lần nữa mà không ấn vĩ lên dây nhé. Lướt thẳng qua khoảng giữa bàn phím và ngựa đàn. Chú ý, không được khom lưng. Chân mở ra và không được đung đưa người nhé.”

Lần này cậu bé không còn kéo ra âm rít nữa mà đã gấn giống tiếng vi vu hơn.

“Đúng, đúng thế đó. Con không được quên âm thanh đó đâu nhé. Con là một thiên tài. Nào, hôm nay chị Hannah sẽ chơi bài ‘Twinkle Twinkle Little Star’, Andrew kéo dây La và dây Mi theo nhịp thôi nhé. Hai ba!”

Đúng như được bảo, Andrew cố gắng chơi theo nhịp điệu mà Hannah biểu diễn.

“A ha, con kéo được r ồi. Con chơi được đàn này.”

Tay trái cầm đàn, Andrew reo lên, bật nhảy tưng tưng.

Chỉ trong vòng có một tháng, Andrew đã chơi được bài “Twinkle Twinkle Little Star”.

Khi đã biết đến niềm vui với cây đàn violin, Andrew cảm thấy rất chán nản những lúc phải trốn dưới hầm cả tuần liền mỗi lần gần tới những ngày nguy hiểm.

Đối với cậu bé lúc này, cây đàn nhỏ là thứ đồ chơi và cũng chính là người bạn duy nhất. Andrew muốn ít nhất cũng được mang đàn xuống hầm, cứ luôn làm nũng và nài nỉ. Nhưng rủi mà có âm thanh nào từ nó phát ra thì không chỉ gia đình Janssen mà cả tính mạng của vợ chồng Klaus cũng sẽ bị đe dọa, vậy nên, ông bà Janssen không thể chiều ý con mình.

Cứ lên tầng trên là Andrew lại nhận được nào thì sô-cô-la, nào thì hoa quả, cả quà tặng nữa, vậy nên cậu bé luôn ngóng chờ đến ngày lại được tập đàn. Kể cả lúc cậu bé nhận biết được rằng quân Gestapo đã tới, cậu vẫn vui như mở cờ trong bụng, vì cậu hiểu rằng mình sắp được học đàn sau khi chúng ra về.

Tuy nhiên, Gestapo có thể ghé lại nhà nhiều lần vào cùng một ngày nên dù chúng có bỏ về, lũ trẻ cũng không được lên ngay tầng trên.

Từ ngày còn nhỏ, Andrew đã được nghe tiếng đàn violin của chị nên cậu bé nuôi dưỡng khả năng cảm âm thiên phú. Bằng chứng là với hầu hết các bản nhạc, cậu chỉ cần một lần là nhớ và chơi được mà không cần nhìn nhạc phổ. Có thêm một học sinh ưu tú như Andrew bên cạnh Hannah, bà Klaus rất mong chờ sự trưởng thành của hai đứa trẻ.

Sau ba tháng, Andrew đã chơi được bản “Gavotte”\* của Gossec\*, cậu có thể hoà tấu cùng với ông Klaus chơi cello, Hannah và bà Klaus đệm đàn violin thứ, trở thành một thành viên trong những buổi biểu diễn âm nhạc tại nhà.

Klaus kết thúc kì nghỉ dài ngày, tiếp tục lên đường tham gia các cuộc lưu diễn.

## 6.

Một buổi chiều, khi Klaus vừa rời đi được khoảng hai ngày, ngoài thềm nhà có tiếng mèo kêu.

Bà Klaus mở cửa ra liền thấy một chú mèo Xiêm gầy gò ngẩng đầu đó. Nhìn kĩ thì toàn bộ râu của con mèo ngắn cụt ngắn như thể bị ai đó cắt đi, trông bộ dạng ấy, người ta dễ thấy tủi lòng.

“Ôi chà, chú mày ở đâu đến vậy? Chắc đói bụng lắm rồi hả?”

Nói rồi, bà Klaus ôm lấy con mèo và bế vào nhà.

Bà vừa cho một chút sữa vào đĩa, con mèo đã chạy đến uống hết, đôi mắt lim dim ra chiều khoan khoái. Thấy nó cứ liếm mãi cái đĩa, bà Klaus cho nó thêm chút nữa. Chẳng mấy chốc, chỗ sữa lại hết sạch, con mèo ngẩng lên nhìn bà Klaus vùi vỉnh, kêu liên tục. Bà Klaus đành vào bếp lấy một ít thịt khô, xé nhỏ ra cho nó, và con mèo lại ăn hết bay chỗ thịt trong nháy mắt.

Có lẽ con mèo đã bị đói khá lâu. Được một lúc, vẻ như rất hài lòng, con mèo bắt đầu lẹm đi lẹm lại động tác liếm chân trước rồi dụi dụi lên mặt. Bà Klaus đã thả nó ra ngoài, nhưng nó nhất quyết không đi nên bà quyết định đành nuôi nó thêm một thời gian. Bà thầm nghĩ, có thể con mèo sẽ thành một người bạn tốt của Hannah và Andrew.

Hannah và Andrew luôn lên tầng trên vào khoảng hơn hai giờ chiều.

Đầu tiên, Hannah sẽ lộ mặt ra từ chỗ tấm thảm bị chùng xuống để kiểm tra tình hình trên mặt đất nhưng hôm nay, có một con mèo ngẩng đầu lù lù trước mặt em. Hannah giật bản mình, vô tình ngã ngửa xuống sàn tầng hầm. Andrew ngó qua khe hở trên tấm thảm để xem có chuyện gì thì ngay trước mắt cậu bé, con mèo đột ngột cất tiếng “meo”.

Andrew mừng rơn, nhào người ra khỏi tấm thảm và tóm được con mèo.

“Chị ơi, nhanh lên, nhanh lên, em bắt được con mèo rồi.”

Andrew vừa giữ con mèo giữa ngực và cánh tay trái, vừa kéo tay phải của Hannah đang thò ra từ bên dưới tấm thảm.

“Andrew, thôi nào. Đau quá, đau quá.”

“Chị nhanh ra đây đi. Nhanh lên!”

“Kìa Andrew, kéo mạnh thế tóc chị cọ vào thảm đứt mất.”

Hannah ra khỏi tấm thảm với mái tóc rối bù, cô bé chăm chú nhìn vào mặt chú mèo và bật cười.

“Nhìn kì quá.”

“Sao lại kì ạ?”

Andrew thắc mắc.

“Thì bởi râu nó cụt hết rồi kìa.”

Andrew nhìn chăm chặp vào mặt con mèo.

“Ừ nhỉ. Nó chẳng có râu gì cả. Kì quặc ghê!”

Nói rồi cậu bé chuyển con mèo cho Hannah ôm.

Hannah vừa lấy tay vuốt về trán con mèo, vừa chạy vào phòng khách tới chỗ bà Klaus.

“Ái chà, Hannah, Andrew, hai đứa phát hiện ra con mèo rồi à? Trông nó hơi gầy gò một chút nhưng cũng đáng yêu đúng không? Nó đến nhà mình từ hôm qua rồi, vì muốn làm bạn với hai đứa đó.”

“Cô ơi, con mèo này tên là gì thế ạ?”

“Tên à... Giao cho Andrew đặt tên cho nó nhé. Con mèo này vẫn chưa có tên.”

“Nó nhỏ xíu, khuôn mặt cũng kì lạ nữa, hay gọi nó là Bé Con đi ạ.”

“Vậy là nhà có Andrew bé con giờ thêm cả mèo Bé Con nữa, đủ một đôi bé con nhỉ.”

Bà Klaus cười nói.

“Con không còn bé nữa đâu. Mà nhóc này có bộ râu ngắn ngủn, nên con sẽ đặt tên nó là Ngắn Ngủn. Ngắn Ngủn được đấy ạ.”

Sau đó, Andrew vui thích với việc rượt đuổi Ngắn Ngủn chạy vòng vòng khắp phòng và chơi đùa cùng nó còn hơn cả luyện đàn.

Bà Klaus không ngăn Andrew chạy trong phòng. Đã mất quá lâu nét trẻ thơ mới trở lại trong con người Andrew. Ngắn Ngủn có vẻ là một chú mèo biết cảm âm tốt. Mỗi lần âm sắc trong tiếng đàn của Andrew chuệch choạc là Ngắn Ngủn lại cụp tai ra sau. Andrew thấy làm thú vị, cậu bé cố tình kéo



ra những tiếng két két chói tai. Mới đầu, bà Klaus nhìn cảnh ấy cũng mỉm cười cùng cậu bé, nhưng rồi đến lần thứ tư thì bà buộc phải mắng Andrew.

“Làm thế sẽ hỏng đàn, còn làm hại đến tai con nữa đó, Andrew. Đến cả trái tim con rồi cũng sẽ bắt đầu trở nên trơ lì, vô cảm, thậm chí chấp nhận những âm thanh kì quái như thế mất. Không được làm vậy nữa!”

Lúc đó, cả Andrew lẫn Hannah đều tin rằng, dù hoàn cảnh sống khó khăn, nhưng quãng thời gian vui vẻ mỗi ngày này sẽ kéo dài mãi.

Mùa đông lạnh lẽo trôi qua, khi hoa tulip đã nở hết, nhận được tin ông Klaus sắp trở về từ chuyến lưu diễn, mọi người quyết định sẽ lại thực hiện một buổi biểu diễn tại gia.

Klaus trở về sớm hơn kế hoạch hai ngày.

“Anh về rồi đây!”

Klaus muốn làm vợ bất ngờ với chuyện về nhà sớm hơn dự kiến nên ông mở khoá bước vào nhà mà không đánh tiếng.

Đúng khoảnh khắc đó, Ngân Ngân lách qua khe cửa chạy vụt ra ngoài.

Klaus không biết nhà vừa mới nuôi mèo, hai tay lại đây áp những quả cáp, đồ đạc, nên ông chẳng để ý thấy chú mèo chạy qua dưới chân mà cứ thế tiến thẳng về phía bếp.

Bà Klaus đang chuẩn bị bữa trưa, vừa quay người lại thì bật ngửa khi nhìn thấy chồng mình đang đứng ngay cạnh bếp, bất ngờ đến mức suýt đánh rơi chiếc đĩa trên tay.

“Gì thế này, mình làm em giật mình đấy.”

“Xin lỗi khiến em bất ngờ. Anh được về sớm hơn dự kiến. Bọn trẻ vẫn ổn chứ?”

Vừa nói Klaus vừa ngẩng nhìn gương mặt người vợ lâu ngày mới gặp xem có gì thay đổi không.

“Đương nhiên là ổn. Nhưng vẫn chưa có kế hoạch cho buổi biểu diễn trong nhà đâu nhé.”

Nhận ra chồng đang quan sát mình, bà Klaus cố tình biểu lộ cảm xúc có phần quá lên sao cho trông thật khoẻ khoắn.

“Được thôi, lúc nào cũng được. Lần này cho anh tham gia với.”

“Ôi trời, mình có nhìn thấy Ngấn Ngủn đâu không?”

“Ngấn Ngủn là gì thế?”

Bà Klaus giải thích lại cho chồng về con mèo Xiêm cụt râu.

“Sau khi mình đi, nó đã tới và trở thành một thành viên của gia đình.”

“Anh không nhìn thấy nó...”

“Ngấn Ngủn! Ngấn Ngủn! Ngấn Ngủn, có sữa đây rồi! Ngấn Ngủn...”

Mặc cho bà Klaus gọi tên bao nhiêu lần, vẫn không có tiếng mèo đáp lại.

“Tệ thật. Andrew sẽ khóc mất thôi. Nhất định là lúc mình vào nhà, nó đã lên ra mất rồi.”

“Vậy anh ra ngoài tìm thử xem sao.”

“Vậy nhờ mình nhé. Xin lỗi mình, mình vừa mới về tới nhà vậy mà...”

Klaus nhún vai, ra hiệu với vợ rằng cũng chẳng còn cách nào khác.

“Bác!”

Andrew bất thành linh chạy tới bên Klaus.

Klaus quay về phía Andrew, cất giọng trầm trồ.

“Ái chà cháu lớn phổng lên rồi này.”

Nói rồi Klaus bế bổng Andrew bé nhỏ lên. Niềm vui vì được gặp lại Klaus và cảm giác giải phóng khi lên mặt đất khiến Andrew cất tiếng cười khanh khách.

“Andrew, ai cho con lên trên này khi ta chưa ra hiệu!”

Bà Klaus nghiêm khắc trách mắng Andrew trong khi cậu bé vẫn còn đang mải mừng rỡ một cách vô tư.

“Vì có tiếng bác nên con, con mới...”

“Thôi nào, có sao đâu.”

Klaus đỡ lời cho Andrew, nhưng vợ ông không bằng lòng.

“Có sao đấy. Andrew, nghe này. Việc này sẽ đe dọa tính mạng của tất cả mọi người đấy. Con mau quay về hầm ngay.”

Bà Klaus rất hiếm khi mắng mỏ lũ trẻ nên Andrew kinh ngạc vô cùng.

Andrew còn quá nhỏ để hiểu mình đang ở trong tình huống nguy hiểm đến thế nào, nhưng cậu bé vẫn sợ xanh mặt, lò mò nhận ra mình đã làm một điếu gì đó không hay.

Đúng lúc đó, phía ngoài cửa ra vào có tiếng mèo kêu khe khẽ.

“Suýt!”

Klaus lên tiếng.

Tiếng mèo dần tiến lại gần hơn. Cảm giác trong tiếng kêu có chút gì đó bất thường dù không quá rõ rệt.

“Andrew, trốn đi! Vào trong tấm rèm phía sau, nhanh lên! Tuyệt đối không được cử động.”

Klaus vừa mới nói hết câu, tiếng gõ cửa đã dần dập vọng lại.

“Mật vụ Đế quốc Đức Quốc Xã đây! Mau mở cửa!”

Sau khi hít thở một hơi thật sâu, Klaus từ từ bước ra mở cửa.

“Chà, ông Klaus à. Đây có phải mèo nhà ông không?”

Một người đàn ông mặc quân phục đứng nơi ngưỡng cửa.

“À, vâng. Tôi đang định đi tìm nó. Cảm ơn anh.”

Chú mèo nhỏ bị viên mật vụ túm gáy bằng tay trái, ở nguyên tư thế đó khi được chuyển tới tay phải của Klaus, và cuối cùng nằm gọn trong cánh tay bà Klaus đang đứng sau lưng chõng.

Như để thể hiện lòng trung thành, gã đàn ông đứng thẳng người lại, chân trái gõ vào chân phải bộp một tiếng, giơ tay phải lên và cất tiếng chào.

“Heil Hitler!”\*

Klaus cũng đứng thẳng người, chào lại y hệt viên mật vụ.

“Ông Klaus, có giấy triệu tập từ Bộ Tổng Tư lệnh cho chuyển tiến quân đến Liên Xô.”

Trao xong lệnh triệu tập vào tay Klaus, gã lại đứng thẳng người và hô lớn “Heil Hitler!”

Chộp lấy giây phút đôi tay của bà Klaus trở nên lơ là, Ngấn Ngủn tuột xuống khỏi người bà, và theo kịch bản tệ hại nhất, nó chạy ngay tới chỗ tấm rèm, vừa cọ người vào đúng hai xen-ti-mét phần cẳng chân Andrew đang lộ ra vừa cất tiếng kêu meo meo.

Bà Klaus tuy nghĩ bụng “thôi chết rồi”, nhưng vẫn cố gắng không để gã mật vụ thấy mình đang dao động. Bà rón rén lùi lại phía sau, định bụng sẽ đi tới bắt con mèo.

“Phu nhân Klaus, phu nhân không che giấu ai chứ ạ?”

“Sao có chuyện như vậy được thưa ông.”

Bà Klaus cảm tưởng như mình đang đi vào chỗ chết.

Trong đầu bà quẩn quanh toàn những chuyện tiêu tiết như, liệu giọng điệu của mình có bị lạc đi không, liệu các cử chỉ của mình có thái quá không.

Tuy nhiên, viên mật vụ đã vào trong nhà, bước thẳng tới trước, lấy tay phải gạt bà Klaus sang và dễ dàng kéo tấm rèm về bên trái.

Mọi việc diễn ra chỉ trong chớp mắt, Klaus không có cách nào để ngăn lại. Bên trong tấm rèm, Andrew đứng đó, run lẩy bẩy.

“A, Andrew đây rồi. Con trốn ở đó sao? Trò chơi trốn tìm kết thúc rồi.”

Bà Klaus nhanh trí phản ứng trước tình huống nguy hiểm, cất giọng nói tươi vui. Rồi bà chủ động kéo Andrew ra đứng trước mặt gã mật vụ.

“Đây là Andrew, học sinh của tôi đó. Andrew, con hãy chơi bản ‘Minuet’\* của Boccherini\* cho ngài đây nghe đi nào.”

“Ô, nhóc biết chơi đàn violin à. Vẫn còn nhỏ tí xíu thế này.”

Gã nhìn Andrew đầy vẻ ngưỡng mộ. Bà Klaus cảm thấy đây là cơ hội tốt khi nhận ra sự hứng thú của tên mật vụ đã chuyển hướng sang âm nhạc.

“Cậu bé này là thiên tài đấy. Ngài hãy nghe thử một bài rồi hãy về.”

Klaus lấy cây đàn cello ra, nói với Andrew bằng giọng ấm áp.

“Vậy anh sẽ chơi cello, mình kéo violin phụ nhé. Còn vị trí violin chính số một là con đó, Andrew. Đến lúc con thể hiện tài năng rồi.”

Andrew dù chỉ là một đứa trẻ vẫn cảm nhận được bản nhạc em sắp chơi sẽ quyết định vận mệnh của chính mình.

Dù không hiểu được chuyện gì đang xảy ra, cậu bé biết duy nhất một điều là mình đang ở trong hoàn cảnh hết sức đáng sợ. Trước ánh mắt dõi theo đầy lo lắng của vợ chồng Klaus, Andrew dững cảm cấn lấy cây đàn violin.

Gã mật vụ ngả người ngồi xuống sô-pha, thấy sô-cô-la bày la liệt trên bàn, hắn chọn lấy một miếng tung hứng trên tay. Miếng sô-cô-la trong tay viên mật vụ giống như tình thế của Andrew lúc này, nếu bị phát hiện là

người Do Thái, việc bóp nát hay nuốt chửng cậu bé đầu phụ thuộc cả vào hắn.

Klaus ra hiệu bắt đầu diễn tấu.

Trông Andrew nhỏ con hơn so với độ tuổi lên năm, nhưng như vậy lại là đi đầu tốt, nhờ thế mà điệu bộ biểu diễn đỉnh đặc của cậu khiến gã mật vụ rất đổi ngạc nhiên.

Chơi nhạc xong, Andrew cắp cây đàn vào sườn trái và lạnh lẽo cúi chào.

“Cảm ơn! Tuyệt vời! Tuyệt vời quá!”

Sau khi tiến tới bắt tay lần lượt nghệ sĩ violin thiên tài Andrew, rồi đến vợ chồng nhà Klaus, gã mật vụ bỏ đi như thể chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

Cửa vừa đóng lại, nỗi hoảng sợ ghê gớm làm bà Klaus kiệt sức, phải ng ã sụp xuống. Mãi một lúc sau bà mới có thể cất lời.

“Con mau quay trở lại h àn đi, Andrew.”

Nhưng, chuyện xảy ra hôm đó chỉ là một khoảnh khắc may mắn nhất thời. Khi bình tĩnh lại, bà Klaus lập tức nhớ tới lệnh triệu tập gửi cho chồng mình.

“Gay quá! Vậy là ngay đêm mai mình đã phải lên đường rồi. Chúng ta phải làm sao đây?”

Klaus vừa pha trà trong bếp vừa thông thả nói.

“Không sao đâu, em không cần lo lắng. Kiểu gì anh chẳng được xếp vào đội quân nhạc, cũng không khác trước nay là mấy. Anh chẳng biết phải cảm tạ cây cello này biết bao lần cho đủ. Nhờ có nó mà anh được sống một cuộc sống tốt, ở bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào. Đi đâu anh có thể làm là gửi tặng âm nhạc cho những ai đang khao khát nó. Nếu nhờ thế mà anh có thể được cứu rỗi, dù chỉ nhất thời, khỏi những tội lỗi anh đang gây ra, thì thay vì cầu nguyện trước Chúa, đây là nghĩa vụ lớn lao anh phải thực hiện. Vậy nên em đừng lo!”

Klaus rót trà cho vợ, ân cần an ủi.

“Vâng. Đúng như mình nói. Trước đây, ngay cả khi bị bắt làm tù binh ở Nhật, mình đã được trải qua quãng thời gian tốt đẹp hơn bất cứ ai. Lần này nhất định Chúa Trời vẫn sẽ ban cho mình một cuộc sống tốt.”

Dù nói vậy nhưng nước mắt bà vẫn không ngừng rơi.

## 7.

Ngày hôm sau là ngày an toàn vì lính Gestapo đã rời đi, cho nên cả gia đình Janssen lên nhà trên phụ giúp chuẩn bị tiệc chia tay Klaus từ sáng.

Cụ ông ng ỡ chuyện trò với Klaus, hai người phụ nữ lo chuẩn bị bữa ăn, ông Janssen cùng Hannah và Andrew phụ trách trang trí căn phòng. Ông Janssen đứng trên ghế đ ẽ gắn những đồ trang trí lên trần nhà. Đúng lúc Andrew đang vươn tay đưa cho cha những vòng giấy màu, cửa ra vào đột nhiên bật mở.

“Ái chà, cậu bé thiên tài ngày hôm qua đây ha.”

Gã đàn ông hôm qua đang đứng đó.

Nhìn thấy tấm áo khoác đen dài của quân Gestapo, tất cả mọi người quên cả thở, đ ồng loạt dừng mọi thứ đang làm. Klaus giơ tay phải lên chào “Heil Hitler!” và tiến lại gần gã đàn ông như đ ể đánh lạc hướng.

“Chi ầu tối nay tôi mới phải xuất phát thưa ngài...”

“Thật ra ông sẽ phải xuất phát ngay bây giờ, ông Klaus.”

“Người quen của tôi đang chuẩn bị làm bữa tiệc chia tay, thưa ngài!”

“Tôi rất tiếc... Ông phải lên đường luôn. Còn nữa, hôm qua tôi quên mất một nhiệm vụ chưa hoàn thành.”

Nói r ỡ, tên mật vụ tiến tới gần Andrew.

“Nhóc là Andrew Janssen ở thị trấn bên cạnh, đúng không nhỉ?”

Tất cả nuốt nước bọt, cứng đờ người.

Không một ai có mặt ở đó nghĩ rằng mình có thể chạy trốn khỏi gã đàn ông đang đứng trước mặt. Dù muốn cứu Andrew bé nhỏ bỗng nhiên trở thành mục tiêu bị chĩa mũi giáo, không một ai biết cách đ ể cứu đ ược em.

Vợ chồng Janssen hối hận đ ã không giải thích rõ đ ể Andrew hiểu lí do vì sao cả gia đình phải ẩn náu và sống dưới tầng hầm. Phu nhân Klaus hối hận đ ã nhạt chú mèo Xiêm về nuôi. Cụ ông giận bản thân bất lực còn Hannah chỉ biết đau đ ớn cắn chặt môi.

“Nhóc là Andrew phải không?”

Bị hỏi tên lần thứ hai, Andrew mếu máo gật đ ầu.

Gã mật vụ lớn giọng ra lệnh cho đồng bọn bên ngoài đưa toàn bộ người trong nhà đi.

Bên ngoài có ba chiếc xe chuyên chở đã đợi sẵn, chỉ chờ hiệu lệnh của tên mật vụ là một đoàn người từ bên trong rầm rập tóa ra. Tất cả mọi việc đều đúng theo kế hoạch của tên Gestapo đó.

Hannah lúc đó vẫn đang đeo trên lưng cây violin của mình, nhưng Andrew thì không kịp cầ theo chiếc đàn nhỏ. Về phần vợ chồng Klaus, trước biến cố bất ngờ ập đến, họ cũng chẳng kịp mang theo nhạc cụ nào, cứ thế bị giải đi.

Xe chạy tầ bốn tiếng đầ hồ. Khi xe vừa dừng lại, từng người một bị lừa xuống khỏi ba chiếc xe, và cả hai gia đình nhập lại thành đoàn một lần nữa.

Ngày 28 tháng Ba năm 1942, ba giờ bốn mươi ba phút chiều, họ đặt chân tới Trại tập trung Dachau.

Ở đây, vợ chồng Klaus mặc trên mình trang phục màu đỏ của tù nhân chính trị, gia đình Janssen bị xăm số ở cánh tay. Phía dưới cánh tay trái của Hannah là dãy số “DI5783”. Kể từ lúc đó người ta không gọi tên Hannah nữa, em chỉ được phân biệt bằng mã số.

## 8.

Việc đi đầu tra chỉ được tiến hành với vợ chồng Klaus. Có lẽ vì họ bị bắt giữ tại hiện trường với tội trạng che giấu người Do Thái, nên hai vợ chồng chỉ phải trải qua thủ tục tra hỏi lấy lời khai để xác minh sự thật. Tuy nhiên, Klaus lại là công dân danh dự của Đức nên chẳng mấy chốc họ được phép trở về nhà ở Berlin.

Gia đình Janssen lại khác, họ là người Do Thái nên chẳng cần chất vấn tra hỏi, cả gia đình nghiêm nhiên sẽ bị đưa tới Trại tập trung ở thành phố Oswiecim xa xôi miền Tây Nam Warsaw của Ba Lan, nơi sau này được đổi tên thành Trại tập trung Auschwitz.

Đây là nơi trang bị các phòng hơi ngạt nên còn được gọi là “Trại hủy diệt”.

Tuy lòng còn băn khoăn về lệnh triệu tập, Klaus vẫn nghĩ rằng ông không thể bỏ mặc nhà Janssen. Cuối cùng, Klaus quyết định tới gặp Trại trưởng Trại tập trung Dachau.

“Thưa ông Trại trưởng, gia đình Janssen sẽ ra sao ạ?”

“Bọn họ sẽ tới Trại tập trung Auschwitz. Việc này không liên quan gì đến cậu, Klaus. Cậu hoàn toàn không biết gì về những người tên là Janssen cả.”

Trại trưởng nói với vẻ mặt thản nhiên, không mảy may xúc động.

“Tôi sẽ cùng vợ quay về Berlin một lần. Nhưng sau đó, tôi sẽ cùng gia đình Janssen tới Auschwitz, chỉ mình tôi thôi. Tôi không thể đứng nhìn họ bị giết.”

“Mình à!”

“Mình hãy ở nhà đợi anh.”

Thấy Klaus có nguyện vọng đến Trại Auschwitz, Trại trưởng Dachau không giấu nổi ngạc nhiên, đặt điều thuốc đang giữ trên môi xuống.

“Cậu nghiêm túc à...? Người như cậu là niềm tự hào của nước Đức, sao chúng tôi có thể để mất cậu được. Cậu làm ơn hiểu giùm tôi đi, Klaus.”

“Tất cả là lỗi của tôi. Tôi đã che giấu người Do Thái.”

Viên Trại trưởng lại càng ngạc nhiên.



“Ha, cậu đúng là lạ thật. Ngày mai tôi sẽ đưa cậu tới Auschwitz luôn. Ở Auschwitz sắp thành lập dàn nhạc. Cậu tới đó làm trưởng dàn nhạc, trông coi bọn họ cho tôi. Cậu là người được ngài Quốc Trưởng Hitler gửi gắm. Chúng tôi không muốn nặng tay.”

“Nhưng tôi đã để đàn cello của mình ở nhà mất rồi.”

“Tôi sẽ cho người chuyển cello tới cho cậu, không cần lo.”

Klaus sau đó bị kẹp giữa hai tên lính SS\* buộc phải ngã vào ghế sau trên một chiếc xe của Gestapo, khác với gia đình Janssen.

Gia đình Janssen đi được nửa đường thì được lệnh chuyển từ xe chuyên chở sang đoàn tàu lửa đi đến Auschwitz. Đoàn tàu đã trong tình trạng chật cứng người, cửa tàu vừa mở ra, một mùi hôi thối khủng khiếp đến mức không thở nổi xộc thẳng vào mũi, khiến bà Janssen nôn mửa ngay ngoài cửa. Lúc đó, vài người xô bà ra để chạy khỏi đoàn tàu, nhưng họ ngay lập tức gục ngã dưới đường đạn lạnh lùng của lính SS.

Cả Hannah lẫn Andrew đều run sợ trước cảnh tượng vừa diễn ra trong chớp mắt ấy.

“Mẹ ơi...!”

Bà Janssen ôm lấy Andrew, che mắt con lại, cuối cùng hai mẹ con cũng xoay sở lên được tàu.

Andrew sợ tới mức tiêu ra quần, nhưng không chỉ mình Andrew như vậy. Trong toa xe, có nhiều người không biết được đưa từ đâu tới cũng chẳng thể kiềm chế, đũng quần của họ ướt đẫm.

Ở mỗi toa xe có một chậu đựng lớn để làm nơi đi vệ sinh, nhưng hoặc là chậu đã đầy hoặc là có quá nhiều người tới mức có chỗ đứng đã là may, chứ đừng nói tới chuyện di chuyển tới nơi đặt chậu.

Nữ giới vốn dĩ không bao giờ đi vệ sinh trước mặt người khác, không thể vệ sinh cá nhân trong những ngày kinh nguyệt lại còn khổ sở hơn. Nhưng trong hoàn cảnh trên toa tàu lúc này, chẳng ai còn có thể nhắc tới chuyện xấu hổ hay e ngại.

Không ai được ăn uống gì, thậm chí có người đã chết khi sự cực kỳ mệt mỏi vượt quá ngưỡng chịu đựng sau nhiều ngày đứng liên tục trên tàu.

Có cả những người bỏ mạng vì bị người khác dẫm lên, đè lên. Nhưng chẳng ai còn tâm trí để thương xót cho những người đã chết.

Và rồi họ cũng chẳng có thời gian và tâm trí để nghĩ tới hiện thực đang diễn ra trước mắt hay vô số những chuyện có thể sắp xảy ra. Ông Janssen phải cố gắng hết sức vươn mình mới có thể che chở cho Hannah và Andrew bé bỏng không bị chôn vùi giữa biển người trên chuyến tàu.

**Chương III**  
**HANNAH**

# 1.

Tháng Chín năm 1941, một cuộc kiểm tra hiệu quả của chất độc Zyklon B do LG. Farben sản xuất đã được tiến hành tại Trại tập trung Auschwitz trên chín trăm tù nhân là binh lính Liên Xô. Kết quả buổi thử nghiệm, toàn bộ chín trăm người tử vong trong vòng mười phút, từ kết quả này, chất Zyklon B được đưa vào sử dụng cho các cuộc thảm sát tập thể người Do Thái.

Ngày 20 tháng Một năm 1942, tại Hội nghị Wannsee, Chính sách diệt chủng người Do Thái\* cũng như quyết định đưa toàn bộ người Do Thái tới và lao động tại các trại tập trung phía Đông được Đảng Quốc Xã và Chính phủ thông qua.

Như vậy, các trại tập trung với tên gọi “Trại huỷ diệt” như Auschwitz II-Birkenau, Majdanek được xây dựng tại những nơi đã bị Phát xít Đức chiếm đóng trên lãnh thổ Ba Lan, toàn bộ người Do Thái trong nước Đức và những nước châu Âu đã bị Đức chiếm đều được đưa tới các trại tập trung này bằng tàu hoả.

Gia đình Janssen cũng như toàn bộ những người khác đi trên chuyến tàu không hề hay biết mình đang đi đâu và sẽ phải làm gì.

Khi ý thức chỉ còn lơ mờ, cánh tay gầy như kiệt quệ vì che chở cho các con, ông Janssen bỗng nghe thấy giai điệu bài “Tiếng xuân”\* của Johann Strauss\* đang vang lên từ đâu đó. Ông tưởng như mình đang nghe thấy tiếng vọng từ thế giới bên kia, bỗng một tiếng ruỳnh lớn vang lên cùng với sự rung lắc dữ dội và đoàn tàu dừng lại.

Tất cả ừa xuống khỏi tàu như ong vỡ tổ.

“Em nghe thấy tiếng nhạc!”

“Là Strauss!”

Andrew và Hannah vui mừng khi nghe thấy tiếng nhạc.

Cho dù màn diễn tấu như bị nhấn chìm giữa tiếng của đám đông hỗn loạn, nhưng rõ ràng ngay sát gần đó, dàn nhạc đang chơi bản “Tiếng xuân”. Không rõ đó là bản nhạc chào mừng hay có ý nghĩa gì, nhưng hai đứa trẻ thấy yên tâm đôi chút. Bởi vì thứ âm nhạc ấy gắn kết với niềm hi vọng.

Thế nhưng, đó là sự hiểu lầm chỉ kéo dài trong một khoảnh khắc.

Ở sân ga, các sĩ quan chỉ huy và y sĩ đã đứng sẵn ở đó, bắt mọi người đứng thành một hàng, lần lượt hỏi tuổi và tình trạng sức khỏe của từng người một.

“Andrew Janssen; năm tuổi.”

Andrew lí nhí trả lời, viên y sĩ chỉ lạnh lùng quay đầu ngón tay sang bên trái. Với cử chỉ lơ đãng như thế chỉ phát ra một lời thôi cũng khiến hắn thấy phiền hà, tên sĩ quan chỉ huy xếp Andrew sang hàng bên trái theo đúng chỉ thị của viên y sĩ.

“Pharmal Janssen, bảy mươi tư tuổi, huyết áp cao và luôn trong tình trạng chán chường...”

Ông chưa kịp nói hết câu thì viên y sĩ đã chỉ tay sang bên trái. Tên lính lớn tiếng quát nạt.

“Sang bên trái!”

Khi đứng vào hàng bên trái, ông ngay lập tức ôm lấy Andrew.

“Hannah Janssen, mười bốn tuổi.”

Viên y sĩ chỉ tay về bên phải.

Hannah cùng bố mẹ được phân sang hàng bên phải, bị chia cắt khỏi Andrew và ông.

Hàng bên trái gần như chỉ toàn những người bị bệnh, hoặc nói là họ bị bệnh, trẻ con, người già. Cứ chốc chốc những người này lại bị nhốt lên một chiếc xe tải vận chuyển và đi mất, mỗi lần như vậy, người ta lại nghe thấy tiếng khóc xé lòng của những người mẹ bị cướp mất con thơ. Bà Janssen chứng kiến cảnh tượng ấy, cảm thấy chẳng phải chuyện tốt lành gì, bà trở nên hoảng loạn và cố túm lấy gã sĩ quan chỉ huy.

“Các người định đưa con tôi đi đâu!”

Ông Janssen níu lấy tay người vợ trông như đang muốn nhảy chồm ra ngoài.

“Mẹ, mẹ, mẹ ơi! Con sợ, con sợ lắm!”

“Andrew!”

Hannah cũng lấy hết sức bình sinh hét lên.

Tên sĩ quan bình thản nói.

“Trẻ con phải gửi ở nhà trẻ. Sẽ có ngày cả gia đình được đoàn tụ, cố chờ tới lúc đó đi.”

Cụ Pharnal nhìn bà Janssen gật đầu thật mạnh như muốn nói không có gì phải lo lắng.

Andrew bám chặt lấy cánh tay ông nội, mặt mếu máo như sắp khóc, nhìn chằm chằm về phía mẹ. Những đứa bé nhỏ hơn cả Andrew gào khóc ãn ã, một người phụ nữ bị cướp mất đứa con còn đỏ hỏn gục xuống, khóc rống lên như phát điên.

Vài chiếc xe chở hàng hoá tới, những người xếp hàng bên trái lần lượt bị bắt lên xe. Cũng có những đứa trẻ bị thả lên xe như một món hàng. Khi việc đưa người lên xe kết thúc, những chiếc xe chở đoàn người tới Khu số Mười một, nơi nằm ngoài hàng rào dây thép bao quanh Trại tập trung.

Ngoài những người đã sống ở Trại tập trung vài ngày, trên xe chẳng ai hay biết mình đang bị đưa đi đâu cả.

Chỉ còn lại tiếng nhạc khoan thai thi thoảng ngân lên trong gió, như sợi tơ nhện nối những bất an cực độ với niềm hi vọng mong manh, giữ lại trái tim và tâm hồn những con người trên chuyến xe ở lại với thế giới này.

Nhưng chẳng tới ba mươi phút sau, những con người ấy hoá thành làn khói tro xám xịt nhuộm kín bầu trời Auschwitz.

Mọi chuyện diễn ra chuẩn xác, đúng quy trình và đơn giản giống như một công đoạn trong băng chuyền sản xuất của một nhà máy. Khi khói tan đi chút ít, đoàn người tiếp theo lại được đưa tới nơi, vậy nên bầu trời Auschwitz không có nổi một ngày quang đãng.

## 2.

Vợ chồng Janssen và Hannah vẫn tin rằng một ngày không xa sẽ được gặp lại Andrew và ông.

Nhóm những người trẻ tuổi và khoẻ mạnh túm tụm lại trước cổng trại Auschwitz II-Birkenau sau khi điếm danh xong. Trước cổng vào Trại tập trung có treo một biển hiệu lớn với dòng chữ “Lao động là con đường dẫn đến tự do” cứ như thật. Nhưng cũng chẳng tốn mấy thời gian, người ta nhận ra câu đó thực chất phải là “Lao động là con đường dẫn tới cái chết”.

Trong hàng rào dây thép gai hai lớp là hơn hai mươi nhà trại hai tầng bằng gỗ và bằng đá đứng liền kề nhau. Trong lúc những người mới tới đang chờ người ta phán quyết xem mình phải ở đâu, dàn nhạc tù nhân ăn mặc chỉnh tề bắt đầu xếp thành hàng ở lối đi vào trại. Khi dàn nhạc diễu tấu lần lượt từ các bản nhạc nhẹ nhàng cho đến các bài đồng dao Đức cũng là lúc những người lao động đã bị vắt kiệt sức lực và tinh thần lê bước trở về.

Có người vừa về tới cổng đã đổ gục xuống đất thở. Chứng kiến cảnh tượng ấy, toàn bộ những người mới đến cuối cùng đã nhận ra số phận sẽ tới với mình.

Mẹ Hannah bị đưa tới phân khu số Năm, bố cô bé bị đưa tới khu số Bốn. Khi tới lượt Hannah, một nữ tù nhân đứng ở phía lính Cận vệ quân đội Hitler lên tiếng.

“Cô đang đeo đàn violin trên lưng phải không?”

“Sao ạ?”

Hannah quên mất việc mình đang đeo cây đàn trên lưng.

Lúc xuống khỏi tàu, toàn bộ hành lí xách tay đều bị gom hết lại, nhưng không có bất cứ ai bảo Hannah bỏ đồ đạc trên lưng xuống nên em cứ thế được cho qua. Chỉ có thể nói đây chính là vận may của Hannah.

“Tôi là Arles Bizet. Cô không cần phải sợ đâu. Tôi cũng là người Do Thái.”

Hannah nghĩ rằng cô ấy là một người phụ nữ xinh đẹp.

Mái tóc đen thẳng và đôi môi đỏ thắm khiến cô gái ấy giống như một bông hồng đầy kiêu hãnh.

Cô còn giống hoa hồng ở chỗ khiến người ta có cảm giác nếu bất cẩn chạm vào vì bị mê hoặc trước vẻ đẹp của đóa hoa thì sẽ bị gai đâm chảy máu. Lần đầu tiên Hannah nhìn thấy một người phụ nữ dù biết rõ mình là tù nhân nhưng vẫn có thể đường hoàng đầy kiêu hãnh đến vậy.

“Cô biết chơi đàn không? Cô chơi được tới đâu?”

Arles dõng dáp ném các câu hỏi về phía Hannah, thấy vậy tên lính SS theo giám sát cô lên tiếng.

“Được, giao D15783 cho cô đó.”

Dường như chỉ có mình Arles được ở vị thế không bị gọi bằng mã số.

Sau này Hannah mới được biết, cô gái này là một nghệ sĩ violin rất nổi tiếng trên toàn châu Âu, Hitler đã cho người theo dấu cô để đảm bảo rằng cô không bị gửi vào phòng hơi ngạt. Tuy nhiên, vì cô lấy tên theo họ chồng nên sau khi thoát khỏi Trại tập trung Drancy ở Pháp, cô bị đưa tới Auschwitz.

Tệ hơn nữa là khi vừa đến, cô bị chuyển luôn vào khu thực nghiệm số Mười với tư cách tù nhân phục vụ các thí nghiệm y học. Nội dung thí nghiệm được lên kế hoạch là sẽ làm Arles mang thai sau đó lột thai nhi ra và sử dụng các cơ quan nội tạng để tiến hành thí nghiệm.

Tuy nhiên, đến một ngày, một nữ bác sĩ ở khu số Mười có nguyện vọng được nghe nhạc cho ngày sinh nhật sắp tới, và lúc đó Arles bèn xưng tên thật.

Thế là cô được tuyển chọn làm người phụ trách chỉ huy cho việc thành lập dàn nhạc ở Trại tập trung của nữ, đồng thời được hưởng chế độ đãi ngộ đặc biệt như bây giờ.

Dù bị đặt trong hoàn cảnh khắc nghiệt, tinh thần và thể xác Arles vẫn như hai sinh vật sống hoàn toàn tách biệt. Cho đến lúc chết, tinh thần của cô cũng sẽ không bao giờ rời khỏi thế giới âm nhạc để rơi xuống chốn phàm trần.

Hannah tách mình khỏi hàng dài tù nhân và bắt đầu bước đi theo Arles.



“Em đã học violin từ cô Klaus được khoảng gần mười năm nay. Em vẫn chưa chơi được bản ‘Chaconne’ của Vitali, nhưng ngoài nó ra thì hầu hết các bài em đều đã luyện tập rồi.”

Hannah nhỏ nhẹ trả lời. Arles liền nói với giọng lớn hơn hẳn một bậc, vẻ mặt bất ngờ cứ như thấy đất trời đảo lộn.

“Thầy dạy của em là Klaus à? Thật khó tin. Cuối cùng thì tôi cũng có một thành viên dàn nhạc đáng giá rồi. Này em, em tên gì?”

“Em là Hannah Janssen, mười bốn tuổi ạ.”

“Em chơi được ‘Ave Maria’ của Schubert không? Người Đức ở đây ai cũng thích nghe bài đó. Đang trên đường nhưng em chơi thử đi.”

Hannah gỡ cây đàn đang đeo trên lưng xuống và chỉnh dây.

Hannah nhớ lại lời Klaus dặn, em phải luôn chơi đàn bằng cả trái tim dù ở bất cứ đâu. Em lên dây cót tinh thần cho mình. Dù nơi này có là Trại tập trung đầy rẫy sự tàn bạo, nhưng khi tiếng đàn violin đã cất lên thì người chơi phải luôn giữ cho mình trái tim kiên định, để có thể cảm nhận niềm vui, để bản thân được ngập tràn trong niềm hạnh phúc mà âm thanh mang lại. Hannah đã chơi đàn bằng cả tâm hồn để có thể hoà vào thế giới thanh bình ẩn trong giai điệu của “Ave Maria”.

Hannah vừa chơi được vài đoạn, Arles đã xen ngang.

“Tuyệt quá, em đúng là thiên tài. Thật tốt vì em đã tới đây. Chẳng cần phải nghe hết tôi đã biết em sẽ trở thành cánh tay phải của mình. Này ông đội trưởng đội Cận vệ, tôi sẽ chịu trách nhiệm toàn diện về cô bé này.”

Ngay với tên lính SS làm nhiệm vụ giám sát mình, Arles cũng nói với thái độ rất đường hoàng.

“Dàn nhạc à?”

“Đúng vậy. Trong khu đặc biệt có một phòng trống đúng không? Hãy đưa cô bé này đến phòng đó.”

“Người may mắn đó. Cố gắng sống thêm và chơi nhạc cho hay vào đấy.”

Nói rồi, tên lính SS vẻ như đã yên tâm, rời đi lo công chuyện khác.

“A, mẹ em đâu rồi? Không thấy mẹ em, cả bố em nữa.”

Hannah chợt nhận ra chỉ có mình em rời khỏi hàng.

“Cả mẹ và bố em đều sang khu Lao động cưỡng bức rồi. Hannah, ở đây việc biết chơi nhạc là đi đầu cực kì quan trọng. Nó sẽ trở thành tấm vé giữ lại sinh mạng cho em.”

“Ở khu Lao động sẽ thế nào ạ?”

“Ở đó, khốc liệt lắm...”

Arles không nói gì thêm, Hannah chợt nhớ lại hình ảnh những người lao động mà em nhìn thấy trong phút chốc khi vừa đặt chân xuống khỏi đoàn tàu.

Những con người gầy guộc với đôi mắt vô hồn. Có người phải kéo lê theo những người đã lao động kiệt sức tới mức không đi nổi để hàng lối không bị xô lệch. Trong số đó thậm chí có cả những người đã bỏ mạng.

Hannah không còn là một đứa trẻ ngây ngô không hiểu kết cục nào đang đón chờ những người phải vào khu Lao động.

### 3.

Nhờ có tay đội trưởng đội lính SS, chuyện về Hannah nháy mắt trở thành tin đồn lan đi trong hàng ngũ cán bộ ở Trại tập trung.

“Đến Arles Bizet còn phải khen nức nở đấy.”

“Một thiếu nữ thiên tài chỉ cần diễn tấu trong giây lát đã làm mê mẩn lòng người.”

“Xuất hiện một thiếu nữ mắt xanh xinh đẹp chơi violin ở Auschwitz.”

Không biết bao nhiêu danh xưng được đặt ra để nói về Hannah.

Dẫn Hannah tới phòng âm nhạc được xây bằng gạch, Arles liền tuyên bố luôn với chín thành viên trong dàn nhạc rằng bắt đầu từ ngày mai Hannah sẽ tham gia luyện tập và là thành viên chủ chốt hàng đầu.

Dù Arles vui tới mức muốn nhảy cẫng lên khi nghe tiếng đàn của Hannah, nhưng phản ứng của chín thành viên trong dàn nhạc khi nhìn thấy em thì chẳng thể gọi là vui mừng.

Có một sự choáng váng không thành lời trong căn phòng, khiến Hannah biết rằng em không nhận được sự chào đón giống như cách mà Arles vui mừng khi phát hiện ra em.

“Hannah, từ ngày mai em sẽ mặc cái này và bắt đầu luyện tập. Sau khi kết thúc điểm danh lúc sáng sớm, hãy tới luyện tập ngay. Khoảng chừng sáu giờ, em rõ chưa?”

“V... Vâng.”

“Lính SS sẽ chỉ cho em phòng mình. Ta vẫn còn phải cho mọi người luyện tập thêm lúc nữa, còn em hãy cứ thư giãn, lấy lại sức đi.”

Nói đến đó Hannah mới sực nhớ ra mình đã không ăn không uống gì, nhưng có lẽ do tâm trạng quá căng thẳng nên em chẳng còn cảm thấy đói.

Khi ra tới bên ngoài, người lính SS dẫn em đi tới một khu trại ở khá xa. Rõ ràng em nghe người ta nói trại ở gần ngay trước mặt nên cũng lấy làm lạ, nhưng vì Hannah không quen thuộc với Trại tập trung nên chỉ biết tuân theo chỉ dẫn mà thôi. Hannah được dẫn đến khu Lao động cách đó tận mấy trại, rồi bị bỏ mặc ở nơi có những chiếc giường được ngăn nhỏ ra như chuồng gà.

Ngày đầu tiên tới Trại tập trung Auschwitz II-Birkenau, Hannah không tài nào ngủ được vì nổi buồn, nỗi cô đơn khi gia đình tan tác, vì cái bụng trống rỗng và vì cảm giác bản thân thật đáng thương.

Nơi ngủ là một trại gỗ tồi tàn không cửa sổ, ba người cùng chung một tấm chăn.

Trang phục ở đây chỉ có duy nhất bộ quần áo tù nhân mỏng và gầy như tất cả mọi người đều mặc duy nhất một bộ nên bệnh ghẻ lở hoành hành. Có lẽ bọn họ ai cũng ngứa ngáy không chịu nổi nên tiếng gãi loạt soạt cứ vang vang bên tai Hannah suốt cả đêm.

Sáng sớm, khi Hannah vừa mới mơ mơ màng màng một chút thì một người lính SS vào báo rằng Arles Bizet đang tìm em. Vẫn chưa đến giờ điếm danh.

“Cô ở trong dàn nhạc của Arles Bizet à?”

Người tù nhân nằm cạnh Hannah bất chợt quay sang hỏi.

“Tôi cũng không rõ là dàn nhạc hay gì, nhưng cô Arles có dặn tôi hôm nay tới phòng âm nhạc để tham gia bài tập lúc sáng sớm.”

Hannah vừa nói xong thì lần này một người phụ nữ ngủ ở tầng trên phía trước em bật dậy.

“Khốn kiếp, loại chó vây đuôi theo bọn Phát xít.”

Cô ta còn nhổ nước bọt về phía Hannah. May rằng không trúng Hannah nhưng sự công kích cô bé phải nhận cũng chẳng khác việc bị phỉ nhổ là mấy.

Lần đầu tiên trong đời em bị những người lạ mặt thậm chí chẳng biết tên đối xử như vậy. Hannah không hiểu đi đâu gì trong cơn người mình khiến họ phật lòng, cũng không thể cứ nhắm mắt mà xin lỗi, nên em vô cùng bối rối.

“Thôi đi.”

Trong lúc Hannah còn đang loay hoay không biết phải phản ứng ra sao thì người nằm bên cạnh đã lên tiếng đỡ lời. Nhờ vậy, em hiểu ra mình đang vấp phải sự đối xử không công bằng từ người khác và thấy nhẹ lòng một chút.

“Đến đây rồi thì thôi mấy kiểu ganh ghét vô nghĩa ấy đi.”

Hannah vô tình hướng ánh mắt cầu cứu tới người bên cạnh, cô này lại tỏ vẻ khó xử và lảng tránh ánh mắt của Hannah.

“Cả cô nữa, mau mau đi đến buổi tập gì đó của cô đi.”

Cô ta nói như thế hắt hủi Hannah, em hiểu rằng mình là kẻ bị người khác xa lánh.

Em nghĩ có lẽ chẳng phải bản thân em mà dàn nhạc mới là đối tượng bị người ta ghét bỏ. Nhưng đối với Hannah, chuyện ai bị ghét bỏ giờ cũng gần như nhau. Thậm chí em còn có suy nghĩ ngây ngô trẻ con rằng không phải họ ghét dàn nhạc, biết đâu họ muốn vào dàn nhạc thì sao, nhưng rồi em quên ngay đi đâu đó.

Dù chưa hiểu rõ dàn nhạc là thứ gì, nhưng Hannah vẫn đi tới khu trại của Arles Bizet như một cách trốn chạy.

Vừa bước chân vào một góc nhỏ xíu được gọi là phòng âm nhạc, Hannah thấy Arles đứng đó, nổi giận đùng đùng quát tháo ầm ĩ.

“Hannah, muộn quá. Em quên buổi tập sáng nay à? Tôi đã nói là tập trung lúc sáu giờ cơ mà.”

Hannah không hiểu làm thế nào có thể biết đâu là sáu giờ khi không có đồng hồ, nhưng chín người của dàn nhạc đã bắt đầu luyện tập, họ cũng chẳng thèm bận tâm tới Hannah cùng chuyện đi muộn của em.

“Em xin lỗi. Hôm qua em không ngủ được...”

“Sao? Đây, không phải em ở khu Lao động đấy chứ?”

“Em không biết ạ. Từ chỗ đó tới đây phải chạy qua ba khu trại khác. Khu trại em ở dựng bằng gỗ và không có cửa sổ ạ.”

“... Trời, tôi đã nói đến vậy với ông đội trưởng quân SS rồi, mà đến tai tên lính khác thì vẫn chẳng tới nơi tới chốn. Phòng của em ở ngay rìa khu nhà gạch trước mặt ấy. Cơ bản là em có phòng riêng, bên trong có giường chiếu đàng hoàng. Thậm chí có cả bàn nữa. Đồ ăn cũng đặc biệt luôn. Nào, thay ngay cái bộ đồ tù nhân đó sang bộ hôm qua tôi đưa cho em đi.”

Arles nói nhanh nhẩu liến thoắng nhưng lại rất có uy, các đội viên trong dàn nhạc tỏ ra hơi sợ sệt. Mặc vào chiếc áo khoác trắng cùng chiếc váy dài xanh thẫm, Hannah cảm thấy trong lòng vui tươi hơn.

“Hannah, chúng ta cần phải luôn chỉnh trang gọn gàng.” Nói rồi, Arles cười mãn nguyện.

“Chúng ta đang tập bản ‘Hành khúc Radetzky’\*. Mọi người chơi thử đi nào.”

Arles vung gậy chỉ huy hướng dẫn dàn nhạc, nhưng chỉ được một lát, cô gõ cây gậy chỉ huy kêu lạch cạch và dừng màn diễn tấu.

“Hannah, như em nghe rồi đấy. Em cũng thấy rằng chúng ta cần khả năng của em thế nào chứ? Ở đây mọi người mới chỉ tập violin được hai đến ba năm. Cơ bản thì làm được, nhưng vẫn chưa thể gọi đó là âm nhạc được. Chơi đúng với nhạc phổ là cố lắm rồi. Chỉ trong nửa tháng nữa mà không thành thạo được ba bản nhạc thì chúng ta sẽ bị cho giải tán. Mà giải tán rồi thì sẽ ra sao? Phòng hơi ngạt đang đợi chúng ta. Hoặc là như vậy, hoặc là đi lao động. Đẳng nào cũng sẽ chết thôi. Vẫn chưa chơi được một bản nhạc, không biết phải làm thế nào đây, nghĩ tới là tôi thấy muốn nôn mửa rồi.”

“Một bản nhạc cũng chưa được sao...?”

Hannah hiểu ra tình hình nghiêm trọng đến mức nào. Cuối cùng em đã hiểu vì sao Arles lại nghiêm khắc đến mức bất thường với việc đi muộn như vậy.

Dàn nhạc gồm bốn người chơi violin nhóm một, bốn người chơi violin nhóm hai và một người chơi viola. Hannah được giao nhiệm vụ luyện tập cho bốn người chơi violin nhóm một.

Trong nhóm có một cô bé tên Mary mặt đầy tàn nhang, hoàn toàn không biết đọc nhạc phổ, để giúp cô bé này tập luyện, Hannah phải chỉ dẫn bằng cách kéo từng âm một. Vì biết mình chơi không tốt, Mary lúc nào cũng mếu máo, nhưng dần dần, khi tạo ra được những âm giống như Hannah dạy, trên gương mặt cô bé đã thấy thấp thoáng nụ cười.

“Có phải người tiếp theo bị đuổi khỏi dàn nhạc là tớ không?”

“Sao?”

Nghe nói số lượng thành viên của dàn nhạc chỉ có hạn, với việc Hannah được chọn vào dàn nhạc, đã có một thành viên bị loại ra và chuyển tới khu Lao động.

Arles luôn vui mừng coi Hannah như vị cứu tinh khi em tham gia vào dàn nhạc. Nhưng đằng sau đó, một người đã buộc phải rời đi vì sự có mặt

của Hannah. Nếu nghĩ đến bản thân mình ngày mai là người bị đuổi, thì phản ứng không hoan nghênh của dàn nhạc với Hannah cũng là đi đầu dễ hiểu.

“Tớ biết mình là đứa vô dụng nhất ở đây, nên ngày nào cũng sống trong nơm nớp lo sợ. Nếu trong những người được chuyển tới hôm nay có một người nào đó biết chơi đàn thì phải làm sao. Thành thật mà nói khi biết tin cậu sẽ vào dàn nhạc tâm trạng tớ chẳng dễ chịu chút nào, nhưng tớ thấy rất xấu hổ khi mình lại có những suy nghĩ như vậy... Tớ xin lỗi.”

Hannah chỉ lắc đầu khi nghe Mary xin lỗi.

Đối với người vừa mới tới Trại tập trung như Hannah, em không thể hiểu hết những sức ép nặng nề mà Mary đang chịu. Đi đầu đó khiến chính Hannah cảm thấy áy náy và muốn nói lời xin lỗi.

“Mary, hãy cùng cố gắng chơi tốt hơn nữa. Chỉ cần cậu giỏi hơn, giỏi tới mức dù sau này có thêm người biết chơi nhạc tới đây, cậu cũng vẫn giỏi hơn họ là được. Tớ sẽ dạy thật dễ nhớ, nên nếu cậu có chỗ nào không hiểu thì cứ hỏi tớ nhé.”

“Ừ, tớ sẽ cố gắng luyện tập nhiều hơn nữa.”

Tập luyện từ sáng sớm, tới trưa thì cả đội đã diễn tấu được hoàn chỉnh một đoạn khá dài. Arles nắm lấy tay Hannah, nỗi cảm kích căng tràn lồng ngực.

Ngay cả những thành viên dàn nhạc ban đầu chẳng quan tâm gì tới Hannah cũng nhận ra nhờ có Hannah tham gia mà việc luyện tập thuận lợi hẳn. Tất cả đều mừng ra mặt và chuyển qua nhiệt liệt chào đón Hannah. Thêm vào đó, đi đầu đáng mừng nhất đối với các thành viên của dàn nhạc là thoát khỏi sự căng thẳng đến nghẹt thở của Arles, buổi tập tại phòng âm nhạc chuyển sang bầu không khí tươi vui.

Arles luôn đặt trình độ của mình làm tiêu chuẩn trong âm nhạc nên các yêu cầu của cô rất cao. Tuy vậy, do đang ở vị trí được lính SS coi trọng, nên chỉ cần cô yêu cầu cải thiện chất lượng cuộc sống cũng như bữa ăn, thì hầu hết đều được đáp ứng. Cô đã tận dụng lợi thế đó, giúp cho cuộc sống của thành viên trong dàn nhạc tốt hơn, đến mức khó có thể đem cuộc sống của những người ở khu Lao động ra so sánh với tù nhân trong dàn nhạc. Chính vì đi đầu này nên không ai có thể hận Arles.

## 4.

“Ai đó làm ơn cứu đứa bé! Mau cứu chúng tôi với!”

Khi vừa kết thúc buổi tập, tất cả nghe vọng lại từ bên ngoài toà nhà tiếng hét thảm thương của một người phụ nữ.

Arles cùng Hannah và một vài người trong dàn nhạc chạy ra ngoài thì thấy một người phụ nữ từ khu Lao động hốt hải chạy vào, hơi thở đứt đoạn. Gương mặt người phụ nữ xanh lét, đôi môi nứt nẻ run lên bần bật.

“Hannah, em không cần tới cũng được.”

Arles chạy đi cùng người phụ nữ từ khu Lao động, nói với lại ngăn không cho Hannah đuổi theo hai người.

Nhưng người vừa mới tới Trại tập trung như Hannah không hiểu được tấm lòng của Arles, em vẫn gắng hết sức chạy theo hai người phụ nữ trên đôi chân bé nhỏ. Arles chưa muốn cho Hannah biết về những gì xảy ra tại Trại tập trung, nhưng cô chẳng còn dư dả thời gian để bận tâm đến Hannah lúc này nữa.

Ở nơi họ tới, họ nhìn thấy một bà đỡ cùng một phụ nữ đang ôm đứa trẻ còn đỏ hồng bị ba tên lính SS bao vây. Đứa trẻ vừa mới chào đời trong vòng tay bà đỡ ở khu Lao động.

“Bịt miệng nó lại.”

“Không.”

“Nếu không thì đưa nó đây.”

Người mẹ ôm chặt đứa bé và khóc thảm thiết. Bà đỡ gan dạ đứng chặn trước mặt hai mẹ con để bảo vệ che chắn họ khỏi những tên lính SS tàn ác.

“Ta không cho phép. Ta tuyệt đối không để người giết đứa bé này! Đứa trẻ này là ánh sáng hi vọng của chúng ta.”

Người phụ nữ dang hai tay, tuyên bố mạnh mẽ như thể không tiếc sinh mạng của chính mình.

Arles rẽ đám đông đang vây quanh chứng kiến cảnh tượng đó để đi vào rìa tiến lên phía trước.

“Đợi đã, các người định tước đoạt cả một sinh mạng chỉ vừa mới chào đời sao?”



Arles vừa thở hổn hển vừa hét lên giận dữ với tên lính.

“Arles. Cô cũng biết rồi chứ nhỉ. Không có chuyện phát sữa tới tận đây đâu. Có những mạng sống vô nghĩa, để sống thêm một chút lại càng thêm đau khổ mà thôi. Cô cũng nên hiểu chuyện đi.”

“Mạng sống có nghĩa hay không, không cần các người quyết định.”

“Mẹ nó không có sữa, những đứa trẻ như nó rồi cũng bị chết vì đói thôi. Giải thoát cho nó từ lúc nó còn chưa mở mắt có phải tốt hơn không!”

Vì quân SS có phần coi trọng Arles nên chúng vẫn nhẫn nại giải thích với cô. Nghe thấy những lời đó, Arles chùng xuống trong phút chốc.

Đúng thời khắc đó, một tên lính SS khác lạnh lùng lần lượt bắn chết đứa bé cùng người mẹ, sau đó là bà đỡ.

“Hans... Người vừa làm gì...!”

Arles dường như biết tên lính SS vừa ra tay tàn nhẫn kia.

Cô nhìn về phía gã SS tên Hans, bàng hoàng như thể không sao tin nổi cảnh tượng bày ra trước mắt mình.

“Tôi chỉ làm công việc của mình thôi. Đúng là lãng phí mất hai viên đạn.”

“Sao có thể...”

Khi cô đang định nạt lại Hans, một thứ gì đó tựa như quả cầu làm từ bùn được ném vào mặt Arles.

“Cần gì thứ chó nuôi hèn hạ như người ra mặt!”

“Phải đó, bọn này cần gì thứ như người thương hại chứ!”

“Chẳng qua giúp kẻ yếu để tự thấy mình ưu việt hơn người chứ gì.”

Những người thuộc khu Lao động chứng kiến từ đầu tới cuối sự việc vừa xảy ra quay ra chỉ trích ngược lại Arles, dẫu biết cô cũng là một tù nhân, cũng là một người Do Thái giống như họ.

Gương mặt xinh đẹp của cô dính đầy bùn.

Những quả cầu nhớp nháp bị ném liên tục về phía Arles.

“Đi về căn phòng có giường ngủ, có đồ để thay của cô đi!”

“Cút đi!”

Khi mọi người liên tục ném những câu “Cút đi! “về phía Arles, cô không nói lại một lời, chỉ bặm môi thật chặt.

Hai bàn tay nắm chặt d ần chuyển màu trắng b ạch khi móng tay cô b ấm xuống da.

Cô tới đ ể giúp đ ỡ, ấy vậy mà cô lại bị chính những người tù nhân Do Thái mà cô vẫn luôn coi là đ ồng bào chỉ trích và không còn nơi nào đ ể đi.

“... Híc.”

Arles cúi đ ầu, vội vã rời khỏi đó.

Chuyện có người bị giết hay bản thân bị người khác miệt thị đ ầu là chuyện xảy ra như cơm bữa tại đây.

Arles đã không còn bị dao động bởi tất cả mọi chuyện xảy ra trong Trại tập trung nữa, cô cũng đã học đ ược cách đi ều chỉnh cảm xúc của bản thân, khi phải nhận những đ ối đ ãi vô lí từ kẻ khác. Dầu vậy, cô vẫn chưa thể quen đ ược với nỗi đau.

Hannah đứng chìm giữa những bóng người, chứng kiến toàn bộ sự việc.

Đến ngày thứ hai sống tại Trại tập trung, một đ ứa trẻ như Hannah cũng nhận ra đ ược lí do vì sao chẳng ai giải thích rõ đi ều gì về Trại tập trung cũng như việc dàn nhạc đ ược đ ối đ ãi đặc biệt trong Trại.

## 5.

Buổi tối ngày tập luyện thứ hai, Hannah được chuyển tới căn phòng ở bên cạnh Arles.

Hannah được phân cho một căn phòng riêng, cửa sổ treo rèm, ngoài cảm giác đói bụng và luôn bị nằm dưới sự giám sát ra, Hannah thấy như mình đang ở một thế giới khác.

Bất chợt, Hannah lo lắng về gia đình. Không biết Andrew có khỏe không, chứng đau lưng của ông có đỡ không. Em muốn đến chỗ người mẹ dịu dàng. Có lẽ giờ này bố đang lo cho em lắm.

Nước mắt trào ra khiến nỗi buồn càng dữ dội hơn.

*Tại sao chúng ta phải gặp những chuyện này? Mình còn phải ở nơi này đến bao giờ? Không được tới trường, tương lai sau này sẽ ra sao? Bà giờ sao rồi? Vì sao chị lương thiện đến thế lại phải chết? ...*

*Mình muốn ăn một chiếc bánh mì mềm xốp mới nướng, muốn ăn phô-mai. Một bát súp nóng ngon biết mấy.*

Thấy lo vì Hannah khóc to mãi không thôi, Arles bước sang phòng em. Cô ôm lấy Hannah đang phủ phục khóc trên giường, nhẹ nhàng xoa lưng cho em.

“Em vẫn còn trẻ quá. Nhất định âm nhạc sẽ cứu rỗi linh hồn em. Hãy cố gắng lên. Chuyện này sẽ không kéo dài mãi mãi. Còn anh em của em thì sao rồi? Em không phải con một đúng không nào.”

Arles nói tới đây, Hannah đã chực nín khóc lại bắt đầu oà lên nức nở.

“Chị gái em đã chết rồi. Em trai Andrew của em cùng ông đầu xếp hàng bên trái, bị họ đưa tới nhà trẻ...”

Em nghẹn lời, nói không ra tiếng.

Arles nín lặng không thể thốt nên lời. Cô chỉ còn biết cầu nguyện, mong sao sự thật đau đớn sẽ không đến được tai Hannah, rằng em trai cùng ông của em đã không còn trên cõi đời này nữa.

“Thôi nào, ngày mai buổi tập cũng sẽ bắt đầu từ rất sớm. Em hãy ngủ đi.”

Nói rồi Arles kéo chăn đắp cho Hannah, có lẽ đã mệt sau trận khóc nên chẳng mấy chốc mà Hannah bắt đầu thở đều đều và chìm vào giấc ngủ. Arles dịu dàng gạt những sợi tóc vàng dính trên khuôn mặt ướt nước mắt của Hannah.

## 6.

Ngày thứ năm từ lúc Hannah vào dàn nhạc.

Cuối cùng “Hành khúc Radetzky” cũng đã hoàn thành.

Còn mười ngày nữa để hoàn tất hai bản nhạc khác. Cả nhóm bắt đầu luyện tập “Khúc quân hành”\* của Schubert, nhưng bản này đơn giản hơn nhiều so với “Hành khúc Radetzky” nên chỉ một chốc mọi người đã chơi được giai điệu chính, đến buổi chiều, mọi người bắt tay vào tập bài “Edelweiss”\*.

Trong khoảng thời gian hoàn thành bản “Hành khúc Radetzky”, Mary mặt tàn nhang đã bắt đầu đọc được nhạc phổ, thậm chí cô bé còn rất tiến bộ trong kĩ thuật kéo vĩ cho âm luyện nữa.

Ở nơi này, đến cả kiểm nhạc phổ cũng là một công việc khó khăn.

Arles Bizet thường viết lại nhạc phổ theo những kí ức đọng lại trong đầu sau mỗi buổi tập. Cô còn biên soạn lại bản phối và chia ra các phần để ráp nối với nhau, thương thuyết với thành viên của dàn nhạc nam có thể phối hợp cho phần đồng diễn.

Trong số tù nhân có những người được quân SS chọn ra làm thuộc hạ với nhiệm vụ để mắt trông coi Trại tập trung, gọi chung là Kapo. Thịnh thoảng khi có sinh nhật của tên trưởng nhóm Kapo hay một tên SS nào đó, Arles cũng bị gọi đi biểu diễn trong bữa tiệc mừng nên cô càng trở nên bận rộn.

Mary mặt tàn nhang thường luyện tập và học đọc nhạc phổ tới tận đêm muộn vì không muốn thành gánh nặng cho dàn nhạc cùng Arles. Nhưng gần tới ngày tổng diễn tập để hoàn thiện ba bản nhạc thì cô bé gục ngã vì cơn sốt.

May mắn không phải là sốt phát ban.

Arles nhờ cậy cô y sĩ ở khu Bệnh xá chăm sóc Mary hết mức có thể, đổi lại dàn nhạc sẽ biểu diễn chúc mừng vào ngày sinh nhật của cô ta trong tháng tới.

Tiền đường, Arles cũng rẽ vào phòng tập của dàn nhạc nam để nhờ họ cử một người chơi cello sang diễn tấu cùng, và khi đến nơi, Arles đứng

thứ người ra không thốt nên lời.

Chỉ huy dàn nhạc nam chính là Klaus.

“Klaus? Bürger Klaus phải không?”

“Ồ, Arles đó sao. Đúng rồi; may quá, cô vẫn bình an.”

Klaus và Arles từ thời còn trẻ đã cùng nhau biểu diễn nhiều lần, họ luôn kính trọng nhau.

“Tại sao người Đức như anh cũng phải tới đây vậy Klaus?”

Arles hỏi vậy nhưng Klaus lại trả lời cô bằng một câu hỏi khác.

“Ở chỗ cô có cô bé nào tên Hannah không?”

“Ồ, có đấy.”

Arles đã nghe qua về Klaus từ Hannah nên gương mặt cô trở nên tươi tỉnh hẳn.

“Tôi đã nghe về anh từ Hannah rồi. Quả đúng là được Klaus chỉ bảo, giờ Hannah là cánh tay phải của tôi.”

“Chủ yếu là vợ tôi dạy cô bé.”

Đã từng có dịp gặp mặt bà vợ nhà Klaus, Arles gật gù với vẻ hiểu chuyện.

“Phu nhân khoẻ chứ ạ?”

“Vợ tôi vẫn đang sống thanh thoi ở nhà. Cô ấy tự xoay xở được một mình nên tôi không phải lo lắng gì. Còn có cả học sinh của cô ấy nữa.”

“Vậy sao anh lại ở đây vậy Klaus?”

Arles không thể hiểu lí do Klaus có mặt ở Auschwitz.

“Tôi đã che giấu cả nhà Janssen. Ban đầu tôi bị đưa đến Trại tập trung Dachau. Hồi đó tôi cũng năng đi biểu diễn ở các căn cứ quân đội Đức hay Bộ Tổng chỉ huy nên được nhiều người biết mặt biết tên, nhờ vậy mà sau đó họ thả tôi ra. Nhưng khi biết gia đình Janssen bị chuyển tới Auschwitz, tôi đã đề nghị với ông Trại trưởng Trại Dachau chuyển tôi tới Auschwitz cùng với họ. Tôi đã ở với họ cũng mấy năm rồi, sao có thể bỏ mặc họ đi vào chỗ chết.”

“Đúng là, cũng có những người Đức tốt.”

Đó là một lời phát biểu cảm tưởng có chứa đựng sự mỉa mai.

Bản thân cô bị người Đức truy sát rồi đưa vào chôn này, giờ thật khó để nghĩ rằng lại có một người Đức cố gắng cứu người Do Thái.

“Chính trị biến thế giới này thành một thứ đảo điên, nhưng từng người từng người vẫn là những cá nhân tốt. Không phải chỉ riêng mình tôi là người Đức bị bắt đâu.”

“Nhưng chính người Đức các anh tán thành cái nền chính trị này, đúng không? Đừng nói với tôi những lời buồn cười kiểu như họ là người tốt. Vì cái chế độ này mà biết bao người bị giết, chắc anh không biết phải không? Ngày nào cũng như ngày nào, từ bốn nhà thiêu, khói cuộn lên không ngại nghỉ đây.”

Đối với Arles, lời Klaus nói chẳng là gì ngoài những mĩ từ sáo rỗng.

Cô biết Klaus là người tốt, nhưng chỉ cần nghĩ tới việc ông là người Đức thì mọi lời nói của cô đều trở nên cay nghiệt.

“Quả thực, mọi thứ đều thối nát. Đến đây rồi tôi mới nhận ra. Muốn sống sót, người ta phải khiến đầu óc mình tê liệt, để bản thân có thể lãnh đạm vô cảm trước vô số chuyện xảy ra. Nếu không làm vậy có lẽ sẽ phát điên mất.”

“Tôi đã thôi không nghĩ đến ý nghĩa của âm nhạc nữa tại ở nơi này. Thay vào đó tôi nhìn vào ý nghĩa của việc mình sống đơn thuần để theo đuổi thế giới của âm thanh.”

“Thế mới giống con người cô, Arles. Dường như qua âm nhạc cô đã hiểu mình nên làm gì rồi. Tôi đã nghĩ mình sẽ nhờ vào âm nhạc mà cứu gia đình Janssen ra khỏi nơi này nhưng...”

Ánh mắt Klaus ngập tràn tình thần sẵn sàng đấu tranh vì lẽ phải, khiến Arles ngập ngừng không biết liệu có nên nói với Klaus hay không. Nhưng cô tự nói với chính mình rằng đầu cô giấu giếm, mọi chuyện cũng chẳng thể thay đổi được nữa. Cô quyết định mở lời.

“Chỉ còn Hannah và bố mẹ cô bé còn sống thôi.”

“Cô nói vậy là sao?”

“Xin anh đừng nói chuyện này với Hannah. Em trai và ông của Hannah đã bị đưa ngay đến phòng hơi ngạt mất rồi.”

Với gương mặt đau đớn tột cùng, Arles nói với Klaus tình hình cô nghe được từ Hannah.

“Là vậy sao... Tàn nhẫn quá.”

“Chúng tôi trở thành vật tế thần cho các con chiên của Chúa thay cho lũ cừu, lũ dê. Tại sao họ lại cần những vật hiến tế chứ, vì sao Người không cứu lấy con dân của Người, con người còn phải gây ra bao nhiêu tội ác nữa? Klaus, tất cả những chuyện này là sao chứ?”

Arles lần đầu tiên bật khóc kể từ khi tới Auschwitz.

Đã chịu đựng nhiều sự sỉ nhục, Arles giữ vững tinh thần bằng cách trốn chạy vào trong thế giới âm nhạc, nhưng sợi dây mỏng manh bị kéo căng bấy lâu đến lúc này đã đứt, nước mắt trào xuống đôi má của cô.

Klaus để cô khóc thoải thích trong lòng mình tựa như một người cha.

“Nghe này, Arles. Âm nhạc có lẽ là một vị thần toàn năng trên thế giới này. Đừng lo lắng!”

Nghe thấy hai tiếng âm nhạc, Arles lấy lại được tinh thần, cô lùi lại một bước, rời khỏi vòng tay Klaus và vuốt lại mái tóc bị rối của mình.

“Klaus, tôi xin lỗi.”

Khi nói lên những lời đó, Arles đã kìm nén được cảm xúc của mình.

“Nếu tâm trạng đã thoải mái hơn thì đừng để ý tôi. Mà này, Arles, cô cất công tới tận phòng nhạc này chắc cũng có lí do gì phải không?”

“Đúng vậy, Klaus. Tôi muốn mượn nhạc công chơi cello của bên anh. Ngày mai, dàn nhạc nữ chúng tôi có thể đi vào hoạt động rồi, nhưng tôi vẫn còn thiếu âm trầm...”

“Nếu không chê tôi đây thì bất cứ lúc nào cũng được.”

Klaus vốn là một nhạc công cello nên ông tự tiến cử mình với Arles.

“Có thật là anh chịu tới không? Nếu vậy dàn nhạc của anh có ổn không?”

“Tôi có một đề xuất.”

Klaus nghĩ ngợi đi đầu gì đó, khoé miệng giãn ra, ông nói.

“Những lúc tôi không thể đến được, sẽ có một học sinh của tôi ở đây đi thay, cậu ấy tên Leo Rochester, người Ba Lan. Để tôi giới thiệu với cô luôn. Một cậu bé đẹp trai lắm đấy.”

“Nếu vậy thì may cho tôi quá. Vậy ngay chiều hôm nay anh có thể tới phòng nhạc của chúng tôi được không?”

“Được, tôi sẽ tới cùng Leo. Chúng tôi phải tập gì đây nhỉ?”



“‘Hành khúc Radetzky’, ‘Khúc quân hành’ và ‘Edelweiss’.”  
“Đồng ý. Chúng tôi sẽ theo được ngay thôi.”

## 7.

Từ hôm đó, Arles chọn tin tưởng vào Chúa.

Cô từng chọn cách dựa dẫm vào một điếu gì đó để giữ lấy hi vọng, nhưng thứ đó luôn sụp đổ hết lần này tới lần khác. Tuy vậy, từ nay cô chẳng nghĩ đến chuyện gì sẽ xảy ra khi hi vọng không thành hiện thực nữa, cô chỉ muốn một lòng tin vào Chúa mà thôi.

Cho dù tuyệt vọng với hoàn cảnh hiện tại, cô vẫn khao khát được sống mãnh liệt, chính vì vậy nên cô cần niềm tin. Hơn nữa, có lẽ cách mà Klaus xuất hiện ở nơi địa ngục trần gian này khiến cô thấy ông như một vị thần thực sự.

Buổi chiều ngày hôm đó, Klaus và Leo cùng tới phòng nhạc của dàn nhạc nữ. Ở đó Klaus tìm thấy Hannah, cô bé đã gầy gò đi rất nhiều.

“Hannah!”

Nghe thấy tiếng Klaus gọi, Hannah ngoảnh lại và trong thoáng chốc cô bé không dám tin vào tai vào mắt của mình.

“Bác Klaus?”

Hannah nắm chặt cây đàn Klaus tặng trong tay trái, em mừng vui khôn xiết, chạy đến sà vào vòng tay đang rộng mở của Klaus.

“Cháu khoẻ mạnh là tốt lắm rồi, Hannah.”

“Bác Klaus, bác bị họ bắt sao? Vì gia đình cháu sao?”

“Không phải vậy đâu Hannah. Là ta muốn tới. Ta tới đây để che chở cho cháu.”

“Cô Klaus đâu rồi ạ?”

“Cô không sao cả, cháu không cần lo đâu. Khi nào cô cũng chăm lo nhà cửa chờ một ngày mọi người cùng trở về”

Leo đứng ngay cạnh bên, mỉm cười lắng nghe những lời hai chú cháu nói với nhau.

Leo đã mất cả cha lẫn mẹ, cuộc trò chuyện của Klaus với Hannah làm cậu nhớ về gia đình mình. Ngay từ những giây phút đầu tiên, Leo đã thấy đâu đó trên gương mặt Hannah đôi nét giống với người em gái đã mất, nên cậu lập tức có cảm tình với cô bé.

Arles cũng giống như Leo, cô dõi theo Klaus và Hannah với ánh mắt đầy yêu thương, chọn lấy thời điểm thích hợp, cô quay về hướng những thành viên dàn nhạc của mình và nói.

“Đây là Bürger Klaus, người được mệnh danh là ‘Ngài đồng diễn Klaus’. Và một học trò của ông ấy, cậu Leo...”

“Leo Rochester ạ. Năm nay tôi mười tám tuổi. Rất vui được gặp mọi người.”

Leo có mái tóc đen thẳng, đôi mắt cậu màu xanh lục, hỏi ra mới biết cậu có dòng máu Ý chảy trong người. Nụ cười thanh thoát của cậu khiến tất cả thành viên dàn nhạc nữ nín thở, trong phút chốc quên mất nơi đây là Trại tập trung. Hannah bỗng cảm thấy ngỡ ngàng vì mấy ngày rồi chưa được tắm, em muốn giấu cái đầu đầy gàu và cơ thể bốc mùi đi nên trốn ra sau lưng Klaus. Nhưng Klaus lại chẳng để ý đến tâm trạng ấy của Hannah, ông đẩy em ra trước mặt Leo giới thiệu.

“Leo, đây là Hannah, thiên tài vĩ cầm mà ta đã kể với con. Hai đứa gần tuổi nên hãy làm bạn với nhau nhé.”

Leo cầm lấy tay phải Hannah và hôn nhẹ lên mu bàn tay em.

Lần đầu tiên trong đời có người làm hành động đó với Hannah, khiến em giật mình vội vã rút tay phải lại.

Thấy vậy tất cả mọi người cùng cười lớn. Arles cũng nheo mắt nhìn cảnh tượng ấy, nhưng rồi cô lập tức vỗ tay hai nhịp kéo tâm trạng lâng lâng của mọi người trở về với mặt đất.

“Nào bắt đầu thôi. Mai đã là buổi diễn chính thức rồi.”

Chỉ cần một lần là nhạc công cello đã hòa nhịp được với dàn nhạc nên việc luyện tập cho cả ba bản nhạc mất có ba mươi phút là xong.

Lúc đó, Klaus bèn đề nghị Arles cho phép dàn nhạc nam thỉnh thoảng được cùng luyện tập các tiết mục sau cùng với dàn nhạc nữ. Nếu tập hợp lại, họ có thể thành lập hẳn một dàn nhạc giao hưởng chứ không chỉ dừng ở việc phối hợp lồng ghép với nhau. Nhưng chủ trương âm nhạc chỉ giới hạn trong sự lồng ghép từ phía Arles quá mạnh mẽ nên Klaus đã không nhận được một cái gật đầu đồng ý.

## 8.

Cuối cùng ngày biểu diễn ra mắt dàn nhạc nữ cũng đến.

Ngày hôm đó, đúng từ sáu giờ, dàn nhạc nữ do Arles chỉ huy tập trung tại cổng Trại, khi họ đang chơi chuyển tiếp liên tục giữa “Hành khúc Radetzky” và “Khúc quân hành” thì hàng người đi lao động khổ sai bắt đầu tiến ra.

Mấy ngày nay chỉ giam mình trong phòng âm nhạc để luyện tập nhưng Hannah chưa một lần tự hỏi vì sao bản thân và mọi người phải nỗ lực đến cùng cực như vậy.

Arles Bizet là người quyết định sẽ chơi bản nhạc nào, đến bao giờ phải biểu diễn được thành thục. Vậy nên Hannah chỉ nghĩ tới việc làm sao để thực hiện những gì Arles đưa ra, em chẳng có đủ thành thơi để băn khoăn vì sao lại phải chơi bản nhạc này, ta chơi nó vì ai, ý nghĩa gì ẩn chứa trong đó. Chỉ riêng việc hoàn thành được mục tiêu trước mắt thôi đã buộc Hannah phải nỗ lực hết mình rồi.

Trong lúc đi, những người lao động quay sang dàn nhạc, nhổ nước bọt về phía họ và mắng chửi “lũ chó của bọn Phát xít”. Hành động ấy chẳng phải chỉ một hai lần.

Hannah nhớ tới buổi sáng đầu tiên ở Trại tập trung, khi em bị gọi là “chó nuôi của Phát xít”, cây vĩ đang di chuyển của em bỗng nhiên dừng lại. Có lẽ họ đang tự động viên cái cơ thể gầy guộc chỉ còn da bọc xương của mình. Những con người phải kéo lê cơ thể nặng nề ngay từ trước khi bắt đầu làm việc, bị lừa đi lao động cưỡng ép khổ sai theo đúng nghĩa đen. Nhìn từ vị trí của họ mới thấy dàn nhạc sống thành thơi và an toàn tới thế nào.

Cùng là tù nhân mà tựa như Thiên Đàng và Địa Ngục.

Bọn họ thù ghét sự tồn tại của dàn nhạc cũng là lẽ thường tình. Hannah cảm thấy xấu hổ về chính bản thân mình vài ngày trước đây, khi em có ý nghĩ rằng những người ở khu Lao động biết đâu còn muốn vào dàn nhạc.

Nếu Hannah ở trong hoàn cảnh đó, hẳn chính bản thân em cũng sẽ phỉ báng, căm hận dàn nhạc, những người luôn được yên ổn ở vị trí an toàn.

Thấy gương mặt Hannah xiù xuống và trở nên u ám, Klaus ngừng chơi cello bên cạnh lắc đầu đồng viên em.

“Đừng để ý!”

Dù bị lỡ nhịp hoà tấu trong giây lát nhưng Hannah theo kịp lại ngay.

Khi hàng người cuối cùng tiến ra, hình ảnh một người phụ nữ đang ho lộ khụ và một người đàn ông lo lắng nhìn bà từ phía sau lọt vào mắt Hannah.

Không lẫn vào đâu được, đó chính là cha mẹ em.

Hannah mừng vui khôn xiết vì thấy cha mẹ vẫn còn sống, nhưng cũng không khỏi lo lắng cho người mẹ đang đỡ cơn ho với cơ thể trông kiệt quệ.

Từ trước tới nay, em chưa thấy mẹ ốm đau thực sự bao giờ, nên cảnh tượng này lại càng làm em nóng ruột. Hannah muốn làm gì đó để cha mẹ chú ý tới em, khi đến nhịp đưa vĩ lên, em mạnh dạn hát vĩ lên cao rồi vẫy qua vẫy lại thật lực. Bố em hình như đã nhận ra cử chỉ quen thuộc của con, ông nói nhỏ gì đó vào tai vợ.

Mẹ Hannah suốt từ đầu chỉ cúi mặt xuống ho sù sụ, nhưng rồi bà cũng ngẩng được lên và cùng bố em nhìn về phía dàn nhạc. Tìm thấy bóng hình con, họ liền giơ tay vẫy.

“Hannah... Han...nah!”

Mẹ gọi lớn tên em, xen lẫn những tiếng ho.

Do đột ngột hít mạnh vào quá nhiều khí, mẹ Hannah lại ho khùng khục, phải cúi gập người trông rất khổ sở nhưng vẫn không chịu ngừng gọi tên con. Bố chỉ gào lên tiếng “Hannah” đúng một lần duy nhất rồi nở nụ cười rạng rỡ.

Hannah vui mừng khôn xiết.

Bố mẹ em mỉm cười, khẽ gật đầu. Thế nhưng, tên lính SS Hans đứng đó chứng kiến tất cả, hần liền vác theo một thanh sắt dài, định dùng nó đánh bố mẹ Hannah vì tội la lớn tiếng.

Hannah giật mình, đánh rơi cây đàn violin xuống đất, em chạy ngay tới chỗ bố mẹ chẳng kịp nghĩ ngợi gì.

“Hans, xin ông dừng tay! Xin hãy dừng lại! Họ là bố mẹ tôi!”

Đó là tên Cận vệ Hans hôm trước Hannah đã thấy.

Bữa trước, lần đầu tiên Hannah nhìn thấy Hans là khi hắn liên tiếp giết chết một đứa bé vừa mới lọt lòng cùng với mẹ và bà đỡ, sau đó em còn nghe nhiều tin đồn nói rằng hắn được giao nhiệm vụ truy tìm và giết hại những người lao động đã trở nên yếu ớt.

Hắn nói chỉ dùng súng thôi thì thật tẻ nhạt, cho nên sở thích của hắn là đánh bằng gậy sắt đến khi người ta chết mới thôi. Vì thế, trong Trại tập trung, hắn được biết tới với cái tên “Con quỷ sát nhân Hans”.

Chỉ cần để Hans thấy bộ dạng yếu ớt là coi như chấm hết, hắn sẽ giết người đó theo cách mà hắn thích. Vậy nên, hễ thấy Hans đi vòng quanh dò xét là mọi người đều nén cơn ho, bôi đất đỏ lên má để có sắc hồng, cố sống cố chết tỏ ra khoẻ mạnh để thoát khỏi con mắt cú vọ của Hans.

“Mày nói gì?”

Hans hung hãn quay về phía Hannah với vẻ mặt của một con quỷ, như thể hắn muốn biết ai là kẻ dám phá ngang thú vui của hắn. Hắn định phó mặc mình cho cơn bực bội và đánh bầm dập kẻ dám mở mồm. Ít nhất thì trong đầu hắn cũng đã có suy nghĩ ấy.

Mẹ dùng hết sức bình sinh hét lớn khi thấy Hannah chạy đến.

“Đừng lại đây, Hannah!”

“Không được tới đây!”

Bố cũng xua tay lia lịa như muốn ngăn không cho Hannah tới gần.

“Là tại tôi ra hiệu cho hai người họ... Xin đừng đánh bố mẹ tôi!”

Đứng chắn trước Hans mình đờng da sắt là cô bé Hannah vang danh “Thiếu nữ thiên tài”, “Tiểu mỹ nhân” của Trại tập trung.

Đương nhiên Hans cũng biết đến những lời đồn về Hannah như bao kẻ khác, hắn có vẻ bất ngờ đôi chút khi thấy Hannah với thân hình gầy guộc run lẩy bẩy nhảy ra chắn trước mặt mình.

Hannah dang hai cánh tay tiến lên một bước như thể thách thức, “nếu muốn đánh hãy đánh tôi đi”.

Đương nhiên chẳng cần đến gậy sắt, Hans vẫn có thể dễ dàng bẻ gãy thân hình bé nhỏ ấy, nhưng bộ dạng dù run lẩy bẩy vẫn tiến về phía trước một cách quả cảm của Hannah dường như khiến Hans bớt hung hãn lại. Tuyệt đối không có chuyện hắn cảm động bởi tình cảm thiêng liêng giữa

cha mẹ và con cái, hẳn chỉ đơn giản cảm thấy nếu đánh gục Hannah lúc này thì chẳng còn gì thú vị.

“... Hừ. Mà dám phá đám tao à?”

Nói rồi hẳn cầm cây gậy sắt huơ huơ hai ba cái về phía Hannah như thể dọa nạt “lần sau sẽ tới lượt mày”. Tiếng sắt xé gió vun vút rít lên bên tai Hannah.

“Hannah...!”

Bố mẹ ôm chặt lấy Hannah.

Hannah gục trong vòng tay mẹ như thể sợi chỉ căng thẳng trong em đã đứt lìa. Bố ôm trọn lấy cả hai mẹ con. Không phải Hannah không hoang mang lạ lẫm khi thấy vòng tay mẹ, bộ ngực mẹ đã gầy tọt hẳn đi, nhưng đã lâu lắm rồi em mới được cảm nhận hơi ấm của cha mẹ, nên em buông một tiếng thở phào nhẹ nhõm.

“Vừa rồi chỉ bỏ qua cho Hannah thôi! Không được phá hàng lối. Đi mau lên.”

Hans nói và lại làm động tác vung cây gậy sắt.

Mẹ hình như định đưa cho Hannah một mảnh giấy nhưng lại từ bỏ ý định ấy và nắm chặt nó trong tay, quay trở về hàng. Bọn Kapo (những người Do Thái cũng là tù nhân nhưng giữ nhiệm vụ quản thúc các tù nhân khác theo lệnh của Đức Quốc Xã) lấy dùi cui đánh vào bắp chân bố mẹ Hannah như để trách phạt họ vì tội làm loạn hàng lối. Bố mẹ Hannah lại tiếp tục bước đi.

“Bố! Mẹ! Mẹ ơi!”

Hannah hét gọi bố mẹ khi họ dần dần đi khuất.

Khó khăn lắm mới gặp được bố mẹ, vậy mà lòng em tràn ngập nỗi buồn. Sống ở cùng một nơi mà em lại cảm thấy muôn trùng xa cách.

... Và rồi, đó cũng là hình ảnh cuối cùng của bố mẹ mà Hannah còn được thấy trong đời.

## 9.

Buổi chiều khi đón đoàn người lao động cưỡng bức trở về, vì dàn nhạc nam ra biểu diễn nên Hannah không thể nào biết được ngày hôm đó cha mẹ em đã đi qua cổng Trại tập trung trong dáng vẻ nào.

Klaus và Leo trông thấy thi thể đầy máu của một người phụ nữ đã chết với cái đầu vỡ toác, cùng xác một người đàn ông có sáu lỗ đạn ở lồng ngực, bên cạnh thi thể của hàng chục người khác, được khiêng đi trên cáng ở phía cuối hàng người.

Chính là vợ chồng Janssen.

Ngay khi thấy hai vợ chồng Janssen trong bộ dạng thảm thương ấy, Klaus bỏ diễn tấu, đuổi theo tên Kapo canh chừng ở cuối hàng và túm cổ hắn.

“Tên kia, vợ chồng Janssen làm sao vậy?”

“Ta không biết tên ai là Janssen. Ở đây nếu người đọc số thì may ra...”

“Cùng là người Do Thái mà người nói được câu đó à? Là người phụ nữ với gương mặt đầy máu kia.”

Klaus đâm mạnh vào mặt tên Kapo.

Như vậy vẫn chưa đủ, khi tên Kapo đã ngã nhào xuống đất, Klaus liền nhảy lên cưỡi trên người hắn, tay túm lấy cổ áo hắn.

Klaus tuy tướng hình to lớn nhưng tính tình vốn ôn hoà, hiếm khi thấy ông lớn tiếng quát nạt ai bao giờ, vậy nên các thành viên trong dàn nhạc đều kinh ngạc, chỉ biết chôn chân đứng ngây người nhìn cảnh đó.

“Tôi... tôi sẽ kể mà... Anh bỏ tay ra khỏi người tôi đi đã.”

Klaus buông tay ra, tên Kapo xoa xoa cái cổ bị kéo lên và bắt đầu thuật lại.

“Có lính SS ở đây nên tôi chỉ nói nhanh thôi. Cô ta mấy ngày nay đã bị ho và sốt, nghi là viêm phổi. Đáng nhẽ ra cô ta nên vào Bệnh xá, nhưng chắc biết ở đây thì người bệnh khỏi hay chưa khỏi đều bị đưa đến phòng hơi ngạt tùy theo tâm trạng của bác sĩ nên cô ta không chịu vào và hôm nay vẫn chọn con đường đi lao động...”



Nhưng cơn ho của mẹ Hannah quá nặng, đến nửa chừng thì những người ở quanh đó đều khó chịu và kêu mẹ em đừng lây cho người khác, một vài người phụ nữ đi đằng trước và sau mẹ em bắt đầu đánh vào người bà. Chẳng ngờ vụ việc xích mích ấy đến tai Hans, tên ác quỷ giết người ấy đã đánh toàn bộ những người tham gia vụ náo loạn ấy đến chết, không sót một ai. Tên Kapo liền thoáng kể.

“Lúc đó, có một người đàn ông, có lẽ là chồng của cô ta, đã một mình xông ra kháng cự lại, anh ta nắm lấy thanh sắt của Hans. Nhìn thấy thế một tay SS khác đã dùng súng bắn chết anh ta tại chỗ. Anh ta đổ gục xuống người cô ta. Đến tôi còn bị tên Hans đánh như đòn vì tội giám sát không tốt đây này, đúng là phiên phức hết mức.”

Nói rồi, hắn lấy tay xoa xoa má trái sưng tấy, hắt Klaus ra rồi chạy biến vào bên trong cổng Trại Auschwitz.

Klaus khụy gối trước cổng Trại tập trung, vừa vò đầu bứt tóc vừa gào khóc.

Chuyện gì đã xảy ra? Ông cho rằng một người Đức như mình đến Trại tập trung ít nhất cũng có thể bảo vệ được gia đình Janssen. Nhưng hoá ra sức lực của ông có hạn.

Mà ngay từ đầu, có lẽ ông đã tự huyễn hoặc mình bởi ý nghĩ một người Đức sẽ cứu được cả một gia đình người Do Thái.

Klaus tự trách mình.

Vốn dĩ cái chết của vợ chồng Janssen là do vô tình bị cuốn vào cuộc bạo động giữa những tù nhân, Klaus không cần phải cảm thấy có trách nhiệm. Nhưng nếu không tự đổ lỗi cho mình về cái chết của hai vợ chồng và khiến bản thân tin rằng mình cần bám trụ cuộc sống này thay phần của họ, Klaus sẽ không thể gượng dậy mà sống tiếp.

Vậy là cả gia đình Janssen chỉ còn duy nhất Hannah sống sót.

## 10.

Từ vài ngày trước, xung quanh Klaus cũng liên tiếp xảy ra những việc đau buồn.

Đầu tiên là chuyện của chàng trai thổi sáo tên là Kelly.

Kelly cùng vợ và mẹ đều bị đưa tới Trại tập trung, nhưng chỉ có duy nhất Kelly được chọn vào dàn nhạc, còn vợ và mẹ anh đều không biết số phận ra sao.

Nhưng Kelly không bao giờ than thở với mọi người xung quanh, anh thường hay nói đùa khiến các thành viên trong dàn nhạc nam bình tâm hơn. Trong những tháng ngày cùng cực cận kề với cái chết, Kelly vẫn có thể bông đùa mọi chuyện một cách nhẹ nhàng. Nhìn vào, ai cũng nghĩ anh là người lạc quan và có tinh thần mạnh mẽ.

Chuyện bắt đầu vào một ngày, khi dàn nhạc đang biểu diễn.

Đó là một ngày hiếm hoi trời trong xanh không có cột khói nào. Mang trong mình tâm trạng háo hức muốn biểu diễn thật hay, tiếng sáo của Kelly vang lên trong vắt. Lúc dàn nhạc đang biểu diễn, ba xe tải chở tù nhân đi qua trước mặt họ.

Loáng thoáng nghe thấy một giọng nói quen thuộc phát ra từ chiếc xe tải thứ ba, Kelly ngẩng mặt lên. Tiếng rên rỉ như bị nghẹn lại khiến anh không hiểu người đó đang nói gì, nhưng anh nghe được rõ ràng giọng nói thống khổ ấy đang lẫn trong những tiếng gào thét đau đớn khác.

Kelly chợt cảm thấy đi ớn chảng lạnh, anh dừng chơi sáo, lắng tai nghe về hướng có giọng nói phát ra. Từ phía trong song sắt của xe tải, một cánh tay khẳng khiu như que củi khô vươn về phía dàn nhạc. Chẳng phải ai khác, mà chính là người mẹ năm nay đã bảy mươi tuổi của Kelly.

Nếu không chơi nhạc, chắc chắn anh đã nhận ra tiếng gào thét của mẹ sớm hơn. Giọng nói của mẹ anh hoàn toàn bị xoá nhoà trong tiếng nhạc, đến nỗi anh đã không nhận ra mẹ cho tới tận lúc chiếc xe tải chạy qua ngay trước mắt.

Anh đã thổi sáo để đây mẹ anh đến chỗ chết ư?

Vậy mà thậm chí anh còn hào hứng định chơi thật hay nữa.

Thứ âm nhạc d òn con người ta vào chỗ chết mà còn có hay hoặc dở sao?

Kelly đứng l ặng bàng hoàng. Khoảnh khắc sau đó, khi ý thức lại được, anh v ụt chạy đ ối theo chiếc xe tải.

“Dừng lại đi! Đó là mẹ tôi! Cứu với!”

“Kelly! Kelly...! Kelly...!”

Chiếc xe chạy ngày một xa d òn, đến lúc chẳng còn nghe tiếng gọi nào nữa.

Kelly v ấp phải hòn đá và ngã l ộn nhào, mất một lúc anh cứ nằm sấp mặt xuống đất chẳng bu òn động đậy, giờ phút này anh thậm chí không thể đứng dậy bằng sức của mình.

Đối với Kelly, chuyện này chẳng khác gì chính tay anh vừa mới chôn sống mẹ. Trên đời này, ai có thể tha thứ được cho kẻ dám động tới người mẹ đã sinh ra mình chứ riêng Kelly thì không, đó là tôn nghiêm cả đời anh theo đ ối.

Từ sau đó, Kelly giống như một con người hoàn toàn khác, anh như kẻ mất h òn.

Nếu cứ để mặc như vậy có thể anh sẽ tính tới chuyện tự tử. Lo sợ đi ầu ấy, Klaus đã dặn các thành viên dàn nhạc thay nhau trông chừng anh. Đúng như những gì Klaus lo ngại, vào một buổi tối, sau khi vừa kết thúc điểm danh, Klaus nhìn thấy Kelly đang chạy hết tốc lực về phía hàng rào dây kẽm gai nối với lưới điện cao áp. Trước khi anh đâm đầu vào hàng rào, Klaus đã kịp thời tóm lấy và khoá chặt hai tay anh lại.

“Kelly, bình tĩnh lại đi!”

“Để tôi chết đi! Xin anh đấy!”

“Mọi người đều hiểu cảm giác của cậu. Bình tĩnh lại đi!”

“Để tôi chết! Hãy để tôi chết đi!”

Kelly tự đâm vào trán mình, gục xuống khóc lóc.

Kể từ đó về sau, con người r ạng rỡ như mặt trời của Kelly đã biến mất, anh h òn như chẳng nói năng gì nữa.

Anh chỉ đang sống, chẳng còn gì khác. Là người chỉ huy dàn nhạc, Klaus có nghĩa vụ phải trông coi Kelly khi anh rơi vào tình trạng suy sụp,

nhưng ông không thể cứu được trái tim một con người. Lúc này ngoài việc để mặc Kelly thì Klaus không còn biện pháp nào khác.

Sau sự việc của Kelly được ba ngày, lại có một biến cố khác.

Người ta phát hiện ra Asher Cohen, người lính xướng của dàn nhạc đã chết, máu trào ra từ miệng.

Cohen là người hướng đạo, trong Do Thái giáo gọi người như ông là Rabbi. Một Rabbi không chỉ hướng đạo cho các tín đồ mà còn là luật sư, người tư vấn tâm lý, cố vấn tài chính, họ mang trong mình vai trò tiếp nhận rất nhiều những tâm tư thắc mắc và sẻ chia chúng, gánh lấy trọng trách như một người phán xử trong xã hội người Do Thái. Bản thân Cohen cũng là một người có nhân cách tuyệt vời, được tất cả mọi người tin cậy.

Trước khi Cohen tự sát một tuần, người chơi kèn trumpet tên Jacob đã tới trao đổi với ông.

“Tôi bị quân Phát xít chặt mất bàn tay phải vì dám chống lại chúng. Chúng đã bắt hết bạn bè tôi ở khu Lao động lên thuyền rồi dùng loạt cho thuyền nổ tung trên vịnh. Chúng gọi đó là thí nghiệm sức công phá. Tôi đã không kiên chế được khi nghe một tên SS kể lại chuyện đó với giọng dương dương tự đắc nên đã dùng tay phải đấm hắn. Tôi không biết phải làm sao bây giờ...”

Jacob ôm lấy chỗ bàn tay phải đã mất, Rabbi nhìn anh với ánh mắt nhân từ. Nhìn vào đôi mắt như mặt nước tĩnh lặng của Rabbi, tâm trạng cuống loạn của Jacob cũng bình yên trở lại. Chẳng phải lần đầu tiên Jacob đi xưng tội, nhưng con người mắc phải đây những lỗi lầm của anh trước đây đã bao giờ được chấp nhận tới mức này chưa nhỉ.

“Jacob, anh may mắn lắm. Nếu anh chơi một nhạc cụ nào khác thì có thể sẽ rất khó khăn, nhưng kèn trumpet thì chỉ cần luyện tập tay trái là được. Không sao đâu. Cỗ tay phải thì... có lẽ vì lí do nào đó buộc phải rơi mất khi đi qua biển lửa, nhưng có lẽ nhờ vậy mà nó được tự do. Anh vẫn đang được Chúa Trời che chở.”

Quả đúng là như vậy. Jacob vốn có thói lấy trộm đồ, nhiều lần khi anh chợt nhận ra thì đã động tay động chân mất rồi. Cũng không phải anh ta sống trong cảnh nghèo khó đến mức phải trộm cắp để kiếm miếng ăn, những thứ anh ta lấy cũng chỉ là điều thuốc lá, cái bút mực, cái lược, cái ô,

... thường chẳng phải là thứ gì đắt giá đến mức người ta muốn có bằng được.

Khi trở lại làm chủ bản thân, Jacob thường ân hận đánh thật mạnh vào tay phải của mình, nhưng khi nghe thấy lời của Rabbi, anh lại có cảm giác thanh thản với suy nghĩ “Thế là cuối cùng ta cũng được thoát khỏi tật xấu bao lâu nay”. Dù mất đi bàn tay phải nhưng Jacob vẫn cảm thấy niềm hạnh phúc trong lòng.

Con chiên cảm thấy hạnh phúc nhưng ngược lại Rabbi lại thấy đau thắt trong tim.

Bởi hiện giờ, ông phải đứng nhìn hầu hết những tín đồ trước đây bị bắt đến Trại tập trung làm lao động khổ sai, và tận mắt chứng kiến từng người từng người bỏ mạng.

Khi Rabbi gặp những người lao động, họ đã nhìn Rabbi với ánh mắt căm hận ông chưa từng thấy và chỉ tay về phía ông.

“Người chỉ cứu lấy bản thân mình và bỏ mặc bọn ta!”

Rabbi là người đại diện cho xã hội người Do Thái, mang trong mình lòng tự trọng cao, vậy nên ông bị tổn thương nặng nề bởi những lời nói ấy và đã cắn lưỡi tự vẫn ngay đêm hôm đó. Toàn bộ sự tình sau này được một người Do Thái từng theo đạo ở khu Lao động kể lại cho Klaus. Người này biết được nỗi khổ tâm mà Rabbi phải gánh chịu, vì thế nên anh ta cũng muốn người có trách nhiệm với dàn nhạc là Klaus biết những chuyện này.

Klaus luôn luôn chỉ nghĩ đơn giản rằng Rabbi đi tìm đam mê và mạnh mẽ, nhưng ông không thể nhận ra việc ở trong vị trí an toàn, với tư cách thành viên dàn nhạc khiến người đó cảm thấy bẽ bàng và đau khổ đến nhường nào.

Klaus không thể không trách chính mình, về chuyện của Kelly, chuyện của Rabbi và về nỗi bất lực khi mình có mặt ở đó mà chẳng thể ngăn cản những tấn thảm kịch này.

Trong hoàn cảnh ấy, sự việc của cha mẹ Hannah lại dường đột xảy ra.

Cả dàn nhạc đã biết Hannah được gặp lại cha mẹ mình, chẳng ai có thể ngờ cha mẹ em cuối cùng lại nhận một cái kết bi thương ngay sau đó. Mỗi khi gặp Hannah, tất cả các thành viên đầu tiên lướt động viên em với gương mặt rạng rỡ.

“Tốt quá rồi, Hannah nhỉ. Vậy là kể từ giờ ngày nào cậu cũng gặp được họ rồi.”

Edyth bắt chuyện với Hannah, vui mừng như thể đó là chuyện của chính mình.

“Ừ, tớ sẽ luyện tập thật nhiều, để khiến cho bố mẹ được an tâm. À mà có việc này tớ quên mất! Mẹ tớ biết chơi piano.”

“Vậy mau nói cho cô Arles biết thôi. Thế thì có thể cứu được cả mẹ cậu nữa.”

“Cô Arles cũng nói vậy lúc tới đây... Nhất định là vì bạn quá nên cô ấy quên thôi. Chốc nữa tớ phải nói mới được... Nhưng, còn mẹ của Edyth thì sao rồi?”

Lần đầu tiên Hannah hỏi thăm về gia đình Edyth.

“Bố tớ là luật sư, còn mẹ tớ là bác sĩ. Vì bố mẹ đều đi làm bận bịu nên gần như tớ được vú em nuôi lớn. Khi những cuộc lùng bắt người Do Thái nổ ra, cả nhà tớ đã tính đến việc trốn sang Thụy Sĩ. Nhưng thật không may, đúng lúc vừa gom góp xong tài sản để cho vào túi thì bị một tên Đảng viên Phát xít phát hiện. Cái túi đó bị tịch thu, mọi người đã chống lại. Vì đó là tất cả số tiền cần thiết để sống sót. Sau đó thì... cả bố và mẹ tớ... đều bị giết, ngay trước mắt tớ. Tớ không muốn nhớ lại chuyện đó nữa...”

Nói đến đó, cô bé rơm rớm nước mắt.

“Ôi, Edyth, tớ xin lỗi...”

“Đừng để tâm. Hannah hãy trân trọng bố mẹ nhé. Vì họ còn đang sống... Nơi này chứa nỗi đau của rất nhiều người. Vậy nên, những chuyện đáng vui thì mình cứ vui cho trọn, nếu không sẽ mất tinh thần lắm.”

# 11.

Chiều ngày hôm đó, các thành viên dàn nhạc nữ được đưa đến khu vực gần giàn hoả thiêu, cách khu phòng nhạc khoảng một ki-lô-mét.

Một ngày không biết có bao nhiêu chuyến xe lửa đưa người tới Auschwitz, họ được chia ra thành nhóm người đi lao động cưỡng bức và nhóm bị chở tới phòng hơi ngạt. Những người bị đưa đến phòng hơi ngạt hoàn toàn không biết mình sẽ đi đâu. Lí do là bởi cùng lúc họ đặt chân xuống sân ga, dàn nhạc liền chơi những bản nhạc như thể hoan nghênh họ. Được chào đón bởi một thứ âm nhạc tươi vui khiến cơ thể như trở nên khoẻ khoắn, hàng dài những người tù nhân sẽ có ảo giác rằng có lẽ họ không bị đưa tới một nơi quá tệ.

Âm nhạc lúc đó biến thành một thứ công cụ để đánh lừa con người.

Tuy nhiên gần đây, việc phân chia thành nhóm lao động và nhóm đưa tới phòng hơi ngạt thậm chí còn không được tiến hành.

Toàn bộ những người được đưa đến đều bị chuyển tới phòng hơi ngạt. Vì chuyện này mà phòng hơi ngạt trở nên quá tải, ngay đến bọn trẻ cũng bị cho vào lò thiêu sống.

Đứng ở khu trại cách đó khá xa vẫn nghe thấy được những tiếng hét khủng khiếp. Để nhấn chìm tiếng gào thét và để bụng bít hành vi tội ác man rợ của mình, quân đội bắt dàn nhạc biểu diễn.

Dàn nhạc nữ do Arles Bizet chỉ huy đứng ngay gần cửa ra vào lò thiêu, chơi những bản nhạc du dương giống như đang chế giễu những xác chết trần trụi.

Dù đang ở giàn thiêu nhưng họ không được phép chơi những bản nhạc cầu hồn khóc thương cho những người đã chết. Lâu lâu các thành viên lại bất chợt nghe được những tiếng la hét thảm thiết, nhưng họ chỉ biết nhắm chặt mắt, vừa co vai vừa chơi đàn. Phải làm như vậy, bởi nếu họ dừng chơi nhạc hay dám buông đàn để bịt tai thì chính mạng sống của họ sẽ bị rút ngắn.

Biết được sự thực quá ư khủng khiếp, đôi chân Hannah run lẩy bẩy không ngừng, âm sắc từ cây đàn violin của em trở nên hỗn loạn mặc cho em cố gắng đến thế nào. Edyth chơi vị trí violin hai, không thể chịu nổi

những tiếng kêu và mùi bốc lên, cô bé vừa chơi đàn vừa nôn thốc nôn tháo xuống dưới chân.

Tối hôm đó, theo lệnh của Arles, toàn bộ thành viên dàn nhạc tập hợp ở phòng âm nhạc, nghe lịch trình và nội dung biểu diễn của ngày mai, đồng thời tổ chức một buổi họp.

“Hôm nay dù là ngày đầu tiên diễn tấu chính thức nhưng các bạn đã làm rất tốt. Tôi chắc các bạn có rất nhiều mối suy tư, nhưng rất mong các bạn tập trung chơi đàn thôi, đừng nghĩ ngợi gì cả. Hãy chỉ quan tâm đến việc mình tạo ra được những âm thanh tuyệt vời đến thế nào.”

Nghe Arles nói vậy, Edyth lắc đầu thật mạnh và bắt đầu nói với vẻ kích động.

“Em không chịu đựng nổi chuyện này. Em sẽ bỏ dàn nhạc. Thà đi lao động khổ sai còn hơn. Chúng ta đang chơi nhạc vì ai đây? Chúng ta chơi nhạc vì đi đâu gì? Mọi người hãy trả lời đi!”

Chẳng ai trả lời được câu hỏi ấy.

Dù từng người trong dàn nhạc đầu mang theo tâm trạng giống như Edyth nhưng không ai có thể đưa ra bất cứ câu trả lời nào sau ngày hôm nay.

“Đã vậy thì em quay về khu Lao động đi.”

Arles lạnh lùng nói với Edyth.

Edyth quay lại nhìn Arles với dáng vẻ nao núng trước những lời em không ngờ tới. Dù được đồng cảm, em cũng không nghĩ mình lại bị đáp trả thẳng thừng đến thế.

“Tôi không chỉ nói với mình Edyth thôi đâu. Nếu ở lại đây khiến các bạn đau đớn thì ngay ngày mai có thể đến khu Lao động. Nếu bạn chịu nhường vị trí của mình trong dàn nhạc thì có cả đồng người ngoài kia đang muốn ngửi vào vị trí đó. Cứ việc lao động quần quật mười tiếng một ngày trong cái lạnh khắc nghiệt với tấm thân tàn tạ gầy guộc mà chẳng có lấy chút đồ ăn. Nếu các bạn cho rằng cuộc sống ấy tốt hơn thì có thể đi ngay lập tức.”

Trước những lời lẽ nghiêm khắc của Arles, không chỉ Edyth mà toàn thể thành viên có mặt ở đó đều nín lặng.

Tất cả mọi người lúc này đều có một suy nghĩ, thà rằng cứ lao vào làm lụng chẳng cần suy nghĩ gì có lẽ sẽ nhẹ nhõm hơn là bị lợi dụng, mượn tay



để trợ giúp chôn vùi những người đồng bào cũng là tù nhân khác.

Dù vậy, ở dàn nhạc, dầu không đầy đủ, họ vẫn còn có đồ ăn, vẫn có quần áo mặc, được cấp phòng riêng để sống. So với những người ở khu Lao động hằng ngày phải uống thứ súp như nước lã, mặc bộ quần áo tù mỏng tang và ngủ co quắp trong những khu trại như chuồng ngựa thì quả thật là khác một trời một vực. Từ bỏ cuộc sống hiện tại cũng có nghĩa là đi tìm cái chết.

Arles ngẩng xuống cạnh Edyth, khác với những lời lẽ nghiêm khắc lúc này cô trút lên em, Arles xoa lưng Edyth bằng cử chỉ nhẹ nhàng.

“Những đi đâu Edyth vừa nói, chắc hẳn mọi người đều một lần, không, từ nay về sau sẽ rất nhiều lần phải hỏi đi hỏi lại chính mình. Mọi người nghĩ tôi có thể bình thản được à? Không hề. Từ một năm trước, tôi đã phải chịu đựng những cảm xúc giống hệt Edyth lúc này mà sống tiếp. Vậy nên tôi sẽ nói chuyện này với các bạn. Hãy nghe kĩ lời tôi.”

Không một ai có thể phản đối khi nghe những lời đó của Arles. Cô nhìn quanh gương mặt mọi người rồi đưa tay vỗ nhẹ lên tóc Edyth.

“Trước hết, Edyth... tuy tôi nói những lời gay gắt với em, nhưng tôi mong em sẽ sống sót cùng với dàn nhạc. Không một ai ở nơi này chết vì họ muốn chết cả. Tôi không muốn cái chết của họ trở thành vô nghĩa. Hãy sống sót, hãy vạch trần thảm họa diệt vong ở nơi địa ngục này. Sẽ nhanh thôi, quân đội Liên Xô hoặc quân đội Anh sẽ tới cứu chúng ta. Tất cả hãy cùng sống cho tới lúc đó.”

Những lời nói ấy của Arles chứa đựng sức mạnh, tưởng như việc sống sót không chỉ là vấn đề của từng cá nhân nữa. Dường như Arles muốn nói với họ, nếu đã được chọn vào dàn nhạc thì sống sót chính là số mệnh của mỗi người.

“Mọi người biết người thổi sáo của dàn nhạc nam tên Kelly chứ? Anh ấy hầu như không còn nói chuyện với ai nữa, chỉ vùi mình vào âm nhạc. Anh ấy không phải kẻ kì lạ khùng điên, những gì anh ấy đã trải qua có thể xảy tới với chúng ta bất cứ lúc nào. Nghe này, dù cùng là người Do Thái nhưng dàn nhạc của chúng ta nhất định sẽ không bị bắt đưa tới nơi lao động khổ sai chết chóc. Đồ ăn vẫn sẽ được cung cấp ở một mức độ nào đó nếu chúng ta còn tiếp tục đem đến những thanh âm. Quần áo đương nhiên

được chuẩn bị cẩn thận khi chúng ta diễn tấu. Nhưng, các bạn đã bao giờ nghĩ xem số thức ăn đó, những bộ quần áo đó là từ đâu ra chưa? Hannah!”

“...”

Hannah không biết.

Dù trong Trại tập trung thiếu thốn đủ thứ, Hannah vẫn có đủ áo quần kể từ khi em gia nhập dàn nhạc. Dù chưa từng nghĩ tới nhưng em không thể xoá bỏ những thắc mắc trong đầu.

“Tất cả đều là di vật của những người đã chết. Cả bánh xà phòng duy nhất ở kia, ruột bên trong gói, mọi thứ đều được làm từ mỡ và tóc của những người đã chết.”

Hannah, Edyth và toàn bộ thành viên dàn nhạc rùng mình đưa tay lên che mặt.

“Chúng ta làm gì ư? Tóm gọn lại, những gì chúng ta làm cũng giống như lũ Kapo tã tộ đó. Lấy lòng lũ Phát xít, vui vẻ đứng nhìn những đống loại của mình tiến gần tới cái chết, chúng ta không vui vẻ gì, đúng thế. Nhưng không thể tránh được việc bị người khác đánh giá như vậy.”

Rosa, một cô bé khiêm nhường, ít nổi bật và cùng chơi ở vị trí violin một như Hannah cất tiếng.

“Tôi, tôi quyết định rồi. Về lí do vì sao chúng ta chơi nhạc. Khi đoàn tàu tới, dù chỉ trong giây lát thôi, tôi muốn giúp lòng họ nhẹ nhõm hơn. Ở giàn hoả thiêu, tôi sẽ chơi vì những người đang sống trong các khu trại. Khi ở công Trại tập trung, tôi chơi nhạc để cầu cho mọi người có thể mạnh khoẻ làm việc và sống sót trở về Những buổi biểu diễn lúc chiều tối, tôi chơi vì những người trở về trong một mẻ.”

Arles tiếp lời.

“Chơi nhạc để tẩy não bọn Phát xít, biến chúng thành những kẻ không thể sống nổi nếu thiếu âm nhạc. Chơi nhạc để rửa sạch tội lỗi cho những đống loại lã lạc Kapo.”

Edyth gật đầu với Arles và tiếp lời.

“Và chơi vì chính bản thân chúng ta.”

Hannah muốn nói em chơi nhạc vì bố mẹ, nhưng nghĩ tới những người bạn đã mất cả gia đình của mình, em đành giữ điếu ấy lại trong lòng.

Arles đứng dậy, dang rộng đôi tay.

“Đúng vậy, đúng là tinh thần này. Nếu cần nghĩ, hãy cứ nghĩ về những điếu tích cực. Nếu có chạy trốn, hãy tìm đến với thế giới của âm thanh. Tôi không tha thứ cho ai chọn cái chết. Ngày mai, chúng ta vẫn sẽ tập trung lúc sáu giờ.”

## 12.

Khi vừa ra khỏi phòng âm nhạc, Hannah sực nhớ ra việc quan trọng nhất.

“Cô Arles, sáng nay em đã gặp bố mẹ em.”

Hannah gọi Arles lại với hi vọng có thể đưa mẹ em vào dàn nhạc.

“Đúng, đúng vậy. Cái tên Hans đó, một lúc nào đó tôi sẽ đâm vào mặt hắn! Cha mẹ em vẫn ổn chứ?”

“Vâng... Có việc này, liên quan tới mẹ em ạ.”

“Ôi trời, thật sự xin lỗi em nhé. Mấy ngày nay cứ liên tục như vậy thành ra tôi quên khuấy đi mất. Ngày mai tôi sẽ tới nói với Trại trưởng là dàn nhạc cần mẹ em tham gia. Nhân tiện, cả cha em nữa, tôi nghĩ nếu là thoải mái chắc ông sẽ làm được thôi, tôi cũng sẽ nhờ Klaus nhé.”

Những lời đó của Arles khiến Hannah vui mừng khôn xiết.

Được ở cùng mẹ và thậm chí cả bố nữa, với Hannah chuyện này cứ như một giấc mơ.

“Arles, Hannah... Không cần làm thế nữa...”

Đột nhiên giọng Klaus vang lên trong bóng tối. Arles quay lại, cao giọng hỏi.

“Anh nói thế là sao? Klaus!”

Klaus ôm lấy Hannah, giọng ông run rẩy.

“Cha mẹ con... họ đã...”

Klaus không thể nói hết. Nhìn bộ dạng suy sụp của Klaus, Hannah dứt khoát dùng hai tay ấn ngực ông để vùng thoát ra.

“Không thể nào, dối trá! Thầy Klaus là đồ nói dối! Sáng nay con vừa thấy mẹ mà. Con đã gặp họ rồi.”

“Trong lúc lao động, có một vụ bạo động xảy ra, không may là bố mẹ con bị cuốn vào, khiến cả hai đều bỏ mạng...”

“Họ không chết đâu. Bố mẹ con không thể chết được!”

Hannah lùi lại, Klaus nắm lấy tay trái của Hannah kéo về phía mình rồi lại ôm chặt em trong lòng một lần nữa.

Hannah gào khóc rất to. Những giọt nước mắt của Klaus cũng rơi trên tóc Hannah.

Arles, Edyth, Rosa cùng tất cả mọi người dù đang trên đường quay trở về phòng cũng tiến lại gần ôm lấy Klaus và Hannah, họ cùng khóc.

Tiếng khóc của họ cùng với khói từ giàn hoả thiêu bay lên hoà vào bầu trời đêm Auschwitz.

“Hannah, đây là di vật của mẹ con.”

Klaus lấy ra một mảnh giấy nhăn nhúm đưa cho Hannah, cô bé lúc này đã thấm mệt, chỉ còn rấm rứt khóc. Di vật của mẹ là bức thư gửi cho Hannah.

“Mẹ con đã nắm chặt thứ này trong tay.”

Hannah lấy mu bàn tay gạt nước mắt trên mặt, cầm lấy bức thư từ tay Klaus, em vuốt nhẹ những nếp nhăn, cố không làm rách mảnh giấy.

**“Hannah thương yêu,**

**Hannah, con có bị đói không? Con có ngủ được một mình không? Con có bị ốm không? Con có thấy cô đơn mà khóc nhè không? Có người nào đối xử tử tế với con không? Ngày nào mẹ cũng lo cho con và Andrew. Cứ mỗi buổi tối, mẹ lại cầu nguyện ngày mai sẽ được gặp Hannah mạnh khoẻ rồi mới ngủ được. Giờ đây mẹ mới thấy thật may mắn làm sao khi đã cho con học đàn violin. Mẹ đã nghe được lời đồn đại về một thiếu nữ chơi đàn violin. Mẹ biết chắc đó chính là Hannah. Mỗi khi nghe thấy tiếng nhạc, mẹ lại thầm nghĩ có thể Hannah đang ở đây và cảm thấy như được tiếp thêm sức mạnh. Bố con vẫn khoẻ. Mong rằng cả nhà sẽ sớm được quay lại cuộc sống trước đây. Cho tới lúc đó, mẹ sẽ không chịu thua bất cứ bệnh tật nào. Dù cuộc sống có khổ cực tới đâu, mẹ cũng sẽ mơ về ngày mai mà sống. Dù có bất cứ chuyện gì xảy ra đi nữa. Vậy nên, Hannah, con cũng đừng gục ngã. Con đừng bao giờ quên, mẹ luôn luôn dõi theo con.**

Tái bút, mẹ may mắn có được giấy và bút, thỉnh thoảng mẹ sẽ viết thư cho con. Con hãy cất vào đâu đó, trong hộp đàn cũng được, để không bị phát hiện nhé.

**Mùng Một tháng Năm năm 1943**

**Mẹ”**

Hannah đọc lá thư của mẹ trong tiếng nức.

Mẹ quan tâm lo lắng đến em rất nhiều, nhưng bản thân mẹ hằng ngày phải đi lao động vất vả, không biết mẹ đã đói bụng đến mức nào. Trời lạnh giá đến thế, thể trạng mẹ không tốt chắc khổ cực lắm. Giờ đây em có lo lắng cũng chẳng còn ý nghĩa gì nữa rồi, dấu vẩy hình ảnh mẹ gầy gò sáng hôm nay vẫn cứ in sâu trong lòng em không rời ra được.

“Cha mẹ con thật dịu dàng.”

Những lời Klaus thì thầm bên tai gợi về trong Hannah những kỉ niệm của em với mẹ từ những ngày xưa cũ.

Hồi còn ở nhà Klaus, em chẳng nghĩ gì tới mẹ mà cứ nhận phần bánh mì mẹ đưa. Mẹ vẫn hay kể chuyện bên gối của em và Andrew cho tới lúc hai đứa ngủ. Nụ cười của mẹ, người mẹ luôn tươi cười của em chẳng còn ở bất cứ đâu trên cõi đời này. Bố cũng không còn ở đây nữa.

Hannah nắm chặt bức thư của mẹ trong tay, một lần nữa em lại khóc nức nở rất to, nước mắt nước mũi đầm đìa thấm ướt ngực áo của Klaus.

# 13.

Ngày hôm sau Arles vào phòng gọi Hannah.

“Hannah, tình thế cấp bách này sẽ còn kéo dài. Không phải tôi muốn bắt em cố quá sức, nhưng đừng nghĩ ngợi gì nữa mà hãy chỉ tìm tới thế giới âm nhạc thôi. Nhất định em sẽ làm được. Nào, đi thôi! Mọi người vẫn đang đợi em. Mọi người cần em, để tất cả chúng ta được sống. Em sẽ sống, sống thay cả phần gia đình mình nữa!”

Hannah vẫn nằm phủ phục trên giường không động đậy. Arles kéo cánh tay trái của Hannah nhưng em gạt bàn tay ấy đi. Arles tóm lấy vai Hannah lật em nằm ngửa ra rồi ngay sau đó đưa tay tát vào má phải của cô bé.

“Thôi làm nũng đi! Chẳng phải chỉ mình em đâu. Rosa, Edyth và cả Mary ốm yếu nữa, tất cả đều đã mất hết gia đình rồi. Tôi rất hiểu tâm trạng em lúc này. Tôi hiểu cảm giác không muốn tập, cảm giác không muốn chơi đàn... Nhưng, chúng ta được sống nhờ vào âm nhạc. Những người đã chết, họ đã muốn sống đến thế nào... Không, những người đi lao động hằng ngày, họ khổ cực tới mức sống trong suy nghĩ thà rằng chết đi còn hơn. Làm gì có chuyện em không hiểu được những điều đó đúng không? Nào, chơi đàn đi! Hãy chơi đàn để dù chỉ còn một mình vẫn có thể sống, có thể mạnh khoẻ mà trở về”

Arles cầm lấy cây đàn violin đặt cạnh giường Hannah, gảy dây Ré để chỉnh âm. Thấy lạ, cô thử kéo lại dây Ré một lần nữa, rồi sau đó kéo cả dây Ré và dây Mi.

“Hannah, đàn của em, hình như âm hơi trùng lên nhau, cứ như là tạo ra vọng âm ấy. Tiếng đàn khác hẳn với hôm qua. Lạ quá...”

Hannah giật mình như nghĩ ra điều gì đó rồi ngẩng bật dậy.

“Hôm qua, em nhét lá thư kỉ vật của mẹ vào thùng đàn qua khe chữ S. Nhưng sau đó lại thấy nếu bức thư cứ lạo xạo trong thùng đàn suốt cũng không ổn nên em nghĩ là phải lấy nó ra, lúc em dùng lòng bàn tay vỗ vào chỗ thì cảm thì nó bị mắc ở trong, không di chuyển gì thêm. Có lẽ bức thư mắc tít ở sâu bên trong nên em chẳng nhìn thấy nó nữa... Chắc do bức thư nên đàn mới như vậy.”

Arles mỉm cười.

“Vậy đúng như em nói rồi. Mảnh giấy bị gập lại mấy lần giống như một cột chống âm nên sẽ gây ra cộng hưởng một chút. Nhưng nhờ vậy mà giờ đây cây đàn này lại tạo ra những âm thanh tuyệt vời không cây đàn bình thường nào làm được.”

Nói rồi Arles chơi thử đoạn đầu bản “Ave Maria” của Schubert. So với lúc cây đàn phát ra những đơn âm trong trẻo, tiếng đàn giờ đây dày và có âm vực rộng hơn.

“Mẹ em đã hoá thành thanh âm và dõi theo em đấy.”

Nghe Arles nói vậy, Hannah mạnh mẽ gập đầu. Thế rồi, em ôm cây đàn vào lòng như thể đang ôm lấy mẹ, khe khẽ nở nụ cười.

Đúng lúc đó, cửa phòng Hannah vang lên tiếng gõ cửa.

“Cô Arles, Hannah, mau lên thôi, sắp muộn rồi.”

Người tới là Leo, anh chàng chơi cello. Có vẻ cậu lo lắng về tình hình của Hannah nên mới ghé qua phòng. Cậu cố làm giọng bình thản như thể không có chuyện gì xảy ra khi gọi hai cô trò.

Hannah và Arles nhìn nhau cười rồi cả hai lớn tiếng đồng thanh đáp.

“Vâng.”

Nghe thấy tiếng trả lời khoẻ khoắn của Hannah, Leo cảm thấy yên tâm.

Arles bước chậm lại để Leo và Hannah có thể đi sóng bước bên nhau. Dù đang ở trong hoàn cảnh như bây giờ nhưng bỗng nhiên Arles lại có cảm giác, hai người trẻ tuổi này thật xứng đôi. Cô nghĩ rằng nếu Leo trở thành chỗ dựa tinh thần cho Hannah khi cô bé đang hết sức đau buồn vì mất cha mẹ thì thật tốt.

Về phần Hannah, em không muốn bị Leo nhìn thấy gương mặt với đôi mắt sưng đỏ vì khóc nên cố tình đi lùi về sau, chậm hơn Leo tầm hai bước chân, nhưng Leo bất ngờ quay đầu về phía Hannah, vòng tay khoác vai em.

“Hannah, khóc nhiều quá, em sẽ biến thành con tắc kè hoa đấy.”

Cậu mỉm cười trêu Hannah.

“Anh Rochester, thật quá đáng.”

Hannah giấu mặt sau bụng đàn.

“Có trốn cũng muộn rồi, cô tắc kè hoa à. Cứ gọi anh là Leo là được rồi.”



Nghe Leo nói những lời đó, Hannah lại càng áp sát mặt vào sau thân đàn.

Và rồi, Hannah nhận ra làm thế này cũng vừa hay để chườm mát mí mắt sưng tấy và nóng ran của mình. Không biết vì sao cô bé thấy lòng mình yên ổn, bình tâm lạ thường. Kể từ đó, sau mỗi lần khóc, em lại áp phần bụng đàn lên mí mắt để làm nó dịu đi.

Khi đến phòng tập trung, vì mọi người đều vui mừng vây quanh Hannah, nên em cũng cố gắng hết khả năng để có thể mỉm cười đáp lại. Trong hoàn cảnh tũ tẻ này, có những người bạn chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau chính là điếu đáng quý không gì đánh đổi được đối với Hannah lúc ấy.

Klaus nháy mắt với Leo. Thấy thế, Arles gật đầu kiên định, cất cao giọng ra hiệu cho cả đội.

“Nào các bạn, từ hôm nay sẽ là xuất phát điểm của dàn nhạc Bizet và Klaus.”

## 14.

Trong sự che chở bao bọc của bạn bè, Hannah đắm chìm vào thế giới âm nhạc với vai trò là cánh tay phải của Arles Bizet.

Khi chìm vào thế giới âm nhạc, Hannah có thể tiếp nhận được hiện thực tàn khốc xảy ra ở ngoài kia, tất cả đều giống như diễn biến của một bộ phim điện ảnh. Cả khi chơi nhạc tiễn hàng người đi lao động, em không còn để ý đến những con người đau đớn trong thân hình gầy guộc nữa mà dồn hết toàn bộ tâm trí chú ý tới việc mình chưa chơi tốt ở tiết tấu nào của bản nhạc thứ bao nhiêu. Trong môi trường khắc nghiệt này, tài năng của Hannah lại càng ngày càng được mài giũa.

Đến tối, khi chỉ còn lại một mình, Hannah cũng đánh giá lại những gì mình chơi, hoặc giúp Arles viết nhạc phổ, cố gắng để bản thân không nghĩ đến một điếu gì khác. Thỉnh thoảng, Hannah còn được quân SS gọi đi biểu diễn cho một ngày đặc biệt nào đó thay cho Arles.

Đối với tù nhân, có mối liên hệ với lính SS đồng nghĩa với việc có cơ hội nhận được sự chăm chú, kéo dài cuộc sống, nhưng với một cô bé mười bốn tuổi như Hannah, em vẫn sợ hãi vô cùng khi phải một mình tới chỗ đội Cận vệ. Suốt trên đường về từ buổi biểu diễn, em cứ suy nghĩ xem có cách nào tốt hơn không.

Rồi đến một ngày, em rụt rè hỏi một người lính SS.

“Nếu có thêm âm trầm thì phần biểu diễn của tôi sẽ hay hơn...”

“Ừm, quả đúng là như thế. Chơi cello thì... hoặc là Klaus hoặc là Rochester nhỉ. Được, lần sau cô có thể đi cùng họ.”

Hannah vui như mở cờ trong bụng.

Kể từ đó về sau, em luôn mong chờ có dịp được đi biểu diễn thay cho Arles. Nếu có người cùng đi thì việc biểu diễn không còn đáng ngại nữa. Em còn được hưởng đặc quyền của người biểu diễn, đó là được đãi một bữa ăn. Hơn nữa, nếu biểu diễn tốt em có thể chứng minh được sự cần thiết của dàn nhạc, đi đâu đó khiến Hannah luôn cố gắng hết mình.

Không biết từ bao giờ, những âm sắc từ cây đàn violin của cô thiếu nữ với đôi mắt xanh và mái tóc vàng đã chinh phục được trái tim quân SS.

Thậm chí đến tên ác quỷ Hans trước những bài biểu diễn của Hannah cũng kìềm chế lại bản tính hung ác, chẳng khác gì chú chó, chú mèo con.

“Gay thật, vẫn còn phải đưa gần một trăm người nữa từ phòng hơi ngạt tới lò thiêu nhưng giờ lò thiêu đã đầy quá rồi...”

Một ngày nọ, đám lính SS gặp rắc rối với việc xử lí một số lượng lớn xác người.

Nghe được lời này của đồng bọn, Hans nghĩ ra một cách xử lí thú vị mà hẳn thấy nên đem ra áp dụng. Đối với hẳn, đó là một sáng kiến tuyệt hảo tới mức khiến hẳn cảm giác bản thân đúng là một thiên tài mới có thể nghĩ ra chuyện đó.

“Vậy là hôm nay còn khoảng một trăm người phải không, cứ giao cho tao đi!”

“Nếu là mày thì chắc chắn chẳng phải chuyện gì hay ho rồi.”

“Ở cái Trại tập trung này, hay với dở thì có gì khác nhau?”

“Dù chúng ta có được Chúa Trời ủng hộ thì cái gì cũng có giới hạn của nó, Hans à. Bọn này cũng đã phải vài lần im lặng trước những hành động mất nhân tính của mày rồi. Mày sẽ phải xuống địa ngục đấy, Hans.”

“Mày nói gì thế? Tao phải xuống địa ngục thì mày cũng vậy thôi. Mày giết người một cách nhân đạo hả? Ở nơi này thì cần gì biết giết người nhân đạo hay vô nhân đạo chứ. Nếu không làm những chuyện đó thêm thú vị, thì ngày qua ngày mày chỉ là một con rô-bốt trong băng chuyền giết người này thôi.”

Hans lằng lằng trong ý tưởng của mình, hẳn bắt một nhóm tù nhân ở trần đào một cái rãnh dài và sâu hoắm.

Sau đó, hẳn bắt những người vừa đào rãnh đứng xếp thành một hàng, đứng quay lưng về phía cái rãnh đó. Tiếp theo hẳn sắp xếp phân chia vị trí cho một vài tên lính SS, rồi chẳng để ai kịp lên tiếng, chúng lần lượt nổ súng. Tiếng súng vang lên, những thân hình trần truồng như những hình nhân ma-nơ-canh liên tiếp đổ xuống hố, cả trăm mạng người trong phút chốc đã hoá thành phân bón cho đất.

Đám lính SS khác đã lặng lẽ bỏ đi, nhưng Hans vốn rất giỏi bản tốc độ cao nên hẳn còn vui vẻ huýt sáo giai điệu bản “Ave Maria” với nhịp điệu

nhanh, vừa nhún nhảy vừa đưa súng bắn vào giữa trán những nạn nhân của hắn.

Chứng kiến quang cảnh ấy, thậm chí đến đồng bọn cũng nghĩ hắn giống hệt như ác quỷ. Trong số những tù nhân đứng xếp hàng ở đó, dĩ nhiên có cả trẻ con, bị đẩy vào tình huống không nở nổ súng ấy, nhiều lính SS còn phải nhìn sang hướng khác, nhưng Hans thì không, hắn chỉ thản nhiên trình diễn tay nghề bắn súng điêu luyện của mình, không hề gặp khó khăn ngay cả khi chiều cao mục tiêu thay đổi từ trên xuống.

“A ha ha ha. Lũ Do Thái dơ bẩn.”

“Hans. Mà có thể dùng huyết sáo bản ‘Ave Maria’ đi không. Giống như đang báng bổ Thiên Chúa ấy.”

“Thiên Chúa vĩ đại, hay là ta vĩ đại... Tất cả đều thán phục trước đôi tay điệu nghệ này.”

“Tao hiểu rồi. Dù gì cũng xin mày chừa ‘Ave Maria’ ra.”

Chưa hết, ở gần đó, hắn còn lập ra một đội, bắt họ vận chuyển gạch đến địa điểm cách năm trăm mét, sau khi chuyển xong lại bắt họ bê về đúng vị trí ban đầu. Cũng có lúc buổi sáng hắn bắt người ta đào một cái hố, đến chiều lại bắt họ lấp cái hố vừa đào ấy đi. Suốt một ngày trời, hắn bắt những người tù nhân thực hiện đi thực hiện lại những hành động giống nhau vô nghĩa, khiến cho các tù nhân lần lượt phát điên. Đến lúc đó Hans sẽ ra lệnh cho những người đã mất trí ấy.

“Nhảy vào hàng rào dây thép gai kia đi!”

Những người tù nhân hét lên, chạy bỏ về phía lưới điện không ngần ngại và bị điện giật chết.

Những ý tưởng này của Hans đều bắt nguồn từ gợi ý của những y sĩ trong Trại, nói là để khảo sát tâm lí con người khi làm đi làm lại những hành động đơn giản và vô nghĩa. Tuy nhiên đối với Hans mà nói, đây là trò hết sức thú vị.

Tối hôm đó, hành động của Hans khiến đám lính trong nhóm quân SS cảm thấy tâm trạng trở nên tồi tệ, họ yêu cầu Hannah và Leo chơi bản “Ave Maria” gần bàn rượu. Không biết từ bao giờ, cặp đôi Hannah và Leo rất hay được gọi tới các buổi biểu diễn đặc biệt cho sĩ quan và lính tráng SS canh giữ Trại tập trung.

“Ave Maria” bị cấm biểu diễn ở bên ngoài, nhưng lính SS lại luôn muốn nghe bản nhạc này. Những con quỷ đội lột người không máu không nước mắt, chỉ có lúc nghe bản nhạc này là trở nên trầm mặc, thậm chí có kẻ mắt bỗng rung rung.

Đến cả Hans khi đứng trước âm nhạc cũng chỉ là một con người. Hắn nhắm mắt, cất giọng nói nhẹ nhàng như thể được gói trọn trong một chiếc chăn êm.

“Bản ‘Ave Maria’ cô chơi tại sao lại khác biệt như thế...?”

Một tên đồng nghiệp của hắn nói với đôi mắt đỏ hoe.

“Vì bản nhạc này đang rửa trôi tội ác tày trời của chúng ta. Đặc biệt là người đó, Hans!”

“Ờ... có lẽ là vậy đó...”

Những tưởng Hans sẽ nhảy dựng lên điên cuồng trước lời mỉa mai của tên cận vệ kia, nhưng không, có một con người thành thật khác của hắn đang ở đó. Hannah hết sức bất ngờ trước những lời nói ấy.

Họ nghĩ đi đâu gì là tội lỗi? Có phải họ chẳng hề thích thú khi ngược đãi người Do Thái hay không? Nếu nghĩ đó là tội ác, tại sao họ vẫn gây nên chúng? Hannah muốn thốt lên vô vàn câu hỏi.

Từ ngày hôm ấy, Hannah cảm thấy dường như mình đã nhìn ra một nỗi đau chung với những người Đức đang làm vai trò giám sát chính em và mọi người.

Trên đường biểu diễn về, Hannah và Leo đã nói chuyện về việc này.

“Được đi biểu diễn với em trong những dịp thế này anh mới hiểu ra một vài đi đâu. Có vẻ như bọn họ cần âm nhạc đến mức gần như khao khát. Ban đầu anh nghĩ đó là do bản tính dân tộc. Nhưng lí do có lẽ không chỉ có thế. Nói thế nào nhỉ? Giả sử trong bọn họ vẫn còn lại chút nhân tính, thì anh nghĩ rằng phải chăng họ cần đến âm nhạc để níu giữ lại chút nhân tính ấy? Em có hiểu những gì anh muốn nói không, Hannah?”

Hannah gật đầu đáp lại.

“Đó là khoảnh khắc họ chìm trong nỗi đau đớn, giống như người sói không muốn hoá sói vào đêm trăng tròn và khao khát níu kéo phần trái tim con người đang dần dần biến mất.”

“Phải, đúng là thế đấy! Họ không hoàn toàn là quái vật, phải chăng tư tưởng chính trị đã biến con người thành người sói? Ra là vậy... Hannah, em cũng cảm nhận được đi ều này.”

Hannah vừa nói chuyện với Leo vừa nhớ lại, vẫn có những người Đức tốt giống như vợ chồng Klaus, và cả những người lính SS khi nghe âm nhạc của em cũng trở nên hiền lành, tặng thưởng em nhiều thứ. Nghĩ đến đó, em bỗng băn khoăn không hiểu liệu rằng cảm hận người Đức cho tới hết cuộc đời mình có phải là đi ều đúng đắn hay không.

Leo và Hannah nói chuyện về rất nhiều đi ều, về trường học, về bạn bè, về những gì cả hai cảm nhận lúc này và dần dà họ trở thành một phần không thể thiếu của nhau.

Đối với Hannah, nếu không có Leo, và đối với Leo, nếu không có Hannah, mỗi người đi ều sẽ chẳng tìm được sức mạnh để sống sót trong Trại tập trung đầy rẫy đau khổ này.

**Khúc trung gian**  
NGƯỜI DÂN CỎI TIÊN BÔNG

1.

“Các bạn có biết trên đời này có ‘người dân cõi tiên b ồng’ không?”

Một buổi tối, Klaus ng ồi kể chuyện với toàn bộ dàn nhạc.

“Cõi tiên b ồng ả?”

Hannah bất giác hỏi lại vì mới lần đầu tiên nghe thấy hai chữ tiên b ồng.

“Đúng thế, người dân cõi tiên b ồng. Tiên b ồng là một từ trong tôn giáo của người Ấn Độ cổ xưa, mang ý nghĩa là ‘thế giới ở trên trời’. Trong những nghiên cứu về việc xây dựng đất nước mới, một nhà thơ người Mỹ tên Whitman\* đã dùng từ này để gọi người Nhật, bắt ngu ần từ dáng vẻ lễ độ và đường hoàng của một nhóm người Nhật với trang phục Samurai trong lần đầu tiên họ tới New York.”

“Klaus, chuyện này có thật ả? Họ thật sự t ồn tại trên đời sao?”

Arles vươn người ra trước hỏi.

Toàn bộ ba mươi tư thành viên dàn nhạc lạch cách kéo ghế lại gần quây quần xung quanh Klaus. Uống chút rượu whisky thó được từ chỗ quân SS xong, Klaus hay chuyện hơn hẳn bình thường.

“H ồi đó là thời kì Chiến tranh thế giới thứ Nhất, trước khi tôi lấy vợ. Tính ra cũng khoảng ba mươi năm trước r ồi. Tôi phục vụ cho quân đội Đức, đóng quân ở Thanh Đảo, Trung Quốc, lúc đó là cứ điểm quân sự của Đức. Vào tháng chín năm 1919, chúng tôi bị quân Nhật bao vây r ồi bị bắt đưa đến Trại tập trung Bando, Naruto ở vùng Tokushima Nhật Bản với tư cách tù binh quân đội Đức. Hiện nay Nhật và Đức là hai nước đ ồng minh, nhưng h ồi đó lại đối địch nhau. Tính đến năm 1920, có khoảng một nghìn quân nhân người Đức bị bắt làm tù binh ở Bando.”

Nghe đến mấy tiếng “Trại tập trung”, ai nấy đều nhăn mặt. Lần đầu tiên mọi người nghe chuyện trước đây Klaus cũng đã từng ở trong một trại tập trung. Nơi đó lại là trại tập trung của một nước đối địch thì có lẽ chẳng khác gì cuộc sống nô lệ. Tất cả sợ hãi không dám nghĩ liệu Klaus đã phải chịu những tra tấn khủng khiếp tới mức nào.

“Vậy là, trước đây th ầy Klaus cũng từng ở trong một trại tập trung ả?”



Klaus hơi mỉm cười và nói.

“Đúng rồi, tôi là người đi trước đấy nhé.”

“Không biết Nhật Bản ở đâu nhỉ?”

Arles tò mò hỏi.

“Nhật Bản là một nước châu Á nằm phía Đông Trung Quốc, phía Đông tiếp giáp với đại dương rộng lớn gọi là Thái Bình Dương, đi xa hơn nữa là lục địa châu Mỹ.”

Klaus cầm một cành cây gãy, vạch bản đồ lên nền đất của phòng âm nhạc. Rosa nghiêng đầu nhìn vào tấm bản đồ.

“Vậy Đức nằm ở đâu ạ?”

Klaus vẽ thêm phần phía Tây địa cầu, dùng đầu nhọn của cành cây chỉ vào vị trí của Đức.

“Ở chỗ này.”

Tất cả mọi người đều kêu ò lên vì bất ngờ trước một nước Nhật quá đổi xa xôi.

“Vậy là, anh đã từng sống ở một nơi ngoài nước Đức.”

“Đúng thế.”

Klaus lại đổ thêm whisky vào cốc.

Arles rất tò mò muốn biết câu chuyện về sau. Không chỉ riêng Arles mà toàn bộ những thành viên dàn nhạc ở đó đều muốn nghe về cuộc sống của Klaus ở trại tập trung.

Auschwitz chẳng khác gì một địa ngục trần gian, vậy còn cuộc sống tù đầy ở những trại tập trung khác thì sao, tất cả đều muốn biết.

“Rồi sao nữa, Klaus?”

“Ở Bando cũng giống như ở đây, cũng có rất nhiều khu trại được dựng. Điều khác biệt lớn nhất là ở đó không có phòng hơi ngạt và giàn thiêu. Nhớ quá...”

## 2.

Ánh mặt trời chói chang chiếu thẳng vào mặt tôi không chút nhân nhượng.

Xung quanh khu Trại tập trung với những dãy nhà gỗ là binh lính Nhật đứng bao vây trang bị súng đến tận răng, tôi cảm giác rằng chúng tôi sẽ không thể nào chạy trốn khỏi nơi này được. Trên đất Nhật nơi tôi lần đầu đặt chân đến, ánh sáng mặt trời phản chiếu khó chịu hơn tôi tưởng tượng, cơ thể đổ mồ hôi ướt đẫm da, nhưng trong sự căng thẳng cao độ, kì lạ thay tôi không còn cảm nhận nổi cái nóng.

Khi nhìn thấy cổng vào Trại tập trung, lần đầu tiên tôi cảm nhận được cái nóng và ngừng lên nhìn về phía mặt trời. Bất chợt tôi cảm giác có mùi thủy triều tràn vào trong khoang mũi.

Vậy là tôi đã đặt chân tới một miền đất chưa biết đến văn minh, nơi sinh sống của tộc người man rợ.

Lúc đó tôi mới chỉ sống trên đời này mười tám năm ngắn ngủi.

Dù mang theo súng bên mình, tôi chưa từng giết một ai. Những kẻ man rợ tò mò nhòm qua khe hở giữa những tên lính Nhật nhìn về phía chúng tôi, đến cả ánh mặt trời chói chang cũng xuyên xuống người tôi không thương tiếc...

Hai đầu gối tôi đột nhiên mềm nhũn, tôi cứ thế đổ ập người về phía trước.

Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đang bị hai tên lính Nhật xốc hai cánh tay và kéo lê đi. Nghe loáng thoáng những tiếng xì xào của đám người từ phía xa, tôi cứ để mình chìm trong ảo giác, còn mạng sống có ra sao cũng mặc.

Được một lúc, đột nhiên có ai đó dùng chân đá hất ngửa tôi lên. Cùng lúc đó, tôi bị một làn nước lạnh xối thẳng vào mặt.

Ý thức đã trôi xa của tôi bị kéo lại khiến tôi bừng tỉnh.

Tôi giật mình và lắc mạnh đầu một cái, nghe thấy tiếng ném xô và tiếng bọn lính Nhật cười ha hả. Thông thường người ta có quy ước nổi giận nếu bị cười chế giễu, nhưng tôi lúc đó vẫn còn nhỏ tuổi, ngỡ ngàng không biết phải tỏ thái độ thế nào.

“Làm cái gì thế?”

Đúng lúc đó, một người lính Nhật lớn tiếng quát.

Hội lính Nhật đang cười trêu tôi đột nhiên tái mặt và im thin thít, dường như tất cả đều biết người đàn ông kia. Giọng ông không phải kiểu phê bình quát tháo một tù binh là tôi, mà đúng hơn là đang dạy dỗ chững chảnh những hành động hèn kém của đám lính.

Người đàn ông vừa nạt đám lính Nhật tiến gần tới chỗ tôi, ông ta đưa tay trái áp vào lưng và dựng tôi dậy. Trên ngực ông gắn rất nhiều huy chương, quanh miệng ông là một bộ râu đen vĩ đại.

Một quân nhân rất oai phong.

Dường như lo lắng cho tôi, ông ta tự tay cho tôi uống nước, luồn hai cánh tay xuống nách tôi và xốc người tôi lên. Tuy tôi không hiểu ngôn ngữ của một quốc gia khác, nhưng trực giác mách bảo tôi rằng ông ta đang bảo tôi đứng dậy.

Mượn tạm cánh tay của người đàn ông, tôi lảo đảo đứng dậy được, lúc đó, ông ta liếc mỉm cười.

Trong phút chốc tôi tưởng ông ta chế nhạo mình, nhưng tôi không nhìn ra nét nào trên gương mặt ông đang tỏ vẻ coi thường người khác. Quân nhân của đất nước nào lại có thể mỉm cười với tù binh của nước đối địch cơ chứ...? Tôi hoàn toàn không hiểu nổi hành động của ông ta.

Sau đó tôi bị đưa ra chỗ tập trung trước cổng Trại Bando, toàn bộ lính Đức bị bắt làm tù binh đều đã xếp thành hàng ở đó.

Những cậu lính trẻ đội mũ thủy thủ, lục quân, hải quân, sĩ quan, binh nhì, rồi cả quân tình nguyện dân quân, đủ kiểu lính tráng đứng lẫn lộn với nhau. Quần áo cũng đa dạng nào trắng, nào kaki, rồi đến xanh nước biển hoặc màu rêu.

Người lính để râu vừa nãy đứng trước mặt chúng tôi, sau đó nghiêm trang giờ tay chào.

Ông ta chào chúng tôi xong, vài người lính Nhật đang đứng xếp một hàng phía trước cũng đưa tay lên chào theo. Giống như nụ cười ban nãy, đây là lần đầu tiên tôi thấy có người chào kẻ địch như vậy.

Không hiểu những người này đang định làm gì...

Người lính để râu bắt đầu phát biểu.

Nhìn tình hình này, có lẽ ông ta chính là Trại trưởng, người có quyền lớn nhất ở đây. Không chỉ lính Đức, mà những người quản lí Trại và cả những người dân tụ tập xung quanh vì tò mò đều lắng nghe ông ta nói.

“Họ chiến đấu vì Tổ quốc, rồi gầy ốm, cạn tên mà trở thành tù binh, chúng ta ắt hiểu tình thế này đều tương tự với cả hai bên. Người dân cũng phải chú ý, không nên vô cớ mà nhìn họ chăm chăm, rồi tỏ thái độ chế giễu khiến những người ngoại quốc này cảm thấy khó chịu.”

Những lời này được Đại úy Takagi biết tiếng Đức dịch song song nên lính Đức cũng có thể hiểu được.

Toàn bộ lính Đức ở đây đều bất ngờ, mọi người ngơ ngác nhìn nhau. Tôi cũng tưởng tai mình nghe nhầm, bất giác đưa tay gõ vào cái đầu đang ngơ ngẩn.

Đối với tù binh mà ông ta bảo là “không được khiến họ cảm thấy khó chịu”...?

Thấy vẻ ngơ ngàng của chúng tôi, ông Trại trưởng với bộ râu rậm lại nở một nụ cười. Dù quan sát ông ta chăm chú trong sự hoài nghi, tôi vẫn không thể tìm được một nét tà ác nào trong nụ cười ấy.

Ở phía bên ngoài hàng rào thép, những người dân man rợ mặc thứ áo quần kì lạ gọi là kimono đang đứng nhìn vào, nhưng khi bài phát biểu của Trại trưởng kết thúc thì họ lũ lượt kéo nhau rời đi.

Sau khi điễm danh, chúng tôi được đưa sang một phòng khác, ở đây quân y tiến hành kiểm tra sức khoẻ hết sức nhanh chóng. Hình như tôi không có vấn đề gì, nhưng thấy tôi gầy guộc tong teo quá nên người y sĩ khám cho tôi quay sang nói gì đó với người lính đứng bên cạnh.

Kiểm tra sức khoẻ xong là đến giờ ăn. Họ bày ra trước mặt chúng tôi cơm, xương gà ninh với rau củ, chỗ thịt gà còn lại được xào với khoai. Tôi đã hoang mang không biết ở một đất nước man rợ và mông muội, người ta sẽ cho mình ăn gì nên hoàn toàn bất ngờ bởi đồ ăn thức uống họ đưa ra tuy đơn giản nhưng vẫn rất đàng hoàng.

Sau khi ăn xong, khoảng vài chục người lính có thân hình gầy gò trong đó có cả tôi được phát thêm một nửa củ khoai đỏ. Củ khoai màu đỏ của vùng Naruto có vị ngon ngọt rất riêng mà trước giờ tôi chưa từng nếm.

Một lúc sau, chúng tôi được phân công làm khá nhiều việc.

Đầu tiên là dùng cuốc xới đất, sau đó chúng tôi được ra lệnh cho cát lên trên, tiếp theo đó là đóng bốn cái cọc gỗ sâu xuống đất.

Lúc đó tôi đã chuẩn bị tâm lí rằng mình đang dựng pháp trường cho chính mình, nhưng hoá ra đó là xà tập thể dục cho tù nhân chúng tôi.

Khẩu hiệu ở đây là “Tinh thần khoẻ mạnh ngụ trong cơ thể khoẻ mạnh”. Ngày đầu tiên đến Trại tập trung đã toàn xảy ra những chuyện khiến tôi không tin nổi vào tai mình.

### 3.

Từ đó, chúng tôi vỡ ruộng ở vùng thung lũng phía sâu trong Trại tập trung, trồng rau và khoai, chăn lợn, bò, gà. Ban đầu tôi chỉ nghĩ mình được giao việc trông coi chăm sóc, sau này khi biết mọi thứ đều nhằm mục đích giúp bọn tôi có thể tự chủ cuộc sống của mình, tôi không tìm nổi từ nào diễn tả được cảm giác vui mừng đó.

Khi lúa mì tới kì thu hoạch, chúng tôi xay hạt thành bột, cho vào túi rồi khâu kín rồi nướng bánh mì do chính mình dựng nên. Sau đó có một vài người lính Đức sẽ nướng bánh. Mùi hương đó thật đặc biệt, khiến chúng tôi cảm thấy bỡ ngỡ.

Rau thịt và bánh mì chúng tôi tự làm ra đều được bày lên bàn ăn. Thực phẩm đơn sơ là thế nhưng vẫn quá thịnh soạn, đến mức không thể nghĩ rằng đó là bữa ăn trong Trại tập trung, đã vậy sự cân bằng dinh dưỡng trong ăn uống cũng luôn luôn được tính đến. Việc ăn những sản phẩm do chính tay mình làm ra giúp chúng tôi nhớ lại cảm xúc đơn thuần, đó là biết ơn Chúa Trời đã ban ơn và cho chúng tôi một thiên nhiên trù phú.

Đến một ngày, chúng tôi phát hiện có hai đứa trẻ bản địa bị mùi bánh mì dẫn tới đang thập thò ngó vào từ phía ngoài tấm lưới sắt. Anh thợ làm bánh David dừng tay, bẻ đôi cái bánh mì mới nướng định đưa cho hai đứa bé.

David mà tôi biết là một người lúc nào gương mặt cũng cau có cáu kỉnh, nhìn chẳng có mấy thiện cảm.

Không biết là lũ trẻ thấy David khó gần hay chỉ đơn giản sợ người ngoại quốc, chúng cứ giật lùi về sau, nhưng rồi, nhìn chiếc bánh mì mới nướng nóng hôi đang được đưa ra khỏi tấm lưới, chúng lại dè dặt tiến lại gần.

Hai đứa hết nhìn bánh lại nhìn mặt David.

Dù có vẻ thích cái bánh mì nhưng trước gương mặt không biến sắc của David, chuyện đưa tay ra cầm bánh dường như thật khó khăn.

Vẫn với gương mặt đáng sợ không thay đổi, David dúm một mẫu bánh vào bàn tay bé nhỏ của hai đứa trẻ, rồi anh đưa tay lên miệng mình, lặp đi lặp lại động tác ấy như muốn ra hiệu cho chúng “Ăn đi”. Bọn trẻ cuối cùng

cũng chịu thua trước cám dỗ của bánh mì, chúng cắn vào miếng bánh nóng hôi hổi tưởng như có thể rơi khỏi tay bất cứ lúc nào. Chúng ăn một miếng, mắt tròn xoe ngạc nhiên bởi vị ngọt nhẹ nhẹ và sự mềm mại bông xốp không sao tả nổi, chẳng mấy chốc chúng đã đánh chén sạch chỗ bánh được cho.

Lũ trẻ cúi gập đầu chào David rồi vừa cười đùa vừa chạy đi. David dõi theo bọn trẻ qua tấm lưới một lúc, ánh trời chiếu rọi đỏ chiếu sáng khuôn mặt nhìn nghiêng của anh. Mỗi anh bặm lại, khoé miệng hướng xuống khiến mặt anh trông vẫn khó đăm đăm như thường lệ. Nhưng trong mắt tôi, David có vẻ đang rất vui.

Chẳng bao lâu sau, nhờ sự sắp xếp của Trại trưởng, bánh mì của David bắt đầu được bán cho người dân bản địa.

Không chỉ bánh mì, toàn bộ số tiến doanh thu từ sản phẩm chăn nuôi, nông sản và cả lớp học nhạc được chia ra, ba mươi phần trăm nộp vào phí vận hành Trại tập trung, hai mươi phần trăm đóng góp cho Quỹ bảo hiểm sức khỏe, nửa còn lại lính Đức được tự do sử dụng.

Vào thời đó, Nhật chưa có chế độ bảo hiểm sức khỏe mà chỉ có ở Bando.

Nhờ vào chế độ này, mỗi khi có ai ốm đau đều có thể an tâm tiếp nhận các biện pháp chữa trị tốt mà không mất tiền.

Bánh mì của David bán chạy như tôm tươi, mỗi khi đến lúc nướng bánh, người dân trong vùng lại đứng xếp thành hàng dài trước cổng. Chúng tôi thì lấy giấy cuộn bánh mì, đưa bánh cho mọi người và nhận tiền, cứ như nhân viên trong cửa hàng vậy.

Họ thiếu cảnh giác tới mức chỉ có một người lính Nhật đứng canh chừng. Chưa kể, anh ta chỉ đứng im nhìn mọi việc nên thực ra có ở đó mà cũng như không. Nhờ bánh mì bán chạy nên chúng tôi còn được phép mở cửa hàng phía bên ngoài, tuy cũng chỉ là ở ngay trước cổng Trại thôi.

Một ngày, có hai thanh niên đến quầy hàng mua bánh mì đã bắt chuyện với mấy anh lính Đức đứng ở đó cùng một vẻ mặt đầy quyết tâm. Tôi quan sát cảnh ấy từ xa, lát sau, một người lính khác tới, hai thanh niên cùng đi với người lính vào phòng Trại trưởng. Sau đó đến lượt David cũng được gọi vào.

Trong câu chuyện sau này tôi được nghe kể lại, hai người thanh niên đó muốn theo nghề làm bánh mì, cuối cùng họ được nhận làm học trò của

David và bắt đầu làm việc cho tiệm bánh.

Đây cũng là dấu mốc khởi đầu cho mối quan hệ giao lưu giữa người Nhật và người Đức chúng tôi, khi cả hai phía chung lòng làm một đi đâu gì đó.

Mặc dù lúc đầu khi tiếp xúc với nhau cả hai bên còn nhiều đi đâu lúng túng, nhưng David kiên trì dùng ngôn ngữ cơ thể, động tác chân tay, dạy đi dạy lại cách nhào bột và ủ bột cho hai cậu học trò.

Hai anh chàng người Nhật trẻ tuổi lại rất nghiêm túc nên cái gì cũng nhớ được ngay, dần dần họ còn thông thạo cả tiếng Đức, và David cũng học được tiếng Nhật từ hai học trò của mình.

David luôn mang gương mặt đăm chiêu và khó tính của một nghệ nhân lành nghề. Ban đầu có lẽ vì quan tâm đến tâm trạng của học trò, anh hay nở nụ cười gượng gạo, nhưng rồi trong quá trình cùng làm việc với hai cậu thanh niên, dần dần anh đã cười được một cách tự nhiên. Anh trở thành một David tươi vui với đôi mắt sáng và tiếng cười nùng ấm.



## 4.

Tôi học nhạc từ khi còn nhỏ, các bài học thường ở trình độ cao vì mục tiêu tôi hướng tới là trở thành nhạc công chơi cello hàng đầu. Vậy nên đối với tôi, trong âm nhạc thắng thua là tất cả, xét cho cùng nó chỉ là một công cụ để tìm đến chiến thắng mà thôi. Đương nhiên vì những suy nghĩ như thế nên tôi chẳng có mấy kỉ niệm đẹp đẽ, thậm chí nếu lắng tránh âm nhạc được thì tôi muốn lắng tránh nó suốt đời.

Tuy nhiên, khi dàn nhạc được thành lập trong Trại tập trung, tôi được thu nạp như một lẽ đương nhiên. Nhưng lúc đó chẳng có cello. Dĩ nhiên ở một nước cực Đông như Nhật Bản, chẳng dễ gì kiếm được nhạc cụ phương Tây nên chúng tôi quyết định tự làm. Chúng tôi đeo gọt gỗ, kéo dây đàn, thử mở đại khái một cái lỗ hình chữ S. Thế rồi kì lạ thay, cây đàn cũng phát ra được những âm thanh có âm vực gần với một chiếc cello. Đúng là một phát kiến thú vị.

Trong lúc luyện tập, được sự cho phép của Trại trưởng Matsue, một cây đàn piano, một cây đàn organ rồi đến cello, violin, viola, trumpet mỗi loại vài chiếc được nhập về qua cảng Kobe.

Chúng tôi cảm thấy rất vui và biết ơn về việc này. Tôi và Engel nhanh chóng lo việc kiểm tra chỉ số kích cỡ của các cây đàn, tôi phụ trách đàn cello còn Engel phụ trách đàn violin, sau đó tiến hành chiêu mộ những người biết chơi nhạc dưới sự chỉ đạo của một nghệ nhân làm đàn violin tên Paul, rồi bắt tay ngay vào việc chế tác nhạc cụ, mô phỏng theo những gì mà chúng tôi có.

Chưa biết âm thanh thế nào nhưng trước mắt chúng tôi đã có thể tạo ra nhiều nhạc cụ.

Trong số đó, Paul đã tranh thủ những lúc có nhiều thời gian để chăm chút tỉ mỉ tạo ra một cây đàn violin hạng nhất, gửi gắm vào nó mong ước mang hoà bình của Bando đến với mọi nơi trên toàn thế giới.

Dù không có được những dụng cụ đảm bảo thì anh vẫn còn đó tay nghề của mình. Tuy nhiên, đến giai đoạn hoàn thiện cây đàn, Paul không thể kiếm được loại véc-ni tốt.

Với đàn violin, véc-ni là thứ ảnh hưởng lớn đến âm thanh, nên không thể chọn bừa bất cứ loại véc-ni nào. Trong khi vẫn chưa kiếm được véc-ni loại tốt thì Paul lại mắc cúm Tây Ban Nha rồi qua đời ở Trại tập trung.

Trong lúc hấp hối, Paul đã gửi gắm lại cho tôi cây đàn violin làm di vật của mình. Sau khi được trả tự do, tôi mang theo cây đàn về Đức, gửi ở một xưởng đàn ở Stuttgart. Sau khi được mài giũa cẩn thận một lần nữa, người ta sơn cho cây đàn loại véc-ni Cremona hạng nhất, đến năm 1924 chiếc đàn được xuất xưởng với cái tên của Paul.

Có lẽ để kỉ niệm khoảng thời gian sống vui vẻ ở Bando mà Paul đã khắc lên chốt đàn những kí tự “D.B.L.” mang ý nghĩa “cuộc đời tuyệt vời”.

## 5.

“Tôi sẽ thành lập dàn nhạc giao hưởng Engel!”

Sau khi đã tập hợp đầy đủ nhạc cụ, dàn nhạc giao hưởng được thành lập theo lời kêu gọi của Engel, chúng tôi nhanh chóng đi vào luyện tập bản “Cá h ỡ”\* của Schubert.

Ở vùng đất Bando có núi có sông, chúng tôi thân là tù binh chiến tranh nhưng vẫn có thể chơi nhạc...

Bản nhạc đầu tiên được chọn là giai điệu trùng khớp với tâm trạng phấn chấn ấy của chúng tôi.

Đội của tôi là những người đầy sức sống như những chú cá h ỡ thực thụ. Nói thật, đó là lần đầu tiên trong cuộc đời tôi biết rằng hoà chung tiếng đàn cùng với bạn bè lại vui đến thế. Đến tận lúc đó tôi mới thực sự tận hưởng âm nhạc từ trái tim và cảm thấy mình thật may mắn khi là một người chơi nhạc.

“Cá h ỡ” là một bản ngũ tấu với piano. Đặc biệt, chương bốn được biết đến rất rộng rãi và thường biểu diễn nhạc đi kèm với lời hát. Bảo là chúng tôi có dàn hợp xướng thì cũng có đấy, nhưng ban đầu, nhiệm vụ chơi độc tấu ở đoạn này được giao cho tôi.

Khi chúng tôi bắt đầu tập, rất nhiều trẻ con kéo tới, dường như chúng bị tiếng nhạc thu hút, đến mức ngày nào cũng bám ngoài hàng rào để xem chúng tôi luyện tập.

Khi chúng tôi tới gần, lũ trẻ liền chạy tán loạn như đám nhện con vỡ trận, vậy mà ngày nào chúng cũng tới xem. Dần dà có mấy đứa trong đám trẻ mang đến vài cái hộp đựng bánh có gắn thanh tre.

Có vẻ chúng đã tự làm ra những thứ tựa tựa như cây đàn violin mà chúng trông thấy.

Bọn trẻ nhớ được giai điệu, vừa đ ờng thanh hát vừa len lén nhìn về phía chúng tôi. Một đứa trông mập mập có vẻ như là đầu sỏ của cả lũ lúc nào cũng đóng vai chỉ huy, nhắc móc những chỗ sai của dàn nhạc tí hon, vừa rung rung cái bụng phệ vừa xoay xoay cái gậy tre. Chúng tôi trông

cảnh đó thấy thú vị vô cùng, di chuyển ra một vị trí khác để vừa luyện tập vừa có thể trông thấy lũ trẻ rõ hơn.

Cứ mãi như thế cho tới một ngày, Trại trưởng Matsue nhờ chúng tôi dạy nhạc cho lũ trẻ.

Tôi cũng bắt đầu dạy cello cho hai đứa nhóc. Do không có nhạc cụ nhỏ cho trẻ con nên chúng tôi phải bắt đầu từ việc nhìn cỡ người của chúng rồi cùng nhau đo cây làm đàn, đó là những kỉ niệm không thể nào quên đối với cả tôi và lũ trẻ.

Đến khi căng dây và cây đàn phát ra những âm thanh đầu tiên, chúng tôi lại cùng nhảy cẫng lên ăn mừng. Bọn trẻ cứ đến chỗ chúng tôi là không chịu về, cha mẹ chúng lo lắng, đi đi lại lại ở ngoài tấm lưới sắt, nhưng nghe nói Trại trưởng đã xua tan nỗi bất an của họ.

Ngoài ra, tôi còn giúp người chơi guitar Dahn ghép khung đàn và thân đàn. Đổi lại anh ta dạy tôi chơi guitar. Trong lớp học guitar của Dahn có đến năm học sinh.

Dahn nói với tôi.

“Đúng là, tôi nào có ngờ rằng đến lúc bị bắt làm tù binh lại được làm ra cây đàn guitar mà mình yêu thích, còn nhận cả học trò... Vận đời của con người mới thú vị làm sao.”

Tay chơi đàn violin nổi tiếng Engel ngẩng lên nghe thấy thế mới xen vào.

“Tôi đồng cảm với cậu. So với tụi học sinh Đức đến học như một chuyện đương nhiên thì học sinh ở đây nhiệt tình hơn hẳn. Những học sinh được tôi dạy sẽ đóng vai trò trung tâm, mai này trở thành cội nguồn gây dựng nên âm nhạc phương Tây trên chính đất Nhật. Nghĩ tới đó là tôi lại thấy mình mang sứ mệnh lớn lao quá, người run lên vì phấn khích.”

Thỉnh thoảng Trại trưởng lại tới xem tình hình lớp học.

“Khà khà, cứ tôn trọng lẫn nhau thế này thì chẳng còn cần đến mấy cuộc chiến tranh vô nghĩa nữa, như vậy có phải tốt không...? Cậu Engel này, cậu nghĩ xem có cách nào phổ biến việc này rộng ra không nhỉ?”

Engel liền nói.

“Tôi có ý này. Chúng ta hãy tổ chức một buổi giao lưu văn hoá. May có Trại trưởng nên hoạt động âm nhạc mới được nở rộ, nhờ ông giúp đỡ tận tình mà chúng tôi còn có đủ nhạc cụ, lập được dàn nhạc Mandoline\*”

Mondlicht, dàn nhạc giao hưởng Engel, dàn hợp xướng Janssen. Chúng tôi cũng muốn biết nhiều hơn về văn hoá truyền thống của Nhật.”

“Ý tưởng hay lắm. Nếu mượn được sân đền chắc có thể tổ chức được một buổi như thế đấy.”

Xưởng in do tù nhân trong khu trại lập ra cử ba người phụ trách bắt đầu in tờ rơi hướng dẫn cho buổi biểu diễn đầu tiên của ngày hội văn hoá.

## 6.

Hôm diễn ra ngày hội, trời quang đãng không một gợn mây.

Trại trưởng Matsue bắt đầu bài diễn văn của mình.

“Thưa mọi người, hôm nay chúng tôi tổ chức lễ hội văn hoá được trông đợi suốt những ngày qua. Đã hơn nửa năm kể từ ngày chúng ta đón các người bạn Đức tới đây. Trong thời gian qua, chúng ta có cơ hội tiếp xúc với văn hoá của cả hai nước, cùng với việc có được những trải nghiệm quý báu, chúng ta đã cùng vun đắp tình bằng hữu dựa trên suy nghĩ tất cả cùng là con người. Tôi hi vọng hôm nay từng người chúng ta sẽ chia sẻ thời gian với nhiều người tại đây, nhờ vào việc giao lưu văn hoá biến nơi này trở thành nền móng cho hoà bình.”

Phát biểu của Trại trưởng truyền tới chúng tôi thông qua lời phiên dịch của Đại úy Takagi.

“Thật may là hôm nay thời tiết cũng rất ủng hộ. Dưới bầu trời xanh này, chúng ta hãy tự giải phóng mình khỏi những thứ quan niệm ngu ngốc về đồng minh hay kẻ địch, sao không cùng nhau xây dựng nền hoà bình? Trong phong tục ‘tiếp đãi’ của chúng ta, có một truyền thống tồn tại từ hơn một nghìn năm trước, nhắc chúng ta rằng tất cả những người đặt chân tới vùng Shikoku này, dù là người ta không quen biết, dù trái tim họ ngập tràn bất hạnh, kể cả đó là kẻ mang theo tội lỗi, thì chúng ta vẫn sẽ đón nhận họ vô điều kiện. Hãy cùng cho một tràng pháo tay để kỉ niệm ngày hôm nay, ngày mở màn thời đại chúng ta được hưởng thụ thành quả của cả một quãng thời gian dài nỗ lực ấy.”

Trại trưởng vừa nói xong, lính Đức dành một tràng vỗ tay cho người Nhật, người Nhật cũng dành một tràng vỗ tay cho lính Đức.

Những người dân địa phương gọi chúng tôi, bảo chúng tôi chơi bản “Cá hồi” của Schubert và những điệu Valse của Strauss. Bọn họ ngẩn ngơ, dường như bất ngờ và bị cuốn vào những âm sắc của âm nhạc Tây Âu lần đầu tiên nghe thấy.

Trong lúc biểu diễn tôi hơi lo lắng, bởi những bản nhạc chúng tôi chơi đầu tiên vui nên họ không cần phải nghiêm trang đến thế làm gì... Nhưng đến khi màn diễn tấu kết thúc, một nhóm những cô đào hát đứng dậy, vừa

vỗ tay, vừa luôn miệng tấm tắc khen “Âm thanh tuyệt quá!”. Người dân cũng cười tươi roi rói, vừa gật gù vừa bắt đầu vỗ tay vang dội. Trại trưởng tiến tới ngỡ ý muốn bắt tay Engel và từng người trong nhóm chúng tôi.

Tôi cảm thấy âm nhạc là thứ ngôn ngữ cộng đồng tuyệt đối giúp con người ta thấu hiểu lẫn nhau bằng tâm hồn, vượt qua biên giới hay những rào cản dân tộc.

Tôi đã từng biết bao lần muốn từ bỏ chiếc đàn cello của mình, vậy nhưng lúc này, từ tận đáy lòng, tôi thấy mình may mắn xiết bao khi được tạo ra âm nhạc.

Trên thế giới này có rất nhiều quốc gia, từ xưa tới nay cũng chẳng đếm hết số lượng những cuộc chiến sống còn nổ ra vì quyền lợi của đất nước. Điều đó đến nay vẫn đang tiếp diễn như một lẽ đương nhiên, và trong tương lai có lẽ vẫn sẽ lặp đi lặp lại. Thế nhưng, khi nhìn từ lịch sử của những cuộc chiến đó, thế giới chúng tôi đang ở lúc này giống như một điều kì diệu, và thực sự chúng tôi đã trải qua hiện thực kì diệu ấy.

Chỉ ít thì tất cả những tù binh Đức sống tại Bando như chúng tôi đều nghĩ rằng, phải chăng chúng ta có thể lan toả “Kì tích Bando” tới với toàn bộ thế giới, bằng việc thấu hiểu nền văn hoá của nhau, bằng tất cả lòng biết ơn đối với công cuộc dựng xây thành công một thế giới có thể xem là kì tích ở nơi này. Nhưng, nếu như tất cả cuộc sống ở đây chỉ nằm lại trong kí ức của chúng tôi, thì kì tích này cũng sẽ kết thúc trong vón vẹn một trang của lịch sử, hoặc có thể còn chịu số phận bị lãng quên và biến mất khỏi lịch sử mãi mãi.

Để cho chúng tôi thấy sự bình yên tột đỉnh tại ở chốn này, Chúa Trời đã cho chúng tôi được trải nghiệm cuộc sống nơi đây, nếu chúng tôi có thể đưa chúng vào thực tiễn dưới một hình thức nào đó thì có lẽ toàn bộ thế giới này sẽ trở thành mảnh đất bình yên vĩnh cửu. Ở Bando, tôi đã nhận ra âm nhạc thật sự có thể tột đỉnh tại với ý nghĩa gì, chẳng biết từ bao giờ tôi mong muốn có thể biến điếu này thành con người mình và rồi đem nó ra thế giới.

Tôi từng ghét bỏ âm nhạc, nhưng giờ đây tôi luyện tập hằng ngày cùng bạn bè, giao lưu biểu diễn không biết bao nhiêu là bản nhạc. Tôi say sưa luyện tập cũng để thể hiện thế giới quan của mình. Gần đây, các dàn nhạc đã phát triển tới mức số thành viên mỗi nhóm lên đến khoảng sáu mươi người. Những người giỏi nấu nướng thì mở lớp học nấu ăn, các buổi

giảng về khoa học kỹ thuật, lớp học tiếng Nhật, tiếng Đức cũng nở rộ. Bando là vùng đất của nước đối địch, nhưng từng cá nhân, với tư cách là một con người, đều có thể giữ được mối liên hệ sâu sắc giữa tâm hồn với thời gian. Trại tập trung chưa bao giờ ngớt tiếng cười, thậm chí người Đức chúng tôi còn thấy bản thân mình được sống một cuộc đời ý nghĩa hơn rất nhiều lần so với những ngày ở Đức.

Bọn họ không phải dân tộc man rợ.

Chúa Trời chỉ tạo ra một nơi duy nhất thế này trên trần gian thôi sao?

Đây là vùng đất thánh Jerusalem mà Chúa Trời mong muốn. Chúng tôi đã xây dựng một quê hương lí tưởng bé nhỏ ở Bando này. Tất cả mọi hoạt động ở đây đều đáng làm, tư chất của từng con người đều được phát triển đến mức cao nhất. Phải đến lúc này, tôi mới thấy tự hào về bản thân khi có âm nhạc trong tay và cảm thấy biết ơn cha mẹ.



## 7.

Cuối cùng Hiệp định đình chiến được kí kết, Đế quốc Đức sụp đổ, chẳng bao lâu sau chúng tôi hay tin mình sắp được trả tự do.

Tôi vui mừng, nhưng cùng lúc đó lại cảm thấy một nỗi buồn lớn lao. Trung sĩ Helman Hansen đề xuất chúng tôi chơi “Bản giao hưởng số chín” của Beethoven để cảm ơn người dân Bando. Lúc này, khi chúng tôi đã có thể chia sẻ tâm hồn mình cùng họ, bản nhạc biểu diễn cuối cùng chỉ có thể là “Bản giao hưởng số chín” mà thôi. Đương nhiên chúng tôi đều hết sức đồng tình.

“Khoan! Bản nhạc đó dành cho dàn hợp xướng quy mô lớn đấy. Nếu dàn hợp xướng chỉ toàn nam thì sẽ phải sửa lại hết toàn bộ âm vực từ bản gốc. Chúng ta có đủ thời gian không...”

Người lên tiếng là Janssen.

Đúng như anh ấy nói.

Chỉnh lại âm vực của toàn bộ nhạc khí là một việc đòi hỏi nhiều thời gian và công sức. Lại còn phải phân đoạn và điều chỉnh để hoà âm với dàn hợp xướng nữa kìa. Nhưng nếu lúc này không chơi “Bản giao hưởng số chín” ở nơi đây thì có lẽ mọi người sẽ mất cả đời để nuối tiếc. Vậy nên ai nấy cũng đều quyết tâm phải làm cho bằng được.

“Chịu thôi, chúng ta xem xét giọng của dàn hợp xướng Janssen trước nhé. Xem đoạn cao nhất ở âm vực nào, quyết được đoạn đó rồi thì chia nhau ra viết lại. Giờ không tranh thủ làm thì không còn thời gian đâu.”

Trung sĩ Helman nói với Janssen.

“Xem ra mọi người đều chung một suy nghĩ. Được, nếu đã quyết vậy rồi thì ta cứ phải làm thôi. Ban đầu là đoạn độc xướng của nam, rồi soprano\* alto\*, tenor\*, giọng trầm hợp xướng cả nam lẫn nữ, bây giờ ta không có giọng nữ thì vấn đề nằm ở đoạn soprano... Đương nhiên chúng ta không có giọng castrato\* giọng alto không thử thì cũng chưa biết được... Đúng là không đổi lại nhạc phổ thì khó thật.”

Janssen nói với dàn hợp xướng.

“Phần biểu diễn cuối cùng của chúng ta ở Trại tập trung sẽ là ‘Bản giao hưởng số chín’. Mọi người hát thử cho tôi nghe từ chỗ bắt đầu vào đoạn hợp xướng nhé, từ trái sang phải.”

Janssen nhanh chóng chia được giọng alto, giọng tenor và bass\*. Engel cũng quan sát ở bên cạnh.

“Đoạn đơn xướng sẽ là Wegner, Steppan, Fritzsche, Koch. Ngoài ra, chúng ta không có giọng soprano và chỉ năm người hát alto trong sáu mươi người... Đúng là phải hạ xuống ít nhất nửa quãng tám...”

Engel có vẻ bối rối.

“Đúng vậy... Thay vì giảm số lượng người cho phù hợp với giọng alto thì càng có thêm người tham gia sẽ lại càng có ý nghĩa... Nhưng nếu thế ta cũng không đủ thời gian để viết lại toàn bộ nhạc phổ.”

“Vậy, ta cứ giữ nguyên giọng tenor và bass, chuyển đoạn alto và soprano sang cho giọng countertenor\*. Làm vậy thì chỉ cần biên lại một phần thôi là được.”

Suốt mấy ngày liền, Engel và chúng tôi cố gắng đến tận đêm khuya.

Kiểm tra lại cao độ từng âm bằng piano là một công việc mù mờ chẳng biết bao giờ kết thúc. Tôi nhận trách nhiệm tập luyện với bản nhạc phổ được hoàn thành từng chút từng chút một ấy, lúc thì kiểm tra lại xem có đoạn nhạc nào kì cục không, khi thì thảo luận với Engel, nói chung là bận rộn tối tăm mặt mũi.

Trong lúc tập luyện, có ba học sinh violin và năm học sinh hợp xướng của Bando xin được tham gia cùng chúng tôi. Đương nhiên chúng tôi hoan nghênh họ nhiệt liệt, nhưng lại không đủ thời gian để có một đợt tập huấn đặc biệt nâng cao kĩ thuật còn non nớt của họ. Cho họ làm thử những phần họ có vẻ làm được đã là tới giới hạn rồi.

Engel lớn tiếng mắng các học sinh violin người địa phương.

“Không phải như vậy! Chỗ đó nốt Fa và La đều chệch rồi! Làm lại từ đầu!”

Mấy cậu học sinh dù bị mắng cũng không xuống tinh thần, họ chăm chỉ và cố gắng hết sức tập luyện.

“Không phải, không phải, tôi phải nói tới bao nhiêu lần nữa đây. Ở khuông thứ hai này cao độ không phải như bản nhạc phổ vốn có, âm vực đã được chuyển rồi, nhìn kĩ vào. Taro, nốt Fa lại lệch rồi! Shouichiro không

được cười! Taro, chơi lại nốt Fa đi. Shouichiro, cậu chơi nốt Mi cao hơn một chút cho tôi... Đây, đây, đoạn đầu chậm quá. Nhịp phải nhanh thế này!”

Engel vừa tiếp tục buổi tập vừa gõ gậy chỉ huy đen đét. Bên dàn hợp xướng của Janssen cũng đang có đợt tập huấn đặc biệt.

Trước ngày được trả tự do một hôm, chúng tôi đón buổi giao lưu văn hoá cuối cùng.

Người dân Bando lần đầu tiên biểu diễn vũ điệu Awa, một điệu múa địa phương đặc trưng của vùng đất này. Giai điệu đậm chất Nhật ấy nhịp nhàng và vui nhộn. Điệu nhảy của nam giới tràn đầy năng lượng, có đoạn họ hét to “Hyottoko” và nhăn mặt chu miệng khiến toàn thể người xem bật cười, họ còn lồng ghép vào điệu múa tên là Yakkodako, một tiết mục có lẽ đã được chuẩn bị rất công phu. Điệu múa của nữ giới cũng sôi nổi và tràn đầy năng lượng như vậy, chứ không phải vũ điệu trầm mặc nhẹ nhàng thường thấy của Nhật Bản. Những chiếc cổ chân trắng thấp thoáng xuất hiện dưới gấu tà áo kimono theo bước chân họ nhảy cuốn hút đến bất ngờ.

Cuối điệu múa, cả Trại trưởng, lính Nhật và lính Đức chúng tôi cùng tham gia. Nhìn thì tưởng dễ dàng nhưng khi múa rồi mới thấy bộ dạng chúng tôi chẳng ra làm sao cả. Đến tận lúc đó chúng tôi mới biết nếu tay chân đưa lên đưa xuống không cân đối hoặc không cố định được vị trí hông thì trông sẽ không đẹp.

“Klaus! Bắt đầu thôi. Chúng ta hãy diễn một màn hay nhất từ trước tới giờ!”

Mọi người nắm chặt tay đây quyết tâm.

Chương đầu tiên mở đầu với âm trầm, vì căng thẳng nên tôi thấy âm thanh khá khô cứng nhưng đến chương hai thì đã khoan thai hơn, bản nhạc vang lên tự nhiên, giai điệu hài hoà như quện lấy trái tim của những người dân Bando và những kẻ ngoại quốc chúng tôi bằng sợi dây âm thanh không thể nào gỡ bỏ. Ở phần đoạn cao trào của phần hợp xướng, những học sinh của chúng tôi ở Bando cũng tham gia biểu diễn cùng.

Tôi nghe tiếng có ai đó hát theo từ hàng ghế khán giả.

Có các cụ ông hát và giơ nắm tay lên như những quân nhân. Chẳng biết từ lúc nào, nước mắt tôi đã trào ra, nước mắt làm hàng ghế khán giả nhòe đi khiến tôi chẳng thể nhìn rõ nữa.

Nước mắt tôi cứ thế rơi nhưng tôi không hề cảm thấy xấu hổ.

Không chỉ mình tôi, cả Engel, cả trung sĩ Helman đang chỉ huy dàn nhạc, mọi người đều đang khóc.

Đúng là vậy, chúng tôi đã thực sự hiểu được bản nhạc này.

Nhất định sẽ tới một ngày, từ thị trấn nhỏ bé này, giai điệu ấy được vang lên hướng ra toàn thế giới. Để có được ngày ấy, giờ đây chúng tôi đang biểu diễn với một sứ mệnh to lớn trên vai.

Khi màn diễn tấu vừa kết thúc, tiếng vỗ tay nổi lên vang trời. Chúng tôi chạy xuống từ bục diễn trong sân đền, ôm chầm lấy người dân. Người dân ở đây mọi người đều khóc.

Sáng hôm sau, chúng tôi được tự do.

Sau lần điểm danh cuối cùng, khi chúng tôi xếp thành hai hàng chuẩn bị rời khỏi cổng Trại tập trung, nước mắt chúng tôi lại trào ra một lần nữa.

Học sinh lớp học âm nhạc của Engel đang xếp thành hàng dọc hai bên và bắt đầu biểu diễn bài “Ánh sáng đom đóm”\*.

Ở phía sau lưng họ là biết bao nhiêu người dân bản địa đang vẫy những lá quốc kì Nhật và Đức để tiễn chúng tôi đi.

Chúng tôi đứng lại lắng nghe họ chơi nhạc, ôm và bắt tay Trại trưởng cùng những người xung quanh lần cuối. Đến lúc tất cả đã xong, tôi cất giọng hát bài “Cá hồi” và bắt đầu đưa chân tiến về phía trước.

Đội tôi cũng cất tiếng hát.

Tiếng hát của chúng tôi như chìm hẳn đi, hoà trong những lời động viên nồng ấm của người dân Bando.

Tôi tung cao chiếc mũ của quân đội Đức đang đội trên đầu.

Chiếc mũ trắng bay lên cao, xoay tròn trong màu trời xanh biếc. Ánh nắng mặt trời giống như ngày đầu tôi đến chiếu xuống làm chiếc mũ sáng lên rạng rỡ.

## 8.

Klaus vừa kể vừa nhớ về những tháng ngày đã trôi xa tại Bando.

Cả Hannah, Arles, Rosa và Edyth cùng đồng thanh kêu lên.

“Không thể tin được!”

Với niềm hứng thú của một nhạc công, Arles hỏi Klaus xem ở Bando ông và đồng đội đã chơi những bản nhạc nào. Klaus rút từ trong túi áo ngoài màu nâu cũ kĩ ra một mảnh giấy.

“Tôi luôn mang theo danh sách các bản nhạc này thay cho bùa hộ mệnh. Giấy đã cũ nát cả rồi, làm ơn đừng kéo mạnh tay quá.”

Arles cầm tờ giấy đọc. Trong mảnh giấy có khoảng hơn ba mươi khúc nhạc được liệt kê, bắt đầu từ “Bản giao hưởng số chín” của Beethoven.

“Thật khó tin. Không thể tin nổi, Klaus ạ.”

Những thành viên khác của dàn nhạc cũng lắc đầu trước sự thật khó tin này.

“Chuyện này là thật đấy.”

Hannah càng ngày càng thấy khó hiểu.

“Nhưng thưa thầy, hiện nay nước Nhật Bản có vùng Tokushima đó và Đức Quốc Xã là hai nước đồng minh phải không ạ? Nhật Bản sẽ không cứu chúng ta. Tại sao vậy ạ?”

“Có lẽ đến cả người Nhật cũng không ai có được câu trả lời rõ ràng. Hơn nữa, Bando là nơi đặc biệt, các trại tập trung khác của Nhật có vẻ đều không được như vậy, những tù nhân ở Trại Bando như thầy cũng chẳng thể thoải mái nói tới chuyện đó khi về Đức đâu...”

“Con muốn đến đó quá, thầy Klaus. Mọi người cùng nhau thoát khỏi địa ngục này, rồi thầy hãy dẫn bọn con tới chốn tiên bồng Bando đó nhé.”

Hannah nói.

“Đúng. Chúng ta hãy cố gắng sống thật lâu. Đi nào! Chúng ta sẽ trở thành những nhân chứng thay cho những người đã khuất để có thể cất lên tiếng nói mong muốn hoà bình từ Bando.”

Leo tỏ vẻ hào hứng tiếp thêm động lực cho mọi người.

Đương nhiên, không một ai trong số họ thật sự nghĩ rằng mình sẽ đến được Bando. Nhưng tất cả mọi người ở đây đều cần có một điểm tựa cho tâm hồn.

“Đúng rồi, đó là sứ mệnh đặc biệt của chúng ta. Tốt quá, mọi người hãy phấn chấn lên nào. Không có ước mơ và hi vọng thì chúng ta sẽ không thể sống sót.”

Klaus có vẻ vui, ông nghĩ chuyện này như một chuyến hành hương về vùng đất thánh.

“Tôi thích câu chuyện này nên hay kể với các thành viên nhóm nhạc. Trong số họ có những người không biết vì sao mình chơi nhạc, nhưng nhờ câu chuyện này mà họ được khai sáng. Chính bản thân tôi cũng qua trải nghiệm này mà lối sống và cách suy nghĩ trước đó đã thay đổi đến một trăm tám mươi độ. Thay vì tự hào khi được chơi những cây đàn đắt tiền như Stradivarius hay Guarnerius, chỉ cần tận hưởng âm nhạc một cách đơn thuần, chúng ta có thể vượt qua mọi rào cản ngôn ngữ, quốc gia, thậm chí là cả chiến tranh nữa. Tôi nghĩ rằng chẳng phải sự tồn tại của âm nhạc theo cách ấy chính là năng lực duy nhất mà Chúa Trời ban tặng cho con người hay sao? Nên vẫn mình tuyệt đối không thể làm trái tim con người trở nên giàu có. Nên vẫn mình tuyệt đối không thể xoá bỏ chiến tranh. Nhưng văn hoá thì có thể khiến trái tim ta giàu có, xoá bỏ chiến tranh khỏi thế gian này. Chẳng phải vậy hay sao?”

“Nhưng, Klaus. Người châu Á liệu có hiểu được cái hay của âm nhạc Tây Âu không vậy?”

Arles thắc mắc.

“Cái gì tốt thì vẫn là tốt. Giống như khi nhìn vào viên ru-bi, ở bất cứ đất nước nào người ta cũng thấy nó màu đỏ và rất đẹp mà. Đương nhiên không phải là một bài hát theo trào lưu, nên trái tim chúng ta lẫn trái tim những người châu Á đều sẽ chấp nhận những quy chuẩn đẹp đẽ đó không chút kháng cự. Giống như ánh mặt trời không phân biệt ai mà chiếu sáng cho tất cả mọi người.”

Klaus uống một ngụm whiskey. Gương mặt ông đã hơi ửng hồng.

“Khi là một nghệ sĩ độc tấu, tôi đã từng gạt bỏ người khác, tranh đấu với họ, nhưng ở đây, tôi hiểu được phẩm chất thực sự đáng quý của âm nhạc. Những trải nghiệm này khiến tôi nhận ra trong bản thân mình vẫn có

sự dung hoà với người khác, văn hoá đã hiện hữu và biết vượt lên bức tường ngôn ngữ để ta có thể giao lưu về mặt tâm hồn với những người nước ngoài. Tôi có cây đàn cello này, và tiếng guitar Dahn đã dạy cho tôi, chúng trở thành dũng khí để tôi có thể tiến vào Auschwitz.”

“Đúng như những gì anh nói. Chúng ta có thể sống được tới lúc này một cách thần kì là nhờ có trong tay loại vũ khí mạnh hơn bất cứ thứ gì.”

“Kết thúc buổi họp tại đây thôi. Các bạn, tôi nói với các bạn đi đâu này. Trước mắt, các bạn chỉ cần biết đến bản thân mình là được. Chỉ cần giữ cho bản thân sống sót được là tốt rồi. Đừng nghĩ đến những việc sau đó. Hãy khoá mình trong thế giới của âm thanh. Đừng ràng buộc những bản nhạc với hoàn cảnh. Làm vậy các bạn mới bảo vệ được tinh thần của mình, chẳng có lí nào chuyện này sẽ kéo dài mãi mãi, tất cả những gì chúng ta đã làm ở đây, đã thấy ở đây đều sẽ có ích, sau khi chúng ta thoát khỏi nơi này.

“Đúng vậy, đúng là như vậy. Dù có khép chặt trái tim cũng không được nhắm mắt, hãy nhìn thật kĩ. Đây là bổn phận của những kẻ được sống sót như chúng ta.”

Arles cũng tiếp lời.

# **Chương IV**

## **KLAUS VÀ HANNAH**



# 1.

Ngày hôm sau, và ngày hôm sau nữa chẳng có gì thay đổi.

Ban sáng, dàn nhạc tiễn đoàn người đi lao động cưỡng bức, ngay sau đó họ tới nhà ga, một ngày đón không biết bao nhiêu lượt người bị đưa tới Trại tập trung. Buổi trưa, họ chơi các điệu Valse để nhấn chìm những tiếng thét thảm thiết ở giàn hoả thiêu. Chiều tối, họ trở về đón những người lao động ở cổng Trại, tối muộn hoặc đi biểu diễn cho quân SS với Kapo, hoặc viết nhạc phổ và tập luyện. Xoay trong vòng quay đó ai cũng bận rộn.

Càng bận rộn, họ càng không phải nghĩ ngợi nhiều, chỉ có những ngón tay cử động như máy móc, vì thế mà dễ sống hơn. Những người từng khóc lóc như Rosa hay Hannah giờ đây đã có thể sống ổn hơn qua từng ngày.

Sau một thời gian, Arles mới tới thăm Mary ở khu Bệnh xá.

Mary đã thoát khỏi nguy cơ bị sốt phát ban, chắc hẳn em sắp sửa hoàn toàn bình phục, Arles bắt đầu nghĩ ngợi tới công việc tập luyện sau khi Mary trở về.

Nhưng trong phòng bệnh không có bóng dáng một bệnh nhân nào cả, chỉ có những tấm ga giường đen cấu bẩn bị bỏ lại trên giường. Arles hoảng hốt, cô hét gọi tên Mary. Thấy người nữ y sĩ cô nhờ chăm sóc Mary đi vào phòng bệnh, Arles vội chạy tới và túm lấy vạt áo trắng của cô ta.

“Bác sĩ, Mary xảy ra chuyện gì vậy? Con bé đi đâu rồi?”

Nữ y sĩ vào phòng bệnh để kiểm tra chắc chắn không còn ai trong đó nữa nhưng lại gặp chuyện bất ngờ nên ấp úng trả lời.

“Mary á? À, Mary chơi violin. Con bé đó khoẻ lại hẳn rồi. Nhưng theo lệnh của bác sĩ thì tất cả mọi người đều sẽ bị đưa tới phòng hơi ngạt. Bây giờ chúng đang được cho lên xe đấy.”

Arles tái mét mặt. Cô buông tấm áo trắng của nữ y sĩ ra và chạy về hướng cô ta chỉ.

Phía cửa sau, những nữ bệnh nhân trần truồng đang bị bắt lên các chiếc xe chở hàng.

Mặc dù chắc chắn họ không được thông báo mình sẽ bị đưa tới phòng hơi ngạt, nhưng tất cả đều có vẻ mặt như thể đã nhận ra sứ mệnh của mình

và hoàn toàn tuyệt vọng.

Arles lấy hết sức bình sinh hét lên.

“Mary!”

Mary quay lại.

May mắn làm sao lúc đó Mary chỉ vừa đặt tay lên tay vịn xe để chuẩn bị bước lên. Gương mặt Mary đẫm nước mắt, tóc tai bù xù dính cả vào mặt, Arles thoạt nhìn còn không biết đó có thật là Mary hay không. Mary vừa buông tay khỏi tay vịn, một tên Kapo đã chạm vào phần mông chẳng còn chút thịt nào của Mary để đẩy em lên xe.

“Khoan đã, Mary đã khoẻ rồi!”

Nói rồi Arles lao tới, xô mạnh tên Kapo ra.

“Bác sĩ, người như bà... Tôi từ nay về sau sẽ không biểu diễn bất cứ cái gì cho bà nữa. Như thế cũng được phải không? Trả Mary lại cho tôi!”

Mary trăn trờng, bám vào lưng Arles, run rẩy khóc nức lên.

Arles quàng hai tay che lấy cơ thể Mary.

“Đúng là một đứa may mắn.”

Bác sĩ buông một câu cụt ngủn. Tất cả hiểu Mary đã được cứu.

Thấy có người được cứu, tiếng khóc của những cô gái càng lớn hơn.

Như để gạt bỏ hết những tiếng kêu khóc ấy đi, Arles ôm lấy vai Mary và nhanh nhanh chóng chóng đưa em rời khỏi đó.

Cơ thể Mary gầy như đã kiệt quệ, việc rời đi nhanh chóng có hơi quá sức với em, nhưng nếu không làm vậy Arles sẽ không thể gạt đi nỗi căm hận từ những cô gái không được cứu.

## 2.

Chợt cô nghe thấy âm thanh.

Arles nhìn về phía phát ra âm thanh, dàn nhạc nam đang chơi bản “Hành khúc mừng hoàng đế Franz Joseph muôn năm” của Johann Strauss II. Để xóa tiếng kêu khóc từ chiếc xe tải chở người tới phòng hơi ngạt, họ cho cả dàn kèn trumpet ra.

Arles đỡ Mary ngã xuống rồi chạy về phía Klaus.

Âm thanh ở rất gần, chẳng ngờ quãng đường chạy lại thật xa. Dù vậy, Arles vẫn chạy. Nửa đường cô vứt cả giày, vừa chạy vừa hét lên với tất cả sức lực.

Nhận ra giọng Arles, Klaus giao lại gậy chỉ huy cho Leo rồi đi về phía mà cô từ đó chạy tới.

“Dừng lại đi, dừng khúc nhạc này lại. Dừng lại đi!”

Arles vấp ngã. Tay phải nắm lấy đám đất xung quanh và quăng tứ tung, cô gục khóc.

“Dừng chơi bản nhạc đó nữa. Xin anh đấy...”

“Arles, có chuyện gì thế? Tại sao người luôn giữ bình tĩnh như cô lại hoảng loạn thế này?”

Klaus quỳ xuống, Arles vừa khóc vừa đâm liên tục vào ngực ông bằng bàn tay dính đầy đất.

“Tôi vừa mới giương mắt đứng nhìn họ đi vào chỗ chết! Dù tôi ở vị thế có lẽ đã cứu được họ. Nhưng tôi không thể làm gì...!”

Cô hét lớn rồi sụp xuống khóc.

Klaus nhìn về phía bụi cỏ cách đó vài mét, ông thấy Mary bé nhỏ, không mảnh vải che thân, đang ngời đỏ run rẩy khóc. Ông đã hiểu hết những gì vừa xảy ra.

Klaus hướng về phía dàn nhạc, giơ tay trái lên. Đây là dấu hiệu dừng lại.

Leo vung gậy chỉ huy sang trái rồi sang phải, cậu cho dừng bản nhạc giữa chừng.

Trong lòng ngực của người phụ nữ nhỏ nhắn này đã từng có sức mạnh để vượt lên nỗi đau khổ lớn tới mức nào vậy. Thứ sức mạnh ấy giờ đây đang cất tiếng và vỡ vụn ra mất rồi.

Klaus ôm chặt lấy Arles.

“Phải rồi, mau đưa cái này cho cô bé.”

Klaus cởi chiếc áo choàng dùng trong biểu diễn ra đưa cho Arles.

Không một ngòi bút nào có thể diễn tả hết sự thảm khốc của sự kiện này.

Bảy nghìn nữ bệnh nhân bị nhét vào hai nhà trại, họ gào khóc đến kiệt sức, nửa điên nửa tỉnh trong suốt hai tuần chờ đến lúc bị đưa vào phòng hơi ngạt.

Việc vận chuyển người đến phòng hơi ngạt mất tới hai ngày, cả ngày lẫn đêm tiếng động cơ xe và tiếng hét gào kêu cứu bay lên cùng làn khói trải khắp bầu trời Auschwitz.

Kể từ đó, Arles càng dần mình sâu vào thế giới âm nhạc để chạy trốn.

Cô làm việc suốt cả một ngày, đêm đến cô như kẻ mộng du, tìm kiếm bản nhạc rồi biên soạn lại chúng, những đêm ngày không ngủ cứ thế liên tiếp trôi qua.

Dường như cô đang bị một thứ gì đó ám ảnh. Cô quay trở về con người khát khe trong luyện tập như trước khi Hannah đến, nếu không vừa lòng cô sẽ bắt đàn nhạc chơi đi chơi lại nhiều lần.

Cô bị tổn thương nặng nề, đôi mắt vô hồn không còn nhận biết gì về hiện thực nữa, như thể cô đang dạo chơi trong thế giới âm nhạc mỗi ngày.

Một ngày, khi Arles không tới buổi tập sáng, thấy lạ, Hannah đến phòng cô.

Arles nằm trên giường, người nóng hừng hực.

Hannah gọi mọi người đưa Arles tới bệnh xá, nhưng cô cứ thế lịm dần rồi ra đi mãi mãi.

Cô đã kết thúc một cuộc đời đầy kiêu hãnh, tuyệt đối không khuất phục, khiến lính SS Phát xít phải tôn trọng mình, một cuộc đời được âm

nhạc cứu rỗi.

“Buộc cái này vào gậy chỉ huy có được không?”

Mary xoè bàn tay đưa ra một vật giống như miếng vải nhẵn nhúm. Vật đã bị phai màu ấy dường như là một dải ruy băng, có lẽ là thứ Mary đã giấu đem theo bên mình.

“Em chỉ làm được đến thế thôi...”

Mary là học trò mà Arles chỉ bảo nghiêm khắc nhất. Arles đã từng đứng lên che chở bảo vệ Mary, nên ai cũng hiểu Arles không làm vậy vì thù hận. Nhưng quả thật cô thường gay gắt tới mức bất cứ người nào cũng chợt có lần nghĩ cô đã nghiêm khắc thái quá với Mary.

Nhưng Mary rất hiểu, Arles nghiêm khắc với em là bởi cô lo sợ người ta sẽ đưa em vào phòng hơi ngạt bất cứ lúc nào nếu em không nhanh tiến bộ.

Mary tự tay thắt dây ruy băng thay chiếc băng tang lên gậy chỉ huy của Arles Bizet.

### 3.

Kể từ đó Klaus trở thành tổng chỉ huy cho cả dàn nhạc nam và nữ.

Và rồi..., đến một ngày xe lửa không còn tới nữa, khói từ giàn hoả thiêu cũng không còn bốc lên.

Ai nấy đều cảm nhận được chắc hẳn đang xảy ra một sự đổi thay nào đó phía bên ngoài Trại tập trung. Đúng lúc ấy dàn nhạc nhận được lệnh mặc phục trang để chuẩn bị biểu diễn.

Lát sau, họ được dẫn vào sân phía trong của khu hoả táng và thấy những tù nhân bị bắt làm trong đội hoả thiêu đã tập trung ở đó.

Trong suốt một thời gian dài, những người này đã phải làm công việc đầy đờng loại của mình vào phòng hơi ngạt, rút những chiếc răng vàng, cạo lấy tóc từ những thân xác vô hồn trở ra, liên tục ném những xác người vào trong lửa. Và để vĩnh viễn bịt miệng các tù nhân ấy, cái ngày người ta bắt họ bước theo con đường của những người đã chết cuối cùng đã tới rồi.

Họ biết mình sẽ được nghe những giai điệu cuối cùng trên dương thế.

Dàn nhạc biểu diễn cho họ nghe liên một tiếng đờng hồ, sau đó tù nhân mã số B54678 đại diện tiến đến bắt tay Klaus và toàn bộ thành viên dàn nhạc.

Các thành viên đội hoả thiêu đều sụt sịt khóc, nhưng khi bắt tay dàn nhạc trên môi họ luôn là những nụ cười. Người tù nhân nắm chặt tay từng thành viên trong dàn nhạc như thể gửi lời chào tạm biệt kiếp này. Không tìm ra từ ngữ nào để đáp lại, các thành viên dàn nhạc chỉ biết lặng im nắm lấy vai anh ta và gật đầu chào.

“Anh Klaus, mọi người, cảm ơn mọi người. Nhờ có màn biểu diễn của các bạn mà chúng tôi đã quên đi nỗi sợ hãi. Những thứ này, chúng tôi có giữ cũng chẳng làm được gì. Thôi thì, trước khi lính SS tới, mọi người hãy cầm lấy.”

Họ đưa cho dàn nhạc những thứ lấy được từ các xác chết ra làm quà tặng, bởi họ biết giờ đây chúng chẳng còn ý nghĩa gì với bản thân mình.

Biết đó là những món đồ trộm cắp, mọi người cảm thấy ái ngại không dám nhận, nhưng nghĩ lại thì đây âu cũng là thành ý của những tù nhân kia nên chẳng có lí do gì để từ chối.

Dàn nhạc nhận ra đây là lần đầu tiên họ chơi nhạc để xoa dịu tâm hồn của những người tù nhân ở cùng vị trí với mình, một cảm xúc ấm áp trào lên trong lòng họ.

Chiều hôm đó, Trại trưởng lão đảo tự tìm tới phòng âm nhạc.

Viên Trại trưởng say mèm, lè nhè nói với Klaus.

“Công việc giết chóc kết thúc rồi. Hãy cho tôi nghe nhạc.”

Tất cả thành viên dàn nhạc chơi bản “Ave Maria” theo đúng nguyện vọng của Trại trưởng.

Cuối cùng, những giọt nước mắt lăn dài trên má y, y lấy tay che chúng lại.

Nhìn cảnh đó Klaus biết mọi chuyện đã kết thúc, tất cả sẽ có được tự do. Đồng thời ông cũng thấy rằng, phải chăng những chủ nhân của chốn này cũng luôn chờ đến ngày được giải phóng khỏi cái địa ngục do chính chúng tạo nên.

Chẳng bao lâu sau, việc rút quân khỏi Trại tập trung bắt đầu.

Các thành viên dàn nhạc bị gọi đi mỗi người một nơi, họ không còn cơ hội được gặp lại bạn bè nữa, chỉ trong ngày hôm đó đã có vô vàn số mệnh mới được sắp đặt cho họ.

Chẳng biết từ lúc nào, họ đã ôm trong lòng nỗi sợ với việc được trả tự do, họ sẽ bị chia tách khỏi những người bạn của mình. Giữa những thành viên dàn nhạc là mối dây liên kết hình thành sau một thời gian dài sống trong hoàn cảnh đặc biệt, nguy hiểm tính mạng rình rập sau lưng, cùng nhau vượt qua đau thương và buồn khổ. Vậy mà hiện thực trở trêu, từng người từng người một cứ thế biến mất từ lúc nào không rõ.

Klaus xông vào phòng Trại trưởng.

“Ông định đưa dàn nhạc đi đâu? Dù có rút khỏi nơi này đi nữa, tại sao họ lại bất chợt biến mất như thế!”

“Klaus, cậu làm tốt lắm. Cảm ơn cậu đã hết lòng làm việc vì Đức Quốc Xã chúng ta. Ngày mai, cậu cũng về Berlin luôn đi. Tôi sẽ sai cấp dưới tiễn cậu tới nửa đường, còn thì tôi cũng không biết Berlin giờ ra sao nữa...”

“Tôi không làm việc vì Đức Quốc Xã. Tôi là chỉ huy dàn nhạc, ít nhất tôi cũng muốn tiễn họ. Tôi muốn ông để tôi ở lại tới phút cuối cùng, và chỉ cho tôi nơi họ phải đến.”

“Như vậy không được, Klaus. Sáng sớm mai cậu sẽ xuất phát. Chúng tôi sẽ giữ cậu ở đây cho tới sáng mai.”

Trại trưởng ngậm điếu thuốc lá, hất cằm ra hiệu cho mấy tên lính SS đưa Klaus đi.

“Ông làm gì... Dừng lại ngay. Chuyện này là thế nào!?”

Klaus bị hai tên SS khoá tay lôi đi xềnh xệch rồi bị nhốt vào phòng biệt giam.

Sáng hôm sau, Klaus thấy một chiếc xe ô tô đen rất to giống với cái đã đưa ông tới đây đang chờ sẵn. Trại trưởng cùng đám lính SS đứng nhìn Klaus rời khỏi cổng Auschwitz.

Trong lòng Klaus vẫn đau đáu về số phận những thành viên dàn nhạc...



## 4.

Lính Đức rút khỏi, một phần cơ sở của Trại tập trung bị phá huỷ để xoá bỏ chứng cứ.

Không rõ Edyth, Rosa, Mary ra sao, Leo và Hannah sau đó bị đưa tới Trại tập trung Bergen-Belsen, nằm ở vị trí xa hơn về phía Bắc trong lãnh thổ Đức.

Nơi này còn chẳng so sánh được với Auschwitz.

Do không có lò thiêu nên người chết bị bỏ mặc, không có bánh mì cũng không có phòng bệnh, những khu trại không có mái che, mưa dột thẳng xuống, có đi đâu đây lại là ngu ồn nước tuy ít ỏi nhưng cần thiết để giúp con người có thể kéo dài sự sống. Gọi nơi này là nơi gần nhất với cái chết cũng chẳng quá lời.

Không biết còn bao nhiêu ngày nữa mới đến ngày được giải phóng, nhiều người có triệu chứng bị mất nước và bỏ mạng.

Hannah tìm kiếm Leo trong miền kí ức đang dần nhạt nhoà đi của mình.

Em nhớ về các bí kíp trong tình yêu mà ngày xưa em và chị gái từng nói chuyện...

Em có cảm giác rằng chẳng cần phải ở trong cung điện nguy nga, em đã hiểu đầy đủ về cách yêu của Mozart ngay tại Auschwitz.

Trong đầu em văng vẳng “Bản hoà tấu violin số ba”.

Em nhớ về sự thanh thản khi chơi bản nhạc ấy, nhớ về niềm vui khi gửi đi những tín hiệu tình yêu từ vị thế của một nữ nhân, nhớ về những ngày mà trái tim em mang theo muôn vàn xúc cảm của một người con gái bình thường. Thế rồi những kí ức và cảm xúc đó dường như tự nhiên tan biến vào làn sương mù trắng xoá.

Em chợt tỉnh khỏi cơn mê rồi lại chìm vào nó.

Kì lạ làm sao, trong giấc mơ ấy, người luôn xuất hiện không phải cha mẹ em hay ai khác, mà lại là Leo.

“Có ai còn sống không?”

Đột nhiên em nghe thấy giọng nói rất lớn của vài người đàn ông.

Tiếng gọi trong làn sương mờ ảo dần tiến lại gần, cuối cùng nghe thấy rõ mồn một ngay bên cạnh.

Hannah mở mắt như vừa sự tỉnh.

Em cố gắng cử động nhưng không thể nhúc nhích dù chỉ một chút. Hannah nghĩ cuối cùng cũng đến lúc người ta giết mình rồi, nhưng đúng giây phút này em chẳng sợ chết, em chỉ muốn được nhẹ nhõm mà thôi.

Em mong họ nhanh chóng giết mình, chỉ cố cử động con người trong đôi mắt đang mở lớn.

Dù muốn cất tiếng kêu nhưng cổ họng em khô rát và chẳng có âm thanh nào phát ra cả.

Em nhận ra những giọng nói vang lên gần mình không phải là tiếng Đức, em ngờ ngợ phải chăng có ai đó đến cứu mình, nhưng em thậm chí đã chẳng còn sức lực để tiếp nhận niềm hi vọng ấy.

“Có người sống!”

Một người đàn ông tìm thấy Hannah vẫn đang nhắm mở mắt liên tục liên hồi hét lên với ai đó.

Người đàn ông đỡ lấy Hannah, cố gắng đổ nước vào miệng em, nỗ lực để uống nước em cũng không còn nên nước cứ thế trào hết qua khoé miệng.

Hannah chỉ cảm nhận được dòng nước lạnh, và riêng đi đâu đó thôi cũng đủ khiến em thấy như mình được sống lại rồi. Người đàn ông ngậm nước trong miệng mình rồi mớm sang cho em từng chút, từng chút một.

Việc đó lặp lại tới lần thứ ba, chiếc mũ của lính Anh cuối cùng đã phản chiếu trong đôi mắt trống rỗng của cô bé.

“Chúa ơi...”

Từ khoé mắt Hannah, dòng nước mắt trào ra lăn dài xuống má.

Người lính Anh vui mừng, vừa lặp đi lặp lại rằng Hannah đã được cứu, anh ta vừa dựng Hannah ngẩng thẳng lên một chút, đặt lưng em tựa vào đùi của mình.

Anh lính dùng miệng mở nắp bi đông của chính mình, đổ nước vào miệng Hannah, và em cứ thế uống một cách say sưa. Hannah uống nhiều

đến nổi suýt bị sặc, cơ thể em hồi phục tới mức có thể cử động được ít  
nhiều.

Rồi cứ thế em được đoàn lính khiêng đi, khi tỉnh dậy em thấy mình  
đang được truyền nước trong phòng bệnh.

## 5.

“Em đã được tự do rồi.”

Viên bác sĩ người Mỹ tiến tới nhẹ nhàng nói với em.

Cùng với sự vui mừng là một nỗi buồn đau lớn lao ập tới vây quanh Hannah. Cha mẹ và chị gái em đã mất rồi, em trai và ông giờ không biết ra sao. Em chỉ còn lại một mình.

Nằm trên giường bệnh và được truyền dịch, Hannah cất tiếng khóc oà. Em không rõ từ giờ mình phải sống ở đâu, sống thế nào nữa.

“Tên em là gì?”

Dường như bác sĩ đang hỏi đi đâu gì đó, em không hiểu ngôn ngữ của ông. Đoán rằng có lẽ ông ấy đang hỏi tên mình, Hannah đáp lại.

“Hannah. Hannah Janssen. Klaus, ông có biết Bürger Klaus không?”

Người bác sĩ ghi chép gì đó rồi rời khỏi giường bệnh.

Khoảng hai ngày sau, vợ chồng Klaus tới phòng bệnh thăm Hannah. Nhìn thấy Hannah gầy đến mức chỉ còn da bọc xương, bà Klaus gục xuống khóc.

“Con đã phải chịu những khổ đau khủng khiếp đến nhường nào. Chúng ta đã kể ta nghe hết tất cả rồi. Cô gái bé bỏng của ta... Con giỏi lắm.”

Vợ chồng Klaus luôn ở bên cạnh giường bệnh của Hannah cho tới lúc em có thể ăn được. Sau đó, một lần nữa Hannah lại trở về nhà Klaus nương nhờ.

Nhưng, nhà Klaus là nơi chất chứa quá nhiều kỉ niệm của cả gia đình Janssen.

Khi nhìn thấy chiếc đàn nhỏ của Andrew, Hannah vô thức bỏ chạy ra khỏi căn nhà.

Chỉ cần nghe thấy tiếng nhạc là Hannah bịt tai lại và hét lên. Chiếc đàn violin của em cũng đã được trả về toàn vẹn, nhưng em không mở nắp hộp đàn lần nào nữa.

Có thể thấy rõ rằng tinh thần em đã hoàn toàn suy sụp.

Vì Hannah, bà Klaus thay đổi tất cả những thứ đập vào mắt, chẳng hạn như rèm cửa, thảm trong bếp, thậm chí là vị trí các đồ vật gia dụng trong nhà. Nhưng Hannah cứ liên tục vò đầu bứt tóc từ công vào, hét toáng lên và đứng chôn chân một chỗ.

Thấy Hannah vẫn bị giam cầm trong nỗi sợ, bà Klaus ôm ghì em vào lòng.

“Chiếc xe màu đen đang tới. Nó tới để bắt con.”

Hannah run rẩy trong vòng tay bà Klaus, lặp đi lặp lại những lời như mê sảng.

“Hannah.”

Bà Klaus chỉ biết kêu lên thảng thốt trước tình trạng của Hannah.

Ông Klaus thay vợ mình ôm lấy Hannah đang hoảng sợ tột độ.

“Không có ai đến bắt chúng ta nữa. Hannah, mọi việc kết thúc rồi.”

Klaus thuê tầng hai của một khu tập thể gần nhà làm phòng cho Hannah ở.

Ông treo rèm cửa ren màu hồng, và trang trí căn phòng với nhiều màu sắc ấm cúng, sáng sủa nhất có thể. Và rồi, ông đặt hộp đàn violin của Hannah trong một góc hành lang gần cửa ra vào.

Cuộc sống mới của Hannah đã bắt đầu.

Bà Klaus rủ Hannah xuống phố đi mua sắm với mong muốn em mau chóng trở về với cuộc sống bình thường.

Khi xuống phố, âm nhạc phát ra từ khắp các cửa hàng. Mặt Hannah dần dần tái đi, cơn buồn nôn chóng mặt ập đến, khiến em khụy xuống. Bà Klaus cảm thấy tình trạng có vẻ nguy kịch liền đưa Hannah tới gặp bác sĩ thần kinh.

Vị bác sĩ phụ trách đưa bà Klaus và Hannah vào phòng khám.

Ông để bà Klaus ngồi ở ghế chờ phía sát tường phòng khám và yêu cầu bà hãy theo dõi buổi nói chuyện của ông với Hannah. Ông nghĩ cách làm đó giúp cho người bảo hộ có thể biết được những thông tin quan trọng từ chính bản thân người bệnh.

Sau khi thăm khám một lượt, bác sĩ lấy ra một băng ghi âm.

“Hannah, theo như lời phu nhân Klaus nói, cháu bị mắc chứng sợ hãi với âm thanh. Cháu đã phải trải qua một hoàn cảnh đặc biệt trong suốt thời

gian dài. Vì cháu đột ngột thoát khỏi những căng thẳng hằng ngày lúc trước nên ngược lại, cháu bị rối loạn thần kinh tự trị. Tuy nhiên, cháu không cần phải lo lắng. Nhất định một lúc nào đó cháu sẽ tìm lại được bản thân. Bây giờ, để tìm xem những âm thanh nào khiến cháu khó chịu, ta sẽ bật cái băng này lên. Nếu cảm thấy khó chịu, cháu hãy giơ tay phải lên nhé.”

Tiếng chim hót, tiếng sông chảy róc rách, tiếng ồn ào xe cộ...

Chỉ sau một lát, Hannah thấy buồn nôn và giơ tay phải.

Tiếng trẻ con chơi đùa, bản “Tiếng xuân” của Johann Strauss II...

Hannah lập tức bịt tai lại, hét lớn, em đứng bật dậy khỏi ghế, chạy ngay tới chỗ bà Klaus đang ngồi ở góc phòng khám, rồi úp mặt vào đầu gối và oà lên khóc.

Nhìn tình trạng ấy, bà Klaus chầm chậm lắc đầu, khoé miệng run run, bà ôm chầm lấy Hannah và vỗ nhẹ lên mái tóc của cô bé.

“Thưa bác sĩ, đứa trẻ này lúc đương tuổi dậy thì đã phải trải qua nỗi khổ đau khủng khiếp vượt ngoài sức tưởng tượng của chúng ta. Người Đức chúng ta từ nay về sau phải làm sao để bù đắp cho những con người như vậy?”

“Một chuyện khó khăn thừa phụ nhân. Chúng ta đang nhắm mắt trước lịch sử. Nói như vậy có nghĩa là chính chúng ta cũng đang tổn thương về tinh thần. Từng người chúng ta phải biết nỗ lực không nhắm mắt làm ngơ và nâng cao nhân tính trong mình để chuyện này không bao giờ xảy ra nữa. Không, không chỉ riêng người Đức. Nếu có cơ hội khiến tất cả con người trên khắp thế giới cùng suy ngẫm về điếu đó, thì nhất định mọi người sẽ nghĩ xem mình phải làm gì để thế giới được hoà bình, bởi vì con người không hề ngu ngốc.”

Vị bác sĩ cũng rất đau lòng khi chính bản thân mình là một người Đức.

“Để làm được điếu đó, chúng ta không thể làm ngơ mà cần phải vạch trần tội ác diệt chủng do Phát xít gây ra. Có điếu, tất cả những người Do Thái và Ba Lan tới chỗ tôi, họ không có ý định nói nhiều về quá khứ. Cần phải có thời gian. Hối thúc ngay lúc này e rằng sẽ không hay. Việc tôi có thể làm hiện nay chỉ là cố gắng chữa trị cho cô bé Hannah đang ở ngay trước mắt.”

Bà Klaus vẫn ôm lấy Hannah, bà vừa gật đầu lia lịa vừa rơi nước mắt.

“Vâng, vâng. Đúng là vậy, thưa bác sĩ. Nhất định Hannah sẽ khỏi thôi...”

## 6.

Nhưng mãi mà họ vẫn không tìm ra cách nào giúp Hannah hồi phục. Chỉ có ngày tháng cứ thế trôi đi.

Hannah vẫn đóng cửa sổ và rèm từ sáng, mỗi ngày đều sống trong căn phòng tách biệt không tiếng động. Bà Klaus ngày ngày mang đồ ăn tới, bà còn cần theo mấy tờ tạp chí không liên quan gì đến những chuyện đã diễn ra và đọc cho em nghe.

Hannah vẫn lui tới chỗ bác sĩ mỗi ngày, khi đi em luôn nút tai lại.

Họ chỉ nói những câu chuyện vô thưởng vô phạt và thế là buổi đi đâu trị kết thúc.

Cuộc sống khép kín với thế giới của Hannah trôi qua được hai tháng, bà Klaus bắt đầu nghĩ dường như Hannah đã khuây khoả được chút ít rồi chẳng, bởi có một hôm, khi bà tới thăm, Hannah đã nói chuyện với đôi mắt sáng lên lấp lánh.

“Cô Klaus, cứ đến sáng là lại có mùi thơm lắm.”

“Ừ, đúng rồi đấy, Hannah. Ở gần đây có một xưởng bánh mì. Những chiếc bánh mới ra lò có mùi thơm lắm đấy. Ngày mai con có muốn đi ra đó cùng ta không? Ngay gần đây thôi.”

Bà Klaus mừng rơi nước mắt. Bà mau chóng trở về nhà rồi lập tức gọi điện cho bác sĩ.

“Vậy à, vậy là trái tim Hannah đã bắt đầu hướng ra thế giới bên ngoài rồi. Tạm thời phụ nhân cứ để cô bé đeo bịt tai đi đến xưởng bánh mì xem sao.”

Dù là qua điện thoại nhưng bà Klaus nhận thấy bác sĩ dường như cũng rất vui mừng.

“Tôi hiểu rồi. Tôi sẽ liên lạc lại ạ.”

Sáng hôm sau, Hannah cùng bà Klaus đến thăm xưởng bánh từ sớm.

Từ xưởng bánh phía bên kia đường, mùi bột mì được nướng, mùi bơ và mùi mứt ngọt toả ra ngào ngạt. Người thợ bánh trong xưởng lôi những chiếc bánh mì ra khỏi lò, bọc một cái vào giấy rồi đưa cho Hannah.

“Đây, một chiếc vừa ra lò. Tiêu thư cẩn thận kéo bị bỏng.”



“Bánh mì vốn nóng và mềm thế này ạ? Thơm quá.”

Hannah cắn thử một miếng.

“Ôi. Ngon quá, chú à. Con có thể mua năm cái về không ạ? Cô Klaus?”

“Hannah muốn mua bao nhiêu cũng được. Cô cũng mua năm chiếc về.”

“Được rồi, tổng là mười cái. Tiêu thư, cô lại đến đây nhé, bất cứ lúc nào cũng được.”

“Cảm ơn chú ạ.”

Hannah mỉm cười.

Vậy là em mua năm chiếc bánh mì bơ mang về phòng. Bà Klaus vừa vào tới phòng liền tiến lại buộc chéch một bèn tấm rèm hồng lên và mở hé cửa sổ.

“Hannah, con đến bên cửa sổ đi nào. Mùi từ tiệm bánh vẫn còn phảng phất tới tận đây này. Cứ tận này mà mở cửa sổ ra là con sẽ được tận hưởng mùi thơm ấy.”

Hannah rụt rè tiến về phía cửa sổ, tới nơi em hít một hơi thật sâu. Một mùi thơm ngọt ngào theo cơn gió xuân dịu dàng lọt vào qua cửa sổ.

Kể từ hôm đó, cứ tám giờ sáng Hannah lại mở hé cửa sổ phòng.

Một ngày nọ, Hannah vừa nhâm nhi chút bánh mì bơ vừa ngắm nhìn quang cảnh đường phố từ ô cửa sổ hơi hé mở, đúng lúc đó một chú bọ câu trắng đậu lại trên khung cửa và nhìn về phía Hannah.

Gù, gù, gù.

Con chim rung rinh cổ họng, cất tiếng kêu.

Hannah bẻ một chút bánh mì đặt lên lòng bàn tay. Chú chim bọ câu vươn cổ ra mổ lấy mẫu bánh rồi đập cánh phành phạch bay đi mất.

Bắt đầu từ hôm đó, cứ tám giờ hơn, con chim bọ câu trắng lại tới cửa sổ phòng Hannah.

Hannah đặt tên cho chú chim là “Gù Gù”.

“Tên người sẽ là Gù Gù. Ngày mai hãy đến nữa nhé. Ta sẽ mua sẵn bánh mì.”

Gù Gù đã giúp cánh cửa trái tim đang khép kín của Hannah rộng mở. Cùng với chú chim Gò Gò, Hannah không còn bận tâm tới tiếng xe ô-tô bên ngoài nữa. Chẳng biết từ bao giờ Hannah đã có thể tự mình đi tới tiệm bánh mì mua bánh cho Gò Gò, em cũng không còn phải bịt tai nữa.

“Bác sĩ ơi, Hannah đã làm bạn được với con chim b ồ câu vẫn đi đầu đàn tới phòng con bé mỗi ngày. Nhờ thế mà bây giờ con bé đã có thể tự đi ra ngoài một mình mua bánh mì cho chú chim ấy rồi, bác sĩ ạ.”

Bà Klaus vui mừng báo ngay cho bác sĩ qua điện thoại.

“Vậ à, vậy thì tốt quá. Nhưng, chúng ta không thể đoán trước được chuyện gì đâu, thưa bà. Hãy trông chừng cô bé thêm một thời gian nữa.”

Tuy nhiên, khi Hannah ra phố mà bỏ miếng nút tai, em vẫn không thể tiếp nhận được âm nhạc, cô bé phải bịt tai lại để không nghe thấy âm thanh phát ra từ những chiếc đĩa và ng ửi thụp xuống ở giữa đường.

Chính bản thân Hannah cũng thấy rằng chuyện này hoàn toàn không ổn. Nhưng dù có nóng vội thế nào thì cơ thể Hannah vẫn một mực không chịu tiếp nhận âm nhạc.

Cho tới một ngày, Hannah dần hết quyết tâm tự mình xin đi nghe hoà nhạc. Em nghĩ rằng biết đâu mình sẽ khỏi bằng liệu pháp gây sốc tinh thần.

“Không được. Không việc gì phải vội cả. Nhất định một đi ều gì đó sẽ tới với cháu như khi cháu gặp chú chim b ồ câu...”

Bác sĩ không đồng ý, nhưng với suy nghĩ phải làm gì đó để cải thiện tình trạng của bản thân, Hannah không chịu nghe theo lời ông mà đã đi tới buổi hoà nhạc.

Em chọn ng ửi dây ghê cuối cùng, nơi không phải nhìn thấy dàn nhạc.

“Eine Kleine Natchtmusik”\* của Mozart được chơi mở màn. Hannah đang đeo miếng bịt tai nhưng một chút âm thanh vẫn lọt vào tai em qua kẽ hở, nhờ vậy mà em biết dàn nhạc đang chơi bài gì. Bóng hình những nhạc công phản chiếu trong màu nâu tối, cứ như sự vật ở một thế giới khác xa xôi.

Bản nhạc thứ hai họ chơi là “Giai điệu trên dây Sol” \* của Bach\*. Nhận ra đây là bản nhạc mà mẹ thích, Hannah hơi nhấc bịt tai ra. Âm thanh chạm

gần tới Hannah hơn, nước mắt em tự nhiên rơi xuống.

Em có thể nghe được.

Em có thể nghe được nhạc. Khi nhắm mắt, Hannah có thể cảm nhận giai điệu từ những âm thanh.

Tuy không có đủ dũng khí để tháo hẳn nút tai, em vẫn nhắm mắt, cảm nhận âm thanh, nhớ về những tháng ngày hạnh phúc thời thơ bé. Em nghĩ tới Andrew, đứa em trai nhỏ đến nay vẫn chẳng có manh mối gì. Em hiểu, có lẽ cả Andrew và ông đều đã không còn trên cõi đời này nữa. Em cũng biết mọi người xung quanh chắc đã biết chuyện nhưng không ai đành lòng nói cho em. Tuy nhiên, chính bản thân em cũng không muốn nghe cái kết cục đúng như mình dự đoán nên em đã không dám hỏi han bất kì ai.

Chiếc nút tai bên trái được rơi lỏng ra ban nãy bỗng rơi bộp xuống nền nhà, đột nhiên, Hannah nghe thấy bản “Hành khúc Radetzky” vang lên với âm lượng cực lớn.

Hannah bịt chặt tai lại, gào lên thật to rồi ngất lịm.

Cả hội trường náo động trước sự cố vừa xảy ra, buổi biểu diễn bị hoãn lại. Hannah được đưa tới bệnh viện trên xe cứu thương, vợ chồng Klaus cùng vị bác sĩ đi đầu trị cho em vội vàng tới bệnh viện. Hannah được tiêm một liều thuốc an thần mạnh và chìm vào giấc ngủ.

## 7.

Kể từ đó, Hannah không tới chỗ bác sĩ đi điều trị nữa, em cũng không tới cửa hàng bánh mì, cửa sổ phòng em lại một lần nữa bị đóng chặt.

Không thèm chải chuốt mái tóc, suốt cả một ngày Hannah chỉ đi lại loanh quanh trong phòng với bộ đồ ngủ như người mắc chứng mộng du. Bà Klaus có đem đồ ăn đến cũng không tìm được bất cứ cơ hội nào để trò chuyện với Hannah, đành phải miễn cưỡng ra về. Trái tim Hannah đã khép chặt hoàn toàn.

“Phu nhân Klaus, cứ thế này tình trạng của Hannah sẽ chỉ càng ngày càng xấu đi. Thứ lỗi cho tôi, xin bà hãy trộn chút thuốc này vào bữa trưa của cô bé. Sau đó một tiếng, nhờ bà mở khoá phòng Hannah.”

Bác sĩ đề nghị bà Klaus nghiền thuốc tác động tâm thần thành bột rồi trộn vào thức ăn bà nấu cho Hannah. Nói xong, bác sĩ trao thuốc cho bà.

“Vâng, tôi hiểu. Xin nhờ cậy cả vào bác sĩ.”

Sau khi ăn, mắt Hannah mờ đi, chân bắt đầu lảo đảo, vì vậy em mới chịu nằm xuống giường.

Vị bác sĩ cặm theo một chiếc đài đọc băng, cùng với vợ chồng Klaus nhẹ nhàng bước vào phòng Hannah. Căn cứ vào những lời tường thuật về tình hình của Hannah tại buổi hoà nhạc, bác sĩ đã thu bản “Giai điệu trên dây Sol” vào băng, ông lại gần gũi Hannah và bật nhạc với âm lượng nhẹ nhàng.

Vợ chồng Klaus đứng đó trông chừng.

Từ khoé mắt Hannah, nước mắt chảy xuống gò má.

Vị bác sĩ kề sát mặt mình bên cạnh Hannah, ông quan sát kĩ từng cử động nhỏ trên gương mặt cô bé. Vẫn nhắm mắt, Hannah bắt đầu nói với bác sĩ.

“Bác sĩ, cháu xin lỗi. Cháu không biết mình phải sống thế nào nữa. Cháu ước gì lúc đó mình được chết cùng mọi người.”

“Hannah...”

Nghe thấy vậy, vợ chồng Klaus liền đưa khăn mùi xoa lên thấm khoé mắt.

“Bác rất hiểu những gì cháu nói. Không chỉ mình Hannah bị thế này. Cháu được chọn để sống. Có việc cháu cần phải làm.”

Bác sĩ gõ nhẹ lên ngực Hannah và nói.

Do tác dụng của thuốc mà Hannah cảm thấy giọng nói ấy như đang vọng lại từ nơi xa, tựa lời răn từ trên trời cao dội xuống.

“Hôm nay cháu hãy ngủ thật ngon, ngày mai tất cả chúng ta hãy cùng tới Auschwitz. Nơi đó là khởi điểm cho con tim của cháu. Hãy trở lại điểm khởi đầu ấy một lần nữa và nhìn sâu vào trong trái tim mình. Nhất định sẽ có đi đâu gì đó được sinh ra từ nơi ấy.”

“... Chúa ơi... con sợ lắm...”

“Có gì mà sợ chứ. Tất cả chúng ta sẽ cùng đi.”

Bà Klaus ng ồi xuống bên cạnh Hannah, nhẹ nhàng vuốt trán và tóc em.

Nước mắt lại chảy dài xuống má Hannah. Đôi mắt vẫn nhắm nghiền, Hannah khẽ gật đầu.

Đã lâu rồi Hannah mới lại ngủ sâu đến thế, em đón buổi sáng với tâm trạng nhẹ nhõm đến lạ kì.

Trước giờ em vẫn dùng rèm cửa để chắn ánh sáng mặt trời, nhưng ngày hôm ấy rèm cửa đã được tháo ra nên ánh mặt trời rọi thẳng vào gương mặt Hannah, ánh sáng chói chang làm em thức giấc.

Em nghe như có ai đó thì thầm bên tai mình “Hãy về lại Auschwitz”. Nghĩ đi nghĩ lại, em vẫn không hiểu nổi vì sao chính bản thân mình lại có suy nghĩ ấy. Nhưng cũng chẳng rõ tại sao, trong lòng Hannah không lạ lẫm cũng không sợ hãi, trái lại, em còn thấy mình hơi hơi muốn đến Auschwitz là đằng khác.

Một lúc sau, vợ chồng Klaus bước vào phòng.

“Cô Klaus, con đã ngủ quên từ lúc nào không hay. Hình như lúc đó, con đã mơ... Có ai đó nói với con hãy trở về Auschwitz,... nghe như tiếng mẹ con đang gọi...”

“Chúng ta sẽ đi với con, Hannah. Tất cả mọi người cùng đi nhé.”

“Hannah, con hãy mang theo cây đàn violin này đi. Con hãy đeo nó lên lưng như ngày con đặt chân đến Auschwitz ấy.”

## 8.

Vợ chồng Klaus, bác sĩ và Hannah đứng trên mảnh đất Auschwitz.

Tấm biển “Lao động là con đường dẫn tới tự do” được treo trước cổng Trại tập trung vẫn trơ trọi ngửa mặt lên trời, khu trại nơi có phòng âm nhạc và những khu trại gỗ đầu đã sụp đổ, chỉ còn một phần khu trại bằng đá cùng nền móng lưu lại mà thôi.

Đường ray tàu lửa không còn được dùng nữa đã hoen gỉ thành màu nâu đỏ, hai bên rìa cỏ dại mọc um tùm phủ kín cả đường ray.

Không còn con đường mà hàng trăm nghìn người lao động đã đi, trên mặt đất rộng đìu hiu, hoa anh túc nhiều màu đang nở rộ, thỉnh thoảng cả vạt đoá hoa khẽ rung rinh trong cơn gió đầu hè.

Cũng không còn cột khói xám xịt che phủ bầu trời nữa, thay vào đó là bầu trời xanh và mây trắng.

Chỉ còn những ống khói vươn lên trơ trọi như thể bị bỏ lại dưới bầu trời, những ống khói đã từng thiêu rụi số người không thể nào đo đếm.

Hannah đứng chôn chân lặng lẽ nhìn khung cảnh ấy.

Em không thể nhớ nổi khung cảnh nơi mình đã sống trước đây. Từ ngày ấy, hoa anh túc đã nở nhiều thế này rồi ư? Lúc đó em dồn toàn bộ sức lực chỉ để sống sót, em có cảm giác mình chẳng khi nào quan sát khung cảnh thiên nhiên ở xung quanh cả. Màu nâu đen của những khu trại, tấm áo tù nhân dơ bẩn của mọi người, bầu trời ngập khói... Trong khung cảnh ấy em không nhớ có bất cứ màu sắc nào rực rỡ như đỏ hay vàng.

Nếu vậy, lẽ nào đống hoa anh túc này là do ai đó gieo trồng và chăm bón?

Trái tim Hannah bình yên đến lạ.

Em không còn cảm thấy niềm hận thù sâu sắc hay nỗi buồn đau lớn lao nào nữa.

Klaus bước vào đống hoa anh túc của Auschwitz, từ đây có thể nhìn thấy cổng trại. Ông tìm được một phiến đá nhỏ, ngửa xuống đó và lấy cây đàn cello ra.

Rồi ông lặng lẽ kéo bản “Ave Maria”, dịu dàng cất tiếng hát như mời gọi Hannah cùng tới.

Hannah lặng thinh không cất nổi lời.

Em tin chắc những đoá hoa anh túc này chính là linh hồn của những người đã mất.

*Trong số đó có bố, mẹ, có Andrew và ông nội, mọi người đang động viên mình. Mình không đưa tiễn mọi người đi trong sự chế giễu. Có lẽ sứ mệnh của mình là làm yên lòng linh hồn của vô số người mắc kẹt lại nơi đây và tiễn đưa họ về trời.*

Arles, người phụ nữ sống đầy kiêu hãnh cùng âm nhạc. Câu chuyện “Kì tích Bando” mà Klaus đã kể cho em nghe. Tên ác quỷ Hans đã rơi lệ trước bản “Ave Maria” em biểu diễn. Edyth, Rosa, Mary... và Leo. Gương mặt bạn bè lần lượt hiện lại trong tâm trí em như lòng đèn kéo quân, lòng em bỗng ngập tràn nỗi biết ơn tất cả. Biết ơn việc em đã tới đây và được sống sót trở về.

*Mình vẫn còn việc phải làm ở nơi này.*

Hannah vội vàng lấy chiếc đàn violin ra khỏi hộp, chạy tới chỗ Klaus đang ngồi. Em bắt đầu kéo đàn chơi bản “Ave Maria”, đưa tiếng đàn của mình hoà cùng với tiếng cello vang vọng.

Từ đôi mắt của bà Klaus, những giọt lệ cứ liên tiếp trào ra không thể nào dừng được.

“Ôi... con bé đã cầm violin rồi kìa, bác sĩ.”

Vị bác sĩ mỉm cười và gật đầu đầy tin tưởng.

“Việc đi điều trị đến đây là hoàn tất. Chúng ta lại chiến thắng quân Phát xít nữa rồi.”

## 9.

Những ngày sau đó, ngày nào Hannah và Klaus cũng chơi “Ave Maria” ở cánh đồng hoa anh túc cho tới gần chiều muộn, phải, giống như những ngày tháng khi họ chơi nhạc đón đoàn người lao động cưỡng bức trở về.

Tiếng nhạc họ chơi theo gió bay xa tới tận ngôi nhà của những người dân trong vùng.

Chuyện đó tiếp diễn đến mấy năm, người ta bắt đầu khao nhau thành tin đồn, rồi cứ thế những thành viên còn sống của dàn nhạc năm xưa trở về tụ họp lại, một người, hai người rồi đến cả chục người, họ cùng nhau biểu diễn giữa cánh đồng hoa anh túc.

Trong số những người trở về ấy có Edyth và Leo.

Leo lúc đó cũng giống như Hannah, được lính Anh cứu sống. Sau đó, để quên hết những gì đã xảy ra, cậu tìm tới nước Mỹ, đất nước của tự do. Và rồi, cậu đổi tên mình thành một cái tên kiểu Mỹ.

Bản hoà tấu “Ave Maria” của mười người lưu lại, vắng trong tai những du khách tới thăm Auschwitz.

Chỉ mấy chốc, tin tức về những thành viên trong dàn nhạc đã sống sót qua thảm hoạ diệt chủng lan rộng mạnh mẽ, họ được mời tổ chức biểu diễn.

Hannah được Leo cứu một lần nữa, họ bắt đầu cùng cất bước như hai con người yêu thương nhau qua âm nhạc. Cuối mỗi buổi diễn, Hannah nhất định sẽ chơi bản “Largo Espressivo” của Pugnani.

Giai điệu của bản nhạc ấy gọi cho Hannah nhớ về gia đình mà em từng có, một quá khứ buồn thương nhưng rất đổi ngọt ngào.

Đến một ngày kia, hoa anh túc lại tới mùa nở rộ, Hannah không chơi bản “Largo Espressivo” sau khi chơi xong bản “Ave Maria” giống như bình thường.

“Hannah?”

Leo nhìn Hannah.



Hannah ng ồi chơi đàn trên chiếc ghế nhỏ, chiếc đàn vẫn nằm trên vai Hannah, nhưng cô không cử động nữa.

Gương mặt Hannah nở một nụ cười mãn nguyện, bởi dường như cô đã hoàn thành xong sứ mệnh của mình.

Cô đã gửi đi khúc nguyện h ồi cho tất cả những người từng trở thành vật hi sinh ở Auschwitz.

“Hannah! Hannah! Em vẫn chưa chơi xong bản Largo cơ mà? Chúng ta vẫn chưa thực hiện ước mơ được tới Bando cùng tất cả mọi người mà?”

Gương mặt Leo đ ần đ ỉa nước mắt.

Vừa khóc, Leo vừa nhẹ nhàng đỡ cây đàn violin khỏi vai Hannah.

Thế r ồi, cây đàn violin Hannah đã chơi đ ều đặn mỗi ngày ấy được đặt tên là “Cây vĩ cầm Ave Maria”, và Leo tặng nó cho viện bảo tàng Auschwitz.

# **Chương V**

## **KALZAS VÀ LEO**

1.

“Đó là tất cả câu chuyện về ‘Cây vĩ cầm Ave Maria’ này.”

Ông Kalzas ngừng lời, như thể đã hoàn thành xong một sứ mệnh.

Tôi và chú Kiyohara thần thờ mất một lúc lâu.

Mặc dù không nghĩ sẽ có một câu chuyện vui vẻ phía sau cây đàn này, nhưng những gì vừa nghe bị tráng gập nhiều lần những gì chúng tôi có thể tưởng tượng.

“A!”

Chú Kiyohara chợt kêu lên, rút cây đèn pin chiếu qua khe chữ S của “Cây vĩ cầm Ave Maria”.

Nhưng ánh sáng không rọi vào sâu bên trong được.

Nếu đúng như những gì ông Kalzas vừa kể thì nhất định lá thư của mẹ Hannah nằm sâu trong hộp đàn. Chú Kiyohara nhờ người làm việc trong hội trường cho mượn một dây kim loại dài mảnh, dùng nó nhẹ nhàng khều vật ở bên trong.

Quả nhiên bức thư của mẹ Hannah được lấy ra từ đó.

Mặt trước bức thư vương lại vết nước mắt đã khô, còn mặt sau dính vết máu đen trông như dấu vân tay của người mẹ.

Bức thư đã trải qua bao thời gian, trông như có thể bị rách bất cứ lúc nào. Vì vậy, không ai mở bức thư ra và gửi nó lại cho Viện bảo tàng Auschwitz để họ lưu giữ.

“Cây vĩ cầm Ave Maria” không còn cất lên được những thanh âm kếp nữa.

“Hannah và Leo yêu nhau vậy tại sao lại không lấy nhau ạ?”

“Đúng như Asuka nói nhỉ. Nhưng ta nghĩ đến một lúc nào đó chắc cháu sẽ hiểu thôi. Vì không lấy nhau mà họ lại càng gắn kết với nhau sâu đậm hơn trong thế giới của âm nhạc đấy.”

Ông Kalzas vừa cười vừa trả lời.

“Người Nhật các cháu được nhà thơ Whitman của Mỹ gọi là ‘người dân cõi tiên bồng’. Người cõi tiên bồng có khí chất kiêu hãnh, mang tinh thần cao đẹp tràn đầy lòng dũng cảm và từ bi. Âm nhạc cứu rỗi chúng ta khỏi trái tim tà ác, ta nghĩ đây chính là món quà mà Chúa đã ban tặng cho chúng ta, để có thể nuôi dưỡng những tâm hồn cao đẹp. Người thầy dạy violin cho lũ trẻ ta gặp ở Carnegie Hall cùng sự trợ giúp của người vợ Đức đã nuôi dạy hàng trăm ngàn đứa trẻ cõi tiên bồng trên thế giới. Thú vị quá phải không?”

Ông Kalzas nói tiếp rằng một người Đức tên Hitler đã tạo ra địa ngục, trong khi một người phụ nữ Đức khác lại cùng một người Nhật liên tiếp sinh ra những đứa trẻ ở chốn tiên bồng.

“Những cuộc chiến tranh sắc tộc còn tồn tại trên thế gian này và những vụ khủng bố gây chấn động thế giới vẫn đang tạo ra những địa ngục mới. Thay vì đưa súng, hãy đưa nhạc cụ cho những người này, khi các nền văn hoá được sẻ chia với nhau cũng sẽ là lần đầu tiên những đứa trẻ của họ trở thành ‘người dân cõi tiên bồng’, thế gian sẽ đón chào nền hoà bình thật sự.”

“Nhưng, ông Kalzas, nên làm thế nào để thực hiện điều đó ạ?”

“Ừ, phải đấy. Thế cháu nghĩ sao nào?”

Cố gắng hết sức gom góp những kiến thức vốn dĩ tôi không có, tôi suy nghĩ rất nghiêm túc theo cách của mình.

“... Một đội nhạc sẽ đột kích vào chiến trường, những người lính xuất hiện từ chiếc xe tăng diễu tấu nhạc thay cho đại bác. Ngày nào cũng như vậy, họ còn chơi cả những bài dân ca của nước địch. Nếu có thể nhấn chìm họ trong âm nhạc, tẩy não khiến họ không thể sống được nếu không có âm nhạc, thì chẳng ai còn ý chí tham gia chiến tranh nữa, đúng không ạ?”

“Thật là một phương án đáng giật mình, nhưng có lẽ cũng thú vị đấy. Văn minh không thể cứu rỗi thế giới, nhưng văn hoá thì có thể. Chắc chắn thế. Tất cả phụ thuộc vào trái tim con người mà thôi.”

Chú Kiyohara cười và nói.

“Âm nhạc, cơm ăn, công việc và một nền giáo dục hoà bình! Asuka, cháu phải luyện tập chăm chỉ để không thua Hannah.”

“Đúng rồi, ông Kalzas, chúng ta hãy mang cây đàn này đến Bando đi ạ.”

Nếu nói ra sẽ làm đứt mạch kể nên ban nãy tôi giữ im lặng, nhưng địa danh Bando nơi Klaus từng bị bắt làm tù binh là ở Tokushima, nơi tôi sống. Đương nhiên hiện nay không còn Trại tập trung nào nữa, nhưng tôi nghĩ sẽ thật tốt nếu có thể đưa cây violin của Hannah đến đó.

Trước đề nghị của tôi, có lẽ ông Kalzas cũng cảm nhận thấy việc cây đàn của Hannah được trao lại cho một cô gái sống ở Tokushima như tôi là một đi đâu gì đó tựa như duyên số. Ông hứa với tôi sẽ tập hợp toàn bộ thành viên dàn nhạc còn sống. Ông sẽ bảo tất cả mọi người cùng tụ họp ở Bando vào mùa hoa anh túc nở.

“Nhưng ông Kalzas này, sao ông lại biết rõ câu chuyện của Hannah vậy ạ? Ông có quen biết với họ sao...”

Đáp lại thắc mắc của chú Kiyohara, ông Kalzas chỉ nói “Rồi cậu sẽ hiểu”, vì thế cả chú Kiyohara và tôi đều không thể tọc mạch hơn.

## 2.

Ông Kalzas phải quay trở lại với việc tập luyện nên chúng tôi chia tay ông ở phòng chờ và rời khỏi Osaka.

Tôi không cho rằng mình không có ngày mai, và ngày mai hoà bình của hôm nay vẫn sẽ tiếp diễn, chẳng thể nói nếu không luyện tập hôm nay thì không sống nổi.

Dẫu vậy, nếu suy nghĩ rằng việc tập luyện hôm nay thật phiền hà nên để đến ngày mai, thì tôi sẽ không thể trở nên tài giỏi như Hannah.

Tôi thấy nếu thế thì việc tôi giữ “Cây vĩ cầm Ave Maria” này chẳng có ý nghĩa gì.

“Asuka, con đã có được chiếc đàn của cô gái tên Hannah đó, nên nhất định phải luyện tập nhiều hơn nữa đây.”

Trên đường về Tokushima, tôi nghĩ ngợi nhiều thứ, đa số những câu hỏi đặt ra đều không có câu trả lời, thế rồi mẹ bắt chuyện làm cắt ngang dòng suy nghĩ ấy.

Do quá chăm chú suy nghĩ, lại còn cảm thấy nguy cơ câu chuyện sắp biến thành một buổi thuyết giáo từ giọng điệu của mẹ nên tôi đã bật lại với thái độ có phần gai góc.

“Mẹ yên giùm con chút.”

“Yên cái gì, chuyện này rất quan trọng.”

Nếu là bình thường, tiếp sau đây nhất định sẽ là một cuộc cãi vã. Nhưng nhận ra sẽ chẳng thay đổi được gì nếu chúng tôi cứ cự qua cự lại như vậy, tôi tự động nói lời xin lỗi.

“Con hiểu chuyện này rất quan trọng, nhìn vậy chứ con cũng đang suy nghĩ nhiều lắm. Con biết mẹ có đi đâu muốn nói, nhưng trong lúc con còn đang nghĩ, dù mẹ có nói gì thì cũng chỉ khiến con không để những lời ấy vào tai. Vậy nên, mẹ hãy cho con thêm chút thời gian để từ từ suy nghĩ.”

“Ừ, đúng là vậy. Mẹ cũng có lỗi khi cứ thúc ép con quá. Con đã đến tuổi có thể tự mình suy nghĩ rồi.”

Một cuộc nói chuyện khác hẳn mọi khi.

Chú Kiyohara đang ng ỡ quan sát màn đối đáp của hai mẹ con tôi bỗng làm động tác “Chờ chút” và nhận trách nhiệm tiếp nối câu chuyện từ đoạn đó.

“Con người ai cũng có một sứ mệnh của riêng mình, Asuka. Cháu giờ là chủ nhân của “Cây vĩ cầm Ave Maria” này. Cây đàn này đã đến bên cháu chứ không phải chú, chúng ta cần nghĩ rằng cháu sinh ra trên đời này với một sứ mệnh đặc biệt. Nhất định cháu sẽ trở thành một “người dân cõi tiên b ồng” xuất sắc.”

Tôi lắng nghe chăm chú những lời chú Kiyohara nói và ngoan ngoãn gật đầu.

“Mẹ ơi, con muốn lên Tokyo học đàn. Con biết mẹ muốn con trở thành bác sĩ, nhưng con muốn đối diện với đàn violin nghiêm túc hơn bất cứ lúc nào.”

“Không sao, mẹ sẽ nhờ thầy để con được theo học đàn ở Tokyo.”

Mẹ tôi không phản đối.

Đương nhiên, mẹ cũng không tán thành tuyệt đối, nhưng mẹ đang cố gắng thấu hiểu lòng quyết tâm nghiêm túc của tôi.

Sau hôm đó, tôi cố gắng sống mỗi ngày thật ý nghĩa, không ghét bỏ đi ều gì, làm hết những thứ trong khả năng có thể.

Tôi không rõ mình đã hiểu việc được sống một ngày trong hoà bình có ý nghĩa quan trọng đến thế nào hay chưa.

Nhưng, dù không diễn tả được bằng lời, tôi vẫn cảm nhận được đi ều đó bằng cảm tính.

Tôi chỉ toàn nghĩ tới âm nhạc gần hết cả một ngày, ngay sau khi trở về từ Osaka, tôi có một bài kiểm tra trên lớp tệ hại.

Nhưng đây là lần hiếm hoi mẹ tôi không nổi giận vì chuyện đó.

Mẹ đã nói với tôi, khi tôi có thể biến những rung cảm rõ rệt của trái tim thành v ốn liếng của mình, thì dù nó không thể hiện bằng điểm số, những rung động ấy cuối cùng sẽ là hạt giống nảy nở ra đi ều gì đó rất lớn lao, hơn cả thành tích của một lần kiểm tra.

Mục tiêu mẹ nhắm tới hoàn toàn chính xác, điểm kiểm tra của tôi thể th ảm là thế nhưng bản “Ave Maria” tôi chơi lại bắt đầu có những âm thanh

khá mượt mà. Vấn đề không phải ở kỹ thuật, mà việc nghe câu chuyện của Hannah đã khiến tôi chơi được những giai điệu hay hơn.

Tôi từng nghĩ mẹ tôi cần nhẫn quá nhiều, nhưng giờ thì tôi hiểu, mẹ muốn cho tôi cảm nhận nhiều đi đâu nên đã luôn tính trước mọi thứ cho tôi.

Tôi từng sợ mẹ biết được mình không phải thiên tài, nhưng mẹ vốn từ lâu đã biết tôi chỉ là một cô bé bình thường. Mẹ một lòng một dạ cố gắng hết sức hướng tôi theo nghiệp bác sĩ, để tôi có thể bước đi trên một con đường vững chắc dẫn tới tương lai.

Hiểu ra được những đi đâu ấy, tôi nghĩ bụng quả nhiên tôi không thể nào đối đầu được với mẹ và vui vẻ nhận phần thua.



### 3.

“Asuka, có chuyện này tuyệt lắm.”

Một ngày gần cuối năm, mẹ vừa nói chuyện điện thoại xong đã chạy ngay lên phòng tôi, thậm chí quên cả việc đặt lại ống nghe cho ngay ngắn.

“Có chuyện gì thế ạ?”

“Vừa rồi, chú Kiyohara gọi điện kể mẹ nghe một chuyện tuyệt vời lắm. Phải đến tận hè năm sau cơ, nhưng con có thể tham gia loạt lễ hội âm nhạc Budapest ở Hungary, lễ hội âm nhạc Vienna hay Salzburg ở Áo, và một vài lễ hội ở âm nhạc ở Đức không?”

“Sao ạ?”

Theo những gì mẹ kể, mọi chuyện bắt đầu từ lúc chú Kiyohara hỏi thăm trên một đài phát thanh ở Ba Lan để biết được thêm chi tiết về “Cây vĩ cầm Ave Maria”, trước khi chúng tôi gặp ông Kalzas.

Dường như đài phát thanh đã nhận được rất nhiều nguyện vọng muốn nghe âm thanh của “Cây vĩ cầm Ave Maria” từ những thánh giả từng nghe câu chuyện về cây đàn ấy. Vì vậy, họ gửi lời yêu cầu biểu diễn thông qua chú Kiyohara.

“Còn nữa nhé, nghe nói chương trình đã được lên kế hoạch đưa nhiều trẻ em trên thế giới cùng tham gia, nên họ muốn con biểu diễn trong chương trình với tư cách là một thành viên của đoàn. Con sẽ chơi bản ‘Ave Maria’ ở đó.”

“Nói vậy lẽ nào là chơi solo ạ?”

“Đương nhiên rồi. Con tập tành cho nghiêm túc vào.”

Thấy tôi bất ngờ đến không thốt nổi nên lời, mẹ cười toe và nhắc tôi một câu như thường lệ.

Những buổi tập sau đó trở nên khắt khe hơn rõ rệt.

Yêu cầu của thầy cũng rất cao, phần thể hiện âm nhạc, phần thể hiện cảm xúc, tất cả các hạng mục kiểm tra đầu chi tiết đến mức chưa từng

thấy. Tôi cũng ý thức được việc sẽ có người nghe nhạc mình chơi nên tính qua loa đại khái cũng được loại bỏ dần từng chút.

Tôi vẫn tiếp tục các bài tập đơn giản, kiểu như chơi đi chơi lại một đoạn hết lần này tới lần khác, và đến mùa hè, tôi bay sang châu Âu.

Trong đoàn lưu diễn có khoảng mười người, ngoài Nhật, còn có những đứa trẻ đến từ Mỹ, Canada, Anh, Úc, Đức, Pháp, Thụy Sĩ, Trung Quốc.

Đương nhiên bọn tôi không hiểu ngôn ngữ của nhau.

Nhưng nhờ có thứ ngôn ngữ chung đặc biệt là âm nhạc nên chẳng mất mấy thời gian để chúng tôi trở thành bạn bè.

Những người lớn trong đoàn thấy rất khó hiểu, không biết làm thế nào mà chúng tôi hiểu ý nhau, làm thế nào mà chúng tôi có thể diễn ngon ơ dù hầu như không tổng duyệt, bất chấp việc mỗi đứa nói chuyện bằng một thứ tiếng khác nhau.

Vào ngày cuối cùng của chuyến lưu diễn, một sự kiện đã xảy ra trong buổi công diễn của chúng tôi ở Tu viện St. Stephen của Áo.

Đã qua mấy lần biểu diễn, đây lại là buổi công diễn cuối cùng nên mọi người có chút thư thái hơn.

Lần này chúng tôi không biểu diễn trong hội trường mà là trong nhà thờ. Tôi cảm thấy căng thẳng trước sự uy nghi của Đại thánh đường rộng lớn và những tấm kính màu tuyệt đẹp, một khung cảnh tôi chưa từng được thấy ở Nhật.

Âm thanh rất vang nên dù chỉ mắc một lỗi nhỏ thôi cũng sẽ bị nhận ra ngay.

Chuyến lưu diễn thành công vang dội trong mấy ngày liên tiếp, khiến đến buổi cuối cùng, số lượng người đến nhà thờ đông hơn hẳn, thậm chí những người không có chỗ ngồi đứng cả ở bên ngoài, người ta phải nhanh chóng mở luôn cổng lớn của nhà thờ, biến sự kiện này thành buổi biểu diễn công khai.

Buổi diễn bắt đầu với bản “Allegro” của Fiocco\*, tiếp đó là chương trình đồng diễn với “Hoà tấu violin cung La thứ, chương một” của Vivaldi\* khúc “Minuet” của Boccherini, “Hợp ca thợ săn” của Weber\*,

khúc “Minuet số hai” của Bach, màn hoà tấu bài “Twinkle Twinkle Little Star”, “Canon” của Pachelbel, “Khúc hát trên bờ biển”\*, “Quê hương”\*.

Khi những đứa trẻ bốn tuổi đứng trên sân khấu biểu diễn, đặc biệt là trước khi bọn trẻ bắt đầu biểu diễn, những tiếng trầm trồ thán phục và vỗ tay vang dội đã nổi lên. Sau phần biểu diễn của bọn trẻ, không chỉ dừng lại ở những tràng pháo tay mà xen lẫn trong đó là những tiếng kêu “Bravo” và thậm chí là tiếng dậm chân vang lên hồi lâu mới dứt.

“Và xin kính thưa quý vị,…”

Ngài thị trưởng thành phố Vienna đứng lên, tạm thời khiến đám đông khán giả đang reo hò lắng xuống.

“Ngay sau đây, màn biểu diễn cuối cùng sẽ là sự xuất hiện của ‘Cây vĩ cầm Ave Maria’. Bản nhạc được chơi đương nhiên sẽ là ‘Ave Maria’ của Schubert.”

Ngài thị trưởng chưa dứt lời, khán giả đã đồng loạt đứng lên, tạo nên làn sóng vỗ tay rần rần như một cơn bão lớn.

Dù có trải qua biết bao nhiêu lần, chỉ riêng khúc này tôi vẫn không thể quen được.

Lí do là bởi, ở bất cứ sân khấu nào hội trường nào, kì vọng của mọi người vẫn luôn quá lớn lao.

Tôi đứng giữa sân khấu nhà thờ, ngược nhìn tấm kính màu ở cửa vào phía xa, hít một hơi thật sâu và cúi chào khán giả.

Đúng lúc ấy, từ cánh gà bên trái, một ông lão cầm theo cây đàn cello bước nhanh lại gần tôi cùng với một người phụ nữ trung niên.

“Ông Kalzas?”

Người đang tiến về phía tôi chính là ông Kalzas.

Vì quá bất ngờ nên tôi quên mất mình đang đứng trước mặt rất nhiều khán giả và ôm chầm lấy ông Kalzas. Sau cái ôm kéo dài trong giây lát, ông Kalzas cầm lấy chiếc micro, hướng về phía khán giả và nói.

“Tôi thành thật xin lỗi vì sự đường đột này thưa các bạn. Tôi là người đã được chơi bản ‘Ave Maria’ cho đến những giây phút cuối cùng bên cạnh Hannah Janssen, cô gái đã sống sót thoát khỏi Trại tập trung Auschwitz với ‘Cây vĩ cầm Ave Maria’ này. Tên tôi là Leo Rochester.”

“... Ó? Sao cơ...!”

Dù không hiểu tiếng Anh một cách hoàn thiện thì tôi vẫn nắm được ý nghĩa những đi đầu ông Kalzas vừa nói.

Hơn tất cả khán giả ngồi ở đây, tôi mới là người bất ngờ nhất khi biết ông Kalzas chính là Leo.

“Và cô gái đứng đây là cô Sara Klaus, cháu gái của ông Bürger Klaus. Ông Klaus là người đã che chở cho Hannah, tự nguyện tới Auschwitz để bảo vệ cả gia đình Hannah bất chấp việc bản thân là một người Đức, cũng là tổng chỉ huy dàn nhạc trong Trại tập trung. Tiếp nối giai điệu từ ‘Cây vĩ cầm Ave Maria’ này, đến giữa bài chúng tôi có thể diễn tấu cùng được chứ ạ?”

Thay cho câu trả lời, lại một tràng pháo tay nữa vang lên.

Tôi là người duy nhất không ngăn nổi sự hoang mang, còn khán giả có vẻ vui mừng.

Ngài thị trưởng rơm rớm nước mắt trước sự kiện ngoài mong đợi này, ông vừa vỗ rất mạnh hai tay vào nhau ở trước ngực vừa bước lên sân khấu và nồng nhiệt ôm lấy từng người. Tiếng vỗ tay vẫn vang lên không dứt.

Sau tràng pháo tay lớn là một khoảng tĩnh lặng, tôi cúi chào lễ phép rồi đứng vào tư thế chuẩn bị đàn.

Tôi nghe thấy tiếng nuốt khan từ hàng ghế khán giả.

Tiếng đệm piano lặng lẽ ngân lên, tôi bắt đầu chơi bản “Ave Maria”.

Khác với những nơi biểu diễn khác, âm thanh trong nhà thờ rất vang.

Cũng thật buồn cười nếu nói rằng trái tim tôi được gột rửa bằng chính bài biểu diễn của mình, nhưng quả thật những âm thanh tinh tế đã được gột sạch, rũ bỏ những tà niệm đang được dẹt nên từ bàn tay tôi. Với tôi là trung tâm, những con sóng âm thanh ngọt ngào trong trẻo đang hoà tan vào trái tim mọi người.

Đến giữa chừng có thêm tiếng đàn cello và cuối cùng là giọng hát của cô Sara Klaus. Giọng hát của cô cùng tiếng đàn của chúng tôi dường như không phải thứ tồn tại trên trần thế.

Phải chăng đó là tấm lòng hướng về Chúa Trời của những người đã vượt qua những nỗi đau cùng cực nhất con người có thể chịu đựng... Bản nhạc này như đang gửi tới trời xanh những lời nguyện cầu, mong cho

muôn vàn nạn nhân vô tội được yên nghỉ ở cõi vĩnh hằng, khiến khán giả ai nấy đều phải ngăn dòng nước mắt đang chực trào ra.

Khi bản “Ave Maria” kết thúc, không có tiếng vỗ tay, cũng không ai đứng dậy khỏi ghế.

Ba người chúng tôi c ãn tay nhau, đ òng loạt cúi đ ãu chào.

Đúng lúc đó những người ở hàng ghế đ ãu tiên vừa vỗ tay vừa đứng dậy và tiến về phía trước. Thấy vậy, những người ở hàng ghế phía sau cũng đứng dậy di chuyển dần lên phía trên.

Mọi người trong hội trường đ ãu đổ dần về phía chúng tôi, tất cả đứng lên vỗ tay nhiệt liệt.

Vậy là toàn bộ các buổi biểu diễn đ ã kết thúc thành công rực rỡ.

## **Khúc vĩ thanh HANNAH VÀ ASUKA**

Sau khi chuyến lưu diễn kết thúc, tôi cùng ông Kalzas và cô Sara hướng về Auschwitz.

“Ôi!”

Giống như lần đầu tiên Hannah chơi đàn ở đây, từ đầu hè, hoa anh túc đã nở rộ phủ đầy cánh đồng hoang đìu hiu ở khu di tích Trại tập trung Auschwitz.

Trên cánh đồng không một bóng khán giả, ba người chúng tôi lại cùng đàn và hát bản “Ave Maria”.

Cuối cùng, tôi có một việc nhờ ông Kalzas và cô Sara.

“Trước khi rời khỏi đây... cháu muốn thay Hannah chơi bản nhạc cuối cùng mà cô ấy chưa chơi được.”

“Được thôi. Asuka, cháu chơi được chứ?”

“Vâng. Cháu muốn chơi cho cô ấy. Và cháu muốn chơi bài này cho ông nữa, ông Kalzas... không, ông Leo.”

Tôi nói với ông bằng thứ tiếng Anh bập bẹ của mình, trong mắt ông Kalzas, nước mắt đã trào dâng.

Đúng như tôi nghĩ, kể từ ngày Hannah đột nhiên dừng chơi đàn violin, thời gian trong ông Kalzas cũng đã dừng lại.

Cho tới khi bản “Largo Espresso” được ngân lên với cây vĩ cầm này của Hannah, kí ức Auschwitz trong ông Kalzas sẽ không kết thúc.

Tôi đã nghĩ như vậy.

**Tháng ngày xa xưa, những ngày thơ ấu,  
Con đã được là gia đình của mọi người.**

**Nụ cười dịu dàng của mẹ,  
Bố đôi lúc cục cằn nhưng luôn mạnh mẽ,  
Bà luôn lặng lẽ ôm lấy con,  
Và cả ông nữa.**

**Chị dù cơ thể ốm yếu nhưng luôn chở che cho em bằng trái tim  
tuyệt vời.**

**Andrew bé bỏng, chị đã muốn chơi với em nhiều hơn.**

**Mọi người là gia đình thân yêu của riêng con.**

**Những tháng ngày thơ bé khi con nghĩ hạnh phúc sẽ là mãi mãi.**

**Chúa Trời, nếu như Người cho phép, Con sẽ ước chỉ một đi ều thôi.**

**Xin một lần nữa, chỉ một lần nữa thôi,**

**Con mong được là con của những ngày tháng ấy.**

Khi bản đàn vừa kết thúc, dưới chân ba người chúng tôi, những bông  
hoa anh túc đỏ rạng rỡ xinh đẹp giống như Hannah, đang đung đưa khe  
khẽ.

~ HẾT ~

## **Tài liệu tham khảo**

1. *Inherit the Truth 1939-1945: The Documented Experiences of a Survivor of Auschwitz and Belsen / Anita Lasker-Wallfisch, Martin Gilbert*  
(Bản tiếng Nhật “Thiếu nữ chơi đàn cello Anita, cuốn hồi kí của một nữ tù nhân sống sót khỏi Auschwitz”, NXB Hara Shobo, dịch giả Fujishima Jun)
2. *In The Hell of Auschwitz / Judith Sternbeng Newman*  
(Bản tiếng Nhật “Sống trong địa ngục Auschwitz”, NXB Asahi, dịch giả Chikami Noriko)
3. *Musiques d'un autre monde : Preface de Georges Duhamel / Simon Laks, Rene Coudy*  
(Bản tiếng Nhật “Dàn nhạc ở đất nước chết chóc: Kì tích ở Auschwitz”, NXB Ongakunotomo, dịch giả Okubo Takaki)
4. *Arzte in Auschwitz / Friedrich Karl Kaul*  
(Bản tiếng Nhật “Bác sĩ tại Trại tập trung Auschwitz - Phát xít và Y học”, NXB Sanseido, dịch giả Hino Shuitsu)
5. “Sống với tình yêu - Tài năng không bẩm sinh”, NXB Koudansha, Suzuki Shinichi
6. “Sự cuốn hút và bí ẩn của đàn violin”, NXB Ongakunotomo, Sasaki Yu
7. “Dù có ở đâu thì nơi đó vẫn là Đức - Nhập môn về Trại tập trung Bando”, Hiệp hội nghiên cứu tài liệu lịch sử Viện bảo tàng Đức thành phố Naruto
8. *A square of sky: a war time childhood, A torch of earth: a war time childhood/ Janina David*  
(Bản tiếng Nhật “Bầu trời hình vuông, thời thiếu nữ trong chiến tranh”, “Mặt đất tự do: thời thiếu nữ trong chiến tranh, NXB Mirai, dịch giả Matsumoto Tama)



9. “*Sự ra đời một thần giáo, từ Đạo Do Thái tới Đạo Thiên Chúa*”, NXB Kodansha, tác giả Kato Taka

10. “*Gửi tới những người Nhật thế kỉ XXI, những người đọc tinh thần võ sĩ đạo ngày nay*”, NXB Maruzen, Shimura Fumio

Và các tài liệu tham khảo khác.

## **Lời tác giả**

*Cuốn sách này tôi viết cho độc giả của mọi lứa tuổi, nhưng lại được vinh dự chọn làm một trong các tác phẩm dành cho cuộc thi “Viết cảm tưởng văn học cho thanh thiếu niên toàn quốc lần thứ 60” (Hạng mục dành cho cấp trung học phổ thông). Năm nay là lần thứ 60 được tổ chức nên đặc biệt có cả phần thi dành cho người cao tuổi. Rất nhiều bài bình luận, cảm nghĩ hay về tác phẩm từ các bạn học sinh và cả những bậc lão thành được gửi đến, và giành được rất nhiều giải từ cấp Bộ trở xuống. Hầu hết các bạn chiến thắng ở cấp Tỉnh hay Thành phố đều viết cảm nhận cho tác phẩm “Cây vĩ cầm Ave Maria”. Thái tử đã tham dự buổi lễ trao giải và bữa tiệc chúc mừng, ngài còn ân cần nói chuyện với các bạn nhỏ. Tôi nhớ rằng khi tôi còn nhỏ, tác phẩm làm đề tài là “Cây đàn hạc Myanmar”. Cảm giác cố gắng hết mình để viết một bài cảm nhận tác phẩm văn học là một kỉ niệm còn lại mãi trong tim, suốt cả cuộc đời sẽ không thể nào quên được, chính vì vậy, tôi biết khi tác phẩm này được chọn, nó sẽ trở thành một phần máu thịt trong trái tim của các bạn thanh thiếu niên. Được gặp gỡ các bạn trẻ đã viết cảm nhận cho tác phẩm này, đôi với tác giả là tôi, thực sự không có giải thưởng nào tuyệt vời hơn.*

*Tiếp sau đây, tác phẩm cũng sẽ được biên dựng thành kịch bởi Đoàn Văn hoá Thành phố Takarazuka vào ngày 30 tháng Tám năm 2015. Từ năm 2016, các tác phẩm âm nhạc xuất hiện trong cuốn sách này sẽ được đưa vào các buổi biểu diễn hoà tấu trong nhà dưới sự chỉ huy của nhạc trưởng nổi tiếng thế giới Kobayashi Kenichiro và nhà sản xuất Kobayashi Sakurako. Ngoài ra tác phẩm còn nhận được sự quan tâm và được đề xuất chuyển thể thành kịch diễn cho các sân khấu quốc tế nhờ sự hỗ trợ của tổ chức Classic Live của Liên Hợp quốc.*

*Tác phẩm sẽ được sử dụng cho Tuyển tập đề bài ôn luyện bộ môn Quốc Ngữ cho học sinh cấp phổ thông trung học của nhà xuất bản Syobun, nhà xuất bản chịu trách nhiệm về sách giáo khoa ngữ văn. Tác phẩm cũng có thể được đưa vào đề thi tuyển của các trường cấp ba danh tiếng. Nhờ sự*

giúp đỡ của ông Jonathan Barrett Adams và cô Okuma Yuko, cuốn sách sẽ được dịch sang tiếng Anh và tôi rất lấy làm cảm kích khi lại một lần nữa được gặp lại Hannah, Klaus, Asuka.

Về đề tài Trại tập trung Auschwitz, ngoài các tác phẩm bạn đọc đã biết như “Nhật kí của Anne”, “Đêm tối và sương mù”, có rất nhiều các tác phẩm mà chính những người từng trải qua cuộc sống nơi đây viết lại. Càng đọc chúng ta sẽ càng đặt ra nhiều câu hỏi quan trọng cho chính bản thân mình. Việc con người chúng ta làm ngơ trước sinh mạng hay các giá trị đạo đức vẫn đang lặp đi lặp lại và lan rộng trong thế giới ngày nay. Ngay bên cạnh chúng ta, chúng vẫn tồn tại dưới những hình thức như “bắt nạt”, “ngược đãi”.

Chúng ta cần phải nhận thức được, hoà bình là thứ luôn bấp bênh như chú búp bê Yajirobe\*. Có lẽ trong chúng ta vẫn có người xem nhẹ chính trị, cho rằng dù ai lên nắm quyền cũng chẳng thay đổi gì. Những đứa trẻ dù biết bạn mình bị bắt nạt nhưng để không liên lụy đến bản thân thì vờ như không thấy. Trong cuộc sống hằng ngày, dù ít dù nhiều, luôn ẩn chứa những sự việc bất thường giống như những sự kiện ở Auschwitz. Không phải việc một ai đó lạ lòng gây chuyện ở một đất nước xa lắc thì sẽ hoàn toàn không có liên quan gì đến chúng ta.

Cô bé Hannah trong hoàn cảnh hết sức tồi tệ đã vươn lên sống can trường. Để làm được điều đó, phía sau em là tình cảm bạn bè, là những việc bắt buộc phải làm hằng ngày. Thông qua âm nhạc, trái tim biết “tha thứ” cho người Đức đã dân dân nảy nở trong Hannah. Khi cảm nhận được trời đất cỏ cây ở Auschwitz đã hồi sinh lại sau khi Trại tập trung được giải phóng, “hận thù” vốn khoá chặt trái tim và ngưng tụ thời gian của con người tự nhiên được rửa trôi. Khi đó con người sẽ tìm thấy được những việc mình cần làm, đó là “mục đích sống và sứ mệnh”. “Tha thứ” đối với Hannah chính là “tái sinh về miền đất sống, một bước tiến tới hoà bình, yên nhiên”. Biết tha thứ và giải toả hết những nỗi chất chứa trong lòng chính là điều hết sức quan trọng để có được hoà bình, và tiến về phía trước. Tôi rất mong bạn đọc cảm thụ được điều này khi đọc tác phẩm.

Trong số những người đã sống sót ra khỏi Trại tập trung Auschwitz, có rất nhiều người đã mang theo hi vọng và ước mơ. Điều này đã được tác giả cuốn “Đêm tối và sương mù”, bác sĩ thần kinh học Viktor Frankl thống kê. Trong tác phẩm này, Klaus đã trao cho các thành viên dàn nhạc Auschwitz “sứ mệnh và ước mơ” to lớn, cũng đem đến “ánh sáng hi vọng để sống sót” cho họ. Bản thân ông đã kể lại “Kì tích Bando” giống như “ước mơ” của đời mình, và xa hơn, ông còn uỷ thác giấc mơ ấy cho chúng ta trong hiện tại.

Và, liệu các bạn có thấy qua câu chuyện này, đôi khi được hoà bình không gắn liền với hạnh phúc của từng cá thể. Khi có người bạn đồng cam cộng khổ trong cùng một môi trường, thấy bản thân được cần đến, ở mức độ cá nhân đây vẫn có thể coi là hạnh phúc. Thế nhưng khi hoà bình, nếu con người cô độc và nghĩ mình chẳng có giá trị gì trong cuộc đời, thì chiến tranh hay hoà bình đôi với người đó cũng trở nên vô nghĩa. Hannah khi trở về cuộc sống hoà bình đã khiếp sợ kí ức về những gì đã trải qua, em đánh mất mục đích sống. Khi tìm lại được mục đích sống, hoà bình đã trở về trong trái tim Hannah. Những binh lính Đức ở Bando lúc đầu làm việc để lo cho cuộc sống của mình, sau đó đã biết làm việc hăng say đây hứng thú. Klaus đã nếm trải mấy năm trời sống với suy nghĩ công việc mình làm và năng lực của mình là vì người khác. Được vui cười, được tôn trọng, và đôi bên sống trong sự trân trọng những giá trị và tôn chỉ của nhau, ông đã nghĩ hoà bình thế giới chỉ cần nhân rộng nên hoà bình nhỏ bé này. Hoà bình là khi con người dành tình thương cho nhau, tôn chỉ của từng cá nhân được giữ vững, được tôn trọng, từng con người có thể sống với tinh thần đây hăng hái.

Có nhiều bạn trẻ vì được sống trong hoà bình quá lâu, không còn cảm thấy được sự nguy hiểm rình rập. Tại một điểm nào đó trong cuộc đời, khi mọi việc không như ý, họ sẽ tự huỷ hoại bản thân bởi cảm giác trống rỗng, cho rằng mình không còn cần thiết trên đời. Những đứa trẻ hiện đại như Asuka hay người bạn Ayumi của cô bé cũng như những lữ khách đang lạc lối quanh quẩn trong những khó khăn gặp phải để tồn tại, tìm ra chân giá trị và cách sống cho bản thân. Nhưng, tôi cho rằng ngoài một nhóm nhỏ những người đã có những trải nghiệm đặc biệt khi còn trẻ tuổi, thông thường, trong lúc nỗ lực sống hết mình cho hiện tại, chúng ta sẽ nhìn ra

khái niệm giá trị và phương hướng bản thân muốn đi, vì vậy hoàn toàn chẳng cần phải vội vàng.

Tôi không đơn thuần chỉ viết những chuyện xảy ra ở Trại tập trung Auschwitz và Trại tập trung Bando thành một câu chuyện giả tưởng. Chủ đề của tác phẩm này là âm nhạc. Tôi đã viết cuốn sách này với mong muốn, tác phẩm của mình sẽ đem đến một cách nhìn khác về ý nghĩa của văn hoá, xa hơn nữa, tôi mong các bạn đọc có thể cùng suy ngẫm tới sự tồn tại nên có của văn hoá âm nhạc sao cho có ý nghĩa nhất trong tương lai.

Trong Kinh thánh có đoạn nói Kinh thánh là lời của Chúa Trời. Trong đó “lời” ở đây chính là “âm thanh”. Âm thanh náo loạn, vẫn đục thì sẽ khiến tâm hồn con người náo loạn vẫn đục, âm thanh dịu dàng, trong trẻo sẽ đưa được sự bình yên hiền hoà tới với tâm hồn con người. “Lời nói” cũng tương tự như vậy. Những “lời” chất chứa sự từ bi, nhân ái sẽ cứu rỗi con người, những “lời” lạnh lùng, vô cảm sẽ làm tổn thương tới sự tôn nghiêm của con người. Chiến tranh hay hoà bình chẳng phải thực ra cũng chỉ là kết quả của sự tích lũy nhỏ nhỏ tinh thần như vậy thôi sao?

Trong tác phẩm có nhắc tới chuyến đi lưu diễn ở châu Âu của những đứa trẻ, lúc đó có một sự kiện đã xảy ra. Lũ trẻ đang đợi biểu diễn tại phòng chờ khá tối của một nhà thờ đạo Thiên Chúa. Một cậu bé người Áo khoảng mười tuổi bắt đầu chơi bản “Hoà tấu cho hai đàn violin” của Bach, một tác phẩm khá khó. Sau đó chuyện gì đã xảy ra? Những đứa trẻ với quốc tịch khác nhau bắt đầu chia bản nhạc thành các phần và chơi cùng nhau. Dù không hiểu tiếng nói của nhau nhưng qua âm nhạc, chúng đã trở thành bạn bè. Lúc đó, một tia sáng chiếu xuyên qua cửa kính màu vào phòng chờ mờ mờ tối, ánh sáng ấy làm bọn trẻ đang say sưa trong âm nhạc hiện lên rục rĩ vô cùng. Hình ảnh đáng nhớ ấy trong tác phẩm này là khung cảnh mà tôi đã được tận mắt chứng kiến.

Tôi cảm thấy vô cùng vui sướng nếu những em nhỏ sẽ gánh vác tương lai, đọc cuốn sách này được lớn lên cùng trái tim mong ước hoà bình một cách tự nhiên và tràn ngập lòng nhân ái.

*Đều cuối cùng, tôi xin được nhân đây gửi lời cảm ơn sâu sắc tới biên tập viên Furusato Manabu, người đã dẫn dắt tôi cho đến khi cuốn sách được xuất bản. Xin cảm ơn các thành viên Ban tuyển chọn tác phẩm của Hiệp hội thư viện các trường học toàn quốc đã lựa chọn cuốn sách này làm đề bài cho cuộc thi. Xin cảm ơn tất cả những bạn đã luôn mong chờ tác phẩm được ra đời, cảm ơn tất cả các bạn học sinh và những bạn đọc khắp Nhật Bản đã gửi về cho tôi những bài cảm nghĩ, tôi cũng xin cảm ơn các đoàn thể đã hỗ trợ tôi và tác phẩm này.*

*Kỉ niệm bảy mươi năm sau chiến tranh,  
Nhân dịp tác phẩm được xuất bản dưới hình thức sách khổ nhỏ,  
Năm 2015.*

ĐÂY LÀ TÁC PHẨM HƯ CẤU.  
TUY NHIÊN, NHỮNG SỰ KIỆN CHÍNH ĐỀU ĐƯỢC DỰA THEO  
CÁC SỰ KIỆN LỊCH SỬ CÓ THẬT.

# Table of Contents

Giới thiệu nhân vật

Khúc dạo đầu TÔI

Chương I ASUKA

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

Chương II GIA ĐÌNH JANSSEN

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

Chương III HANNAH

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

9.



- 10.
- 11.
- 12.
- 13.
- 14.

Khúc trung gian NGƯỜI DÂN CỠI TIÊN BỒNG

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.
- 7.
- 8.

Chương IV KLAUS VÀ HANNAH

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.
- 7.
- 8.
- 9.

Chương V KALZAS VÀ LEO

- 1.
- 2.
- 3.

Khúc vĩ thanh HANNAH VÀ ASUKA

Tài liệu tham khảo

Lời tác giả